

NAM PHONG

VĂN - HỌC KHOA - HỌC TẬP - CHÍ

NƯỚC NAM NĂM-MƯỜI NĂM NỮA THỀ NÀO? (1)

Báo *Dépêche coloniale* ở Paris nghe đầu có mở cuộc điều-tra về vấn-đề: cõi Đông-dương năm-mười năm nữa thế nào. Tôi không được xem rõ đầu đuôi, không được biết các bài trả lời thế nào. Chắc là tùy nhân-cách, tùy phương-diện của mỗi người mà mỗi bài có khác nhau. Câu chuyện là câu chuyện dự-tưởng việc tương-lai, tất là cái phần tưởng-tượng nhiều mà cái phần suy-lý ít; và trong lời suy - diễn cũng không khỏi nhiễm cái màu-mẽ ý-tư riêng của mỗi người. Vậy thời không thể cho là hoàn-toàn có giá-trị được, chẳng qua là một cuộc đoán chơi, vừa căn-cứ ở sự thực mà suy lẽ ra, vừa bâng-không kết-cấu mà vẽ-với ra, để tưởng-tượng ra một cái tình-trạng gọi là có bâng - chừng chút - đỉnh, không đến nỗi là bịa-dặt hão - huyền cả, thế cũng đã là hay lắm vậy.

Nay tôi cũng muốn cao-hứng đoán chơi việc tương-lai. Kể cũng là một cách tiên-khiên như cách khác, và nếu ngoài sự tưởng-tượng vô-bằng, lại cai-quát được cả cái tình-thế hiện-tại với cái cơ-hội tương-lai nữa, thời chuyện chơi mà có lẽ cũng không phải là vô-bổ vậy.

Song tuy là chuyện chơi mà nào có dễ đâu. Trừ muốn đặt ra một bài tiên-thuyết thì không kể, chứ muốn cho có bâng-cứ chút đỉnh, tất phải thương-

lượng nhiều điều mà hiện nay chưa thể biết nó quan-hệ thế nào. Thế - giới ngày nay dần-dần thành một cái toàn-thế lớn; những việc xảy ra ở bên kia địa-cầu, có khi ảnh-hưởng sang tận bên này, hưởng lẫn những việc bức-cận ngay ở bên mình vậy. Như việc nước Tàu, không biết rồi xoay ra thế nào, cũng là một điều đáng quan-tâm; lại như cái dịch cộng-sản nó truyền-nhiễm ra dữ-dội biết đường nào; đó là những cái nguyên-nhân biến - động, có thể sớm trưa làm điên-đảo cả những điều ta dự-tính rất đích - xác, nhiều-loạn cả những cuộc ta sắp-đặt rất tài-tinh vậy. Không kể mặt bẽ Thái-bình, có khi nổi trận phong-ba, cũng là lục-địa Âu-châu, có khi gây nên chiến-họa lẫn nữa, ảnh-hưởng sâu-xa thế nào, ngày nay khó lòng ước-lượng cho được. Trước năm 1914, ai là người dự đoán mà biết sẽ xảy ra cuộc chiến - tranh kinh thiên động địa kia, thế - giới ngày nay vẫn còn chịu ảnh - hưởng! Ấy là chưa nói đến cái phong-trào quốc-gia trong dân-gian, hiện nay nó mỗi ngày một mạnh thêm lên, mỗi ngày một truyền rộng ra, nếu không khéo khai - đạo thì có ngày nó kịch-phát lên mà không ngờ vậy.

Vả lại năm - mười năm, tức là một nửa thế - kỷ, kể cũng khi lâu và cũng khi xa vậy. Theo như lời thi-nhân nước Nam, thì một thời-kỳ đó là gồm được

(1. Nguyên-cáo bằng Pháp-văn, đăng ở báo *Tây France-Indochine* ngày 10 tháng 10 năm 1930. - Xem Phụ-trưng ở dưới này.

hai cuộc bể dâu rồi. Từ nay đến bấy giờ, cục-diện thế-giới có lẽ đã biến-đổi đến mấy lần vậy.

Nhưng ta nay đương thuyết-lý thì không nên bận lòng đến những việc xa-xôi bên ngoài. Ta cứ kết-cấu cái mộng-tương-lai của ta, như thủy-chung không có xảy ra một việc biến gì cả, và xứ này cứ tuần-tự theo con đường tiến-hóa đã vạch ra trước mặt đó, không hề có trắc-trở gì vậy. Ta nên bằng-cứ ở sự tiến-hóa tuần-tự, mà không nên trông mong ở sự bạo-động biến-cách.

Nay nước Nam cứ tuần-tự tiến-hóa thì năm-mươi năm nữa sẽ thế nào?

Cứ như con mắt ta tưởng-tượng thì cái hình-ảnh nước Nam trong một nửa thế-kỷ nữa sẽ thế nào?

Sẽ là hình-ảnh một cường-quốc Á-châu, đã hoàn-toàn khôi-phục được chính-quyền cùng quốc-thổ vậy. Từ nay đến bấy giờ nước Pháp sẽ ban cho dân ta những chế-độ tự-do, nhờ đó mà có thể sinh-hoạt theo cái đời riêng của mình, nghiêm-nhiên thành một tân-quốc-gia có địa-vị trong xã-hội Vạn-quốc. Đối với nước bảo-hộ thì cái tinh-thế cũng như nước Gia-nã-đại (Canada) đối với nước Anh vậy. Tuy vẫn thuộc trong « đoàn-thể đế-quốc » (*commonwealth*) của nước Pháp, mà vẫn giữ được cái tinh-cách, cái hình-thể quốc-gia riêng. Sẽ là một nước tự-do ở trong cái vòng-khuôn đế-quốc của Đại-Pháp.

Vì từ nay đến bấy giờ, cái chủ nghĩa cai-trị thuộc-địa tất cũng sẽ thay đổi đi nhiều. Hội Vạn-quốc chắc sẽ chủ-trương cho cái chế-độ « ủy-nhiệm » được toàn-thắng, khiến cho bao nhiêu những xứ bị nước ngoài chiếm làm

thuộc-địa sẽ đổi theo chế-độ ấy cả (1), mà việc đó tưởng trước cái kỳ-hạn 50 năm đã là sự dĩ-nhiên từ lâu rồi. Vì Hội Vạn-quốc, tuy ngày nay còn có khuyết-diểm, thiên-hạ có kẻ chê-bai, nhưng cứu-cánh rồi cả thế-giới cũng phải công-nhận là cái tòa án trọng-tài của các dân các nước vậy. Công việc nước Pháp ở xứ này coi như một cái nhiệm-vụ của Vạn-quốc ủy-thác cho, cốt là để dần dần khai-phóng cho dân-tộc Việt-Nam, thì hệ-trình-độ ta cao lên bao nhiêu, nước Pháp sẽ mở rộng quyền chính-trị cho ta bấy nhiêu, kết-quả đến cho ta được hưởng một cái chế-độ tự-trị rất rộng-rãi, gần như được quyền độc-lập vậy.

Nhưng tuy về đường chính-trị sẽ được gần như độc-lập, mà về đường kinh-tế vẫn có liên-lạc một cách mật-thiết. Cái công hiệp-tác của người Pháp người Nam từ nay đến bấy giờ sẽ gây dựng nên cơ-đồ to-tát biết dường nào. Vừa khôi-phục được một quốc-gia cho hoàn-toàn nhân-cách về chính-trị, lại vừa gây dựng trước cho quốc-gia ấy một cái nền kinh-tế thịnh-vượng không gì bằng. Nào là đường-xá, nào là cù-cống, nào là kiều-lương thiết-lộ, chạy dọc chạy ngang khắp trong nước, khiến cho những nơi rất cùng tịch cũng có vẻ phong-hậu giàu-có. Các nơi nhà quê đông-đúc ở Bắc-kỳ cũng phía bắc Trung-kỳ, sẽ khỏi cái nạn nghèo-khổ cùng những cái hại nó đi liền, như đói-kém, bệnh-tật, dịch-tệ. Lại những thiên-tai như ngập-lụt, như hạn-hán, cũng nhờ những công-trình lớn làm theo phép tối-tân của khoa-học đời nay, mà ngăn-ngừa được hết. Ở Nam-kỳ, thì số sản thóc gạo sẽ tăng lên gấp hai

(1) Chế-độ ủy-nhiệm (*système du mandat*) là tự Tổng thống Mỹ Uy-nhĩ-đôn (Wilson) xướng ra sau cuộc Âu-chiến, hồi lập ra Hội Vạn-quốc. Theo cái chế-độ này thì các cường-quốc không được chiếm-lĩnh đất nước ngoài làm thuộc-địa của mình, chỉ những xứ nào người dân còn kém chưa thể tự-trị được, thì Hội Vạn-quốc « ủy-nhiệm » cho một cường-quốc trông nom cai-trị hộ, mà Hội Vạn-quốc vẫn giám-đốc, khi nào có tư-cách tự-trị được, thì cho tự-lập.

gấp ba bảy giờ. Trung-kỳ thì những đất cao-nguyên phi-nhiều sẽ mở ra để chăn nuôi các súc-vật cùng trồng-trọt các giống cây có lợi. Bắc-kỳ thì không chỉ chuyên về một nghề làm ruộng nữa, vì một nước chỉ có một nghề không khỏi nguy-hiểm, bấy giờ sẽ hết sức khai mỏ, vì các khoáng-sản trong nước phong-phú vô-cùng; nhà máy sẽ mở ra khắp mọi nơi để chế-hóa các sản-vật đem ra xuất-cảng; các công-nghệ mới lập ra cũng nhiều, dùng nhân-công càng ngày càng đông, mà nhân-công bấy giờ thì vừa khéo-léo, vừa khôn-ngoa, có luật-lệ đặt ra chu-đạo để bênh-vực giữ-gìn cho khỏi những sự tệ-lạm.

Nói-tóm lại thì nhờ cái công hiệp-tác của người Pháp người Nam, trước khi nước Nam được bước lên cái trình-độ cường-quốc đời nay, sẽ qua một thời-kỳ kinh-tế đại phát-đạt, tức là thời-kỳ dự-bị cho thành quốc-gia hoàn-toàn vậy.

Trong cái công-cuộc hiệp-tác đó, cố-nhiên là phải bảo-thủ cho lợi-quyền người Pháp được hoàn-toàn, không những thế mà lại phải biệ-t-đãi cho được phần hơn nữa. Và lợi-quyền người Pháp người Nam bấy giờ sẽ mật-thiết liên-lạc với nhau, khó lòng mà phân-lia ra được.

Nước Nam được độc-lập về đường chính-trị, mà về đường kinh-tế lại giàng-buộc với nước Pháp khăng-khít hơn bây giờ. Người ta thường nói đời này kinh-tế muốn lẫn cả chính-trị. Nếu câu nói ấy là đúng, thì cứ tuần-tự tiến-hóa, nước Nam mà được độc-lập về đường chính-trị, thì nước Nam vẫn là được lợi nhiều, mà nước Pháp cũng không phải thiệt chi, có lẽ lợi hơn cũng có, mà lại được cái lòng ơn-nghĩa của cả một dân-tộc nhờ mình mà khôi-phục được một cái tổ-quốc thịnh-vượng phú-cường vậy.

Nhưng ảnh-hưởng của nước Pháp về đường tri thức tinh-thần, về đường văn-minh học-văn mới thật là sâu-xa hơn cả. Năm-mươi năm về trước chẳng qua là một cái thời-kỳ người Việt-Nam mới tiếp-xúc với văn-minh Tây-phương, mới học-tập những tư-tưởng cùng học-thuyết của Tây-phương, còn là bác-tập khó-khăn mà cũng chưa thấu-hiểu được hết. Năm-mươi năm sau này mới thật là cái thời-kỳ nhập-diệu, không những về phương-diện người Nam, cả về phương-diện người Tây nữa, bấy giờ thời những lý-tưởng của Tây-phương và Đông-phương sẽ tham-bác mà điều-hòa với nhau vậy. Người Việt-Nam sẽ học được của nước Pháp những phương-pháp phê-bình nghiên-cứu đích-đáng, kiêm cả cái trí tinh-nhuệ (*esprit de finesse*) cùng cái trí khúc-triết (*esprit de géométrie*), đem cái luận trực-giác (*intuitionnisme*) tuyên-chuyên mà chế cho cái luận duy-lý (*rationalisme*) nghiêm-khắc, rồi dùng những phương-pháp đó mà khảo-sát về căn-nguyên lịch-sử, tôn-giáo, tư-tưởng, mĩ-thuật của nước mình, cùng những kỷ-cương luân-lý làm bản-lĩnh cho cá-nhân cùng dân-tộc mình, những chế-độ xã-hội chính-trị đã làm cho quốc-gia mình được lâu-bền thuần-tuỳ vô-cùng. Nhờ sự kê-cứu được thâm-trầm và có phương-pháp đó, sẽ toát-yếu được những nguyên-tố của một cái văn minh đã qua bao nhiêu thế-kỷ rồi, không thể để cho mất đi được, nhưng phải nhờ sự tiếp-xúc với thế-giới đời nay mà cải-hóa duy-tân đi vậy. Cái công duy-tân đó là sự-nghiệp của những lớp người hiện đương ra đời bây giờ, cùng những lớp người kế-tiếp sau này, đều là chịu ơn giáo-hóa của nước Pháp cả. Sự giáo-hóa đó sẽ tiêm-nhiễm sâu, không bao giờ gột rửa đi được, và dù xảy ra sự gì mặc lòng, những người đó cũng vẫn là « con tinh-thần » (*fils spirituels*) của nước Pháp vậy. Cái thanh-khi về

đường tri-thức đó nó giàng-buộc người ta rất bền-chặt, chẳng có sự phân-liã nào mà phá tan cho được.

Điều đó có lẽ ít người để ý đến. Cái giấy liên-lạc về chính-trị nó giàng-buộc nước Pháp với nước Nam, hoặc có ngày giãn ra được. Cái giấy liên-lạc về kinh-tế và nhất là cái giấy liên-lạc về tinh-thần thì không bao giờ đứt đứt hẳn được.

Văn-minh nước Nam sau này sẽ in dấu-hiệu của nước Pháp, cũng như xưa kia đã in dấu-hiệu của Cồ-Chi-na vậy.

Nay cái văn-minh duy-tân đó rồi sẽ như thế nào? Ta đã nói: sẽ dung-hòa được cả cái tinh-hoa của Âu Á. Thế là cái mộng bình-sinh của tôi bấy giờ sẽ thực-hành được, cái mộng mà từ khi tôi mới biết đem tư-tưởng suy-nghĩ đến những vấn-đề phiền-phức trong cuộc tiến-hóa của xứ này, tôi vẫn hằng ngày hoài-bão vậy. Tôi không thể sao tưởng-tượng rằng có ngày bao nhiêu cái nguồn sâu sinh-hoạt của dân-tộc này sẽ tiêu-tán đi hết cả, tưởng-tượng rằng cái đạo Khổng khôn-ngoan kia, cái đạo Lão siêu-việt kia, cái đạo Phật từ-bi bác-ái kia, cái thi-vị thâm-trầm nó tran-chứa trong những bài dã-ca, khúc cổ-diệu của nước nhà kia, khác nào như cái hồn thơ phảng-phất của một giống vừa biết trọng thực-tế mà cũng vừa biết ham mơ-màng, đời đời cày sâu cuốc bẫm, nhọc-nhắn trên thửa ruộng của ông cha, nhưng nghe con chim oanh học nói, thoảng chút gió đông thổi qua, cũng biết rung mình mà cảm-động; tôi không thể tưởng-tượng những cái đó có ngày biến mất hẳn đi được.

Không, những cái đó không sợ mất được. Cái hương-hỏa của nó giống đó sau này sẽ sáp-nhập vào trong một cái hình-thể văn-minh mới, có in dấu tinh-

thần của nước Pháp. Sẽ gây ra một bọn thượng-lưu mới, biết điều-hòa cả tân-hóa với cổ-diễn, vừa quả-quyết theo cái phương-pháp khoa-học mới, vừa trân-trọng giữ những cốt-cách tinh-thần cũ, đã tạo-thành ra chúng ta bây giờ. Nước Nam bấy giờ vẫn giữ được toàn nhân-cách, lại tài-bồi cho mạnh thêm lên, mà vừa cứ tiến-hóa theo thời, ung - dung mà thâu-thái những cái hay cái tốt của văn-minh đời nay.

Trong cái sự-nghiệp cải-tạo duy-tân, phục-hồi lại một quốc-gia đã bao lâu bị đè nén trong chế-độ cổ-thời, nước Pháp sẽ có công to, xứng-đáng với cái lịch-sử vẻ-vang từ trước đến giờ.

Nước Nam năm-mươi năm nữa thế nào? — Nước Nam năm-mươi năm nữa sẽ là một nước tự-do phú-cường, mà đối với nước Pháp vẫn một lòng ân-nghĩa như đối với người đã có công tác-thành cho mình vậy.

Nay ta phải đem hết nỗ-lực mà đạt cho thành cái mục-dịch đó.

Cái mộng này rồi có thành sự thực được không? Đó là cái bí-quyết của tương lai, mà tương-lai còn đầy những sự mờ-ám, không thể tư-lượng được. Trên kia đã nói sau này có nhiều cái cơ-hội có thể nhất - dân làm sai cả những sự mưu-tính của ta. Nhưng nếu lời người ta nói rằng tương-lai bao giờ cũng có phảng-phất những sự mơ-màng nguyện-vọng của ta, là lời nói phải, thì ta nên ra sức mà khuyến-hướng cho nó theo cái đường lối vừa phác-họa ra đó, tưởng cũng là con đường chánh-đáng vậy. Thực ra thì tương-lai ở đây là phần nhiều thuộc ở sự khôn-ngoan của dân ta, và ở lòng quảng-đại của nước Pháp vậy.

Cơ hội ngày nay đương là lúc khó khăn: sự khôn-ngoan kia, lòng quảng-

dại này, lại càng cần lắm nữa. Còn con đường sau này, cũng lắm nông-nổi trắc-trở, có lẽ còn nguy-hiểm hơn bây giờ, hai cái đức-tính khôn-ngoa và quảng-dại đó, ta cũng phải tích-trữ lấy

cho nhiều, để cho qua khỏi được trót-lọt, ngõ-hầu mới trông thấy cái mộng kia có ngày thành sự thực vậy.

P. Q.

CHẾ-ĐỘ LẬP-HIẾN VÀ CHẾ-ĐỘ ĐẠI-NGHỊ

Người ta thường phân-biệt chế-độ lập - hiến (*régime constitutionnel*) với chế-độ đại-ng nghị (*régime parlementaire*). Hai cái kể cũng là một, nhưng cứ lấy danh-từ mà nói thì nghĩa dưới rõ hơn nghĩa trên. Dưới này sẽ giải nghĩa về chế-độ đại-ng nghị; này hãy giải nghĩa về chế-độ lập-hiến trước đã.

Chữ lập - hiến là chỉ nghĩa một chính-phủ không căn-cứ ở cái quyền độc - đoán (*arbitraire*), mà căn-cứ ở một cái hiến-pháp (*constitution*), định rõ quyền-hạn của mọi người. Tuy-nhiên, một chính-phủ muốn cho xứng đáng cái tên gọi là chính-phủ lập-hiến, thì cứ cái ý-nghĩa người ta hiểu thường, đặt ra hiến-pháp cũng chưa là đủ, hiến-pháp ấy lại phải cho rộng-rãi khoan-dung nữa. Cho nên trong lời nói thường người ta hay đem cái danh-từ « vua lập-hiến » (*roi constitutionnel*), mà đối lại với cái danh-từ « vua chuyên-chế » (*roi absolu*). Phạm gọi là chính-phủ lập-hiến, thì quân-chủ phải công-nhận rằng quyền mình có giới-hạn, phải cam-doan tự mình tôn-trọng hiến-pháp và bắt-buộc dân cũng phải tôn-trọng. Vậy thì chính-phủ lập-hiến là chính-phủ có hiến-pháp làm căn-bản, mà hiến-pháp ấy lại rộng-rãi khoan-dung. Nhưng hai tính-cách ấy cũng lại chưa đủ, còn phải một tính-cách thứ ba nữa; là phân-chính-phủ lập-hiến, cho được hoàn-toàn tự-cách, phải có ba cái cơ-quan

như sau : một là một vị quân-chủ thế-tập, hai là một viện nghị-sự hoặc là di-truyền thế-tập, hoặc là ủy-nhiệm chung - thân (*chambre héréditaire ou viagère*), ba là một viện nghị-sự do dân công-cử mà có kỳ-hạn nhất-định. Sau nữa, muốn cho cái tôn-chỉ lập-hiến được chu đáo, thì các quyền định trong hiến-pháp không những phải có giới-hạn phân minh, mà lại phải sắp-đặt làm sao cho chiết-trung, cho bổ-trợ lẫn cho nhau nữa. Làm sao cho quyền-hạn được quân-bình, đó là một vấn-đề đã thảo-luận nhiều lắm. Nhưng muốn cho các quyền phải quân-bình với nhau một cách tuyệt-đối, thì không thể sao được. Trong chính-phủ lập-hiến, không thể nào dự-bị cho quyền nọ khỏi thắng quyền kia một đôi chút. Miễn là không quyền nào lấn át hẳn được quyền nào, thế đã là hay rồi. Cho nên trong khoảng quan-hệ quyền nọ với quyền kia, nói chữ quân - bình (*équilibre*) không đúng bằng nói chữ chiết-trung (*tempérament*) phải hơn. Phạm chính-phủ lập-hiến phải có một cái nguyên-tổ thuộc về bình dân lại phải có một cái nguyên-tổ thuộc về thượng-lưu, cho nên phải có hai viện, một viện chung-ng nghị và một viện quý-tộc như ở nước Anh và nước Nhật. Viện quý-tộc không tất - nhiên là phải toàn những người thuộc về quý-phái, có thể gồm cả những người có tài-danh, có

công-nghiệp, có địa-vị, có tư-bản, có phẩm-lước, có sản-nghiệp, nói tóm lại là những hạng thượng-lưu trong một nước, dù nước dân-chủ cũng có và cũng cần phải có. Cái ý đặt ra viện qui-tộc là đề tựa vào những phần-lử vững - vàng, chắc - chắn, lịch - luyện, đứng-dẫn trong một nước, mà đối lại với những phần-lử bất-thường bất-định do cách bầu - cử trong dân-chúng mà ra. Đó cũng là cái tôn-chỉ chiết-trung của chính-thể lập-hiến, nhưng thể còn chưa đủ. Đối với cái chủ-nghĩa dân-chúng công-cử, hiến-pháp lại tuyên lên cái chủ-nghĩa di-truyền thể-tập, tiêu-biểu ở ngay ngôi quốc-trưởng, và có khi khuếch-trương ra cả viện qui-tộc nữa. Nói là « có khi » mà thôi, chứ không phải thường-thường như thế. Vì như ở nước Anh vốn có những nhà qui-phái lũy-thể truyền-truyền, nên viện qui-tộc là thể-tập, chứ như ở các nước khác thì không thể nhất-luật như thế được; tỉ như ở nước Pháp, trước khi đặt chính-phủ Dân-quốc thứ ba, thì cũng có những chức nghị-viên qui-tộc, nhưng là do quốc-vương lựa chọn, mà ban cho chức ấy chung-thân mà thôi. Hồn-hợp cả bấy nhiều phần-lử lại, cho được điều-hòa với nhau, đó là cái mục - đích của chính-phủ lập-hiến. Các phần-lử đó tất thể nào cũng hơi có xung-đột với nhau, chính-phủ khôn-khéo là phải làm sao cho sự xung - đột đó không thành ra bên nọ lấn-lấp bên kia, hoặc đến hỗn-độn mất cả thể-thống.

Xem đó thì biết rằng chính-thể lập-hiến không thể nào giản - dị được, muốn cho giản-dị tất có phương-hại đến tự-do cùng trật-tự. Lập-hiến là muốn có dân-quyền (*démocratie*) mà không thiên về mị-chúng (*démagogie*), muốn giữ quân-quyền mà không thiên về chuyên-chế, muốn biệt-dãi qui-tộc mà không sợ có đặc-quyền lũng-đoan. Nghiêm lịch-sử thời biết rằng quyền

gi mà lạm-dụng cũng bị dở cả, nên muốn hồn-hợp cả cái tinh-hoa của các chính-thể lại, để mà điều-hòa hai mối tự-do với trật-tự. Muốn cho đạt được cái mục-đích đó, bèn tập hợp mà dung-hóa tất cả những cái nguyên-tổ tự-do cùng cái nguyên-tổ trật tự trong xã-hội. Sự di-truyền thể-tập ở trong gia-dinh, cái tài cán công-nghiệp riêng của người ta, sự đua tranh găng pò để tấn-tới, quyền sở-hữu cùng cái thể-lực tự-nhiên của người có tư-bản, đó là những cái nguyên-tổ mà trong một xã-hội hoàn-toàn chỉnh-đốn đều có cả. Vậy thì những chính-phủ nào thu-thập được cả những nguyên-tổ đó, lấy cái nọ chế lại cái kia, cho được điều - hòa thích-hợp nhau cả, thì chính phủ ấy tự-nhiên là cái hình-ảnh chân-chính của xã-hội.

Ấy đại-cương cái lý-thuyết về chính-thể lập - hiến như thế. Chính - thể này cốt nhất là ở sự ôn-hòa. Nhưng ôn-hòa mà không đến nhu-nhược. Quyền hành-chính trong nước là thống-thuộc ở quốc-vương, quốc-vương mới ủy-quyền cho các quốc-vụ-khanh, tức là các quan thượng-thư. Các luật ban hành ra cũng phải có quyền quốc-vương mới được. Như vậy thì trong chính-phủ lập-hiến, sự khó-khăn ở đâu mà sinh ra được? Chính ở cái cơ-quan phiền-phức đó. Dù giữ-gìn thể nào mặc lòng, không sao khỏi cho các quyền xung-đột nhau, nhân xung-đột mà có khi đến biến-loạn. Nước Anh tự vua GUILLAUME D'ORANGE, năm 1689 khéo thi - hành chính-thể lập - hiến cho đến giờ, vẫn tránh khỏi cái nạn cách - mệnh; nhưng quốc-vương với nghị-viên, viện qui-tộc với viện thứ-dân, vẫn thường xung đột với nhau, trong sử không thiếu gì. Ở nước Pháp thì những cuộc cách mệnh chính-biến lại nhiều lắm. Như cuộc cách-mệnh năm 1830 chính là bởi

quốc-vương với nghị-viện xung-đột nhau; lại cuộc cách-mệnh năm 1848, cũng vì một cơ đó, duy không rõ-rệt hơn lần trước, vì trong hai viện thì một viện vẫn tán-thành với nhà vua, còn một viện thì một phần phản-đối. Phần đó tựa vào đám binh - dân, cổ - động cho nổi lên, tuy sơ - tâm không định dấy cuộc biến-loạn, mà đến lúc nổi lên rồi không ngăn được nữa, thành ra cách-mệnh. Như thế thì chính-thể giản-dị mà chính-quyền lạm-dụng, vẫn sinh ra biến-loạn đã đành, mà chính-thể phiền-phức, muốn giảng-buộc giữ-gìn cũng thành ra các quyền xung-đột mà gây ra cách-mệnh chính-biến được. Song có thể lấy cơ đó mà nói rằng không nên theo chính-thể lập-hiến, chỉ nên lấy giản-dị mà hoặc theo hẳn về chính-thể quân-chủ chuyên - chế, hay là chính-thể quý-tộc lưỡng-đoan, hay là chính-thể binh - dân tự-trị không? Thiết-tưởng không nên thế.

Cứ lịch-sử cũng như cứ lý-thuyết, chính-thể lập-hiến tức là một cách chám-chước điều-dinh, không những điều-hòa các phần-tử trong xã-hội với nhau, mà lại là một cách hạn-chế, một cách đảm-bảo đối với quyền quốc-quân nữa. Ấy tức là ý-nghĩa những « đặc-điền » hay là « án-điền » (*chartes*) của các vua Âu-châu ban cho dân ngày xưa, khác nào như giấy hợp-dồng của vua với dân cùng ước với nhau, dân thì xin được những đặc-quyền gì sẽ hết lòng trung-thành với vua, vua thì tự nhận hạn - chế quyền mình cho dân được ít nhiều tự-do. Đây nước Pháp với nước Anh có khác nhau nhiều. Ở Anh thì chính là các nhà « nam-tước » (*les barons*) yêu-cầu được những đặc-điền đó, thủy-chung toàn có tinh cách quý-tộc cả. Không phải là bọn quý-phái nước Anh chỉ đòi lấy quyền tự-do cho mình, không để cho người binh - dân được

dự-dầu; nhưng xem ra bọn quý-phái xưa kia vẫn có nhiều đặc-quyền ở trong nước, hiện nay cũng vẫn còn, bao giờ cái thế-lực về chính-trị vẫn là to lắm, cứ xét cả lịch - sử nước Anh thì biết rằng bọn quý-phái là cái nguyên - tố chính-trị trọng-yếu nhất của nước ấy. Tuy vậy, trong hiến-pháp nước Anh cũng vẫn có chiết-trung cho các phần-tử khác được tham-dự việc nước, MONTESQUIEU phê-bình về hiến-pháp Anh đã phân-tích ra rõ-ràng lắm. Ở Pháp thì duyên-do chính-thể lập-hiến lại khác hẳn. Thường là phái trung-lưu, tức gọi là « đệ-tam cấp » (*tiers état*), nổi cách-mệnh lên mà xách vua phải đặt chính-phủ lập - hiến. Chính - thể này thí-nghiệm không được bao lâu, rồi bị đổ, mà kế đến chính-thể Dân-quốc, rồi đến chính-thể đế-quốc. Đến sau chính-thể lập-hiến lại xuất-hiện ra mà bền được đến năm 1848, thì vì căn-bản lúc mới đầu như thế nên nghiệm-nhiên có cái tinh-cách chính-phủ của một phần cao trong phái trung-lưu. Phái này vẫn là có địa-vị chánh-dáng trong xã-hội. Nhưng tự năm 1815 đến 1848, phái này tham-dự chính-quyền, chắc là về mặt dân không đại-biểu được cho khắp, và về mặt chính-phủ cũng không đủ làm cái trợ-lực chắc-chắn được. Vả lại hạng trung-lưu này tuy vẫn có nhiều tinh-chất tốt, nhưng cũng còn lắm điều khuyết-điểm, thứ nhất là chưa quen về việc chính-trị. Bọn quý-tộc ở Pháp trước kia cũng không sành về chính-trị, đời nào cũng không biết tham-dự về việc nước một cách đích - đáng, thành ra đến khi đặt chính-thể lập-hiến, thì một hạng trung-lưu ra đảm-đương hết cả, cái gánh nặng-nề mà tài thì không đủ, không thể lâu-bền được. Tuy chính-thể này, trước sau đã lắm hồi thịnh-vượng, mà cũng có lúc vẻ-vang nữa, nhưng đến khi bị khuynh-đảo, thì khuynh-đảo một cách dung-dị lạ thường. Trong việc này,

nhà sử-học cũng khó phân - biệt mà định rõ được phần trách-nhiệm của mỗi bên, của quốc-vương, của nghị-viện, của quốc-dân thế nào, cùng cái cách tổ-chức hiến-pháp có khuyết-diểm gì mà nên như thế. Nhưng có một điều nhà sử-học cũng dễ phân-tích được, là cái nguyên-nhân sô-dĩ làm sao c ãnh-thể q ãn chủ lập-hiến đặt ra ở nước Anh thì dễ mà ở nước Pháp thì khó-khăn như thế. Nước Anh nhờ có một hàng qui-phái biết dảm-dương việc chính-trị, nên cái chính-thể lập-hiến được vững-vàng bền-chặt hơn là đem chủ - nghĩa dân-chủ với chủ-nghĩa quân-chủ hỗn-hợp với nhau, khó lòng mà điều-hòa được hẳn; không những thế mà thôi, nước Anh lại quen theo cái chế-độ địa-phương phân-quyền, nên chính-thể lập-hiến cũng dễ thi - hành, vì dân các nơi đã tập quen việc chính-trị cả. Đến như ở Pháp thì bấy lâu thường lạm-dụng cái chế-độ trung-ương tập - quyền, nên nhất - ban quốc-dân không tập quen việc chính-trị. Quyền tự-do cũng phải học-tập mới biết dùng: ở nước Anh thì tự hàng tổng hàng xã đã có cái về tự-trị rồi, dân tập mãi thành quen; ở Pháp thì không được như thế. Cho nên về đường chính-trị, có lúc thì nhu-nhược, có lúc thì kịch-liệt, người ta thường cho là tại cái bản-tính quốc-dân như thế, nhưng thật là không phải.

Có điều cốt-yếu, là trong các nguyên-tố làm thành ra chính - thể lập-hiến, nên phân-biệt cho rõ phần nào là phần chân-chính đích-đáng. Ai là người không ưa cái lối chính-trị chuyên-chế cùng cái lối chính-trị mị-chúng thì tất cho rằng cần phải đặt ra cách hạn-chế để ngăn cho quyền quốc-vương hay là quyền hành-chính khỏi thành ra chuyên-chế, ngăn cho quyền nghị-viện hay là quyền lập-pháp khỏi lẫn-láp, ngăn cho trong hai

viện viện nọ đừng áp-chế viện kia. Phải làm thế nào cho quyền trong nước không thành ra độc - quyền của một bộ-phần nào trong chính-phủ. Người tri - thức, biết suy - xét, ai cũng biết rằng chủ-quyền trong nước mà để vào tay một nghị-hội thì không ra gì, các nghị-hội xưa nay không có tư-cách thống-trị cai-quản được. Dù các nước Âu-châu còn có nước giữ chính-thể quân-chủ, hay là rồi dần dần bỏ hết mà theo về chính-thể cộng-hòa cả, thì đến bấy giờ cũng không nên để cho quyền quan Tổng-thống mạnh quá, lại cũng không nên để cho quyền của Nghị-viện mạnh quá, kéo chính-thể dân-chủ mà biến ra chính-sách mị-chúng thì nguy thay. Đến khi các nước đều theo về chính-thể dân-chủ cả, trong hiến-pháp dân-chủ cũng phải có điều-độ chiết-trung mới được. Cái thuyết chiết-trung là cái thuyết của nhà đại-triết - học Hi-lạp ARISTOTE đã mượn của luân-lý-học mà chuyển đem sang chính-trị-học, thì đến khi thế - giới đều theo về chủ-nghĩa dân-chủ cả, cũng phải cần dùng đến trong cách tổ-chức các quyền chứ không bỏ được.

Nay ta thử xét xem cái thuyết lập-hiến định giải quyết những sự xung-đột thường xảy ra, là sự xung - đột của quyền hành-chính do các quan quốc-vụ - khanh tiếu-biểu với nghị - viện, hoặc một viện, hoặc cả hai viện thế nào. Khi viện dân-cử không chịu hiệp-tác với các quan quốc-vụ do quốc-vương cử ra, thì quốc - vương có kế giải-tán nghị-viện. Nhưng nếu nghị-viện giải-tán rồi mà dân lại bầu những người phản-đối với chính-phủ vào viện sau, thì quốc-vương bấy giờ phải thay đổi các quan quốc-vụ. Điều đó là điều tối-cần trong chế-độ đại-nghị.

Chế-độ đại-nghị là chính - thể lập-hiến đem đến cực-doan; có người cho

là phạm chính-thể lập-hiến tất phải có chế-độ đại-nghị mới được. Nay phần cốt-yếu trong chế - độ ấy là quyền quyết-nghị cứu-cánh phải thuộc ở nghị-viện. Nếu nghị-viện chỉ có quyền tư-vấn mà thôi, thì nghị-viện thành ra vô-lực, vì không có cách nào kiểm-sát được công việc nước cho có hiệu-lực. Các nhà chủ-trì cái chế-độ đại-nghị lại nói rằng: Các nghị-hội vẫn không nên can-thiệp đến những việc hành-chính hằng ngày, nhưng cái phương-châm chính-trị hay đỡ thế nào thì phải có quyền ưng hay bác mới được. Nghị-viện là tiêu-biểu cho cả quốc-dân, và quốc-dân bao giờ cũng có quyền thăm-xét việc chính-trị chung trong nước. Thí-dụ như nội-các muốn khai-chiến với nước nào mà phần đa-số ở nghị-viện không ưng, thì ai quyết-nghị? Tất phải để cho quốc-dân: trước phải giải-tán nghị-viện để cho quốc - dân bầu nghị-viện khác, bấy giờ quốc-dân có quyền ưng thì lại bầu người cũ lên, không ưng thì bầu người khác. Cái thuyết đó là thuyết của nước Anh vẫn theo từ xưa đến nay. Ở nước Pháp trước khi lập Dân-quốc, còn nhiều người bác cái thuyết đó cho là không hợp. Vào khoảng năm 1814-1815, hầu hết cả đảng lập-hiến (*parti constitutionnel*) ở nước Pháp, nhất là tay lãnh-tự ROYER-COLLARD còn phản-đối cái chế-độ đại-nghị. Trong mấy bài diễn-thuyết đầu của ông ở Chung-nghị-viện ông công-kích cái cách muốn đem những chế-độ chính-trị nước Anh mà thi-hành sang nước Pháp. Ông nói rằng tiêu-biểu cho quốc-dân không tất-nhiên là ở nghị-viện, lại không tất-nhiên là ở viện dân-cử hơn là ở quốc-vương. Ông cho Chung-nghị-viện chỉ có quyền bày tỏ ý-kiến mà thôi, và quyền chúa-tể trong nước phải chung-đúc cả ở quốc-vương. Quốc-vương có quyền khởi-xướng trước nhất, quốc-vương lại có quyền quyết-định sau cùng. Ông

ROYER-COLLARD cùng các chính - hữu của ông sở-dĩ chủ-trương cái thuyết đó là bởi vì hồi bấy giờ Chung-nghị-viện phần nhiều là những người thủ-cự, chính-kiến hẹp-hòi, nhất-thiết phản-đối cái phong - trào cách - mệnh đời trước, còn về phần quốc-vương thì lại có tư-tưởng rộng-rãi. Sau đảng tự-do công-nhiên bỏ cái thuyết đó mà theo về thuyết đại - nghị, chính ông ROYER-COLLARD cũng vậy; xem thế thì biết cơ-hội đã khác thì chính-kiến cũng đổi. Tuy-nhiên trong cái thuyết về chính - thể lập - hiến và đại-nghị, thủy-chung vẫn có hai cái tư-tưởng khác nhau. Một cái tư-tưởng là tóm-tắt ở trong lời cách-ngôn trừ - danh của ông THIERS rằng: "Vua làm vì mà không cai-trị" (*Le roi règne et ne gouverne pas*). Một cái tư-tưởng khác thì cho rằng vua cũng phải có phần trong việc trị nước. Những tay trừ-danh đại-biểu cho cái tư-tưởng sau đó thì có bọn ông ROYER COLLARD và GUIZOT đều cho rằng chính-phủ là phải gồm cả các quyền lớn trong nước, và quốc-vương cũng phải có phần thực-quyền về chính-trị. Còn thuyết đại-nghị thuần-túy, cho cái địa-vị quốc-vương chỉ là người đứng trên mà điều-hòa hết-thảy, thì những tay chủ-trì trừ-danh nhất là BENJAMIN CONSTANT về đời Quân-chủ Phục-hưng (*Restauration*) và THIERS về đời "Đế-chinh thắng bảy" (*Gouvernement de Juillet*). BENJAMIN CONSTANT là tay lý-thuyết. Ông cho rằng gốc của chính - thể lập-hiến là quốc-vương phải giữ địa-vị trung-lập mà các quan quốc-vụ thì phải chịu trách-nhiệm về chính-trị. Nếu nghị-viện không có ai để trách-cứ, thì quyền kiểm-sát của nghị-viện còn có hiệu-lực gì nữa? Nếu nghị-viện trách-cứ ngay ở quốc-vương được, thì tức là mở ra một cái ngòi cách-mệnh rất nguy-hiểm. Vậy thì ở giữa khoảng quốc - vương với nghị - viện phải có những tay môi-giới để làm việc và chịu

trách-nhiệm, khiến cho nghị-viện có thể trách-cứ được mà không phạm đến quốc-vương, lại khiến cho quốc-vương có thể thay đổi được mà không sợ đến cách-mệnh. Nhờ cách đó mà cái tên của quốc-vương vẫn được tôn-trọng, không phải hàng ngày đem ra để làm như cái đích cho các đảng - phái nghị-luận công-kích.

Lý-thuyết đó vẫn là chu-đảo lắm. Nhưng còn có người dị-nghị mà lấy nhiều có bác lại. Có người nói rằng cách chính-trị như thế tất sinh ra sự cạnh-tranh ngôi-vị, họ gọi là *guerres de portefeuilles*, nghĩa là các nhà chính-trị tranh nhau mà giết giết lấy chức Thượng-thư hay Quốc-vụ là chức có thực-quyền làm việc, chỉ phải đối-phó với nghị-viện mà thôi, mà đối với nghị-viện thì thường chỉ người nào ngôn-ngữ hoạt-bát là người ấy dễ được tin-nhiệm; cách cạnh-tranh như thế chỉ làm cho dao-động cuộc tri-an trong nước, và khiến cho quyền chủ-trương trong nước không được thủy-chung nhất trí. Lại có người nói rằng chế-độ đại-nghị cho các nghị-hội có quyền rộng quá, mà lệ thường các hội-đồng đông người vẫn không có tư-cách làm việc nước cho đích-đáng được. Lại có người nói rằng cách giao-phó trách-nhiệm cho các quan Thượng-thư đó, chẳng qua là hình-thức bề ngoài, chứ thực ra thì đầu trách-nhiệm vẫn là quốc-vương, cho nên những khi nổi cách-mệnh lên, người ta vẫn trách-cứ ở quốc-vương hơn là các quan quốc-vụ. Các quan quốc-vụ làm việc không được lòng dân, thì bất-quá về nghỉ một vài năm hay đi ra ngoài ít lâu để cho nó nguôi-nguôi sự xung-đột đi, chứ nếu nhà vua mà thất-dân-tâm thì đến ngôi vua diên-đảo mà phải trốn-tránh ra ngoại-quốc mới yên thân được. Lại có người nói rằng chế-độ đại-nghị thi-hành ở nước Anh thì được, vì

nước này vẫn có một hạng qui-phái thực-lực cầm quyền chính-trị, và địa-vị quốc-vương chẳng qua cũng như một chức Giám-quốc, không có thực-quyền thực-lực gì; còn như ở nước khác đã đời đời theo cái chế-độ quân-chủ, thì chủ-quyền trong nước không thể ở ngoài quốc-vương được, nếu đối với quốc-vương lại có một nghị-hội có quyền quyết-nghị nữa, mà trong khoảng giữa quốc-vương với nghị-viện lại không có một phái thượng-lưu qui-tộc có tư-cách để làm người môi-giới, để làm kế hoãn-xung, thì sự xung-đột không thể nào tránh được.

Đó là thuật lại những lời dị-nghị đối với chế-độ đại-nghị. Những lời dị-nghị ấy có chánh-đáng không? Có thể phá đổ được cái thuyết đại-nghị, cho quốc-dân có quyền cứu-cánh tai-định, và bắt các quan quốc-vụ-khanh phải chịu trách-nhiệm đối với nghị-viện, không? Thiệt - tưởng rằng không, vì nếu không dùng cái chế-độ đại-nghị thì lại thành ra cách chính-trị độc-tài chuyên-chế, quyền ở quốc-vương cả, các nghị-hội bàn-bạc điều gì, bày tỏ ý gì, quốc-vương muốn theo hay không theo cũng được. Song những lời dị-nghị ấy cũng không phải là tuyệt-nhiên không có lẽ phải. Cứ xem như chính-thể lập - hiến cùng chế-độ đại-nghị ở nước Pháp đã từng gian-nan nguy-hiểm thế nào mới gầy dựng lên được thì đủ biết vậy. Thử lập một lần năm 1830 đã thất-bại, đến lần thứ nhì năm 1848 lại thất-bại nữa. Mãi cho đến trận thua năm 1870, quốc-dân thất-vọng hẳn về nhà vua, bấy giờ mới khuynh-hướng về chính-thể cộng-hòa, nhưng cũng còn là qua nhiều nổi khó-khăn lắm mới được như ngày nay. Cho nên đừng thấy nước Pháp bây giờ là nước dân-chủ hoàn-toàn mà cho rằng cái chế-độ đại-nghị là một cái chế-độ tự-nhiên của nước Pháp, nhất-dân đã gầy

đựng ra ngay không có khó-nhọc gì vậy.

Còn như câu nói rằng « vua chỉ làm vì mà không cai-trị », thì cứ lý-thuyết có thể thế được, mà cứ thực-sự nhiều khi không giữ được như thế. Ngay ở nước Anh, đã nhiều lần quốc-vương tự cầm quyền. Nếu quốc-vương là một bậc anh-quân, có tài thông-minh, có trí quả-quyết, thì địa-vị trong chính-phủ tất là phải cao-trọng, và chính-kiến riêng của vua tất là được phần hơn. Nếu quốc-vương thực-lực eầm quyền như thế mà không làm quá đến nỗi trái với hiến-pháp trong nước, thì quốc-dân hà-tất phải làm cách-mệnh? Nếu cứ mỗi lần quốc-vương can-thiệp vào việc nước mà nghị-viện nổi lên phản-đối, lấy cớ rằng quốc-vương chỉ được làm vì mà không

được cai trị, thì chế-độ đại-ng nghị có lẽ không bao giờ thi-hành được ở nước Anh. Vì rút lại chính-thể lập-hiến cùng với chế-độ đại-ng nghị, gốc là ở sự điều hòa các quyền trong nước, chiết-trung cho được thích-hợp với nhau, và phạm chiết-trung điều-hòa thì tất phải nhượng-bộ lẫn nhau. Trong các chính-thể, không có chính-thể nào cần phải ôn-hòa, điều-độ, cân-trọng, kiên-nhẫn, bằng chính-thể lập-hiến. Nhưng nếu gồm được đủ bấy nhiêu tư-cách mà thi-hành được hoàn-toàn, thì không có chính-thể nào hay bằng chính-thể lập-hiến, vừa hợp với chính-lý, vừa hợp với nhân-tình, vừa tránh được khỏi cái họa chuyên-chế, vừa tránh được khỏi cái tật mị-chúng, là hai cái hiểm-tượng rất nguy về chính-trị vậy.

T.-C. biên-dịch



MỘT BỘ SÁCH TÂY KHẢO VỀ VĂN-MINH TÀU

Người Tàu có thể thấu-hiểu và dung-nạp được văn-minh khoa-học Thái-Tây không, đó là một vấn-đề quan-trọng, các học-giả Âu-Tây thường đề ý khảo-sát.

Trong bao lâu người ta vẫn cho dân-tộc Tàu là một dân-tộc đặc-biệt, nếp dưới bóng Vạn - lý - trường - thành, không chịu giao-thông với ngoài, chỉ khu-khu quẩn - luyến những chế-độ phong-tục cổ của mình, không biết theo đòi ngoại - quốc mà biến-đổi duy-tân. Sau thấy thời-thế xoay - vần, bắt đầu từ thế-kỷ thứ 20, thấy nước Tàu đã vào thời-kỳ khai-thông, không những khai-thông về đường buôn-bán công-nghệ với Âu-châu, mà lại khai-thông để thấu-nạp cả những lý-tưởng cùng phương-pháp về khoa-học, về kinh-tế, về chính-trị nữa. Kịp đến năm 1911 nhà Mãn-Thanh bị đổ, nước Tàu liền tuyên-lập Dân-quốc, trong thế-giới những người mê-tin cái chủ - nghĩa cộng-hòa dân-chủ, cho thế là nước Tàu đã cải-cách duy-tân hẳn rồi. Tuy-nhiên, cách phán-đoán đó là toàn xét ở bề ngoài cả. Muốn phê-bình cho đích-đáng thì phải xét khắp các phương-diện, chứ không thể trông mặt ngoài mà đoán phỏng được. Y - khoa bác - sĩ nước Pháp LEGENDRE mới xuất-bản năm ngoài một bộ sách đề là « Văn-minh Tàu ngày nay » (*Civilisation chinoise moderne*), là có ý dùng phương-pháp khoa - học mà xét về văn-minh nước Tàu hiện nay.

Kể người Âu-Tây thì ngoài mấy ông cổ đạo già, có lẽ bác-sĩ cũng là một người am-hiểu việc nước Tàu nhất. Ông đã ăn ở bên Tàu lâu năm; từ các nơi tỉnh - thành lớn cho đến những chốn làng xóm xa, đâu ông cũng từng giao-tiếp với tất cả các hạng người

trong xã-hội: sĩ, nông, công, cổ, cho chí kẻ cu-li, người làm mướn, và thứ nhất là bọn dân quê mộc-mạc. Đông, tây, nam, bắc, ông đi khắp mọi nơi, đi bộ trên những đường trường nềo tắt, theo dấu ngựa tải cùng lạc - đà, như người bản-xứ. Ông lại ở qua mấy tỉnh Vân-nam, Sơn-tây, nhất là Tứ-xuyên, đây ông ở mấy năm làm đốc trường Y-học của nhà Mãn - Thanh khi trước lập ở Thành-đô, bấy giờ ông được đủ cách tiện-lợi mà quan-sát người Tàu rất kỹ-càng. Trong khi ấy ông lại dụng tâm nghiên cứu về các khoa bác-vật-học, nhân-loại-học, xã-hội-học, khảo-nghiệm một cách rất tinh - tế. Vậy thời những điều ông sở - đắc về nước Tàu cũng có thể cho có là căn-cứ, và những lời ông phán - đoán có thể tin được phần nhiều.

Nay xin tóm-tắt mấy điều cốt - yếu trong sách ông như sau này.

. . .

Người ta thường tưởng rằng ở nước Tàu chỉ độc có một giống người là giống « Da vàng », tựu-trung có kẻ còn mọi-rợ ở các nơi rừng núi, có kẻ đã khai-thông ở các chốn kẻ chợ nhà quê, thường thường thời cách sinh - hoạt cũng khó - khăn bần - tiện lắm, nhưng có khi cũng đã đạt tới một trình-độ văn-minh cao. Cái ý-kiến thông-thường đó là sai - lầm. Kỳ-thực thì ở các tỉnh duyên-hải cũng như ở các miền rấp-ranh Tây - tạng, trong lưu-vực sông Dương-tử, sông Hoàng-hà, cũng như trong lưu-vực sông Tây-giang chảy qua tỉnh-thành Quảng-đông, có hai giống người sai-biệt nhau hẳn, khổ người, sắc da, khuôn mặt, hình mũi, đều không giống nhau cả. Hai giống đó, giống nào

có hình-thể riêng giống ấy, một giống thời người cao (có khi đến 1m75), da trắng, đầu dài, mũi thon, còn một giống thời người thấp (trung - bình 1m50), da sẫm, mặt ngang, mũi dẹt, lỗ mũi hồng-hồng. Giống trên là thuộc về loại A-lợi-á (*aryen*), hay A-tây-li (*assyroïde*), nét mặt thường tinh-tế; giống dưới là thuộc về hắc-chủng (*Négroïde*). Giữa khoảng hai giống đó, không thể phân-biệt được giống nào khác nữa, chỉ có giống da vàng, nhiều hơn cả giống A-lợi-á, nhiều hơn cả giống Nê-gi-tô (*Négrito*, tức là hắc-chủng), thời là một giống lai hai giống trắng và giống đen, lai đã không biết bao nhiêu lần tự bao nhiêu thế-kỷ đến giờ rồi, nên hiện nay thật là gồm đủ các hình, đủ các sắc.

Cứ như bác-sĩ LEGENDRE nghiệm, thời tự đời thượng-cổ đến giờ, ở khắp nước Tàu đã có hai giống người đó rồi; ở đồng bằng, ở đất núi, ở vườn ruộng, ở thôn-ô, ở các nơi tỉnh-thành lớn, dân tứ-chiếng họp-tập cả đấy, khác nào như bây sẵn la-liệt ra cho nhà nhân-chủng-học khảo-nghiệm, như Hương-cảng, Quảng-châu, Thượng-hải, Hán-khẩu, Thiên-tân, v.v. Trong hai giống đó thời giống A-lợi-á là giống thượng-lưu, giống chủ-trương đốc-suất, bao nhiêu những sự-nghiệp hiển-hách về võ-công văn-trị là tự tay giống này làm nên cả. Còn giống Nê-gi-tô, cũng như giống lai vàng, thời là đám hạ-lưu, chỉ làm kẻ hầu-hạ, kẻ quân sai của hạng trên, và chính là miệt-duệ của các rợ Hung - nô (*Hiong-nou*, *Huns*) đời xưa, trong sách Tàu và cả sách Tây về hồi man-dân xâm-nhập Âu-châu thường nói đến. Nhưng sách Tây thời chỉ nói đến có một hạng Hung-nô, coi nó dị-kỳ xấu-xa mà lấy làm lạ mà thôi, chứ sách Tàu thời cũng phân-biệt có hai hạng Hung-nô khác nhau, tức là hai giống mà bác-sĩ LEGENDRE nghiệm thấy ở Tàu ngày nay. Về trước, về sau

cũng như về đời man-dân xâm - nhập Âu-châu, đều nghiệm thấy một điều rõ-ràng như sau này, người Nga ADRIANOF khai-quật các cỗ-mộ (*kourganes*) của rợ *Ouigours* ở Tây-bá-lợi-á (*Sibérie*), người Anh CARRUTHERS nghiên-cứu các bia đá « độc - thạch » (*monolithes*) ở Mông-cổ, đều công-nhận như thế, là : « Các giống da trắng, đời xưa đời nay, hoặc thuần-chủng, hoặc pha-tạp, vẫn là giống chủ-trương cõi Á-châu, và những giống lỗ-liên đời xưa đã mấy mươi lần chinh-phục nước Tàu thời hiện nay cũng vẫn còn ở đấy, nhất là ở miền Bắc. »

Nhưng tiếc thay, bọn thượng-lưu về giống trắng đó số ít không đủ chống lại với đám hạ-lưu kia, là phần đại-da-số trong dân Tàu. Không những không đủ chống lại, mà lại theo cái tục súc-thê là tục thông-thường trong nước, lấy nhiều vợ trong dân-gian, để cho cái máu hạ-lưu nó tràn ngập cả, làm mất cả cái bản-chất tinh-anh cương-cường đi. Bởi thế nên người Tàu ngày nay không có tinh-thần sáng-tạo; bởi thế nên tới giờ vẫn còn đứng vào cái trình-độ gia-lộc, cái thời-kỳ gia-trưởng (*âge patriarcal*), chưa đạt được đến cái quan-niệm về công-ích, công-lợi, và cái quan-niệm về quốc-gia, quốc-dân thì lại càng mơ-hồ lắm nữa; bởi thế nên không thoát-li được cái quyền chuyên-chế của bọn nhà nho cò, không cải-cách được bản cái lối giáo-dục cũ từ xưa. Chỉ hồi nào nhờ được nước ngoài thâm-nhập những tư-tưởng học-thuật mới vào, thì hồi ấy mới có vẻ sinh-hoạt một chút, những thời-kỳ ấy ngày nay đã khảo-định được rõ - ràng rồi. Thực ra thời giống Tàu đã mấy mươi đời nay chỉ sống bằng những tài-liệu của đời trước và ở trong cái vòng-khuôn cuộc ký-vãng mà thôi, không thể tự mình phấn-phát đề siêu-việt ra ngoài được; hiện nay ngoài mấy nơi đô-hội

lớn, có người vạn quốc giao-thông không kể, còn các nơi khác trong nước cũng vẫn như thế.

Phần thứ nhất trong sách « Văn minh Tàu ngày nay » là cốt để chứng rõ điều đó.

Nói thí-dụ về gia-đình. Gia-đình ở Tàu hơn là ở cả các nước khác, rõ là cái bản-vị đệ-nhất của xã-hội. Cách tổ-chức rất là mẫu-nhiệm, và quyền tự-trị thật là hoàn-toàn. Nhưng cả gia-đình gồm lại ở một người cha, trong nhà coi như thần-minh, oai-quyền tuyệt-đối, có thể áp-chế được con em; người cha muốn bán con làm nô-lệ được, đối với con có quyền sinh-sát, ý muốn điều gì là con phải vâng theo như mệnh-lệnh. Còn đàn bà thì không coi ra gì cả, địa-vị thấp hèn, như kẻ tôi đòi vậy, người Tây trông thấy thường lấy làm lạ. Người đàn bà Tàu, đâu là người mẹ ở trong nhà, cũng không khi nào dám ngồi cùng một mâm một bàn với chồng con. Người gia-trưởng thường ngồi ăn một mình; con trai cũng không mấy khi được ngồi cùng. Cho nên cái quyền người cha ở nước Tàu là gốc ở sự sợ-hãi, chứ không phải ở lòng mến-yêu. Xem như cái cách họ đãi người già yếu thì đủ biết: người già vô-dụng, thường họ ruồng-rẫy, tàn-nhẫn cũng chẳng kém gì đối với con gái, đề ra coi như cái ách, muốn vứt đi cho rảnh. Người cha vẫn là tôn trọng lắm, vậy mà đến khi già yếu, không làm gì được nữa, gặp năm đói kém, mùa đông tháng giá, có khi « bỏ quên » ngoài đầu ngõ cho chết quách; ngày thường vẫn làm ra mặt phụng-dưỡng chăm-chi lắm, thế mà có lúc đến nhẩn-tâm như thế, thì đủ biết cái lòng hiếu-thảo đó chỉ vì sợ, chứ không có tình gì cả.

Chế-độ gia-đình đã không thay đổi, kiểu-cách nhà ở cũng vẫn như xưa. Từ mấy nghìn năm đến giờ cũng vẫn bất-di bất-dịch, suốt trong nước Tàu, không

thấy đâu có kiểu khác cả. Nhà giàu chỉ khác nhà nghèo là to rộng hơn mà thôi. Còn qui-mô thì cũng đơn - giản như nhau cả. Bác - sĩ LEGENDRE nói rằng: « Một người Tàu có của, muốn xây một nhà công-quân hay dựng một nơi biệt-thự, nhờ tay tạo-tác làm cho, làm thế nào cũng không khác được nhà làng giồng. » Các nơi thành-thị phố-xá cũng thế. Ở miền sông Hoàng - hà không có đá, người Tàu chỉ dùng gạch để xây, dùng quen đi rồi thì đến chỗ có đá cũng không biết dùng đá nữa. Vậy chung - quanh xây thành bằng gạch; trong thành thường để những khoảng đất không, lẫn với những vườn giồng rau; rồi đến từng dãy phố, nhà thấp sệt, đường chật-hẹp, không có bờ hè, không có gạch lát, không có đèn thấp, mỗi đầu phố có cửa ô, tối đóng lại như cái thành. Trong thành chia ra từng khu hay từng xóm, khu này là khu buôn-bán, xóm kia là xóm thợ-thuyền, khu nọ là khu các quan - chức, v. v.; các phố cũng vậy, mỗi phố riêng một nghề. Không đâu là có những đường thông-cù rộng-rãi, hai bên giồng cây, cùng những công-viên um - tùm mát-mẻ; chỉ trừ mấy chỗ đền-miếu chùa-chiền mà thôi. Thiệt là người Tàu không thiết gì đến vệ - sinh cùng mỹ-thuật cả. Họ cho cách ăn-ở của họ như thế là tiện - lợi lắm rồi, cả thể - giới không có nước nào hơn họ nữa.

Không những một cách ăn-ở, hết thấy mọi sự khác, đều có cái tính-cách ngưng-trệ không biến-hóa, cái tính-cách « hóa-thạch » như thế cả. Bác-sĩ LEGENDRE nói rằng: « Ông quan trẻ rất duy-tân, bá phu-nhân rất lịch-sự ngày nay, cách ăn-mặc cũng không khác gì như đời ông Khổng ông Mạnh. Người thượng-lưu cũng mặc như người thợ-thuyền, chỉ khác có vài lụa đẹp hơn mà thôi. Phải ra các nơi đô-hội lớn có người ngoại - quốc đi lại, hay một

vài nơi tỉnh-thành ở nội-địa, mới thấy cái ảnh-hưởng của Âu-châu.» — Các đồ dùng canh-nông cũng vậy, từ mấy mươi thế-kỷ đến giờ, không có thay đổi gì. Và lại người Tàu vốn không sành về nghề nông, không biết tày chất đất mà lựa giống giống; chỉ biết làm vườn thôi, chứ đến làm ruộng thì ngoài một giống gạo ra, không chịu cứu xét đến các giống mè - cốc khác nữa. Còn như lâm-nghiệp thì tuyệt-nhiên không biết một tí gì, mà lại có tiếng là phá cây phá rừng rất tàn - nhẫn. Bởi thế nên người nhà quê nước Tàu, ngoài cái hoàn-cảnh nhỏ-hẹp của mình không biết gì nữa, ngoài những lẽ-lối cổ-lỗi của ông cha không chịu học-tập phương-pháp gì mới nữa, cái tình-cảnh bần-cùng eo-hẹp như bây giờ, còn lâu năm nữa chưa chắc đã có cơ thoát khỏi được. Ấy người làm ruộng thì thế, mà người đi buôn cũng vậy. Từ đời xưa đến giờ, người Tàu vẫn có tiếng là tay buôn-bán giỏi; nhưng làm những việc tiểu - thương - mại thì được, chứ làm những việc đại-doanh-nghiệp, như mở ngân-hàng, mở thương-cục lớn, thì xem ra vẫn chưa đủ tư-cách, chỉ làm những cách cho vay lãi gộp, sù-sẻo vào lương ăn công làm của bọn thợ-thuyền, bọn công-nghệ nhỏ thì khôn-ngoaan lắm.

Nay không thể nhất-nhất kể cho hết được, nói tóm lại thì hết thấy các hạng sĩ, nông, công cổ trong nước, kể cả người thợ có tài, nhà văn hay chữ, ông quan quyền-thế, đều là chỉ khư-khư giữ lấy những lẽ - thói cũ, lẽ thói ấy vẫn biết rằng đáng tồn-trọng thật, nhưng bây giờ không thích-hợp với sự yếu-cần đời nay nữa. Bác-sĩ LEGENDRE tóm-tắt lại một câu nói rằng: « Đứng về phương-diện xã-hội mà nói, người Tàu ngày nay vẫn còn đeo đuôi như xưa » (*Socialment parlant, le Chinois porte toujours la pigtail, la queue*).

Cứ tình-hình như thế thì người Tàu chỉ phải chịu kèm các dân-tộc khác; nay muốn cho thay - đổi đi, thì phải phấn - phát tự-cường lên mới được. Phải nhất-thiết ruồng bỏ cả những cái lẽ-lối phương-pháp cổ-lỗi từ mấy nghìn năm đến giờ. Hiện nay người Tàu chỉ sống bằng cuộc kỹ - vãng, bằng cái hương-hỏa của tổ-tiên để lại, không tìm cách mở-mang cho nó phong-phú thêm lên. Nhất-thiết chỉ dụng cái sức kỹ ức, mà không dụng đến sức trí-tuệ. Học thời chỉ thuần học văn - chương triết-lý, không thiết đến các khoa vật-lý bác-vật đời nay. Đã tôn-sùng đạo Khổng Mạnh thời đời ấy sống đời khác cứ tuân-hành một cách thụ-động, không hề sát-hạch lại xem cái chân-giá-trị nó thế nào. Nay thay đổi là phải thay đổi hết thấy, và trước hết phải thay đổi cả cái cách giáo - dục hiện-hành ở nước Tàu, lấy phương - pháp khoa-học mà thế vào, ngõ-hầu mới có thể dần dần cải-tạo được tâm-lý người Tàu, khiến cho thu-hoạch được những tư-cách hiện nay còn thiếu-thốn. Phải trừ cái căn-tính biếng-nhác không chịu khó nỗ-lực, cái căn-tính cầu-an không gia công phấn - phát, cái thói quen thất-thường trong khi làm việc, cái thói quen mê - tín những chuyện không đầu; phải bỏ cái tính hiếu-dị như con trẻ mà tập cái cách khảo-sát nhà khoa-học. Người Tàu vốn có tính hiếu-học, thờ sự học cũng một lòng thành-thực dốc-tín như thờ tổ-tiên vậy. Cái tính thiên-nhiên đó, có thể lợi-dụng được.

Theo ý bác-sĩ LEGENDRE thì người da trắng ở Tây-phương phải nên thành tâm giúp cho người Tàu trong việc giáo-dục theo khoa-học đời nay đó. Đứng nên dùng cái chính-sách dần-áp cưỡng-bách như từ xưa đến giờ nữa; nên hiệp - lực với người Tàu mà giữ cái

chức trách cố-vấn, khuyên-bảo cho mà cải-cách các lễ-lối cũ, thái-thái các phương-pháp mới, mở - mang đường công - nghệ, chỉnh - đốn nền kinh-tế, mưu cho mấy trăm triệu nhân-dân được hưởng thái - bình an - lạc, khỏi phải chịu những nỗi lầm-than cực-khổ như bây giờ. Đó là cái thiên-chức của người Âu-tây đối với dân-tộc Chi-na vậy. Nếu không làm được trọn cái thiên-chức đó, thì nước Tàu sớm trura sẽ vào tay một giống thượng-võ hiếu-chiến nào lung - lạc mất, thực giục cái tình xâm-lược của người Tàu, có thể biến cả dân Tàu thành một quân đội lớn, tràn ra khắp thế-giới, nguy cho cả thiên - hạ. Bây

giờ thời hai chữ « hoàng-họa » (*péril jaune*) không phải là một cái ảo-tượng nữa mà sẽ thành sự thực vậy.

Cái vấn-đề tối-yếu của nước Tàu ngày nay là phải sớm bỏ cái văn-minh trần-hủ đã mấy mươi đời mà thái-thái lấy cái văn-minh khoa-học đời nay. Muốn cho làm được việc đó, phải có người Âu-Tây giúp đỡ cho mới được.

Ý kiến bác-sĩ LEGENDRE như thế. Nhưng chẳng hay người nào có chịu thế không?

HẠC ĐÌNH

Il y aura comme un divorce entre le petit groupe des intellectuels et la foule. Quelques livres très pensés, très scientifiques et très littéraires, très peu achetés, qui seront l'aliment d'une classe de lettrés et de savants, que la foule ignorera, dont elle n'aura pas même, les intermédiaires ayant disparu, le lointain écho ou l'infiltration insensible; — très loin au-dessous, le journal populaire, s'occupant de politique passionnée et surtout de polémique, organe d'un grand parti ou plutôt d'une grande animadversion populaire, le journal anti-quelque chose, ou bien le journal de simple curiosité et de faits-divers; voilà comme je me représente assez bien l'appareil intellectuel de l'Europe vers 1950.

EMILE FAGUET

Rồi sau này cái phần số ít những kẻ trí-thức với số nhiều công chúng sẽ phân - lia nhau hẳn. Trên thời có giảm ba quyển sách rất có tư-tưởng, rất có cách-trí, rất có văn-chương, mà rất ít người mua, chỉ để cung-dụng cho một hạng văn-sĩ cùng bác-học, công-chúng không biết đến, mà cũng không từng phảng-phất tới hay tìm-nhiệm xa nữa, vì cái hạng trung-gian làm môi-giới đã mất đi rồi; — rồi tận dưới xa thời có tờ báo của bình-dân, nghị-luận kịch-liệt về chính-trị, và thứ nhất là sinh công-kích nhau, báo hoặc làm cơ - quan cho một đảng lớn, hoặc thường khi chỉ làm cơ-quan cho cái lòng đố - tặc của công - chúng, báo để phản-đối cái gì, hay báo để xem chơi, để truyền tin vật; — ấy tôi tưởng tượng cái bộ máy trí-thức của Âu-châu vào khoảng năm 1950 như vậy.

NGHĨA CHỮ VĂN-MINH Ở TRONG TÂM-LÝ NGƯỜI PHÁP

Giáo-sư ERNST ROBERT CURTIUS là một nhà phê-bình vừa có tiếng ở Heidelberg, vừa có tiếng ở Paris. Trong làng văn phương Âu, ông là một mặt đàn anh, lại thêm là một kẻ thức-thời, thấu hiểu những cái ám-lực của cái thời-thế mới. Tháng tư năm 1928, nhân kỷ sinh-nhật sử-gia HYPPOLITE TAINÉ, tại giảng-đàn Carnegie, trường Chánh-trị Berlin, tiên-sinh có đọc hai bài diễn-văn, giải-nghĩa chữ « văn-minh ». Bài thứ nhất, mà tôi dịch ra đây, là kẻ lịch-sử cái quan-niệm « văn-minh », dần-dần thừa vận nước mà thành-lập ra ở trong làng dân Pháp. Bài thứ hai là tách-bạch cái quan-niệm « văn-minh » đó ra. Văn-minh, civilisation, nguyên nghĩa là thành-thị; cái gì làm cho ta có vẻ « thành-thị » hơn lên, là đều thu vào cái nguyên-nghĩa văn-minh được. WILHEM VON HUMBOLDT có nói rằng: « Văn-minh là chính ở sự cải-cách cho các dân-tộc tốt-đẹp thêm lên, từ các cơ-quan bề ngoài cho tới tâm-trí mà bởi các cơ-quan đó sinh ra. Văn-hóa (Culture) giúp cho cái xã-hội đó đã xinh lại cao thêm lên, vì văn-học và mỹ-thuật. » Đó là ông ta đối chữ « civilisation » với chữ « kultur » của người Đức. « Văn-minh » thì trọng ở sự xã-hội thêm dễ-dàng, thêm đẹp-đẽ, thêm phép-tắc, thêm luân-lý. « Kultur » thì trọng ở trí-tuệ, ở tư-tưởng.

Từ ngày trong trường văn nước Nam bàn đến văn-minh, thật nói đã nhàm. Dịch-giả đây há lại còn dám nói đến văn-minh? Vậy mà, tài tuy sơ, lòng chưa dám then, chỉ mình mình luống cả lo-âu... Ôi! Nguyên-văn là thế, ta dịch là thế, người đọc hiểu là thế, làm sao cho chu-toàn?

Đ. (Paris, 1930)

Ở cõi đất nước Pháp, ta thường thấy nhiều chốn phẳng-phất tới nay hãy còn cái vẻ thần-bí thiên-cổ. Ta sực nhớ tới khoảng hoang miền Carnac, chòm-chòm những cột đá lớn (menhirs), không ai dựng mà nên, vậy mà đã nên hàng lối, đã hình như có lẽ-luật, có qui-mô. Nhưng ta đi đến xứ Périgord, giữa nơi đồng rộng đồi xanh, thì cái cảm ta lại gặp mấy lần. Ở đây, giữa cái khe xanh, uốn-éo dòng sông Vézère, còn lại bao nhiêu là vết-tích đời cổ. Chẳng cái tường nào, mà giữa đồng đá sẫm, người ta tìm không ra cái cửa hang sâu; đi vào trong, tay sờ thấy

hình những súc-vật quái-đản, mà bọn thám-hiểm thế-kỷ XIX tìm ra. Những cái hang thượng-cổ đó, gọi là hang Eyzies, bắt kể du-quan phải tưởng-tượng tới hàng vạn năm về trước. Những cái tảng đá lớn đó, những cái tường đá đó, nghìn thừa còn bền; những cái di-tích ấy sừng-sững còn trơ, mà Paris với Roma có lẽ đã tời-tàn đi mất. Tạo-hóa sống dai hơn người ta. Nhưng mà, ngẫm mà coi, thiệt oai-linh biết là bao nhiêu, trang-nghiêm biết là bao nhiêu cái vết cồn-con do tay người trí người di lại, trong khoảng thời-gian ngắn-ngủi ở trên trái đất này. Cái hòn sỏi nhẵn thín đây, ta cầm

trong tay, ấy là cái biểu - hiệu của *Prométhée* (1). Nó chứng cho cái thiên-phận loài người. Cái búa đá này, cái hình con hươu vẽ trên tảng đá kia, là cùng ở một cái thần thiêng đã dựng nên các lăng-tẩm ở trên bờ sông Nil, chạm cái điện *Parthénon*, xây các nhà thờ « gô-tích »; mà cũng cùng cái tay đó lập ra các nhà máy xứ *Westphalie*. Nội trong các đồ nhân-tạo, thửa nào cũng vậy, nơi nào cũng vậy, là đều còn phẳng - phất cái khi thiêng-liêng nó sáng-tạo ra đó. Ấy cái tạo-lực đó nó phải chống-chối với bao nhiêu những cái sức mạnh thiên-nhiên mới gây nên cái thế-giới nhân-loại này. Nhà kỹ-sư chế ra máy, kẻ cầm lái bay vượt bể, thật cũng chẳng khác con người đời thượng - cổ phải tranh - đấu với loài « ma - mụt ». Người đi săn, gã chăn cừu, người làm ruộng, kẻ lập thành-thị, người chế-lạo, người chăm-nom máy - móc, người thám - hiểm, nhà mỹ-nghệ, khách thi-nhân, là đều chung tay để giữ cho người ta được cái ngôi-vị trên muôn loài. Ai mà đã ra sức, hết lòng, gây-dựng cho cái công-cuộc hùng-vĩ đó, đều cùng là những cái vòng tròn trong một cái giây xích dài, đều là kẻ thờ-phụng chung một cái lý-tưởng. Bấy nhiêu người, còn lại tên cũng có ít, đáng ghi công trong sử để nhớ nghìn đời. Ta sùng-bái họ, ấy là ta tỏ lòng biết ơn những bậc vô-danh đã gây dựng cho ta có ngày nay.

Ấy những tư-tưởng đó là nhân cái chỗ đất này, cái chút cổ-tích này nó xui-giục lòng ta, — nó kể lai-lịch cho ta câu truyện nghìn thu của nhân-loại. Nhưng nếu đi ra khỏi đồng *Font de Gaume* và *Laugerie-basse*, ta xuống tới làng *Eyzies*, nhìn cái bia kỷ-niệm những

người chết trận, đọc mấy chữ: « Kinh những tử-sĩ thác vi văn-minh », — thì chữ văn-minh đó thốt-nhiên nặng biết là bao nhiêu một cái thâm-nghĩa, một cái nghi-vệ, một cái mối thiêng-liêng mà ta thật chưa ngờ.

Chữ *kultur* ở bên nước Đức, ta thử nhìn những bia tử-sĩ mà coi, thật quả không thấy. Người dân không hiểu chữ đó; nó chưa thành tiếng Đức; nó là cái tiếng riêng của bọn hay chữ; nó không hay cảm được lòng người. Một cái bia như bia làng *Eyzies*, quả thật chỉ bên Pháp mới có mà thôi.

Độc-nhất trong trăm nước, riêng một mình nước Pháp có thể lấy chữ « văn-minh » (*civilisation*) mà gồm tóm lại bao nhiêu những cái của bầu của mình. Không phải xưa nay vẫn thế đâu. Chẳng qua cũng là cái kết - quả cận-thời, dần dần phát ra ở trong lịch-sử; định cho phân-minh cũng là khó lắm. Muốn hiểu rõ, có lẽ phải suy-nguyên đến tận cổ-học của Hi-lạp.

Trong sách *Eschyle, Titan* (2) có nói rằng: « Trăm nghề khéo của người ta là nhờ *Prométhée* cho hết thầy. » Đoạn rồi kể: xây nhà, làm gỗ, xem thiên-văn, xem bói, làm thuốc, đóng thuyền, đếm số và viết chữ. Thần cho loài người mấy cái thuật khôn đó; rồi loài người tự đó mới như đứa trẻ khôn lớn dần lên. Ở trong bài kịch *Antigone*, ca-tụng cái vinh-nghiệp của giống người, thứ-tự các nghề kể cũng gần như thế. Ông *Sophocle* chỉ thêm có một điều thôi; một cái biểu-chứng mới của sự sinh-hoạt của giống người, mà là cái phẩm-vật cao-quí nhất, cái hình-thức tuyệt-đối, ngụ được tóm được tất cả những cái sở-dắc từ trước đến giờ, và hình-dung nên cái trật-tự chánh-trị, với cái

(1) *Prométhée*, thần lửa, lấy bùn nặn ra người, rồi lên Trời, ăn trộm lửa trời, để cho người có cái sinh-khí. Vì thế bị thiên-vương phạt, trói trên một quả núi cho đại-băng mồ-gạo. Tích này cái cái công-phu nhân-loại nhọc-nhắn mà tiến-hóa.

(2) *Titan* ấy là *Prométhée*.

thề-thức tôn-giáo ở chỗ làng nước đời xưa: chính là cái *Cité* (xã-tắc) (1).

Cái nghĩa văn-hóa, của người đời xưa, như vậy là phải đem một cái quan-niệm phẩm-giá (2) mà gồm cả những ơn-huệ của cái văn-hóa đó, và cái quan-niệm ấy là liền với cái quan-niệm *Polis*, hay là theo tiếng la-tinh *Civitas*. Nhân đó nảy ra cái tư-tưởng nhân-loại có vẻ « thành-thị » hơn (*policee*), phép-tắc hơn, văn-minh hơn, phản-đối với cái tư-cách thô-lậu của tạo-hóa và các dân-tộc mọi-rợ. Cái gì nâng con người lên khỏi được cái cách thô-lỗ đời cổ sơ, cái gì làm cho con người thẳng được thiên-nhiên, ấy đều gọi là văn-hóa. Mà mấy cái đó đều là bằng cân ngang giá với nhau, dầu là cách ăn thói ở, cho đến nông-nghiệp, toán-học, tự-học, luật-pháp, phong-tục. Trong cái quan-niệm về văn-hóa như thế, thì những cái hình-thức bề ngoài ở đời, cũng chẳng kém gì những cái vật-liệu do cách-tri tạo-tác ra hay là những phép đạo làm người trong xã-hội. Nhưng sự thiết-dụng về vật-chất, cái học của nhà chuyên-môn, cũng như cái đạo cai-quản xã-hội hay là cái ánh-sáng trí-thức, đều là nguyên-tố thiết-yếu trong cái ý-nghĩa văn hóa.

Cái cổ-tư-tưởng đó truyền vào máu, vào trí giống La-mã, rồi nước Pháp hưởng thụ được. Trong năm trăm năm, từ đời vua CAESAR, đến CLOVIS, dân Gò-loa sống chung với La-mã, bỏ tiếng « sen-lich » (*celtique*) và văn-hóa bản-xứ, thậm-chí quên cả gốc xưa phiêu-lưu vô ngựa mà theo đòi học-tập La-mã. Cái tinh-thần « Gò-loa La mã », ấy là cái

đất nuôi bón nên nền văn-hóa Pháp. Các mầm nở giống sinh đời cổ-dại, là mầm nở giống sinh của Pháp. Thế-kỷ nào cũng vậy, đến ngày nay các đồ nhân-công Pháp còn mang cái vết đó hiển-hiện. Nước Pháp ở trong thiên-hạ ngày nay duy-trì cái cổ-nghĩa về văn-hóa, nhưng không phải như là cái đồ-vật ở ngoài vào, mà như là cái thủy-thỏ gây nuôi ra mình. Ấy, cái nguyên-tố nước Pháp là ở đó hết.

Nhưng mà cái hình-thức văn-hóa cần phải có lịch-sử giải bày ra. Nước Pháp và nước Đức sinh ra khi « Đế-quốc Phạt-lăng » (*Empire franc*) bị phân-liệt. Nhóm lên từ năm 843, nhưng thực-sự đôi bên chia rẽ là khi con cháu họ CHARLES (*dynastie carolingienne*) một người ở bên Đức, năm 911, một người ở bên Pháp, năm 987, bị truất ngôi. HUGUES CAPEI được bầu-cử lên khi đó là ông vua Pháp đầu-tiên mà không hiểu tiếng *franc*. Thật ra, chính ông là tổ-vương nước Pháp. Vì rằng đế-quốc Phạt-lăng tuy rộng thật, nhưng chưa có quốc-thể như là đế-quốc La-mã.

Tuy-nhiên, cái chi muốn thu-phục giang-sơn, theo lối La-mã, vẫn còn xui-giục lòng người. Thật chính nó là cái ám-lực ngầm-ngấm dưới các cơ-nghiệp lớn, sinh ra khi tan đế-quốc La-mã, như là cái chế-độ « Thần-thánh Nhật-nhĩ-man đế-quốc » (3), cái nền quân-chủ Pháp. Ngờ rời Đức ta thường hay xét cái sức biến-hóa của cái tư-tưởng La-mã đó ở trong truyện Giáo-hoàn; và Nhật-nhĩ đế-quốc kinh-địch nhau, mà chia cái bá-quyền trong thiên-

(1) *Cité*, nghĩa là hành-thị. Tiếng Hi-lạp, tỉnh gọi là *polis*, bởi thế mà chính-trị tiếng Pháp gọi là *politique*. Phải biết xây nhà, chạm gỗ, xem thiên-văn, bói toán, v... biết những cái ấy rồi mới biết lập được « chợ », gìn-giữ, xếp-dặt được thành trật-tự trong xã-hội. *Cité* đây chính là chỉ cái thuật xếp-dặt chỗ làng nước, cho nên từ thiết-nghĩ có thể dịch là « xã-tắc » được. *Cité*, tiếng la-tinh là *Civitas*, tỉnh-thành, mà chữ « civilisation » cũng ở đó mà ra.

(2) *Concept de valeur*.

(3) *Saint Empire Germanique*

hạ. Nhưng, ai mà muốn hiểu cái lẽ tuần - hoàn ở thế - giới ngày nay, thì cũng phải xét ở bên Pháp những cái quan-niệm « quốc-gia » và « thiên-hạ » (*nationalité et universalité*) nó lẫn-lộn với nhau như thế nào.

Nước Pháp, khởi-thủy to chưa bằng bốn tỉnh bây giờ, nhờ họ CAPET mới mở lớn ra. Nhà vua phải đánh dẹp mãi chư-hầu mới giữ nổi quyền và bành-trướng ra. Dần-dà, tự bản-lực mà nên, mới xây đắp được cái vương-nghiệp đời đời. Đến đầu thế-kỷ thứ XIV, nghiêm - nhiên đã trở nên một nước lớn, đối với cái chủ-quyền của Giáo-hoàng, đã ra mặt độc-lập, mà toan lo sự thống-nhất quốc-gia, lập vững xã-tắc. Này đến trận « Bách-niên chiến-tranh » (*Guerre de cent ans*), lúc nguy-cấp lại được quốc-dân cứu. Nhân lúc khủng-hoảng, mà trong dân-gian mới sinh ra cái bụng ái-quốc. Nó nhập vào cô con gái nhà-quê xứ *Lorraine* kia, nó chiến, rồi nó thắng, đòi lại giang-san trong nước cùng ấu-chúa nhà vua. Thành-thủ người Pháp, bước vào thời-đại cận kim, đã có quốc-thể chắc-chắn, chỉ việc thống-nhất lại hết-thảy những cái quốc-lực, để mà qua cái thời-kỳ tôn-giáo chiến-tranh. Ấy là mới sắp tới thế-kỷ thứ mười-bảy, là lúc nước Pháp sẽ oanh-liệt nhất, thanh-thể nhất.

Thoạt nom ngó là bên Pháp cái tư-tưởng « thiên-hạ » bị cái tư - tưởng « quốc-gia » át đi mất. Nhưng nói thế, có phần không được đúng; nếu muốn phán-đoán cho xác-đáng, hiểu một cái hiện-tượng li-kỳ, xưa nay chưa người quan-sát rõ, thì ta phải nói thế này mới được: hai cái tư-tưởng đó trao-đổi sức với nhau, mà thành hai cái đều mạnh thêm. Cái chủ-nghĩa đại-

đồng (*universalisme*) có sự mong muốn gì, thì cái tư-tưởng quốc-gia sấp-nhập lấy. Nước Pháp phò cái nghĩa quốc-gia của mình, mà thật bụng nghĩ là đã lập ra cái nền-nếp chung của thiên-hạ. Nước pháp thành-quốc, mà gây ra một cái chủ-nghĩa « thiên-hạ », đột-ngột tương-đương với các đế-nghiệp ở trong sử-sách. Tóm lại là: nước Pháp thành nước thâu nhập vào mình cái tư-tưởng kế-thừa của Lã-mã, muốn bao-quát cả nhân-loại; thừa cái nghiệp của La-mã, mà những điều La-mã yêu-cầu lại biến vào tên mình hết thảy.

Bởi vậy mà Pháp làm đổ hẳn cái quan-niệm đời Trung-cổ về cái thiên-chức La-mã, ngược hẳn lại lời thơ của thi-sĩ DANTE.

Trong cái quan - niệm ông DANTE, thì cái thiên - chức của La-mã trong lịch-sử thế-giới, cõ-kim trời định, đã chia cho Giáo-hoàng và Đế-quốc Nhật-nhĩ; tức là một bên cây thập-tự, một bên chiếc đại-bằng. Hai cái quyền đó, khéo điều - hòa nhau, thì đời được thịnh - trị, loài người no ấm, mà cái quả - phúc hồn - linh cũng được vẹn - toàn. Nhưng quả trong bức tranh thiên - hạ đó, nước Pháp không được dự phần. Riêng một sự Pháp thành nước đã đủ làm chệnh-lệch cái thiên-kiến đó (1). Cho nên trong bộ thơ *Divina Comedia*, cái Ác-tinh hiện ra, ấy là Vương-tộc Pháp, và HUGUES CAPET phải nói rằng:

*Io fui radice della mala pianta
Che la terra cristiana tutta aduggia*

Ta là cái cây xấu-xa,

Bóng tối ruòm-rà lấp thành-địa đi!

Các Hoàng - đế ở cái Đế-quốc cũ Nhật-nhĩ, từ nay trở đi, còn có thể tự-tôn mình là kẻ bảo-thủ cho cái tư-

(1) Cứ như ý của dịch-giả, thì cái lịch-sử Âu-châu lúc đó cũng giống Tàu đời Chiến-quốc. Chỉ khác cái quyền thay Trời giữ đạo thánh (*pouvoir spirituel*) chia cho Giáo-hoàng, và cái quyền coi sóc việc đời, giữ việc tuần-lương, chia cho Hoàng-đế (*pouvoir temporel*), thì bên Tàu một mình Thiên-tử giữ cả.

tưởng đế-nghiệp; nhưng thực ra, công-cuộc đến đây là mãn, và cái tư-tưởng La-mã lập nước Đức chỉ còn là cái mộng thôi. Ở bên nước Ý, thì cái tư-tưởng La-mã nó xoay ra khác. Qua mấy mươi thế-kỷ, La-mã vẫn còn nguyên. Hết La-mã cổ-thời, lại có La-mã của Giáo-hội cùng các giáo-chủ, kể tới cái *Terza Roma* của nước Ý thời cận-kim. Lại vừa đây, chính-thể « phát - sít » (*fascistes*), noi theo nghiệp trước, lại chực lập lại cơ-đồ thành La-mã thứ tư. Trên cõi đất Ý, La-mã gầy lại chỉ xua cùng oai-quyền mới, nhưng tên vẫn không thay, mình vẫn là mình.

Pháp không muốn làm La-mã, Pháp muốn làm Pháp đã. Pháp nhận La-mã là tổ của mình, biết cái ơn đó, lấy phần máu la-tinh làm vinh - hạnh, nhưng không chịu nhận là nguyên la-tinh cả, mà cũng dè chút lòng hoài-bão cái gốc để « Gô - loa » và các tổ - tiên giống « *frances* » và giống « *Normands* ». Chỉ một điều đó cũng đủ khiến cho Pháp không tiêu-nhập hẳn vào cái thần La-mã, như nước Ý. Chỉ những lúc sợ cho phần trí la-tinh của mình bị giống ngoài át đi, thì mới nhớ đến cái tinh-thần la-tinh, còn ngoại-giả Pháp đều tự cái bản-năng của mình mà suy ra các lý-tưởng. Song - le các lý-tưởng đó lại giống khuôn - khổ với các lý-tưởng La-mã. Bởi thế, mà nước Pháp, có thể thay chân được La-mã. Chính vì thế mà Pháp không chịu công-nhận cho các cường-quốc khác cứ lấy lịch-sử mà đòi tôn mình là nổi nghiệp La-mã. Cái tư-tưởng La-mã thật nó ảnh-hưởng vào quốc-hồn Pháp một cách phiền-phức đặc-biệt: vừa kéo vào, lại đẩy ra. Thật là một cái ám-lực mạnh ở trong quốc-hồn Pháp vậy.

Bây giờ, ta bắt đầu xem được cái nghĩa « văn-minh » nó biến-hóa trong nhân-tâm Pháp đầu đuôi ra làm sao.

Khoảng đầu-tiên là khoảng văn-hóa Pháp lên cao nhất, ước độ từ 1050 đến

1150. Thời-kỳ đó, đất nước Pháp thấy hiện ra các nhà thơ « gô-tích », các bài anh - hùng - ca, bọn làm thơ giống (*trouvères, troubadours*), và phong-trào *Croisades*. Cái chi vì đạo đi chinh-phạt, ấy là cái cách đầu tiên mà Pháp hiểu cái thiên-trách của mình. « *Gesta Dei per Francos* » (Cơ Trời nhờ giống Pháp làm trọn), là cái đầu đề rất hữu-ý của cuốn sử-ký của thầy tu GUIBERT DE NOGANT, lược truyện *Croisades* lần thứ nhất. Giống *frances* là khí cụ của Trời. Cái ý đó, lúc bấy giờ như xô đẩy người ta. Thế là tự thế-kỷ XI đã sinh ra cái quan-niệm thần-bí về quốc-gia. Bọn giác-đồ, thừa cái ý đó, lấy truyện vua CHARLEMAGNE ra mà làm thơ phú. Trận đi dẹp quân Hồi của người CLUAY chủ-trương, những chốn đường trường, những nơi cổ - tích đều là cái cảnh trong bức tranh, giữa vẽ Hoàng-đế CHARLEMAGNE, như trong bài anh-hùng-ca *Roland*, rân trắng sọ, phò Trời đi chu-du thiên hạ cùng chư-tướng, sang Thánh-địa, phạt kẻ tà-đạo, lấy đất dâng Trời, mà làm quang-vinh cho họ đạo. Thời bấy giờ, thì trận *Croisades*, ấy là nổi theo mà duy-trì cái thiên-trách của Hoàng-đế CHARLEMAGNE đối với nước Pháp và thế-giới.

Cái quốc-hồn Pháp tự thiên-chuyển đi là đầu tiên như thế đó. Chủ-đích của một nước cùng thành ra cái chủ-đích của nhân-loại. Nước Pháp vì trăm họ trong giáo Gia - tô mà chiến - tranh ngoài cõi.

Cái tinh-thế ấy tự-nhiên khiến cho nước Pháp muốn giữ cái phần trên trong họ đạo. Nhà vua Pháp, tự lúc khởi-thủy, đã có chút đặc-sắc thần-quyền, khác hẳn với họ vua các nước. Lễ ban nước thánh cho vua ở thành *Reims*, có thể cho nhà vua được cái nghi-vệ Giáo-hoàng và quyền mẫu-nhiệm. Vì vậy cho nên đối với Giáo-hoàng, nhà vua thường thiện-tiện thi-hành cả. Ông vua mà làm nhục cho quyền Giáo-hoàng nhất,

ấy là PHILIPPE LE BEL. Đại-khai ý-tưởng giải bày như thế này: hơn mọi nước, đất nước Pháp là nơi chứa Giê-su có cơ-sở vững-vàng hơn hết, được nhà nước qui-yêu nhất, sợ-hãi, sùng-kính nhất. Vì vậy cho nên chúa Giê-su ban cho vua quyền lợi riêng. Coi thì biết: chính là bác cái bá-quyền thành La-mã đi (1).

Song le, cái quan-niệm về thiên-trách của Pháp về đường tôn-giáo, theo như cái tư-tưởng đời Trung-cổ, cái *chi gesta Dei per Francos* chẳng đợi đến hồi Cách-mệnh cũng đã phai mờ đi. Là vì quốc-hồn Pháp đã kiếm được cái thể thức mới để tự giải-bày, tự siêu-thoát ra.

Nếu ở bên Đức, ta có thể khai đời cận-đại vào lúc sinh ra cái thuyết của LUTHER, thì ở bên Pháp ta có thể khai cái thời đó vào năm 1498, tức là năm vua CHARLES VIII chinh-chiến ở bên Ý. Trận đó là khai ra thời-đại *Renaissance*. Những việc riêng quan-hệ đến sử-ký ta không kể làm chi. Nhưng có một điều ta phải ghi nhớ trong hồi đó, một điều đặc-biệt cho hồi đó, là cái cách mà một cái tư-tưởng « đại-dồng » (*idée d'universalité*), một lần nữa, lại nhập-tích vào Pháp. Gọi là « nhập-tích » (*nationalisation*) đây chẳng phải là tôi chỉ sự một cái ngoại-tục nó đồng-hóa với một cái quốc-túy riêng — sự ấy thì không riêng cho nước Pháp — tôi muốn chỉ cái thói tôn một cái quốc-thể riêng mà cho nó thành một cái ý-nghĩa có giá-trị chung cho cả bầu trời. Gặp cái tinh-thần *Renaissance* ở nước Ý sang, thấy văn-hóa và mỹ-ngệ Ý, Pháp muốn đem đổi lại tức-thì một cái văn-hóa, một cái mỹ-ngệ còn cao hơn, và tâng cái đó lên làm một cái luật chung cho thế-giới.

Nhà vua Pháp lúc đó bắt đầu tự gây cái huy-hiệu riêng. Các mặt hay

chữ trong nước dựng lên cái thuyết rằng Đế-nghiệp vào tay vương-tộc Pháp mới phải, và chính lễ đất Ý là của Pháp. Cứ theo thuyết đó, thì thiên-chức nước Pháp là để diu-dắt Âu-châu, và giữ cái địa-vị mà Hi-lạp, La-mã, Ý-dại-lợi lần-lượt giữ đời xưa.

Lúc đó, quốc-hồn Pháp bắt đầu tự-biệt mình. Pháp không muốn chịu rằng văn-hóa là nhờ La-mã. Bèn mới thay hẳn cả lịch-sử. Nói rằng sách Hy-lạp và La-mã là giả-dối cả, và mỹ-thuật, văn-hóa là giống « Gô-loa » chế ra chứ không phải Hi-lạp và La-mã. Nước Pháp, đời tối-cổ đã có một cái văn-hóa rất tốt-đẹp, và Hi-lạp học ở đấy mà ra...

Đã dành mấy điều đó là hoang-đường cả, và chỉ còn chút giá-trị cho kẻ hiểu-ký, nhưng thật là đặc-biệt cho cái quan-niệm Pháp.

Đó là lần đầu mà nước Pháp biệt-nhận cái văn-hóa mình, và giải-bày ra như vậy. Nó thật là liên-kết với cái ý-tưởng quốc-gia, nó muốn làm nước Pháp thành ra một cái « chủ-nghĩa ». Nước Pháp tự sáp-nhập cái phần trên trong văn-hóa, và nhân mình giữ cái phần văn-hóa cũ hơn hết, cao hơn hết, mà đồ-tinh cái sự-nghiệp hiển-hách của mình.

Đến đời Louis XIV, thì sự ước-vọng thế-kỷ thứ mười sáu thành hẳn: nhà vua đã thành thể-thống, trật-tự trong nước đã rõ-ràng, ngoài thì thanh-thể tràn ra châu Âu, trong thì trăm họ ép theo một đạo-giáo, tình-thần trong nước đã theo một cái kỷ-cương riêng. Lại đến trong văn-chương, mỹ-ngệ, vua Louis XIV cũng sắp-đặt chỉnh-dốn cả, đầu đầu cũng là theo một cái nền-nếp, cái « kiểu » (*style*) riêng. Cái « kiểu » đó nó biểu-hiệu cho nhà vua, nó biểu-hiệu cho nước Pháp,

(1) Cái nghĩa tôn-giáo là chung cho cả bầu trời, đối với cái tiên-đạo thì nước nào cũng bằng nhau cả. Chính chữ *catholique*, nguyên-nghĩa là chung cho vũ-trụ. Đời Trung-cổ bên Âu, là cái thời-đại rất văn-minh, trọng cái ý đó lắm.

nó biểu-hiệu cho văn hóa trong Tây-phương trong một thời-kỳ.

Cái « kiểu » đó, ta gọi là văn cổ-diễn (*classique*) của Pháp. Nó chẳng bắt-chước ai cả, chẳng bắt-chước đời cổ, mà cũng chẳng bắt-chước *Seicento* (1) nước Ý. Điện *Versailles* cũng chẳng giống điện *Palladis* hơn là ông *RACINE* giống ông *SOPHOCLE*. Cái gì ở trong cái quan niệm *classique* ấy sinh ra, từ trong sự xây nhà, đặt vườn, tới văn thơ hay là diễn-thuyết, đều cùng theo một lối: một cái mực-thước rất tinh-xảo, rất vừa-vặn; trọng ở đều-dặn hơn là hoa-mỹ, bắt cả nhân phải theo thước-mực chung. Bởi vậy mà cái kiểu *classique* có thể tồn mình làm cái kiểu riêng của một nước, mà cũng là cái kiểu chung cho trăm nước.

Nhưng mà đến nơi tuyệt-diễm, lẽ phải có biến-cải. Muốn cho rõ cái hồn mình, thời-đại *classique* phải thoát-li ra ngoài vòng-khuôn của cổ-đại. Như thế nào? Ta thấy một cái biểu-chứng ở trong cái việc cãi nhau dài dòng lời thôi, mà vẫn sử còn ghi lại, tức là « trận cãi nhau của phái cổ và phái kim » (*Querelle des Anciens et des Modernes*). Việc đó có một cái nghĩa quan-trọng lắm, mà ít ai ngờ, nghĩa là cái văn-hóa mới không theo cổ-tục (*tradition*) và tin chữ sách (*autorité*) nữa, mà chỉ theo lý phải, và cái ý tiến-bộ mà suy-xét.

Đến đó thì khai thế-kỷ thứ mười-tám. Nhưng mà đến đó là tan nền quân-chủ, nền Tôn-giáo, và cái cổ-phong *classique*. Bọn văn-sĩ đi du-ngoại và được ơn-huệ vua chúa nước ngoài nhiều lắm. Bao nhiêu cái nỗ-lực của quốc-hồn Pháp cũng tan-tác đi.

Cuộc Cách-mệnh lại thu lại. Dầu ta chê khen cuộc Cách-mệnh đó mặc dầu, ta cũng phải công-nhận là đối với nước Pháp nó quan-trọng lắm. Nó gây lại quốc-gia, nó lập lại cái chi nước, cái thiên-trách của Pháp. Chính

là trong những trận nước Pháp chống-chọi với cừu-binh, mà cái Tân Pháp-quốc mới tự-nhận mình nên. Mà lần này cũng như trước, quốc-hồn Pháp bao-bộc những cái mục-dịch riêng của mình vào trong một cái tiếng chung cho thế - giới: ấy là chữ *Civilisation* (văn-minh).

Cái chữ đó là chữ mới. Trước mấy chục năm cuối cùng thế - kỷ thứ mười - tám, chưa thấy xuất-hiện ra Thiên-hạ tức-thì chưa có hoan-ngheh ngay. Nó chưa địch nổi với câu thần-trù « Tự-do, bình đẳng, bác-ái », cùng bài hát *Marseillaise* và *Chant du Départ*. Nhưng mà tới khi *BONAPARTE* dẹp xong Cách-mệnh, khi *NAPOLÉON* định đồ Dân-chủ rồi, thì tự-nhiên chữ ấy thành ra cái tiếng hiệu vừa ích-dụng trong việc binh-quyền, vừa đề cổ-võ lòng dân. Hoàng-đế thường ưa dùng chữ đó trong các bài hịch truyền trong binh-tốt. Là vì chữ đó có cái lợi vô-song: rõ tiêu-biểu được cái chí Cách-mệnh mà không lộ ra các mục-dịch riêng về chánh-trị.

Tuy vậy, tiếng ấy nghĩa hàm-hồ bất-định. Nhưng nghĩa rất rộng. Nó có thể gồm bọc được hết thảy các điều mà phong-trào tư-tưởng thế-kỷ thứ XIX đem lại.

Ta phải chia ra, trong cái phong-trào đó, hai phần tư-tưởng: phần thì trọng về chánh-trị và lịch-sử, phần thì trọng về cách-trị và kỹ-nghệ. Cái nhân-đẳng mới thành lên trong buổi loạn-lạc hỗn - độn, về đời Nã-phã-luân trị-vì, giữ quyền-chính vào 1830, ấy là hạng trung-lưu trong xã - hội (*bourgeoisie*). Bọn này chẳng theo cũ, chẳng theo mới quá, muốn giữ cái thái-độ trung-dung, tuần-tự mà tiến-bộ.

... Tới đây có ba cái điều-mục thế-kỷ thứ mười tám không có, mà ông *Goetzor* (đại-biểu cho phái trung-lưu) đã sáp nhập vào sử-học thế-kỷ thứ XIX. Ta có thể tóm lại như thế này: lịch-sử

(1) Thế-kỷ thứ XVI.

thế-giới là lịch-sử văn-minh; văn-minh là mỗ-mang trí-tự-do; mà đứng đầu trên con đường văn-minh là nước Pháp.

Lại đến hồi quân-chủ tháng *Juillet* cũng có AUGUSTE COMTE tự cái chủ-nghĩa thực-nghiệm mà sinh ra cái đạo-sùng kính nhân-loại. Cũng lúc đó tư-tưởng của ông SAINT SIMON cũng sinh ra cái phong trào kinh-tế. Còn trường Nhà-nước thì cổ-dộng qui-trọng về thân-thể, cải-lương quân-áo, mà lại lập nhà « băng » và xe lửa...

Lúc đó, nước Pháp như say-mê trong giấc tiên-mộng, mơ-hoặc cải-thiên-chức mình: Pháp là cái then-chốt trong lịch-sử nhân-loại. Các trường sử-học, cách-trí, chánh-trí, xã-hội cải-lương, đều là tin điều đó. Cả đến trong làng văn, VICTOR HUGO cũng sẵn lòng lấy thi-ca mà tán-dương cho cái trí văn-minh đó. Thế là đến thế-kỷ thứ XIX, thì cái trí văn-minh đã thành câu đầu lưỡi. Nó không riêng cho ai, mà là chung cả một thời; và ấy tức là cái chứng-cớ hiển-nhiên rằng nó đã cảm-hóa khắp dân-gian. Cái tinh-thần Pháp đã nhiễm hẳn cái tư-tưởng văn-minh rồi.

Nhưng mà đến đây truyện chưa hết. Khi thua trận 1870, cái tư-tưởng ấy lại dấy lên. Một cái tiếng đã rỗng nghĩa đi rồi, quốc-hồn Pháp lại tồn là cái của-báu nhất, thiêng-liêng nhất, như là cái quốc-túy vậy. Cái tư-tưởng văn-minh đã bị người đè-nén, ta phải chống-đỡ nó lên. Hội Dân-quốc lần thứ ba, nhiều lúc nguy-nan, phải cần tới cái biểu-hiệu đó, để nó giúp trong công-cuộc khó-khăn, để nó tỏ cái tinh-thần chung một nước, đương lúc cần thống-nhất lại. Cái ý-tưởng văn-minh khi ấy lại rực-rỡ vô-cùng, lại có cái nghĩa rất mật-thiết với thời-cơ. Nó thấm-thía cả đến các trường nhỏ, chốn cùng-thôn. Nó là cái hào-quang che nền Dân-chủ; nó là cái tiếng hiệu gọi đàn trong buổi gian-nan.

Cái tư-tưởng văn-minh ấy nó giúp cho gồm tóm lại cả cuộc lịch-sử nước

Pháp, mà cho cái lịch-sử ấy một cái phương-châm, một cái mục-dích rất dễ hiểu, rất rõ-ràng: là sự cứu-tế cho nhân-loại. Trận *Croisades*, sự khai-quốc, nền *classique* đòi quân-chủ, các trận-mạc hồi Cách-mệnh, chỉ đến sự tiến-hóa về cách-trí, thông-thương, văn chương, cho đến thể Dân-chủ, đều thành ra những đò đường trên cái bước văn-minh.

Nói cho thật ra, thì khi Dân-quốc thắng trận rồi, cái tư-tưởng ấy có phần phai nhạt đi. Từ năm 1905, thì một phần sĩ-phu trong nước không phục những cái lý-thuyết Dân-chủ lập ra nữa; các chủ-nghĩa dân-quyền, nghị-viện, vô-tôn-giáo, không vừa lòng sĩ-phu nữa. Lúc đó nảy ra một cái tôn-chỉ có mật-thiết với đất nước, với lòng dân hơn, sùng-phụng cái cổ-phong (*tradition*) và cái quyền-lệnh (*autorité*). BARRÈS thì một cách rất « lãng-mạn », MAURRAS thì một cách rất « cổ-diễn », nhưng đều là bảo-thủ cho một cái tư-tưởng chung. Trong bọn thiếu-niên cũng là nhiệt-thành lắm. Thiếu-niên vẫn là ham sự tối-tân. Tối-tân ngày nay nghĩa là: trở về cái nền-nếp tổ-tiên để lại. Theo như lời ông BARRÈS là: *mở-mả, đất nước*. Theo như lời ông MAURRAS là *cánh hoa lys của nhà vua Pháp*. Bao nhiêu những chữ thông-dụng trong đảng cầm quyền-chính đều vứt bỏ, chỉ còn giữ có tiếng văn-minh.

Văn-minh! — Cái tiếng đó từ 1789 đã chỉ cái ảo-mộng tự-do, cái mộng đã đưa thế-giới này gần đến vực sâu. Nhưng mà cùng một chữ đó, nghĩa ngày nay lại là: theo lẽ phải, quay về cái cội-rễ ông cha. Cái tiếng đó quá là nặng đầy một cái hương-hỏa lâu-dài, một cái nền xưa khả-kính. Thật là ngọn lửa trên ngai thờ tiên-tổ. Ấy là cái dạ hiếu-kính « la-mã », ấy là cái lòng nhần-nại « la-tinh », nó gìn giữ cho tổ-quốc tránh khỏi « cái nản Điều-đương »

ERNST-ROBERT CURTRUI.

ĐỖ ĐÌNH trích dịch

THƯ CHO EM GÁI (1)

Em Hồng-ngọc,

Từ ngày em lên học Hà-nội đến nay, thầy mẹ và các em bé ở nhà bình-yên cả. Những khi vui họp gia-đình, nhắc đến em cả nhà cùng nhớ. Nhưng mỗi khi nghĩ đến em xa nhà, chẳng qua đi học; và lại tưởng - tượng đến cái cảnh em vinh-qui rục-rỡ những ngày tương-lai, thời tâm lòng mong nhớ cũng tạm lắng khuây.

Nhưng em ơi, em có biết chị đối với em, bên lòng yêu nhớ, vẫn bán-khoản lo ngại nỗi xa gần không, em?

Em nên biết phồn-hoa như cõi Hà-thành, người hay cũng lắm, người dở cũng nhiều. Chị chỉ lo em còn ít tuổi, trong giao-du không biết chọn bạn hay. Rồi có khi vì đua theo chúng bạn mà làm-lỡ cả một đời, thời bấy giờ chẳng những lấm thân trong ngọc trắng ngà của mình không chuộc lại được, mà thêm ô-danh đến cả mẹ cha.

Em nên cần-thận đấy. Tắm thân là gái, chớ coi thường.

Nhất là đừng có đua « văn-minh », đừng có học đòi « tự-do ». Ngọn sóng văn-minh, con trào tự-do ít lâu nay đã đánh băng cả cái nền phong-hóa tốt đẹp của nước Việt-Nam đi rồi, và làm trời giạt không biết bao nhiêu là con nhà khuê - các nữa. Trông thấy cái gương của những bạn gái dở-dang vì phong-trào mới đây, thì mình lại càng phải giữ mình.

Ở Hà-thành hồi này cái dịch « thời-trang » đã lan khắp cả, đến nỗi con nhà khuê-các cũng mất nền - nếp xưa. Chị chỉ sợ em mà cũng nhớ những thế, thì đây mặt mẹ cha đây. Em là người có giáo-dục, có học-thức, phải biết suy xa, nghĩ gần, phải biết

tự-trọng, đừng để cái trào-lưu kia nó xô-dẩy mình nhé!

Than ôi! nói đến thời-trang mà buồn cho phong-hóa! Trong số gái « tự-do » lộng-lẫy thời-trang, ngày ngày bộ cánh phất-phơ trong thành-phố Hà-nội kia, trong trăm người có đến chín-mười-chín người hư, em có biết không? Những điều hư ấy, thực không ai ngờ. Biết bao nhiêu mặt phấn áo lam, bướm ong sòm-sở, lối tình tự-do, trên sân khấu rạp tuồng phồn-hoa đã đóng vai đào lẳng để phụng công-tử mua vui, khiến công-chúng kẻ cười người ghét; lại thêm để mĩa-mai đến cả mẹ cha: có con gái không biết đường dạy bảo.

Chị không hiểu những gái hư ấy có biết mình, và có nghe tiếng dư-luận nhao-nhao liễu-mạ không? Thật là hư quá, không ngờ nòi giống Tiên Rồng mà đàn bà con gái ngày nay suy-đốn thế! « Một » nọ « một » kia, điều hay chẳng thấy kịp ai, chỉ thấy cái dở xô nhau mà học.

Em phải nên tin lời chị nói là thật nhé. Và phải vâng lời chị khuyên bảo mà ăn-ở cho đứng-đắn, giữ-gìn phẩm-giá mình. Đừng có đua đòi theo « một », không hay gì đâu. Áo lam, áo tía, quần nhiều trắng, hoa tai đầm, nhẫn bạch-kim, giày móng-cá gót cao hàng năm tấc. Chẳng qua chỉ một bộ cánh lẳng-lơ khiến con người đã lẳng rồi càng thêm lẳng nữa, chừ có trang-trọng gì. Tưởng rằng ăn mặc cho lạ mắt thế là đẹp hay sao? — Đẹp gì, dở lắm! Nhất là đôi giày gót đầm cao năm bảy tấc kia, đi ngất-ngã ngất-ngưỡng, đau chết cả chân, mà những cô ả sinh « một » cũng đua nhau lê được quanh năm. Thế mới biết họ cũng chịu khó nhằn-

(1) Bản-chỉ tiếp được « thư » này của một bà bạn đọc báo ở tỉnh xa, xin cứ y nguyên-văn đang lên báo, để góp một phần dư-luận về vấn-đề nữ-lưu ngày nay. — N. P.

nhớ ngẫm đề mà thờ « một » ! Em đừng có dùng những lối giày gót cao ấy, đi không vững-vàng lại hại vệ-sinh. Cứ đi lối giày bằng gót, vừa chắc bước, vừa êm chân, lại nhũn-nhặn nữa.

Phần son em nay là gái diêm-trang chút đỉnh cũng không hại gì, nhưng đừng có thái-quá. Song, cứ như ý riêng chị nghĩ thời người có nhan-sắc, dầu trong khăn nâu áo vải cũng không dẫu được vẻ khuy-nh-thành. Mà người đã xấu, thì dù phần trát vàng đeo nữa, cũng chỉ lảng thêm vẻ xấu. Như thế thời người đàn bà con gái hà-lắt phải cầu-kỳ ở sự làm dáng cho lắm. Vả đẹp người mà không đẹp nết, bóng dáng bề ngoài, bề trong hư đoảng, thời con người ấy ai cầu mà chi !

Em ạ, chị tưởng cứ trang-sức nhả-nhặn, miễn ra con người dịu-dàng có vẻ ưa nhìn là hơn.

Ai không yêu người con gái thủy-mị chín-chắn ? Ai có thích hạng gái chai-lơ, quần này áo nọ, một ngày thay năm bảy bộ, lúc nào cũng nhớn-nhờ mặt phần lượn các cửa hàng. Khốn-nạn ! không biết làm sao cái buổi văn-minh này, trong đám phụ-nữ sinh ra lắm hạng dơ tuồng thế !

Gần đây lại nảy ra một hạng gái rởm nữa, là hạng sinh thờ-thao, Đua nhau lù năm, lù bảy, tổ-chức những cuộc đi bộ tỉnh này sang tỉnh khác. Thật là phong-hóa giữa buổi suy-đời, không còn biết than sao cho xiết. Em đừng lầm tưởng thế là hay, là giỏi, mà lăm-le học đòi. Chẳng qua phần nhiều là con nhà ít giáo-dục, tí-toe năm ba chữ, sốt-sắng cầu hư-danh, nên mới dỏ trò vẽ đường cho hươu chạy như thế.

Em nên biết rằng : một người con gái thực được phần giáo-dục tốt, thực có cái học-thức cao, thì không bao giờ chịu bán rẻ cái thanh-giá của mình đi để làm những điều sỗ-sàng trước công-chúng. Gái dẫu mà tro-tro dưng trước dư-luận, ai chê cũng mặc, ai cười cũng

cam. Chỉ qui-hồ rộng-rỡ cho thỏa cái sở-thích tự-do của mình ; những hạng gái ấy, tưởng Bình-khang kia còn biết thẹn-thùng hơn.

Chị nói thế, em đừng vội tưởng chị có ác-cảm gì với ai nhé. Không đâu, chẳng qua chị yêu em, mong cho em khá, nên bao những điều hay, chuyện dở giữa đời, trong thư giấy cho nhau muốn bình-tĩnh mà luận, khiến em mỗi khi tiếp thư chị, cuộc đời cũng rõ thêm điều dở hay.

Tuy vậy, em đọc thư lời đoạn này, không khỏi chế thầm chị là người hủ, không biết cái ích-lợi của thờ-thao, nên tỏ ra lời bài-bác. Nếu em nghĩ thế thì em lầm. Chị tuy học-thức không có gì thật, song cũng là một kẻ yếm khổ trong thời-đại mới, có lẽ nào không biết cái hay cái dở của đời văn-minh.

Chị không đến nỗi hủ thế đâu em ạ. Chị thích thờ-thao lắm. Chị vẫn phản-nàn rằng người Việt-Nam mình vì kém thờ-thao nên đàn ông đàn bà đều yếu-ớt như sên cẩu, nói giống cũng vì thế mà thấp nhỏ yếu hèn. Mà nhất là phụ-nữ mình lại càng bầy-bớt lắm. Tưởng chừng xã-hội đàn bà mình có đến già nửa phần người gió thổi bay ! Thực lắm khi trông thấy người Tây-phương, đàn ông, đàn bà, con trẻ đều có dáng cao lớn mạnh-mẽ mà mình thém. Ngó lại giống mình, không chim chích mà loắt-choắt như chim-chích cả, thật buồn !

Như thế, chị há lại không mong cho khắp nước mình, thành-thị thôn-quê đâu đâu cũng có trường thờ-thao để gây lấy giống mạnh-mẽ hay sao ?

Đành rằng môn thờ-thao là cần. Nhưng bạn gái ta muốn luyện-tập thờ-thao, chị tưởng không thiếu gì cách luyện-tập khác khiến cho mềm gân giảo thit, vạm-vỡ con người, mà không đến nỗi phải mòn gót chân đi khắp đó đây, dạn mặt với tỉnh này tỉnh khác.

Em nghĩ bây giờ một người con gái muốn khỏe-mạnh, phạm bao nhiêu công

việc trong nhà: gánh nước, bõ củi, đi chợ, nấu ăn, cuốc vườn (nhà có vườn ruộng), đi đây đi đó, sốc-vác, công kia việc nọ, tự mình làm lấy cả, không cần đầy tớ nữa. Như thế liệu có khỏe hơn lực điền không? Vừa đỡ cho cha mẹ được món tiền nuôi đầy tớ, vừa giúp cho mình thêm sức khỏe, thêm tinh-thần, lại thêm thạo việc nữa, chẳng hay ư? Con gái nhà phường-phố, các tiểu-thư nhà quan, những có ả nhà giàu, sáng mở mắt dậy đã con sen vù già bung nước súc miệng, sắp thau rửa mặt; thậm-chi đến lấy cái khăn, cái áo, đôi giày, cũng tay người khác hầu có cả. Sai vặt trong nhà, đã con sen thẳng nhỏ, ngày hai bữa cơm bung tận mặt, đã có bếp; bước chân ra ngoài, đã ô-tô, song-mã, xe tay kẻ cửa. Như thế mà muốn khỏe, thì khỏe với ai, mà khỏe thế nào được? Nay muốn tập thể-thao, tưởng trước hết hãy uốn lưng đúng tay làm lấy những công-việc trong nhà kia đi đã. Còn cái sự đi bộ tỉnh này sang tỉnh khác, thì cứ đi bộ phố này sang phố kia, bãi hân ngồi xe đi cũng đủ. Ấy là nói cái bậc gái phong-lưu đó. Còn những nhà thường-

thường thì một tay người con gái bao nhiêu việc trong nhà, hoặc việc nặng, việc nhẹ, góp sức mình giúp đỡ mẹ cha, là trong làm-lụng ấy có thể - thao rồi; cần gì phải kéo bộ đi đâu. Ngoài những công-việc trong gia-đình đó, như muốn có cái thú tiêu-khiến phong-nhã nữa, thì bạn gái họp những người đứng-dẫn cùng nhau tổ-chức một hội đánh banh « lơ-nít » để những buổi chiều trời êm-ả, với nhau sân quần họp mặt, chị em thử sức đua tài cũng hay. Miễn là công-việc nhà mình làm hết phận-sự, cách ăn-ở mình nề-na đứng - dẫn, thời cha mẹ nào mà ngăn cấm con những cuộc vui kia. Hà-tất phải kéo nhau đi bộ mới là thể-thao. Em nghe chị bàn thế, liệu có hợp-ý không?

Thôi, « thời-trang » với « thể-thao », lằng nhằng những chuyện đầu đầu, từ này đến giờ miết-mải viết mãi. Nhìn cuối thư mới biết giấy đã hết rồi. Còn nhiều chuyện khác, để thư sau em nhé!

Chúc em vui mạnh, học-hành tấn-tới, đức-hạnh ngày càng hơn.

Chị yêu của em :

HẢI-LĂNG thôn-nữ

Qu'un homme sache me regarder en face, rire avec moi, parler franc et agir loyalement, et je le reconnais pour mon frère, eût-il la peau noire comme de l'encre ou jaune comme un coucou.

G. H. WELLS.

Người nào biết đối-diện mà nhìn tôi, cười với tôi, nói-năng chân-thật, ăn-ở thành-tín, người ấy tôi nhận làm anh-em tôi, dù da đen như mực hay da vàng như con chim anh mặc lòng.

TÂM-LÝ LÍNH LÊ-DƯƠNG (1)

« *Tại Ouaouizegh, Ma-lac-kha, ngày 12 tháng 8 năm 1923.* — Hôm nay, một vị đại-tướng với mười viên quân-quan đến thăm đồn tôi đóng, cùng những nơi đồn xa khác thuộc quyền tôi cai-quản, để thu-quát lấy hình-thể các núi-non sắp hành-quân sau này... Đại-tướng có diễm-binh quân Lê-dương. Không may, các quan đến hôm nay lại là ngày lĩnh lương. Nhiều cậu say khướt. Nhưng cũng giữ-gìn được. Đứng ngay-ngần nghiêm-trang lắm...

« *Ngày 15 tháng 8.* — Có một cậu say nhiều hơn cả, tôi phải tổng giam. Hắn làm nhiều lắm. Một anh bạn đến xin tôi tha cho. Anh này cũng say nốt.

« Anh này là người Pháp, ở thành *Brest*, tên là *Latour*. Nhưng đăng vào Lê-dương là người Tỉ-lợi-thì. Trước làm lính thủy. Vì bất-tuân kỷ-luật, đã bị phạt giam ở trại tù lâu năm. Đã đứng tuổi, vào khoảng bốn - mươi, nhưng người cao lớn, còn mạnh khỏe.

« Tôi bảo hắn rằng tôi lấy làm lạ một tên lão-binh như hắn mà còn phạm kỷ-luật đến thế. Hắn phải biết rằng phạm binh-lính có điều gì kêu-nài với quan phải qua thầy đội bốn dè-

trình, và giờ này không phải là giờ kêu nài.

« Hắn xin lỗi, nhưng chừng rượu còn ngà-ngà, vẫn cứ nói. Nói huyền-thiên: nào nổi mình cực-khò, nào nổi nhà gian-truân. Cung-khai lai-lịch mãi. Tôi vẫn sợ các cậu Lê-dương « xưng tội ». Thường chỉ những lúc nào chúng mê-mẩn không biết trách-nhiệm nữa, chúng mới nói như vậy, rồi lấy làm hối ngay. Bởi thế nên tôi muốn ngăn không cho nói nữa. Nhưng không thể được: hắn ngửa miệng muốn nói quá, không sao nín được. Vụt chốc nhìn con mắt hắn, tôi biết rằng hắn cấm tôi. Bỗng tự-nhiên, cấm như vậy. Có lẽ hắn cũng không biết vì cớ gì, nhưng hắn cấm tôi.

« Chập tối, tôi đi khám các chòi, đều có lính phiên canh. Ở chòi thứ nhất, ngay cửa đồn, thấy một người đứng cạnh tên lính phiên. Đương chia bình thiếc ra cho tên kia uống.

« Tôi bắt đưa bình cho tôi xem: bình đầy những rượu, đổ lênh-làng ra đất. Người đứng đó là tên Lê-dương vừa kể chuyện trên kia. Một cuộc vấn-đáp văn-tất:

(1) Lính « Lê-dương » (*la Légion étrangère*) là một đội quân đặc biệt trong quân đội nước Pháp. Toàn là người ngoại-quốc, khi nhập đội không cần hỏi lai-lịch cáo-cước gì cả, miễn là có đủ sức đi tòng-chinh và tình-nguyện trung-thành với quốc-kỳ Đại-Pháp là đủ. Phần nhiều là những người giang-hồ thất-cước, hoặc có nông-nổi gì không thể hay không muốn nhàn nhện đến nước mình nữa, mới xin đăng vào đội này. Kỷ-luật rất nghiêm, mà khi ra trận thì hăng-hái lạ thường, nước Pháp thường dùng để đóng ở thuộc-địa. Người lính Lê-dương có một cái tâm-lý riêng, ông văn-sĩ *PIERRE MILLE* đã tả ra trong một bài ở báo *Le Temps*, theo sách của một viên quân-quan Lê-dương người Nga. Đây là dịch bài ở báo *Le Temps*.

« — *Latour*, anh làm gì đấy ? Binh này của anh có phải không ?

« — Vâng, của tôi. Tôi vào hạng phiên canh. Anh này canh xong, tôi phải thay.

« Tôi bảo hắn đề tên lính phiên canh một mình. Tôi về nhà, gọi thầy đội phiên, truyền cho phải thay cả bọn lính phiên, xem ra không thể tin được. Trên bàn có đốt hai ngọn nến. Cửa buồng mở, ngoài sân tối mù, chiếu ra thành một đám sáng hình chữ nhật. Tôi không biết trong bụng tôi nghi-ngờ sự gì, tôi bước ra ngoài lần nữa. Nghe thấy có tiếng lấp sùng. Tôi không đứng vào cái khoảng chiếu sáng, nhờ bóng tối trông thấy rõ-ràng tên *Latour* đi lại phía buồng tôi, tay vác súng đã nạp đạn. Khi hắn đến cách cửa buồng mấy thước thì tôi ở chỗ tối ra chỗ sáng. Tôi đứng áp liền ngay với hắn. Bấy giờ hắn đứng dừng lại, bỏ đạn trong súng ra. Tôi nghe thấy tiếng vỏ đạn đã nạp rồi rơi xuống đất.

« Tôi nhìn thẳng vào mặt hắn. Tôi nói:

« — *Latour*, anh định làm gì vậy ? Anh đến đây làm gì ?

« — *Latour* ? *Latour* đi giễu chơi.

« — Được, cứ việc đi chơi !

« Tôi liền huýt còi. Tên lính hầu và thầy đội phiên chạy lại. Tôi truyền cho thầy đội đem tên *Latour* lại, thu lấy súng, và cho người canh giữ.

« *Latour* đã dâng được mười hai năm. Nếu tôi làm giấy tư, thì phải ra tòa án binh xử. Thế nào cũng phải tù từ ba đến mười năm. Tôi không muốn làm hại hắn thế. Tôi chỉ biên phạt hắn mà thôi, phạt rất nặng mà không đến nỗi phải đệ lên tòa.

« Biên rằng :

« Tên lính Lê-dương *Latour*, thuộc « phiên canh gác, bỏ nơi điểm canh để « đem rượu cho một người lính phiên « khác uống, rồi thấy mang súng nạp « đạn sẵn đứng ở cạnh buồng giấy quan « tư, hỏi đứng đấy làm gì không trả « lời được. »

« Hôm sau tôi gọi hắn đến. Tôi đọc giấy phạt cho nghe. Hắn đứng thẳng nghiêm lắm, có ý tránh không nhìn vào tôi. Cùng hôm ấy, phải thay mười hai người giữ một nơi « lò-cốt » xa, tôi liền cắt *Latour* sung vào số đó.

« Mấy hôm sau. — Tôi đến khám « lò-cốt » Tới nơi, viên đội coi « lò-cốt » bắt lính ra bông súng chào. *Latour* cũng có đấy, đứng ngay - ngắn chỉnh - tề lắm. Tôi hỏi :

« — Thế nào *Latour*, bằng lòng chứ ?

« Hắn trả lời :

« — Bẩm vâng, bằng lòng ạ ! »

Độc-giả đọc trang nhật-ký đó, có thấy lời - lẽ giản - dị mà rung mình không ? Tên « Lê-dương » muốn giết ông quan tư. Nó đã khởi-hành rồi. Nó đã quyết-dịnh ở trong cái óc say-sưa cuồng-dại của nó rồi. Thế mà trong nhật-ký tịch không nói một lời về việc đó. Dường như coi là một việc bất-túc khinh-trọng vậy... Mà quan tư cũng không muốn cho tên lính phải đệ ra tòa án binh. Vì biết rằng tên kia chỉ cách đấy mấy ngày, mấy giờ mà thôi, sẽ quên rằng mình đã muốn giết người, mà lại biến thành một tên lính tốt, sẵn lòng tự hi-sinh ngay thân mình đi được, sẵn lòng cam chịu nhọc-nhân lam-chường, liều chết để đắp đường cho kẻ khác đi sau, thế mới lại cực-

khô hơn nữa. Bởi biết thế, nên thi-hành cái câu sau này của tướng GAL-LIÉNI: « Các võ-quan cùng văn-quan của ta đi thuộc-địa nên cứ lấy lẽ phải mà làm việc lợi-ích chung. Không nên câu-nệ thể-lệ mà đến phung-hại việc lợi-ích. » Tướng LYAUTEY là người đã làm nên công-nghiệp to ở Ma-lặc-kha, đã đào-tạo ra bao nhiêu tay chủ-trương dịch-đàng, ai nấy đều một lòng tín-phục mà noi theo, chính tướng LYAUTEY cũng thường lấy câu đó làm câu châm-ngôn cho mình vậy. Nay nếu quan tư mà cứ theo đúng như thể - lệ thì tất phải biên rõ cái tội của tên lính kia, là tội mưu-sát, thì án xử tất đến mười năm tù. Nhưng quan tư không theo thể-lệ. Không theo thể-lệ, là vì việc lợi-ích, việc lợi-ích chân-chính ở đây, là nên giữ lấy một tên lính tốt cho đội Lê-dương, — lại cũng vì là mình biết thương yêu bọn Lê-dương kia, thương yêu cả loài người, biết rằng người ta thương ngày nay thế này ngày mai thế khác, nhất là cái hạng người tâm-hồn bất-định, giản - phác mạc - mạc, mà buồn-bã ử-ê, buồn đến vô-hạn, là hạng lính Lê-dương kia.

Quan tư thuộc tâm-lý người ta một cách sâu-xa như thế, thật cũng có sở-đắc tự ai. Quan tên là ZINOVI PECHKOFF, là con nuôi nhai đại - văn-hào nước Nga GORKI. Đãng vào đội Lê-dương từ đầu cuộc Âu-chiến, bị thương nhiều lần, phải cắt cánh tay phải, vẫn cứ tòng-quân, làm nên đến quan tư. Sau được cử đi phái-bộ cổ-dộng ở nước Mĩ, thấy thiên-hạ hồi lắm câu lạ-lùng về quân Lê-dương, phần thì vì người ta tuyệt-nhiên không biết quân Lê-dương là gì, phần thì vì người Đức vu-truyền ra lắm chuyện man-trá, nên ông có viết một quyển sách về Lê-dương bằng tiếng Anh đề là *Buggle Song*, sách ấy nay lại mới có một bản bằng chữ Pháp đề là *La Légion étrangère au Maroc* (Lính Lê-dương ở Ma-lặc-kha).

Thuộc tâm-lý quân Lê - dương thì không ai bằng quan tư PECHKOFF. Lần này là lần đầu mới có một người ngoại-quốc làm quan trong đội Lê-dương mà quan-sát phán-đoán về quân Lê-dương. Người ngoại-quốc mà đã từng đồ mầu cho nước Pháp, cũng thành như người Pháp vậy, nhưng có cái tinh-thần giống Ti-lạp-phu, (*Slave*) có thể am-hiểu được tinh-tinh những kẻ quân-nhân tiểu-tốt kia, thường có tính dễ xúc-dộng, nhưng thật là có gan dạ lớn-lao mà tự mình không biết, cũng không cần gì cho thiên-hạ biết đến, chỉ biết hết lòng phụng-sự, vui-vẻ hi-sinh mà thôi. Nhiều kẻ được quan trên muốn giao cho một chức cai-quản, thăng cho một trật nhỏ-mọn, cũng lấy làm sợ không dám nhận.

Quan tư PECHKOFF nói rằng: « Cho họ thăng họ không chịu, vì họ không muốn có trách - nhiệm. Có khi họ tự nói rằng: « Chúng tôi đến đây cũng chỉ là vì không muốn có trách-nhiệm. Chúng tôi không thể tự mình tư-tưởng gì được nữa. Chúng tôi cần phải có người cai-quản đốc - suất, chúng tôi vâng theo kỷ-luật trong quân-đội, nhưng chúng tôi không thể tự cai-quản lấy được. »

Những kẻ đó, — mà hạng này cũng khá đông, — có thể cho là những kẻ « không có xương sống về tinh-thần » (*épine dorsale morale*), không thể đứng vững được một mình, không thể tự-chủ tự-lập được. Cần phải có kỷ-luật đề thông-mặc luôn. Bấy giờ họ vào quân Lê-dương, cũng như kẻ khác vì một lẽ đó mà vào dòng tu vậy. Cho nên quân Lê-dương cũng có thể ví xa-xa như một dòng tu được, một dòng tu mà các thầy tu vẫn có quyền được uống rượu, có khi đến say-sưa mê-mẩn vậy. Còn về khoản tình-ái, thì trong đời người lính Lê-dương, chỉ có một phần nhỏ-

mọn mà thôi. Ấy đại-khái cái tâm-lý phổ-thông của người lính Lê-dương như vậy ; lại thêm một cái tính - cách nữa, là cái tính-cách phải tự-dộng lữ-hành luôn (*automatisme ambulatoire*). Họ cần lúc nào cũng phải đi phải trẩy luôn, dù đi đến cùng đường phải quyết-chiến mà liều chết mặc lòng. Vì chân bước thì óc không nghĩ nữa, mà họ không sợ gì bằng phải nghĩ-ngợi, phải tư-tưởng... Khi nghĩ-ngợi, khi ở trại, thì sinh ra nghĩ - ngợi, không phải nghĩ-ngợi một cách thăm-trăm gì, mà nghĩ - ngợi một cách mơ - màng vẩn-đục, như đầy những cái vật - đục nó ám - ảnh, thành ra đau-đớn khổ-não. Cái đó tức trong quân gọi là *cafard*, là một sự buồn-bực vô cùng, như con dấn nó nhấm óc vậy. Bấy giờ thì đánh rượu cho say tít. Cũng có khi thì trốn quân mà đi. Đó là lúc thường mà thôi, chứ khi đi trận thì không có đào-quân bao giờ.

Trong quân Lê-dương, giống người nào cũng có. Đội của quan tư PECHKOFF tính ra có đến 26 nước ; cứ đọc bìa những nơi cốt-tháp (*ossuaire*) dựng xương các tử-binh, — mà số người chết cũng khá nhiều, — thì đủ biết : nào những tên *Lefort, Blukler, Théodoroff, Schultz, Lopez, Konenko, Arkadief, Johnson*. Trước khi Âu-chiến thì trong quân Lê-dương có 20 phần trăm người Đức. Bấy giờ đến 50 phần trăm. Gặp cảnh nước nhà điên-bại, nên họ kéo đến đông quá : nào là người thuộc về phái xã-hội cực-doan, vì cuộc cách-mệnh binh-dân (*révolution spartakiste*) không thành, nên phải bỏ nước đi ; nào là phái quân-chủ tuyệt-đối, không chịu khuất-phục mà trở chính phủ Dân-quốc mới. Nhưng người Nga cũng kể có hàng nghìn, phần nhiều là những kỵ-binh *Cosaques* ở hạt *Don* hay hạt *Kouban*, là những quân cổ-binh cũ của các tướng *DENIKINE* và *WRANGEL*. Quan tư PECHKOFF cũng là người Nga mà cứ

bình - tĩnh phán-đoán người Nga nói rằng: Trừ kẻ lỏi - lạc không kể, còn người Nga mà cho làm cai-đội không tốt ; tính do-dự, không đủ có oai mà cai-quản được quân - lính. Chứ như người Đức thì hẳn được đóng cai là tỏ ra có tư-cách chủ-trương đốc - suất ngay, liều đứng lên cai-quản được 8 người, 12 người, có khi hơn nữa. Tuy-nhiên làm cai thì được, chứ thăng lên đội đã có ý kém. Không thuộc tâm - lý người, lại có tính tàn - nhẫn. Nếu lính toàn là người Đức cả thì họ cai-quản nhau còn có thể được, chứ có người nước khác thì không xong... Nhưng đã nhập - đội được hai ba năm rồi, thì không có phân - biệt người Đức hay người Nga gì nữa : hết thấy là lính Lê-dương cả. Hết thấy là hỗn - nhiên hỗn-hợp vào trong quân - đội cả. Cá-nhân là đoàn-thể, đoàn-thể là cá-nhân, không còn phân biệt gì nữa. Nếu sau này Hội Vạn-quốc có một quân-đội, thì cái số - hình đó là ở quân Lê-dương ngày nay vậy. Đến đến ngày đó, hiện nay quân Lê-dương cũng đã là một cái hội Vạn-quốc nhỏ về nhà binh, nhỏ về hình-thức mà lớn về tinh-thần, theo như lời quan tư PECHKOFF nói, để gia-sức phụng-sự cho công-cuộc văn-minh, giữa hai trận quyết - chiến, lại còn đắp đất làm đường, vừa làm quân lính để đánh giặc, lại vừa làm-thời khi làm thợ mỏ, khi làm thợ dẫu, khi làm thợ mộc, khi làm thợ nề. Quân này là quân tiên - phong, khai đường mở lối, lẳng - lẳng hi-sinh, để cho người sau đến được an-cư lạc-nghịệp. Thiệt thế, quân Lê - dương quả là một hội Vạn-quốc nhỏ của nhà binh mà duy chỉ có nước Pháp mới có cái tài gây dựng được lâu bền vậy.

...Trên đầu bài này, tôi đã theo quyền sách qui-hóa của quan tư PECHKOFF mà thuật lại truyện tên Lê-dương *Latour* kia, định lập-tâm giết quan tư,

rồi được quan tha-thứ cho, sau trở nên một tên lính tốt, bằng lòng vui-vẻ mà làm nghĩa-vụ.

Quan tư lại nói rằng: « Trong đội tôi có một tên Lê-dương nữa, tôi tưởng không bao giờ tôi quên được. Không phải có nhân - cách hay có tài - cán lỗi - lạc chi. Chỉ là một người thường như trăm nghìn người khác. Người cao lớn vạm-vỡ, cho là người Đức, mà có lẽ là người Áo cũng phải. Tên gọi là Hermann, hàng trận bị quân địch vây, trên đường đi tôi thấy hắn nằm ngay bên bờ. Bấy giờ đương khởi hành công-kích lần nữa. Hắn thì đã bị

thương hai lần. Ruột con ở trong bụng lòi ra. Hắn nhìn tôi mà nói rằng: « Quan có bằng lòng tôi không? » Chỉ có một câu thế, không nói gì nữa. »

Bằng lòng? Tên Latout kia nhờ lượng quan, khỏi phải đi làm khổ-binh, cũng từng dùng cái tiếng « bằng lòng » (*content*) đó. Dùng ra một nghĩa khác. Nhưng đã chắc rằng khác chưa? Đó thật là một cái bí quyết của những kẻ tâm-hồn mộc-mạc, cái bí-quyết rất có vẻ thiết-tha nồng-nàn vậy!

H.-N. dịch

La vie n'est pas si méchante qu'on dit. Il y a du vilain temps, bien sûr, mais il y a des éclaircies. C'est à ce moment là qu'il faut aller se promener. Seulement la plupart des gens ont la manie de sortir quand il pleut. Alors, ils se mouillent. C'est de leur faute. Chaque chose en son temps. Chaque homme à sa place. On doit faucher le foin quand il est haut, le blé quand il est mûr, et accoster de bonheur quand il passe par là.

— Et s'il ne passe jamais?

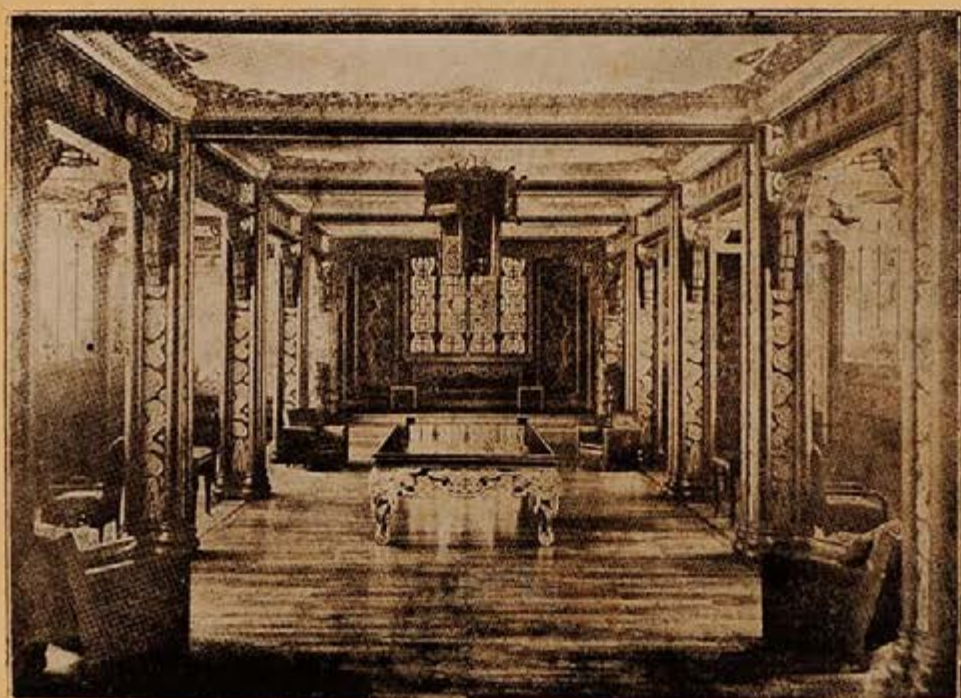
— Il passe toujours.

ROBERT DE FLERS

Bởi người không đến nỗi độc-ác như người ta thường nói đâu. Chắc là có khi mưa phùn gió bắc, nhưng cũng có lúc trời lạnh mây quang. Muốn đi chơi phải đi chơi vào lúc đó. Nhưng phần nhiều người lại dở hơi cứ xuất-hành vào ngày mưa. Đi mưa thì ướt áo. Đó là lỗi tại mình. Vật gì có thời nấy. Người nào có phận nấy. Cắt cỏ phải cắt vào lúc cỏ cao, gặt lúa phải gặt vào khi lúa chín. Đón cái hạnh-phúc cũng phải thừa giữa lúc nó tới qua.

— Thế ngộ nó không qua thì sao?

— Nó qua luôn.



Nhà Học-sinh Đông-Pháp ở xóm Học-sinh Paris : Phòng hội-dồng

DANH-NHÂN HẢI-DƯƠNG

IV

Tổ Pháp-Loa

Tổ Pháp-Loa sinh ở làng Phù-vệ, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, đời Trần. Con nhà điền-giã, nhà nghèo, mồ côi từ thuở nhỏ mà tư chất rất thông-minh. Một hôm Pháp-Loa ra đồng chơi, gặp vua Trần Nhân-tôn đã xuất-gia mà đi vân-du đến đấy. Vua Nhân-tôn thấy Pháp-Loa là một đứa trẻ có ý thông-minh thì ngài đem về chùa Hun (Côn-sơn) ở huyện Chi-linh, cho thụ-giới đi tu và học kinh sách nhà chùa, không bao lâu Pháp-Loa không những tinh-thâm về đạo Phật, mà lại giỏi nghề làm thơ bán-tự nữa. Có một tập thơ truyền lại gọi là « *Đoạn sách lục* 斷策錄 »

Sau Pháp-Loa đắc-đạo cùng vua Trần Nhân-tôn, Trang-nguyên Huyền-quang là ba vị tổ nhà chùa ở đời Trần. Ba tổ cùng tu ở núi Yên-tử, núi ấy sản nhiều trúc, nên lấy hiệu là Trúc-lâm tam-tổ. Tức là: tổ đệ nhất, Trần Nhân-tôn Giác-hoàng vương phật 陳仁宗覺皇王佛; tổ đệ-nhị, Pháp-Loa tôn-giả 法螺尊者; tổ đệ-tam, Huyền-quang tôn-giả 玄光尊者. Nay các chùa danh-lam ở huyện Chi-linh như chùa Hun, ở huyện Đông-triều, chùa Yên-tử, chùa Hồ-thiên, chùa Quỳnh-lâm, vân-vân, đều có thờ tượng Trúc-lâm tam-tổ. Nay ở chùa Hương-hải làng Phù-vệ có thờ tổ đệ-nhị Pháp-Loa tôn-giả ở gian đầu nhà tiền-dương. Ngoài vườn hoa thì có cái bia đá ghi sự tích tổ Pháp-loa.

Chùa này phong-quang sáng-khải, là một nơi danh-lam ở phủ Nam-sách. Đệ-niên đến ngày mồng một tháng ba là ngày giỗ tổ, thiện-tin ở mấy hạt lân-cận đến lễ-bái đông vui lắm.

Trần Quốc-Lặc 陳國切

Trần Quốc-Lặc sinh ở làng Uông-hạ 汪下, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, Hải-dương, đời Trần. Thuở ông còn bé sớm có chí-khí mà rất ham học. Nhà nghèo lắm, nhưng ông không lấy sự nghèo-khó làm quan-tâm. Ngày xưa lệ thường các trường công-tư cứ đến hai ngày sóc 朔 (mồng một) vọng 望 (ngày rằm) về tháng âm-lịch thì mở hội cho các học-trò đại-tập đến làm văn hay là bình văn, — bình những bài văn mà học-trò nào trong hội đó mới làm được hay. — Trần Quốc-Lặc bấy giờ đã tới bậc đại-tập, cũng ra kinh-đó Thăng-long (Hà-nội) tập văn, nhưng không có lương-trợ, lại cứ mỗi tháng đến hai ngày sóc vọng thì từ ngày hôm trước đã quảy một gánh củ ở Nam-sách ra kinh-đó bán để lấy tiền mua giấy bút và lương-thực để ngày mai vào văn-hội làm văn hay là nghe bình văn.

Văn ông làm cứ viết luôn, không phải giáp. Nộp quyền hay nghe bình xong là ra về Nam-sách ngay, tháng nào cũng thế, rồi tiếng văn-tài của ông lừng-lẫy cả đất kinh-đó. Năm binh-thìn niên-hiệu Nguyên-phong 元豐 triều vua Trần Thái-tôn, ông đỗ Trang-nguyên; sách *Hải-dương phong-vật* nói Trần Quốc-Lặc lại còn đỗ Trang-nguyên bên Trung-quốc nữa. Ra làm quan lĩnh chức Hàn-lâm Thị-độc, vì có nói trực-ngôn trái ý vua, bị thiên-ra làm Thư-chính-sứ đạo Sơn-nam (Nam-dinh).

Bấy giờ có bọn giặc bề thế-lực mạnh lắm, quan-quân nhà nước không dẹp nổi, ông Trần Quốc-Lặc bèn xin một mình đến chỗ giặc bề đem uy-

phúc khuyên-dụ, bọn giặc bề ấy xin ra hàng hết. Từ đó một vùng Hải-nam yên-hàn không có dấu - vết giặc-giã gì nữa. Vua khen ông Trần Quốc - Lặc là người tài kiêm văn-võ, thăng cho làm chức Hành-khiển (Tể tướng), kiêm lĩnh chức Nam-thủy quân-quốc trọng - sư. Vua lại gả Công-chúa cho. Lúc mất Triều - đình phong cho ông làm phúc - thần ở làng, duệ-hiệu là Nam - cảnh mãnh-dạo đại-vương 南境猛道大王.

Bạch Liêu 白遼

Bạch Liêu sinh ở làng Nghĩa-lư 義闕, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, Hải-dương, đời Trần. Tiên - thế nhà ông nguyên ở làng Nguyễn-xá 阮舍, huyện Đông-thành. Đến đời ông thân là học-trò nghèo tới dạy học ở làng Nghĩa-lư 義闕, rồi lấy vợ và vào làng làng ấy, mà khởi-gia ở đấy.

Ông thân của Bạch Liêu tên là gì, nay thất-tướng, chỉ gọi là Bạch-công. Bạch-công rất hiếu - học, thụ - nghiệp Nguyễn tiên-sinh là quan Huấn - đạo ở làng Đồng-kê 桐溪, huyện Thanh-lâm. Sau Nguyễn tiên-sinh mất, Bạch-công một mình làm nhà bên mộ thầy mà ở thờ cúng trọn ba năm. Lại dạy con thầy thành-tài, đỗ khoa hương 鄉 cùng với mình một榜. Năm Bạch-công 40 tuổi mới sinh Bạch Liêu là con trai.

Bạch Liêu người rất tuấn-tú mà cực thông-minh, mắt sáng như sao, xem sách qua đến đâu là nhớ thuộc lòng đến đấy. Nhưng nhà thanh-bần, trong làng có một nhà giàu có một người con gái, Bạch - công muốn nhờ lưng nhà ấy cho con học-hành bèn mượn mỗi đến giậm. Phú-ông trả lời rằng: "Nhà ta diền liên thiên mạch, con ta giá đáng muôn vàng, nếu có lòng cầu thì bao giờ ngựa giông đai bạc áo lam về làng ta sẽ gả cho." Bạch-công nói lại cho Bạch Liêu hay. Liêu tức ý,

khắc - khổ đọc sách, quyết chí khôi-nguyên. Thường tự ngâm môt câu rằng: "Thư trung hữu nữ, hà sự bàng-cầu 書中有女,何事旁求" nghĩa là trong sách thiếu chi người mặt ngọc, cần gì cầu-cạnh những dẫu dẫu. Năm Bạch Liêu 16 tuổi, đỗ khoa hương. 29 tuổi đỗ Trạng - nguyên, năm binh - dần, niên-hiệu Thiệu-long 紹隆 đời Trần Thánh-tôn. Lúc vinh-quí về thì người con gái của phú-ông đã gả chồng rồi. Phú-ông sợ hãi ra đón Bạch Liêu để xin lỗi. Bạch Liêu an-ủi rằng: "Cũng vì có lời ông nói khích tôi, nên tôi càng thêm chăm học mà được thế này, thôi việc ấy không làm gì." Bèn sai mời phú-ông về đãi tiệc tử-tế.

Bạch Liêu làm quan đến Thượng-tướng 上相, có nhiều sự - nghiệp mà thất - truyền cả Sau mất vua phong cho làm phúc-thần ở làng.

Bùi Bá - Kỳ 裴伯耆

Bùi Bá-Kỳ sinh ở hạt phủ Ninh-giang Hải-dương, về đời nhà Trần. Tò-phu nhà ông đã làm quan ở đời Trần. Đến ông là kẻ văn-nhân mà làm ti-tướng ở đạo quân ông Trần Khát-Chân 陳渴真, ngũ giặc bề đông. Khi Quý-Ly cướp ngôi nhà Trần, Bùi Bá-Kỳ sang Tàu cáo nạn và xin binh Tàu về để đánh Quý Ly mà lập lại cho con cháu nhà Trần. Vua Tàu bấy giờ là Minh Thành-tổ tỏ ý cảm động lời của Bùi Bá - Kỳ bèn sai quân khoản-dãi. Bấy giờ lại có một người nước ta là Thiêm-Bình 添平, cũng sang Tàu, tự xưng là con cháu nhà Trần, đến xin viện - binh nhà Minh. Người Minh hỏi Bùi Bá-Kỳ có biết Thiêm-Bình là ai không, thì Bá-Kỳ trả lời là không. Đến lúc người Minh đưa Thiêm-Bình về nước ta, hỏi Thiêm-Bình phải dùng bao nhiêu quân. Thiêm-Bình nói chỉ độ vài nghìn quân sang là dân phục-tòng ngay. Người Minh lại đem việc đưa Thiêm-Bình và

quân-số đem sang ta bởi Bá-Kỳ thì Bá-Kỳ không bằng lòng. Vua Minh giận lắm, bắt Bá-Kỳ đem an-tri ra hạt Cam-túc 甘肅 tỉnh Thiểm-tây 陝西.

Quả-nhiên bọn quân Minh đưa Thiểm-Bình sang ta bị thua. Vua Minh lại triệu Bá-Kỳ về, hạ sắc ân-cần nói: « Sẽ lập con cháu nhà Trần để cho Bá-Kỳ làm phụ-thần »

Bá-Kỳ mới chịu theo quân Minh về nước ta. Tới khi người Minh bắt được cha con Hồ Qui-Ly rồi bèn đặt nước ta làm quận-huyện thuộc về Tàu, mà cho Bùi Bá-Kỳ làm chức Hữu Tham-nghị 右參議.

Bùi Bá-Kỳ đến bấy giờ mới biết người Minh quyết lừa mình để mượn mình làm câu đầu lưỡi mà lấy nước mình, nhưng việc đã lỡ rồi, hối không kịp nữa. Ông bèn ở lại nơi nhà trạm mà không ra cung-chức. Ở đó ông triệu-tập đã được nhiều những người cựu-thần nhà Trần bị đào-tán. Nầy gặp có người thờ-hào ở Đông-triều là Phạm Chấn lập Trần Nguyệt-hồ 陳月湖 lên làm vua ở bến Bình-than 平灘. Người Minh ngờ Bùi Bá-Kỳ có dự mưu, bèn bắt giải về Kim-lăng, rồi không biết chết ở đâu mất.

Cha con Lê Cảnh-Tuân 黎景詢

Lê Cảnh-Tuân sinh ở làng Mộ-trạch 墓澤, phủ Bình-giang, Hải-duyên, đời Trần. Ông thân trước quê ở huyện Thuận-lộc, Thanh-hóa, làm quan Tả-đạo Án-sát xứ Lạng sơn. Lê-công lấy vợ là con gái họ Vũ Mộ-trạch, bèn về ở làng Mộ-trạch mà sinh ra Lê Cảnh-Tuân. Lê Cảnh-Tuân đỗ khoa hương năm Xương-phù 昌符 đời Trần Phế-đế. Lê Cảnh-Tuân với Bùi Bá-Kỳ chơi nhau thân. Đến khi Hồ Qui-Ly cướp ngôi nhà Trần, Lê Cảnh-Tuân bèn khuyên Bùi Bá-Kỳ sang Tàu xin binh về đánh họ Hồ. Nhà Minh sai Trương Phụ 張輔, Mộc-Thanh 沐晟 và Hoàng Phúc chia làm ba đạo kéo

bình sang nước ta, Bá-Kỳ đi tiên-phong đưa đường. Quân Minh bắt được hai cha con họ Hồ giải về Bắc-kinh, bèn phân nước ta ra làm quận-huyện: mà cho Bá-Kỳ làm Tham-nghị.

Lê Cảnh-Tuân đưa cho Bùi Bá-Kỳ một tờ vạn-ngôn-thư trong phân ra ba chức, đại-lược nói: « Nước Minh đã có sắc-chỉ hứa với ngài rằng sẽ bắt được họ Hồ thì chọn con cháu nhà Trần mà lập lên. Nay họ lập ra sở Bà-chính-ti 布政司 và ban cho ngài chức quan cao, còn chỉ cấp lương cho một người quét dọn tôn-miếu nhà Trần mà thôi. Vậy nếu ngài có thể tâu xin với vua Minh rằng con cháu nhà Trần chưa tuyệt mà giáng sắc-chỉ khác để lại lập cho con cháu nhà Trần. Đó là chức thượng-sách.

« Không được như thế thì ngài nên cáo-từ quan-chức mà xin làm một kẻ thủ-từ giữ tôn-miếu nhà Trần. Đó là chức trung-sách.

« Còn như ngài cứ tham-luyến lấy quan cao lộc cả của họ thì đó là chức kém nhất.

« Nếu ngài dùng chức thượng-sách thì tôi xin làm những vị nhân-sâm, cam-thảo, chỉ-xác, trần-bì ở trong tử thuốc của ngài để ngài dùng. Ngài dùng chức trung-sách thì tôi xin bưng đài bưng nến theo hầu ngài để ngài sai khiến. Còn như ngài dùng chức kém nhất thì tôi xin về nơi nước non vắng vẻ đi câu đi cấy cho trọn tuổi trời mà thôi. »

Đến khi người Minh tịch-ký nhà Bùi Bá-Kỳ bắt được cái thư ấy, có mật cho tra hỏi người viết, nhưng Lê Cảnh-Tuân đã đổi họ tên mà trốn mất rồi. Sau người Minh mở trường học ở các châu-quận đất Giao-châu, triệu những người học giỏi cũ ra cho làm Giáo-thụ là để vổng-la cho hết nhân-tài.

Lê Cảnh-Tuân muốn ra ứng chức, con can, ông không nghe nói rằng: « Cái thư vạn-ngôn đã

không được việc gì, nay ta nhân việc này mà tận - thành đề báo quốc, dù chết cũng vinh. Trung-ngĩa là tiếng thơm trong sử-sách muôn đời, ta có sợ gì.» Bèn ra chơi Trảng-an lĩnh chức Giáo-thụ, rồi âm-mưu việc khôi-phục, chưa xong thì bị người Minh thám ra biết chính ông là người viết cái thư cho Bá-Kỳ. Người Minh liền bắt ông giải về Yên - kinh. Vua Minh tra hỏi ông rằng: «Mày xui thắng Bùi Bá-Kỳ âm-mưu làm phản có phải không?» Ông nói: «Người nước Nam chỉ giữ lấy nước Nam, còn hỏi làm gì.» Vua Minh giận lắm, bèn giam ông vào ngục Kim-lăng. Người con cả là Thái-Điền 太顓 theo đi cũng cùng bị chết ở trong ngục. Còn người con thứ là Thúc-Dĩnh 叔顓, người con út là Thúc-Hiến thì ở nhà.

Bấy giờ Hoàng Phúc 黃福 là một Đại-tướng trong ba đạo quân Minh, mở trường dạy học nho. Thúc-Dĩnh Thúc-Hiến cũng cùng vào học. Hoàng Phúc không biết hai cậu là con cái nhà ai, thấy thông-minh thì yêu lắm. Một đêm bão to, sáng ngày ra, Hoàng Phúc ra chơi cửa thành nam-môn, ngâm tức-cảnh một câu rằng:

昨霄風雨。家家頽壞舊垣牆。

Tạc tiêu phong vũ, gia gia đỗi-hoại cựu
viên-tường;

(Đêm trước gió mưa, những vách tường xưa tan nát cả.)

Thúc-Hiến đứng hầu thầy, đọc đối ngay lại rằng:

今日乾坤處處發榮新草木。

Kim nhật càn khôn, xir xir phát-
vinh tân thảo-mộc.

(Ngày nay quang lạnh, các hoa cỏ mới tỉnh tươi đều)

Hoàng Phúc vốn không phải là chân-nho, hay tin những thuyết tai-tướng và phong-thủy, nên nghe Thúc-Hiến đọc thì thổ-dại mà nói: «Nước Nam anh đã thành rồi đó, chúng ta cũng sắp

về Tàu đây.» Hai cậu nhân nghe tin vua Lê Thái-tổ khởi-ngĩa ở Lam-sơn, bèn vào tới nơi xin theo, không bao lâu quân vua Lê Thái-tổ đánh được quân Minh. Bọn Mộc-Thanh, Hoàng Phúc xin hàng, vua Lê Thái-tổ tha chết và phóng cho về Tàu. Cậu Dĩnh cậu Hiến bấy giờ là hai danh-tướng của bên thắng-quốc rồi, nghĩ đến tình xưa bèn tiến Hoàng Phúc là thầy học cũ ra tận cửa ải Nam-quan ân-cần quyến-luyến.

Vua Lê Thái-tổ cho quân Minh hòa mà khôi-phục bờ-cõi nước ta lại, rồi chọn người đi sứ Tàu, ai cũng hãi Tàu họ thù không dám nhận chức. Thúc-Dĩnh vì có cha với anh bị giam ở Tàu nên hăng-bái ra xin đi. Thúc-Dĩnh mang tờ biểu với hai người hình-nhân đúc bằng vàng bạc sang đến Tàu, người Minh thù nước ta đón đánh giết Liễu-lhăng nên họ chửi mắng Thúc-Dĩnh mà không thêm hỏi đến, rồi đem giam ra ngoài cửa thành, gần hai mắt lại, không cho ăn uống gì.

Hoàng Phúc biết thế, hôm nào đi châu cũng dấu bánh mì vào trong hia mà đập vào cho Thúc-Dĩnh. Người Minh thấy ba tháng Thúc-Dĩnh không chết, cho là người thần, mới nhận đồ cống-vật cho.

Thúc-Dĩnh hỏi đến cha anh ở đâu thì người Minh nói là không biết cả. Nhân một hôm Thúc-Dĩnh đi chơi vào một cái chùa thấy có một quyền thi-tập của cha mình, vừa ký tên và chính chữ viết, mới biết cha anh bị chết rấp ở đâu bao giờ mà người Minh họ co ngò tới đâu. Ấy lẽ-ngĩa văn-hóa của Trung-hoa là thế đó! Thúc-Dĩnh bèn xin lấy quyền thi-tập đem về, rồi phong hai ngôi hư-phần cha với anh để kỷ-niệm.

Thúc-Dĩnh khi mới ra làm quan, làm Tri-phủ phủ Trảng-an (Ninh-binh), nhân đến tế miếu vua Đinh vua Lê, ông

thấy tượng bà Dương-hậu ngồi ngang với tượng vua Đinh Tiên-hoàng và vua Lê Đại-hành, ông bẽ là cách bày thờ như thế không phải lễ và làm sợ xin khênh tượng bà Dương-hậu trả về miếu vua Lê là chồng sau.

Sau ông làm quan đến Tuyên-phủ-sứ tri bạ-tịch quân-sự 宣撫使知簿籍軍事 xử Lạng sơn.

Phạm Thị-Viên 范氏媛

Phạm Thị-Viên sinh ở huyện Đường-an 唐安, phủ Thượng-hồng, nay cải là phủ Bình-giang 平江, Hải-dương, đời Trần. Bà là người cực nhan-sắc mà thông-minh từ nhỏ, biết văn-thi. Lấy chồng là một người về họ Lê làng Phù-Ứng 扶雍 phủ ấy, sinh được bốn người con vừa trai vừa gái thì Lê-công mất. Bà còn trẻ lắm, thế ở vậy thờ chồng nuôi con. Chẳng may gặp lúc Hồ cướp ngôi Trần rồi giặc Minh sang chiếm lấy nước ta. Giặc Tàu dâm-tàn đã có tiếng xưa nay. Nay giặc Minh cũng vậy, đi đến đâu đều dâm-hiếp dân bà con gái. Vùng quê bà cũng như các vùng khác, hoặc vì lửa-bình, đói-rét mà phải lưu-ly, hoặc không trốn tránh kịp mà bị thất-thân thất-tiết với giặc nhiều lắm. Bà có tiếng người đẹp, nhà lại nghèo, con thơ thì nhiều, không ra ngoài đi làm ăn không được, mà đi ra ngoài thì sợ khó giữ tuyền, bèn hủy-hoại mặt mũi đầu tóc cho xấu-xa đi. Trong bao nhiêu năm loạn Minh mà bà vẫn giữ được tiết-trình, một vùng đều khen-ngợi. Sau nhà Lê khôi-phục được nước ta, niên-hiệu Thái-hòa 太和 đời Lê Nhân-tôn hạ chiếu cầu sự-trạng người trinh-liệt. Bấy giờ bà hãy còn, làng khai cho bà, vua ban khen ba chữ «tiết phụ môn 節婦門» và cấp lương cho người con phụ-ng - dưỡng. Bà thọ đến 81 tuổi mới mất, con cháu hiền-dạt cả, có miếu thờ ở làng Phù-Ứng gọi là Tiết-phụ-iâu 節婦樓 nay hãy còn. Lần ấy lập tự niên-hiệu Hồng-dức đời

Lê Thánh-tôn, có quan triều-thần bấy giờ là Thân Nhân-Trung 申仁忠 soạn bài văn bia dựng lâu, nay hãy còn. Bài văn bia ấy lược rằng:

綱常之道。突兀天地間。萬世一日也。語其大可以塞乎天地。語其至可以配乎鬼神。故世有盛衰。物有新舊。而節義斯在。不以盛衰新舊而為異。

«Đạo cương-thường kia đứng sừng-sững trong trời đất, nghìn muôn thừa như một ngày nay. Kề rằng lớn thì đầy lấp cả trời đất, kề rằng huyền-diệu thì phối-hợp được với quỷ-thần. Thế cho nên đời có lúc thịnh lúc suy, vật có khi mới khi cũ, mà đạo cương-thường ấy thì bao giờ cũng vậy, không phải vì đời lúc thịnh lúc suy, vì vật-hình khi mới khi cũ mà đổi khác đi đâu.

今婦之節概昭灼乎上下。旁乎遠近。然則前乎萬世之既往。後乎萬世之將來。同一揆也。

«Nay cái trinh-liệt của bà đây đã rõ-ràng cả trên dưới, đã cảm-cách cả xa gần, thế thì nghìn muôn đời về trước, nghìn muôn thừa về sau, cũng nhân-tâm ấy, há thiên-lý nào?

是以斯樓既新之。世世新之不已也。豈以一新而已哉。

«Vậy thì cái lâu thờ bà đây là lâu mới dựng mà đời đời sẽ cứ giữ được mới mãi, chứ có phải chỉ mới một bây giờ.

將欲使天下後世。為人臣。為人婦。為人子。皆懷景慕之心。盡彝倫之道。以歸皇極納大中之域也。豈特范氏之門之故而已哉。凡瞻望經過。不可不知。

Muốn cho những kẻ làm tôi nước, làm vợ chồng, làm con cha mẹ ở thiên-hạ đời sau, đều trông thấy đó mà sinh lòng quý mến, mà ở trọn đạo luân-thường, cho cùng tới cái cõi rất mực công-bằng trung-chính đó, há rằng chỉ vì một cửa nhà họ Phạm này

mà thôi. Vậy kẻ qua lâu, trông lâu phải biết.

Lương Như-Hộc 梁如鵠

Lương Như-Hộc sinh ở làng Hồng-lục 紅蓼, huyện Gia-lộc 嘉祿, Hải-dương, đời Lê. Ông đỗ Thám-hoa năm nhâm-tuất, niên-hiệu Thái-bảo 太寶 đời Lê Thánh-tôn, phụng-mệnh đi sứ Tàu hai lần. Khi ở Tàu ông thường đến xem người Tàu khắc chữ in mà tế-nghệm lấy cách-thức, Đến khi

về bèn đem những phép-lắc khắc chữ in ra dạy người làng khắc các bản kinh sử in ra mà lưu-hành cho đời. Trong huyện có làng Liễu-tràng cũng đến học nghề ấy. Từ đó nước ta mới có nghề in sách xuất-bản mà khéo không kém gì Tàu. Hai làng chuyên giữ nghề khắc chữ in đến nay và thờ ông Lương Như-Hộc làm tiên-sư.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

CẢNH-VẬT HÀ-TIÊN

V

23 — Bài ký chơi Châu-nham (1)

« Châu-nham lạc-lộ » tục gọi là núi Đá-dựng, là một cảnh trong « Hà-tiên thập-cảnh vịnh » của ông Mạc Thiên-Tích, là người thứ nhứt đã từng đem ngòi bút mới-mẻ tài-tinh mà điểm-tô cho non nước Hà-tiên đã tươi-tĩnh lại càng thêm sinh-sắc. Trước khi kể chuyện đi chơi, tưởng nên tự qua cái lịch-sử núi và cái lịch-sử sơn-phận tức là làng Kỳ-lộ đã. Như thế thì chưa đi tới núi đã nói núi, chưa đi tới làng đã nói làng, thì kỹ-thuật không có trật-tự. Nhưng đó là một lối khác, đây chỉ nói trước vì có gì mà có tên núi ấy, tên làng ấy, núi ấy ở về địa-phận nào, phương-hướng nào đã, chờ đợi kỹ-thuật đến đâu sẽ nói đến đó thì ngòi bút đang thông-thả như mây bay, nhẹ-nhàng như gió thổi ở những chỗ cao - sơn lưu - thủy mà bỗng trở lên ngòi bút ông giáo giảng địa-dư bản lịch-sử thì chỉ cho khỏi mang tiếng là « vô - duyên » với độc giả. Trong « Hà-tiên thập-cảnh vịnh » ông Mạc Thiên-Tích đặt là « Châu-nham

lạc-lộ. » Chữ lạc-lộ thì đã trắng nghĩa là chỗ cò về đồ, còn chữ châu-nham thì có hai cơ này, không biết đích là lấy ý nào. Nghĩa thứ nhứt thì núi này có một thứ đá chiếu sáng như ngọc Kim-cương (ngọc thủy-xoàn), nhân đó lấy chữ Châu mà đặt tên núi, nhưng xét lại thì đá ấy không phải loại châu ngọc mà có màu ngời sáng như loại kim, lại trong sách *Nam-kỳ địa-dư chí* cũng chép rằng: « Núi Châu-nham trong địa-hạt Hà-tiên có thứ đá sáng kêu là « Tinh-quang-thạch », thế thì không thể gọi là châu được. Nghĩa thứ nhì thì xét trong sách *Nam-kỳ địa-dư chí* ấy lại có chép rằng: Ông Mạc Cửu (ông thân-sinh ra ông Mạc Thiên-Tích) lúc mới đến khai-thác Hà-tiên, có được tại núi một cục châu dài đầy tắc qui giá lắm. Như thế thì sau ông Thiên-Tích lấy việc ấy mà đặt tên núi ấy là để ghi lấy cái kỷ-niệm thì cũng có lẽ mà lại có nghĩa đúng hơn.

(1) Bài này của ông Đông-hồ viết hồi năm 1926, đã đăng ở *Đông-Pháp thời-báo* Sài-gòn. Nay sao-lục ra để lưu-tồn lấy một bài văn có giá-trị về thắng-cảnh Hà-tiên.

Núi ở về phía tây lĩnh-ly Hà - tiên, thuộc địa-phận làng Kỳ-lộ giáp-giới tỉnh Cao-miên. Làng này trước khi chính-phủ bảo-hộ chưa chiếm-lĩnh Nam - kỳ, tên làng là làng Nhượng-lộ. Đến khi Nam - triều giao đất cho người Pháp, trong lúc phân-vân không phân-minh, dân làng ấy lại ở dưới quyền người Cao-miên. Mãi đến độ hơn mười năm nay kể-cứu ra, nhờ những người lão - dân chỉ rõ giới - phận làng, mới lấy tên lại là làng Kỳ-lộ. Chữ « Kỳ-lộ » là lấy tên một ngọn núi là núi Sa-kỳ làm giới-hạn cho đất Cao-miên và Nam-kỳ; còn chữ « lộ » là lấy một chữ sau tên làng Nhượng-lộ trước, là có ý tồn cổ vậy.

Phàm chơi một nơi nào mà không biết được lịch-sử địa-dư nơi ấy thì không đủ tư-cách, bởi sợ không đủ tư-cách mà có một đoạn nói đầu khá dài, không khỏi rườm rà, nhưng không thể dừng được. Từ đây sẽ kể chuyện đi chơi.

Ngày mồng ba tháng sáu năm nay (12 - 7 - 1926) kỳ-giã cùng vài bốn ông bạn nữa qua « Cầu giữa » vô làng Kỳ-lộ, dắt tay nhau lên núi Châu-nham là núi vừa có một đoạn lịch-sử trên kia.

Kể những cảnh ở Hà-tiên thì Châu-nham là một cảnh lạ nhất mà là chỗ khó đi nhất, kỳ - giả xin thú thật rằng sanh - trưởng tại Hà-tiên mà mới đi được lần này là một. Bắt đầu ngồi xe ngựa, theo đường cái quan vô được ba cây - lộ - mét tới Thạch - động phải bỏ xe đi bộ vô núi, vì núi đột-khởi ở giữa đất bình - nguyên. Ở giữa bình - nguyên mà khó rảo cũng dễ đi, đi đây lại đương mùa mưa nên lộ-đồ mới gập-ghenh khắp-khềnh làm sao ! Từ đường cái quan vô đến núi có ngót ba ngàn thước, phải lội những đường lầy ngổ vũng, phải trái những dậm

cát dồi cây, nếu dọn cảnh phong-lưu ầu vắn dài-các thì thiệt không sao đến được. Nhưng người ta sở - dĩ yên vui danh-lam thắng cảnh là bởi những cảnh ấy ở trong thâm - san cùng-cốc, chớ những cảnh ấy mà ở giữa chợ cũng chẳng còn qui là gì nữa. Lại những cuộc lăm-thắng tầm-u, càng nhiều vất-vả thì càng nhiều vui - thú, tùy ở người đi chơi, cho là vất-vả thì thiệt là vất-vả rồi mà là vui - thú thì cũng thiệt là vui thú.

Sớm mai này có trận mưa phùn, nên hơi nước trong không-khí thấp lắm, đất trời một vẻ mù-mù. Bởi mưa khi nhiều khi ít, trận nhất trận thưa, nên những đợt núi chung quanh như liền như đứt, tựa có tựa không, khởi - phục trên mặt bình - nguyên, coi như một đám mỹ-nhân đang tắm thì nhau mà lội trông ba-đào nổi chìm trên mặt biển. Có đợt thì coi như đang mê - mẩn lặn hụp đang chân trời, có đợt thì coi như đã tắm xong, ở dưới nước vừa lên còn đang lướt - lướt ngồi phủ một bức vải phơn-phớt màu thanh-thiên, đám mây đúc-dục sau lưng núi cuộn lên rồi từ - từ tỏa ra hai bên sườn núi, như hai mái tóc của mỹ-nhân bỏ xuống hai vai. Cho mới biết cái nét bút của ông tạo-hóa bao giờ cũng thấy sinh-hoạt, mà người nào trong mình đã sẵn có cái mỹ - cảm, mỹ-quan, cùng ông Tạo chung một khối tình thì mới lĩnh-hội được cái nét bút ấy.

Chung quanh những chân núi thì là cảnh sơn - thôn sơn - trại, mấy túp nhà tranh vách đất núp dưới dặng tre xanh mơn - mớn theo chiều gió là-đa, cảnh tịch-mịch mà êm-đềm; chỗ phất-phơ lá cỏ nhạt-nhạt màu hồng, ấy là xóm Hạnh-hoa, cảnh hả-hê mà dính-dính, vắng-vắng tiếng gà gáy trên mây, chớ xưa sườn núi, giọng nhẹ-nhàng

mà thành-thót, bác nông-phu thét trâu, thẳng mục-tử đuổi bò trong ruộng cỏ xanh, làn nước bạc, về diu-hiu mà man-mát...

Người ta được đặt mình vào những cảnh vắng-vẻ êm-dềm thì tâm-hồn mới thấy tỉnh-tao nhẹ-nhàng, di được tỉnh, dường được tỉnh là ở những cảnh này, chớ lẫn-lóc ở trong bụi xe ngựa, chen-chúc trong áng phồn-ba chỉ tỏ làm cho người ta quay-cuồng xuẩn-dộng mà thôi. Trải bao nhiêu đời, lội bao nhiêu vũng, ngẫm bao nhiêu cảnh mới thấy trước mặt sừng-sực dãy núi đá xanh xanh, đầu ở bắc, đuôi về nam, phiêu-diêu mông-lung trong luồng vân-vũ. Một ông bạn cho biết chính đây là Châu-nham. Bấy giờ bụng đang đói cũng hết đói, miệng đang khát cũng hết khát, chỉ mừng mà quên, rào bước mau chân chỉ trông chóng đến. Tới chân núi vừa mở túi nghiêng bình làm một tiệc, dự-bị cho đủ sức đề dăng-cao.

Núi cao độ 300 thước, hình dài, châu-vi độ hơn ngàn thước, thuần là một thứ đá xanh, cây núi không lớn mà nhiều quần-quẹo cồ quái từ trong khe đá mọc ra. Núi nhiều động, nhưng hôm nay chỉ lên chơi được ba cửa, là những cửa động đã có cái vết của tiên-nhân, còn thì hoang-vu nguy-hiểm không tiện đến được.

Thoạt tiên lên coi cửa động chềch về mặt đông - bắc, nhờ một người thổ - dân đưa đường. Cửa động ở lưng-chừng núi, phải leo lên kê có mấy mươi khóm đá chồm cây, vách núi có vẻ sầm-uất khôi-kỳ, cây đá có nhiều thanh-u cô-kính. Kịp đến nơi trông vào cửa động tối om-om sâu thăm-thăm, hơi lạnh ghê mình, hình như có cái khí thiêng-liêng gì nó làm cho người ta khiếp-sợ mà kính-cần. Vô động phải đốt đèn mới đi được. Đường vô động thì khuất-khúc kỳ-dị, rộng vừa mình một người qua. Khỏi cửa động một đôi, người đưa đường

chỉ cho coi một cái thạch-nhũ trắng trong vách đá tạc ra như đầu voi, dưới thì có gân đá giầy đá thông rủ xuống tận đất, trông cũng ra hình vôi-vôi. Những giầy đá rủ xuống như thế thì nhiều lắm, có chỗ đủ số năm sợi thì người ta đặt tên là « đờn năm giầy ». Đờn, bởi vì giầy lên có tiếng kêu. Mỗi giầy động đến thì có tiếng khác nhau. Tiếng kêu ấy là bởi trong động kín, âm-hưởng dội vào vách đá mà thành tiếng, còn kêu khác nhau là những giầy đá nhỏ lớn không đều nhau, khi đánh vào nặng nhẹ cũng không đều nhau, lại khi đánh giầy trước dư-hưởng chưa hết thì kế-tiếp đánh giầy khác, âm-hưởng dội lẫn nhau mà mình nghe tiếng dội. Người đi đường bèn nhặt mảnh đá tấu lên cho anh em nghe một khúc nhạc quân-thiên, tiếng vang trên dưới, hơi động trong ngoài, đang một nơi u-âm tĩnh-mịch này mà bỗng nghe những tiếng thiêng-liêng ấy động vang rền-rĩ lên, như quỷ-khóc thần kinh, thì không sao giữ cho khỏi rung mình sồn gáy.

Qua khỏi đường đá thì rộng lớn ra, nhưng lại hầm xuống. Xuống hết bậc đá, có cái sân bằng là đến cái « ao năm bông ». Ấy mới thiệt là « sơn hồ ». Cái ao này mới là cái khéo lạ vô-cùng. Ao rộng chu-vi độ hơn 10 thước Bờ ao một mặt thì là vách động, một mặt thì là tuyến một thứ đá trắng mịn tạc như khía hoa mai. Muôn ngàn những cảnh nhỏ tạc thành một đóa hoa mai năm cánh lớn. Bởi thế mà gọi là cái « ao năm bông ». Lại nhất-danh là Mai - trì. Nghĩ cái trì tĩnh-xảo cái tay khéo-khôn của ông Hóa-công thiệt không cùng ! Càng ngẫm lại càng không tin là cảnh thiên-tạo. Thiên-tạo là ai là người ngồi tò - mò xây đặt từng bậc đá, tỉ - mỉ từng nét hoa, dấu nhơn-công cũng vị tất là khéo bằng. Như ngồi bên một cái ao bằng xây

xi-măng trong công-viên nào, chứ không dè là một cảnh ở chỗ núi sâu hang thẳm nữa. Ao sâu độ năm tấc, dọi đèn xuống coi, nước trong vắt thấy tận đáy ao. Anh em ai nấy đều cúi xuống vốc lấy nước rửa mặt dề tẩy-trần, nước lạnh như giá. Người dẫn đường nói rằng: « Người ta thường lấy nước ấy về uống, cho là một thứ nước tiên, nước phật, uống vào thì mạnh khỏe. » Những người ấy là những người giàu cái đức tin - ngưỡng tôn - giáo. Xét ra thì nước ấy độc chứ không lành, vì là nước đọng lại từ thiên-vạn-cổ tới nay, không lưu-thông đi đâu được, trong hang thì rắn rết nhiều, biết đâu không chứa độc-khí của những loài ấy.

Bên cạnh bờ ao giữa mặt đá bằng lại nổi lên năm đường đá chạy song-song nhau như bờ ruộng, người dẫn đường chỉ cho biết đó là ruộng năm giầy, cái người trước tiên đến làm chủ - nhân - ông cái động này nghĩ cũng khéo bày đặt lắm. Cái số năm ở đây đã thành một số rất nên thơ. Vậy nay thử xem xét đến cái tâm-lý của người đặt tên cho cái động này vì lẽ gì mà dùng đến ba số năm ấy. Cảnh thứ nhất là « đồn năm âm », tức là năm bậc cung, thương, giốc, chủ, vũ mà trong truyện *Kiều* đã có câu: « Cung thương lầu bậc năm âm ». Đặt tên như thế chẳng là văn-chương tao-nhĩ lắm ru! Thứ là « Ao năm bông » thì là một lẽ hiển-nhiên năm cánh hoa mai lấy hình mà đặt tên, không bàn đâu xa. Thứ nữa là « Ruộng năm giầy », tên này có lẽ là lấy theo câu ca-dao « Ruộng năm giầy cò bay thẳng cánh... » chẳng! Núi này là Châu-nham lạc-lộ, đã kiếm được một số năm đề cho vô bộ-phận với hai cảnh trên mà lại lấy được hai chữ « cò bay » đề dịch chữ « lạc-lộ » thì thiệt là khéo lắm!

Vòng khỏi « ao năm bông » từ ngoài trông vô bên hữu có một cây cột trụ

đá cũng một thứ đá trắng mịn như đá ở bờ ao, đứng dựa chân vào vách động, một nửa bày ra ngoài. Đến cây cột trụ này lại càng quý lạ lắm nữa. Suốt từ trên chí dưới trên mặt cột như cần muốn ngàn hột ngọc kim-cương mần mẩn. Có bóng đèn dọi vào, ánh sáng lại càng tôn, muôn điểm ngàn người lấp-la lấp-lánh bày ra một cái vẻ đẹp tuyệt trần! Có đến những thám-sơn cùng-cốc mới biết những kỳ-quan trong vũ-trụ là nhiều lắm, mình chưa thấy được chỉ vì mình chưa đi đến đó mà thôi. Từ cây cột kim-cương ấy vô nữa thì đá bắc liền nhau, nghiêng nghiêng trông như một cây thang bắc trong một nơi cung - điện nào, vậy người đưa đường nói rằng theo từng bậc thang ấy có thể lên cho đến tuyệt-đỉnh được. Nhưng thấy tối và khuất-khúc nguy-hiểm lắm, lại anh em ai cũng nghĩ mình: « đầu đã hết trần-duyên » nên mới qua được Dao-tri mà không đến cận liên-cung bảo-diện được! Bên cùng nhau trở ra. Khi vô càng vô càng tối, khi ra càng ra càng sáng dần; khi vô lo lo sợ sợ bao nhiêu thì khi ra được mừng mừng thỏa thỏa bấy nhiêu.

Thường có động thì có chùa, nhưng động này phần kỳ-quan dị-thạch thì có nhiều, song không có ánh sáng không được quang-dãng, nên không thể ở được, chỉ có khách du quan qua chơi một đôi lúc mà thôi. Bởi thế mà không có tên động tên chùa. Cái công sáng-lạc, cái công kiến-trúc ra danh-lam thắng-cảnh là cái quyền của Hóa-công, còn cái quyền đặt tên cho cảnh là cái quyền của khách du-quan, lại chẳng lẽ một cửa động quý lạ thế này mà không có tên đề gọi, nên kỳ-giả xin mệnh-danh động ấy là « Tinh-quang động »; lấy lẽ rằng; cái tia sáng cái vẻ đẹp nhất của động này là cây cột kim-cương đã nói trên kia, là sách *Nam-kỳ địa-dư* chi thì chép rằng: « Thứ đá

ấy là Tinh-quang-thạch. Vậy hai chữ Tinh-quang là thể theo cái ý cảnh động mà cũng thể theo ý cố-nhân gọi là chút tồn-cố vậy, tưởng anh em cũng một ý đó.

Cùng nhau xuống chân núi, đi trở về mặt chánh-đông xa trông lên lưng chừng núi một cây bông điệp tròn xoe như cây tán bằng lụa hồng che mát một góc núi. Cối lớn cành dài, lá xanh bóng thắm, có vẻ thướt-tha, có chiều xinh-xắn, phiêu-nhiên trên cảnh không-gian. Người thổ-dân chỉ cho biết chỗ cây điệp ấy có cửa động, có nhà sư ở, bèn đưa đường lên coi. Kịp lên đến nơi mới biết tên động là « Bích-sơn thanh-kê động. » Vừa vô đến cửa động thì :

*Thoảng bên tai mấy tiếng chày kinh,
Khách tang-hải giật mình trong giấc
[mộng.*

Anh em đứng lại tàu niệm một chút cho thần-hồn trong-trẻo, tâm-trí nhẹ-nhàng, theo tiếng chuông mà tiêu-dao ở những bề từ bốn giác. Một ông bạn đứng bên cạnh se-sẽ nói rằng : « Vô đến đây rồi trong lòng như không còn vương - vấn đến việc gì nữa, lại như quên cả thân mình. »

*Cho hay giọt nước cảnh dương,
Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần-
[duyên.*

Vô động thì « buổi kinh ngọ » của nhà sư cũng vừa dứt, được nhà sư thừa-tiếp vui-vẻ. Chùa thờ những tranh Phật bán ở các tiệm khách, chớ không có tượng nặn, trông cái quang-cảnh cũng biết là chùa nghèo. Động thì bằng phẳng trong-trẻo, không có gì là khuất-khúc dị-kỳ, chỉ bên tả có cái thạch-thất, trong có bậc vách đá ngăn làm hai phòng, sẵn cái hang nhỏ làm nẻo thông, nhà sư lấy làm mặt-thất ; đằng sau chùa có cái hang xuyên qua bên hữu động, sâu thẳm-thẳm, có suối nước lả lả mà thôi, nghĩ-ngợi một lúc, vậy lại trà bánh, nhân hỏi truyện mới biết nhà sư vì tẻ-

tái lắm lòng, chán chê cuộc thế, mà « đem mình gởi chốn am mây », là môn-sanh họ Lão, Trang mà không phải con cháu họ Cồ-dàm. Mé nam động này lại có một cái động nữa. Thuyền-trà cạn nước hồng-mai, nhân có mấy chú tiểu bèn ấy đến chơi mới biết, nhờ đưa về động. Đường đá, ngõ rêu, gốc cây, bụi cỏ, mỗi nét đều có chiều việt-thế, phi-phàm, vô-trần, bất-tục, mặng nhìn một vẻ một ưa. Một chập đến nơi động thanh-thang quang-dăng lắm. So với hai động trước thì rộng-rãi sáng-sủa hơn nhiều. Trong có chùa nhưng sư đã đi vắng, nên mấy chú tiểu cũng chềnh-mặng, không thấy hương đèn, không nghe chuông mõ gì.

Động cũng ngõ về đông, khi-sắc có vẻ linh-lung, có chiều đột-ngột. Động thì động cố, động thiên-tạo mà tạc theo gần một lối kiến-trúc kiểu tối-tán thì nghĩ ngày xưa và ngày nay về tinh-thần cũng không biến đổi bao nhiêu mà nhân-tâm với thiên-lánh cũng đại-đồng tiểu-dị mà thôi. Động cao ráo bằng phẳng, gần sau lưng động lại cao lên vừa bằng một cái sân ở nhà hí-viện. Giữa sân lại nổi lên một ngôi đá trắng cao độ ba thước, tạc như hình cái tháp mà trên bằng, có thể làm một chỗ diễn-đài được, cái tháp trắng ấy ngó lên, từ trên nóc động buông xuống một cái thạch-nhũ xây tròn ra cũng có tua như cái chụp đèn điện lớn ở các hí-trường, hay là muốn nói cây quạt mây xoay tít chỉ thấy như cái chong-chóng trắng-trắng cũng được. Còn một chỗ nữa, cửa động này mới giống nhà hí-viện lắm. Ở ngôi đá diễn-đài ngó ra lưng-chừng vách bên tả tạc ra một cái bệ đá dài theo sườn động có thể dung được vài chục người. Kỳ-giả cùng một ông bạn bắc thang leo lên trên ấy đứng trông vô diễn-đài thì khác nào như đứng trên bao-lơn (balcon) ở các nhà hát hay nhà chớp bóng, mà vách động bên kia là tấm phòng (fond) tàu,

chỗ xanh phơn-phớt là rong mới phủ làm mặt nước da trời, chỗ xanh xạm-xạm là rêu phong đã cũ làm đồng tranh nội cỏ, chỗ tím tím mà nâu-nâu là gân đá làm dặm cát đồi cây, chỗ đục-đục mà trắng-trắng ở trên rú xuống là thạch-nhũ làm mây bạc khói mù, lại cũng như màn chớp bóng đang chiếu một « phim ảnh » về một cuộc thám-hiểm nào, nhân-vật trong màn đang hoạt-động, dưới vách đá là mấy chú tiều, mấy người thổ-dân, có ông bạn mặc áo-phục, trông khẩu súng lại càng đúng về cuộc thám-hiểm lắm.

Có diễn-dài, có «táp-lò», trên cầu-lon đã có khách ngồi thì tức phải có người hát. Trong những người thổ-dân ấy lại có một cậu bé Cao-miền. Gương mặt trông cũng dĩnh-ngộ, chừng là con nhà phong-lưu nên biết hát hay. Người dẫn đường giới-thiệu cho biết, anh em mới bắt hát cho nghe. cậu bé cất tiếng hát. Đầu đó lặng-lẽ cả, chỉ có tiếng hát, cậu bé khi lên bổng khi xuống trầm, giọng hát thì náo-nùng ai-oán, mỗi tiếng như chim cái linh - hồn người ta xuống, giọng tiêu-diêu buồn-bã vô-cùng. Tiếng trong, hơi dài, câu hát thực hay, nhưng rằng hay thì thực là hay, nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào ! Có đoạn thấy nét mặt cậu dăm-dăm, hai đầu chân mày nhăn lại, bày ra cái vẻ ầu-sầu. Không thể ngồi trên cầu-lon được nữa mới xuống nhờ người dẫn đường dịch ra cho biết trong câu hát nói những gì, thì là câu ca-dao lúc đôi lứa thiếu-niên trong khi « chưa vui xum-hạp đã sầu chia-phôi ». Vì cảnh gia-đình bất buộc cô nọ phải theo cha mẹ đi sinh-nhai. Lúc cầm tay chưa nở rời tay cô nọ hát mấy lời cuối cùng để biệt tình-quân.

Hát rằng : (Kỳ-giả xin theo lời người dịch mà đặt thành câu ca dao ta.)

— *Tương-li nhớ bữa hôm nay,
Tương-phùng để biết đến ngày hôm
nao !*

Đến khi kẻ nam người bắc, góc biển chân trời, cậu nọ trong khi nhớ đến người yêu sao khỏi ngậm thở ngùi than mà hát rằng :

*Đi sao lâu mấy ai ôi !
Đề cho ai những hôm mai đợi chờ*

thì nghe cũng náo-nuột lắm ! Cái tình-cảnh đôi lứa thiếu-niên kia thì có khác nào tình-cảnh của Kim-Kiều lúc « nổi nhà tang-tóc, nổi mình xa-xôi » tuy có thiết-tha than-thở, chứ chung-cuộc rồi cũng không dám trái lệnh nhà, vì khi đem chữ tình chữ hiếu bắc đồng cân thì « làm con trước phải đền ơn sinh-thành » vậy. Lại câu chuyện này nữa cũng có ý-vị : người mẹ mắng con gái mà hát rằng :

*Gái xuân thì chọn trai tơ,
Gái dâu mà muốn người ta vợ rồi.
Dại sao dại mấy con ơi !*

là bà mắng con sao nữ đem cánh hoa xuân mơn-mởn mà bẻ cho người đã có gia-thất, một mai « sẵn bím chút phận con con, khuôn duyên biết có vuông tròn cho chẳng ? » chẳng là hoài lắm ru ! Cô nọ mới sẽ thưa lại với mẹ rằng : « Con cũng biết lấy chồng cho đáng tấm chồng, bõ công cha mẹ bẽ-bồng dưỡng-nuôi. » Lời mẹ dạy là phải, nhưng dám xin gởi một đôi lời cho mình ?.

Hát rằng :

*Gái xuân thì chọn trai tơ,
Trai tơ mà mắc đũa ngu cũng hoài.
Mẹ ơi, con gởi một bài,
— Mẹ ơi, con gởi một bài.
Mẹ yếu xét đến những lời con phân :
Làm lẽ được người khôn-ngoan,
Còn hơn làm cả những phường ngu-si.
Vả con đã biết :*

*Hay chữ thì là quan sang,
Vợ con nọ ăm hiên vang cả nhà.*

Còn như việc cả mọn thì « chổng chung, chổng chạ, ai năng bầu-hạ thì được chổng riêng » đó thôi.

Xem những lời đối-đáp và những câu ca-dao kể trên kia thì có khác chi những câu ở cửa miệng người mình. Người con gái đang độ đào tơ sen ngó cũng đã biết « ham vì cái bút cái nghiên anh đồ » mà « một đêm quân-tử nằm kề, còn hơn đũa đại võ về quanh năm. » Yêu ấy, ham ấy mà chỉ trông cho mai sau được « nghi-vệ đóng hai bên đường, võng anh đi trước, võng nàng đi sau. » Cho mới biết tùy nơi giống có phân-biệt ở màu da, ở giọng nói chớ cũng « nhân-tâm ấy hà thiên-lý nào ».

Còn nhiều chuyện nhiều câu nữa không tiện kể hết, chuyện thần-tiên thì hoang - đường quái-dị, câu hát cổ thì còn cái hơi chất-phác thuần-lương, câu hát kim thì cũng ô-lô tàu điện, rap hát cao-lâu, nghe cũng lổ-lăng, như những câu của mình: « Đời văn - minh áo quần rực-rỡ, đua nhau ngồi song-mã ô-lô », chớ không ý-nhị gì. Cậu bé hát đã nhiều xin cho văn tuồng. Anh em không ai mất một đồng tiền mà coi cũng đủ trò. Phấn son rực-rỡ, áo quần bánh-bao, đèn điện sáng rực, kèn trống linh-dinh, cũng vi-tất là hay là vui hơn.

Sách Nam-kỳ địa-dư chỉ có một đoạn chép rằng: cách Vân-sơn (tức Thạch-động thâu-vân) năm dặm về phía bắc có núi « Bạch-tháp-sơn » là chỗ ông Huỳnh-Long hòa-thượng ở Qui-nhơn vân-du phi-tích đến đây. Xét lại về phía Thạch-động không thấy có núi nào kêu là Bạch-tháp-sơn thì có lẽ Bạch-tháp-sơn là một cửa động trong dãy núi Châu-nham này chăng. Vì ở miền này không chỗ nào có động, khí-sắc có vẻ kỳ-tú bằng núi này. Núi khác phần nhiều là núi đất thì lấy gì có động mà ở được. Cho nên nói Bạch-tháp-sơn là một cửa

động trong dãy núi này tưởng không lầm, nhưng không biết đích-thực là động nào. Kịp xem hình-thể động thì có thể tin Bạch-tháp-sơn là cửa động này được, vì cái diển dài ở giữa động vừa nói trên kia là tạc trên hình cái « tháp trắng ». Nếu lấy hình mà đặt tên thì hai chữ Bạch-tháp đem gọi cửa động này cũng đúng lắm. Thế là núi này đã có văn-vit của cổ-nhân vậy, tưởng nên điếm qua mẫu nhân vật mà tỏ cho non nước, để gọi lòng kim-cổ cần thêm phát-huy ra tư-tưởng cho thêm mới cảnh-tình với cuộc tráng-du.

Huỳnh-long chân-nhân pháp-danh là Bạch-vân hòa-thượng, lịch-sử của cụ cũng khá cho là cái lịch-sử li-kỳ, là cái lịch-sử bán-tiên bán-tục. Cụ là người Tàu, nhân lúc Mãn-Thanh sang chiếm nhà Minh cụ giữ tiết không thần-phục nhà Mãn mà phải vượt biên qua Nam, cũng có cái mục-dích « thả là mặt khuất hơn là lòng đau. » Cụ bắt đầu sang ở Qui-nhơn; ở đó cụ mới đem thanh-khâm đổi lấy cà-sa mà chịu lễ tam-qui. Cụ sở dĩ phải đổi lấy cà-sa cho ra phết ông sãi, là để cho bề cụ mặc dầu nay đây mai đó, còn cụ chịu lễ tam-qui là ý-giả cụ nghĩ đã không có cái thủ-đoạn xoay trở bỗ-cứu được cuộc đời thì cũng không đản-diu với đời làm gì nữa cho chột dạ đau lòng, thôi thì « thân này gửi với cỏ cây cũng vừa, » để tiêu-dao với tuế-nguyệt là hơn. Cụ vân-du cũng nhiều nơi, nhưng cụ không ở lâu chỗ nào cả, mãi sau cụ nghe ông Mạc Thiên-Tích là người một hội một thuyền với cụ, ở Hà-liên có lập cái « Chiêu-anh-các », cụ bèn tìm tới, thế là cụ đã nghiệm-nhiên là một vị trong « thập-bát anh » ở Chiêu-anh-các vậy. Vì cảm-tình với người tri-âm tri-kỷ mà rồi từ đó cụ không thể dứt hẳn cuộc đời được, vì Chiêu-anh-các là chỗ ông Mạc Thiên-Tích chiêu-tập những văn-hào thi-bá mà cũng kiêm cả chí-sĩ anh-

hùng, là một nơi thi-đàn mà cũng là một nơi hồ-trương. Trong lúc ấy có khi cụ hăng-hái mà bàn luận một cái vấn-đề gì về binh-cơ quốc sự mà cũng có khi cụ nghèo-ngao thông-thả ở góc núi đầu non, hoặc là ngồi định-tâm ở một nơi tĩnh-thất nhàn-đàn.

Thế là bấy giờ cụ kiêm cả hai cái sự - nghiệp nhà tham - mưu và nhà thiền-sư vậy. Cho mới biết con người ta ở đời nếu chỉ biết có một cái chủ-nghĩa yếm-thế, giữ cái mục-đích an-nhàn để mặc kẻ đời thì cũng là hư, và chỉ biết có một cái chủ - nghĩa lẩn-lóc mài-miệt với cuộc đời, chìm đắm trong vòng danh-lợi thì cũng là tục, kiêm cả hai cái chủ-nghĩa ấy mới sẽ là con người đủ tư-cách vậy.

Châu-nham còn đó, Bạch-tháp còn đây, kẻ lên chơi ngày nay không sao cầm được tấm lòng « cảnh cũ người xưa », nhưng cái lòng hoài-cổ ở một chỗ thuyên-môn thạch-động thì trong trí chỉ có chút cảm-phục tượng-tượng đến cái tâm-thuật cao-siêu, cái vận-sự tiêu-sái của nhà sư, vẫn khác với cái lòng hoài-cổ ở một nơi « ngõ cũ lâu-đài, dấu xưa xe ngựa », phải ngậm-ngùi cho cuộc tồn-vong, đau-đớn cho cái hưng-phế.

Cái sự-nghiệp của dật-sĩ cao-nhân bao giờ cũng vẫn siêu-thoát thanh-cao, cái không-khí ở cửa chùa rừng tia bao giờ cũng trong trẻo, nhẹ-nhàng, thì cổ-nhân có gì cho mình phải đau - đớn, cảnh có gì cho mình phải ngậm-ngùi, họa là cổ-nhân có đau - đớn, cảnh có ngậm-ngùi cho mình thì có. Cho nên lúc ở động đi ra, trong mình thấy nhẹ-nhàng như không, không phải như những khi từ-giã một nơi thành hư mộ cũ nào, phải tần-ngần đứng lặng, bước đi một bước dầy-dây lại dừng, như có một mối vô hình gì nó buộc người ta không sao dứt được.

Cho mới biết những nơi tĩnh tự nhàn-am là những lá từ-phạm trong khở-hải, kẻ ở đời cũng phải biết lợi dụng. Kỳ-giã đi chơi ngày nay cũng vì một cái mục-đích ấy.

Giã sư giã cảnh thì đã tà-tà bóng ngả về tây; đến đường cái quan xe ngựa ra về thì trời đã bãng-lãng bóng hoàng-hôn.

ĐÔNG-HỒ

NGUYỄN VĂN-KIỆM

sao - lục



VĂN CHIẾN-QUỐC-SÁCH

Triệu Tương-tử 趙襄子 diệt

Tri-Bá 智伯 .

Tri-Bá đem hai nước Hàn Ngụy đánh họ Phạm Trung-Hàng 范中行 mà diệt đi.

Nghĩ binh được vài năm rồi Tri-Bá cho người đến nước Hàn xin cắt đất cho Hàn Khang-tử 韓康子 toan không cho. Mưu-thần của Hàn là Doãn Qui 段規 can rằng: « Không được, Tri-Bá là đũa tham lợi mà ác, rồi hẳn lại đến xin đất nữa đây, không cho thì tất hẳn đem binh đánh Hàn. Vậy ngài cứ cho hẳn, hẳn quen mai lại đến nước khác xin đất, nước khác không cho, tất hẳn đem binh đến đánh. Như thế thì hẳn được khỏi hoạn-nạn mà chờ xem cơ-hội thế nào »

Khang-tử nói rằng: « Phải » Rồi sai sứ giả đem cho Tri-Bá một cái ấp có vạn bấp. Tri-Bá thích lắm. Lại cho người sang Ngụy xin cắt đất cho. Ngụy Hoàn-tử 魏桓子 toan không cho. Mưu - thần Ngụy là Triệu-Hà can rằng: « Tri-Bá xin đất của Hàn, Hàn người ta cho hẳn rồi. Nay xin đất của Ngụy, Ngụy không cho, thế là Ngụy trong tự-cường mà ngoài chọc tức Tri-Bá đó, tất hẳn đem binh đánh Ngụy chứ không sai. »

Hàn-tử nói rằng: « Vâng. » Bèn sai người giao cho Tri-Bá một cái ấp có vạn bấp. Tri-Bá thích lắm. Lại cho người sang Triệu xin đất Sái Cao-Lang. 蔡皋狼. Triệu Tương-tử 趙襄子 không cho.

Tri-Bá âm kết với hai nước Hàn Ngụy sắp đem quân đánh Triệu. Triệu Tương-tử triệu Trương Mạnh-Đàm 張孟談 vào bảo rằng: « Tri-Bá là thằng ăn ở lá mặt, ba lần đến xin đất nước Hàn nước Ngụy rồi, nay đến đây thì

quả-nhân không cho, tất nó đem binh đánh ta. Vậy ta làm thế nào ? »

Trương Mạnh-Đàm thưa: « Đồng-tử là một bậc bày-lôi có tài của ông Giản-tử 簡子 ngày xưa. Đồng cai-trị đất Tấn-dương đã lâu. Sau Doãn Đạc 尹鐸 nối chân lại noi theo phép cũ mà dấu thừa chính-giao vẫn còn đến nay. Vậy xin ngài ra đóng ở Tấn-dương là chắc-chắn. »

Tương - tử nói xin vâng, rồi sai Duyên-lăng-quân 延陵君 đưa các quân xa-ky ra Tấn-dương trước. Vua ra sau.

Đến nơi vua Triệu đi xem thành-quách, khám phủ - khố và kho dựn xong, bèn triệu Trương Mạnh-Đàm đến hỏi rằng: « Ta xem thành-quách thì vững-bền, phủ-khố đủ dùng và kho dựn dư - dật cả, chỉ không có tên đề bắn thôi, làm thế nào ? »

Trương Mạnh - Đàm thưa: « Thần nghe nói khi Đồng-tử cai-trị ở đây, những bức tường nhà công trong có chứa những thứ gai cỏ cỏ 蒿, cỏ địch 荻, cỏ chiêm 芻, cỏ sở 楚, cao đến một trượng, có thể làm lên được. Vậy xin ngài cho dỡ tường ra mà dùng thử xem. »

Trương-tử cho dỡ tường ra lấy gai bắn thử thì nó mạnh không kém gì tên làm bằng thứ trúc tốt. Tương-tử lại hỏi còn thiếu đồng.

Mạnh-Đàm thưa: « Thần nghe nói khi Đồng-tử cai-trị ở đây, phàm cột nhà công là làm bằng thứ đồng lọc kỹ cả, xin ngài cho tìm xem. Vua cho xét thì được vô-số đồng. »

Triệu phát hiệu-lệnh, đặt phòng-bị vừa xong dấu vào đây thì quân ba nước cũng vừa kéo đến dưới thành Tấn-dương, bèn giết nhau.

Ba nước đánh ba tháng không hạ được thành Tấn-dương, bèn dàn quân

bỏ vảy và khoi cho nước sông Tấn chảy vào thành Tấn-dương.

Vậy như thế ba năm, trong thành Tấn-dương phải làm chòi mà ở, bữa cơm phải treo cái nồi lên mà thổi. Lương ăn sắp hết, sĩ-lốt ốm đau cả. Trương - tử bảo Mạnh - Đàm rằng : « Lương-thực khi-dụng hết cả mà lính-tráng thì bệnh-lật nhiều, không giữ được nữa đâu, ta định ra hàng đây. Ông nghĩ sao ? »

Mạnh-Dàm thưa : « Nước sắp mất mà không giữ lại được, sắp nguy mà không xếp yên được, thì ai còn quý kẻ chi-sĩ làm gì. Ngài bỏ cái kế ấy đi, đừng bàn đến nữa, đề thần đi yết-kiến vua Hàn Ngụy là xong. »

Trương-tử xin vâng. Trương Mạnh-Dàm bèn đến yết-kiến vụng hai vua Hàn Ngụy mà nói rằng : « Mới hôm nay phải lạnh. Nay Tri-Bá đưa hai ngài đến đây đánh Triệu, Triệu sắp mất nước rồi. Nhưng Triệu mất thì rồi đến lần hai ngài. »

Hai vua nói : « Chúng tôi cũng biết thế đấy, Tri-Bá hẳn là người bụng xằng không từ-lẽ với ai. Nhưng nếu mưu chưa thành mà hẳn biết thì nguy, làm thế nào ? »

Trương Mạnh-Dàm thưa : « Mưu ở miệng hai ngài vào tai tôi, ai biết đâu. »

Hai vua tức-thì âm-ước với Trương Mạnh-Dàm hẹn đem cho tam-quân vào thành Tấn-dương. Trương Mạnh-Dàm cho về báo với Trương-tử. Trương-tử mừng lắm. Trương lại đón những người vào châu Tri-Bá rồi đi ra, bèn gặp Tri-Qua 智過 ở ngoài cửa viên-môn. Tri-Qua trở vào yết Tri-Bá mà thưa rằng : « Chắc hai vua Hàn Ngụy có biến-tâm. » Tri-Bá hỏi : « Sao biết ? »

Tri-Qua nói : « Tôi gặp Trương Mạnh-Dàm ở ngoài cửa viên-môn mà xem hẳn có ý kiêu-căng đi đồng-dục lắm. »

Tri-Bá nói : « Không phải, ta đã ước với hai ông vua kia cần-thần lắm rồi. Hễ lấy được Triệu thì chia ba, ta xử từ-lẽ như thế thì tất họ không lừa ta. Người đừng nghĩ và đừng nói đến việc ấy nữa. »

Tri-Qua ra yết hai vua Hàn Ngụy rồi vào nói với Tri-Bá rằng : « Tôi xem hai ông vua ấy đôi sắc mặt mà ý - tứ khác, tất họ bội ước, xin giết đi. »

Tri-Bá nói : « Không có lẽ, vậy Tấn-dương đã ba năm nay, chỉ trông sớm tối nữa là hạ được thành đề cùng hưởng lợi với nhau mà ai lại còn có bụng gì khác nữa. Tôi người đừng lời-thối. »

Tri-Qua thưa : « Không giết thì phải xử-thần hơn. »

Tri-Bá hỏi : « Xử-thần hơn là thế nào ? »

« Một người mưu-thần của Ngụy Hoàn-tử là Triệu Hà, một người mưu-thần của Hàn Khang-tử là Đoàn Qui, hai người ấy đều có thể chuyển-di được kế-hoạch của vua họ đi. Vậy ngài ước thêm với hai vua Hàn Ngụy rằng : hễ phá xong Triệu thì phong cho hai gã mỗi người một huyện có một vạn bấp. Như thế thì hai ông vua kia không biến tâm được, mà ngài được theo như ý mình. » -- Tri-Qua thưa thế.

Tri-Bá nói : « Phá Triệu đã chia ba rồi, lại còn phong cho hai gã ấy mỗi người một huyện hàng vạn bấp, thì thành ra ta được ít quá. Không được. »

Tri-Qua thấy vua không dùng, nói không nghe, trở ra bèn dời họ ra họ Phụ 輔, rồi đi đâu mất không biết. Trương Mạnh-Dàm nghe tin vào yết Trương-tử mà rằng : « Tôi gặp Tri-Qua ở ngoài cửa viên-môn bên ấy, xem hẳn ra ý nghi tôi. Tôi thấy hẳn vào yết Tri-Bá rồi ra thì dời họ ra họ khác. Vậy nếu đêm nay ta không đánh đi thì lỡ mất. »

Tương-lữ nói : « Xin vâng. » Bên sai Trương ra yết vua Hàn vua Ngụy hẹn đêm hôm ấy giết lính canh để mà khoi nước vào đồn quân Tri-Bá. Quân Tri-Bá rồi-rit đi cứu để thì hai quân Hàn Ngụy đánh hai bên ập vào, Tương-lữ thì đem quân đánh vào mặt trước. Quân Tri-Bá đại-bại, Tri-Bá bị bắt.

Tri-Bá chết, nước mất đất bị người ta chia nhau, để cho đời chê cười là thằng tham không biết chán.

Khích-Tì 郗 疵 đoán hai vua Hàn Ngụy tất phản Tri-Bá

Tri-Bá đưa quân Hàn Ngụy đi đánh Triệu, vây thành Tấn-dương mà khoi nước vào. Trong thành chỉ còn độ ba lần ván nữa là ngập hết. Khích-Tì nói với Tri-Bá rằng : « Hai vua Hàn Ngụy tất làm phản. »

Tri-Bá hỏi : « Sao biết ? »

Khích-Tì thưa : « Cứ lấy nhân-sự mà đoán thì biết. Ngài đem hai vua Hàn Ngụy đến đánh Triệu, Triệu mất rồi thì vạ tất đến hai nước ấy. Nay ngài ước với hai ông vua ấy rằng : đánh được Triệu thì chia nhau đất Triệu ra ba phần. Bây giờ thành Triệu chỉ còn có ba lần ván nữa là ngập hết, con nhái - bèn đẻ cả vào bể, người ngựa ăn thịt lẫn nhau, chỉ sớm tối là hạ được thành. Thế mà hai vua Hàn Ngụy không lấy

làm mừng lại có ị lo. Vậy họ không sắp phản là gì ? »

Ngày mai Tri-Bá nói với hai vua Hàn Ngụy rằng : « Khích-Tì đoán hai ông sắp phản tôi đây. »

Hai vua nói : « Thằng Triệu thì dứt chia ba, thế mà nay thành sắp hạ được rồi, hai chúng tôi dẫu ngu dốt thế nào cũng không chịu bỏ cái miếng ngon đã kẻ tận miệng mà bội lời tin-minh để làm cái việc nguy-hiểm không có thể nào thành, tình-thế đã rõ-ràng ra đây rồi. Đó chỉ là Khích-Tì lập kế giúp Triệu, nói để ngài ngờ hai chúng tôi mà biếng việc đánh Triệu đó thôi. Ngài nghe lời kẻ gièm pha mà lìa bỏ chúng tôi, chúng tôi thực lấy làm tiếc cho ngài quá. » Nói rồi cùng nhau đi rảo ra.

Khích-Tì nói với Tri-Bá rằng : « Sao ngài lại đem lời tôi mà bảo hai vua Hàn Ngụy làm gì thế ? »

Tri-Bá nói : « Sao nhà người biết ? »

Khích thưa : « Tôi thấy hai ông vua ấy nhìn thẳng vào tôi mà bước rảo. »

Khích-Tì biết Tri-Bá không nghe lời mình, bèn xin đi sứ Tề. Tri-Bá cho đi. Quả-nhiên hai vua Hàn Ngụy làm phản Tri-Bá.

(Còn nữa)

Đ.-N.



MANH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH

孟子國文解釋

XXXVIII

XXIII

富可歛。其時。其日。孟子
也。使民稅薄田易子

Dịch-âm.— Mạnh-tử viết: « Dị kỳ điều trú, bạc kỳ thuế liêm, dân khả sử phú dã.

Dịch-ngĩa.— Thầy Mạnh nói rằng: « Khiến dân được kịp thời làm ruộng nương, mà nhẹ phần nộp thuế-mả, thì dân có thể giàu được

Chú-giải.— Dị = Trì, sửa-sang làm-lụng. Trú = Nương ruộng đã cấy bừa. Bạc = Mỏng, nhẹ. Liêm = Thấu, nộp.

用可財以用以食
也。勝不禮之時之

Dịch-âm.— « Thực chi dĩ thời, dụng chi dĩ lễ, tài bất khả thắng dụng dã.

Dịch-ngĩa.— « Ăn cho có điều-độ mà chớ ăn phi, dùng cho phải lễ-tiết mà chớ dùng phi, thì của tự thừa nhiều mà dùng chẳng xiết vậy.

乎。民菽粟有聖弗門活。民
焉。粟如人治與。戶昏非
有。水。如。天。者。求。水。火
不。火。水。下。足。火。人。火
仁。而。火。使。矣。無。之。生
者

Dịch-âm.— « Dân phi thủy hỏa bất sinh hoạt, hôn mộ khẩu nhân chi môn hộ cầu thủy hỏa, vô phát dĩ giả, chí túc hĩ. Thánh-nhân trị thiên-hạ, sử hữu thức túc như thủy hỏa, thức túc như thủy hỏa, nhi dân yên hĩu bất-nhân giả hồ. »

Dịch-ngĩa.— « Dân phi có nước lửa, chẳng sinh - hoạt được, thế mà đem hôm gỗ cửa nhà người ta để xin nước lửa thì không ai là chẳng cho, là vì nước lửa rất thừa nhiều vậy. Đấng thánh-nhân trị thiên-hạ, khiến cho dân có thừa nhiều đậu thóc như nước lửa. Đậu thóc đã thừa như nước lửa, lẽ nào mà dân lại còn có kẻ bất-nhân nữa dư? »

Chú-giải.— Toàn chương này là nói việc chính-trị, trước nhất phải mở-mang nguồn của cải, tiết-kiệm việc tiêu-dùng, khiến cho dân được giàu đủ, dân đã giàu đủ thì tự-nhiên sinh ra lễ-ngĩa, thế là dân có bằng-sản thì tất có bằng-tâm, lẽ nào lại còn có kẻ bất-nhân nữa.

XXIV

言。之。水。於。小。魯。登。孟
門。遊。海。天。登。東。子
者。於。者。下。太。山。曰
難。聖。難。故。山。而。孔
為。人。為。觀。而。小。子

Dịch-âm.— Mạnh-tử viết: « Không tử, dăng Đông-sơn nhi tiều Lỗ, dăng Thái-sơn nhi tiều thiên-hạ; cổ quan ư hải giả nan vi thủy, du ư thánh-nhân chi môn giả nan vi ngôn.

Dịch-ngĩa.— Thầy Mạnh nói rằng: « Đạo ông Không-tử cao và lớn lắm thay! sờ-xử càng cao thì coi xuống càng nhỏ, ví như lên núi Đông-sơn mà coi nhỏ nước Lỗ, lên đến núi Thái-sơn mà coi nhỏ cả thiên-hạ; sờ-kiến càng rộng lớn thì những điều nhỏ không thấm vào đâu, ví như đã trông thấy nước bể thì mọi dòng nước khác

không gọi là nước được nữa, đã du-học ở cửa thánh-nhân thì mọi lời nói thường chẳng thấm vào đâu nữa.

照容月其術。觀
焉。光有瀾。必水
必明。日觀有

Dịch-âm. — « Quan thủy hữu thuật, tất quan kỳ lan; nhật nguyệt hữu minh, dung quang tất chiếu yên.

Dịch-Nghĩa. — « Đạo đáng thánh-nhân vốn có nguồn gốc, ví như xem nước phải có mào, tất xem cái chỗ nó chảy sôi, thì mới biết là nó có nguồn; lại xem như mặt trời mặt trăng có cái thể sáng làm gốc, chỗ nào hơi hé sáng thì tất chiếu vào ngay.

Chú-giải. — Lan = Chỗ nước sôi mà chảy mạnh. Dung-quang = Chỗ lồng lộng tia sáng.

Đây là nói xem nước chảy sôi thì biết là có nguồn, xem bóng sáng đâu cũng lọt thì biết là có gốc; đạo thánh-nhân cũng có nguồn gốc sâu xa.

不不於子不不爲流
達成道之不行。盈物水
章也。志君科也。之

Dịch-âm. — « Lưu thủy chi vi vật dã, bất doanh khoa bất hành; quân-tử chi chí ư đạo dã, bất thành chương bất đạt. »

Dịch-Nghĩa. — « Lưu - thủy nó là nước vậy, chẳng đầy hồ thì chẳng chảy đi; nữa là người quân-tử chỉ ở học đạo, chẳng học đến thành văn chương chẳng đạt lên cõi thánh được. »

Chú-giải. — Khoa = Vững, nổi. Thành-chương = Đạo lý hậu-tích ở trong mà văn-chương hiện ra ngoài.

Toàn chương này là nói đạo đáng thánh-nhân lớn-lao và có nguồn gốc, kẻ học đạo tất phải dần-dần qua bậc nọ rồi mới tiến lên bậc kia, chớ không nên vội mà lập-đang.

XXV

徒舜善孳起。鳴曰。孟
也。之者。爲孳而雞子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết: « Kẻ minh nhi khởi, ty ty vi thiện giả, Thuấn chi đồ dã.

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Người nào gà gáy mà trở dậy, đã chăm chăm làm thiện, ấy cũng là bọn ông Thuấn vậy.

Chú-giải. — Ty-ty = Tiếng gà gáy liên tục.

也。之者。爲孳而雞
徒。利孳起。鳴

Dịch-âm. — « Kẻ nào gà gáy mà trở dậy, đã chăm chăm làm lợi, ấy là bọn người Chích vậy.

Dịch-Nghĩa. — « Kẻ nào gà gáy mà trở dậy, đã chăm chăm làm lợi, ấy là bọn người Chích vậy.

Chú-giải. — Chích = Tên một kẻ trộm có tiếng đời xưa.

也。之與他。分。蹠舜欲
間善利無之與知

Dịch-âm. — « Dục tri Thuấn dữ Chích chi phân, vô tha, lợi dữ thiện chi gian dã. »

Dịch-Nghĩa. — « Muốn biết cái phẩm ông Thuấn với cái phẩm người Chích khác nhau thế nào, không có điều gì khác, chỉ xét cái khoảng khởi-niệm về điều lợi với điều thiện vậy. »

Chú-giải. — Toàn-chương này là nói nhân-phẩm khác nhau; chỉ cốt xét ở lúc khởi-niệm vi thiện hay là vi lợi mà thôi.

XXVI

不利一爲楊孟
爲天毛我。子子
也。下而拔取曰。

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết: « Dương-tử thủ vị ngã, bất nhất mao nhi lợi thiên-hạ bất vi dã.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng :
 • Học-thuyết người Dương-tử chỉ cốt
 vì mình, nhờ một cái lòng mà lợi cho
 thiên-hạ cũng chẳng chịu làm.

Chú-giải. — Dương-tử = Tên là Chu 朱.
 Thủ = Chỉ lấy thế làm đủ, Thủ-vị-ngã = Chỉ
 đủ vì mình, chứ chẳng kịp đến người. Đó
 là cái tôn chỉ của học-thuyết họ Dương.

之。下。利。放。廢。兼。墨
 爲。天。雖。頂。愛。子

Dịch-âm — « Mặc-tử kiêm - ái, mà
 đình phóng chủng, lợi thiên-hạ vì chi. »

DỊCH-NGHĨA. — « Học - thuyết người
 Mặc-tử chủ gồm yêu cả mọi người,
 việc gì lợi cho thiên-hạ, dầu mình mài
 sát cả dầu đến gót cũng làm.

Chú-giải. — Mặc - tử = Tên là Dịch 翟.
 Kiêm - ái = Gồm yêu, đối với mọi người
 không phân biệt hạng nào đều yêu cả. Đó
 là tôn-chỉ của học-thuyết họ Mặc. Ma-
 đình = Sây sát cả cầu. Phóng = bứt.
 Chủng = Gót.

一。權。執。爲。中。子
 也。猶。中。近。執。莫
 執。無。之。中。執

Dịch-âm. — « Tử-Mạc chấp - trung,
 chấp-trung vì cận chi, chấp-trung vô
 quyền, do chấp-nhất đã.

DỊCH-NGHĨA. — « Học-thuyết người
 Tử-Mạc cầm nước giữa. Cầm nước
 giữa dường như gần hợp đạo thánh-
 hiền. Nhưng Tử-Mạc cầm nước giữa
 mà không biết cân nhắc sự-lý thì cũng
 như họ Dương họ Mặc chấp-nhất vậy.

Chú-giải. — Tử Mạc = Người hiền nước
 Lỗ. Chấp-trung = So-sánh hai đạo họ Dương
 với họ Mặc mà cầm lấy nước giữa. Đó là
 tôn-chỉ của học-thuyết Tử - Mạc. Quyền =
 Quả cân, để cân nhắc nặng nhẹ, nghĩa bóng
 là cân nhắc mọi lẽ trong sự-vật để cầu lấy
 thích-trung. Chấp nhất = Cầu-nệ chẳng biết
 biến-thông.

也。而。也。其。一。所
 廢。舉。賊。者。惡
 百。一。道。爲。執

Dịch-âm. — « Sở ố chấp - nhất giả,
 vi kỳ tắc đạo dã, cử nhất nhi phế bách
 dã. »

DỊCH-NGHĨA. — « Ghét những kẻ
 chấp-nhất là vì những kẻ ấy hại cho
 đạo, chỉ giữa lấy một mối mà bỏ cả
 trăm mối vậy. »

Chú-giải. — Tắc-đạo = Hại cho đạo, như
 họ Dương chỉ vì mình thì hại cho đạo-nhân;
 họ Mặc gồm yêu cả mọi người thì hại cho
 đạo nghĩa; Tử-Mạc chấp-trung mà nệ thì
 hại cho đạo thời-trang, đó đều là chỉ cốt
 lấy một mối mà bỏ cả trăm mối, nên người
 quân-tử mới lấy làm ghét.

Toàn chương này là nói đạo-lý quý hồi
 chấp-trung, mà lại phải biết quyền-hành
 cân nhắc cho hợp đạo thời-trang. Chớ như
 Tử Mạc thì là chấp-nhất rất hại cho đạo
 thời-trang.

XXVII

皆。渴。豈。也。未。食。孟
 有。之。唯。餓。得。渴。子
 害。害。口。飲。者。曰
 人。腹。渴。食。甘。饑
 心。有。害。食。之。飲。者
 亦。饑。也。正。是。甘

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết: Cơ giả
 cam thực, khát giả cam ẩm, thị vị đắc
 ẩm thực chi chính dã, cơ khát hại chi
 dã; khởi duy khẩu phúc hữu cơ khát
 chi hại, nhân tâm diệc giai hữu hại.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng:
 « Kẻ đói ăn gì cũng ngon, kẻ khát
 uống gì cũng ngon, ấy là tại nhận sai
 mất cái mùi chính - vị trong lúc ăn
 uống, vì cái đói cái khát nó làm hại
 đấy vậy; há những khẩu phúc có cái
 hại về đói khát, cái tâm người ta cũng
 đều có cái hại. »

Chú-giải. — Đây là nói cái khẩu-phúc
 người ta vì sự đói khát nó làm hại, nên về
 sự uống ăn không kịp lựa chọn, mà nhận sai
 mất cái mùi chính-đáng, dầu vị không ngon

cũng lấy làm ngon. Cái tâm người ta vì sự nghèo hèn nó làm bại, nên về sự giàu sang cũng không kịp lựa chọn, mà nhận sai mất cái lẽ chính-đáng, dẫn làm điều phi-nghĩa cũng đáng làm.

矣。不 不 心 之 以 人
為 及 害 害 假 能
憂 人 則 為 渴 無

Dịch-âm.— « Nhân năng vô dĩ cơ-khát chi hại vì tâm hại, tắc bất cập nhân bất vì ưu hi ».

DỊCH-NGHĨA.— « Người ta hay yên nghĩa-mệnh không vì cái hại dôi khát nó làm hại cái tâm, thì hơn người nhiều lắm, chẳng lo rằng chẳng kịp người vậy ».

Chú-giải.— Đây là nói người ta hay không vì cái cơ nghèo hèn nó làm động đến tâm, thì không lo gì chẳng bằng người vậy.

XXVIII

介。易 三 不 下 曰。孟
其 公 以 惠 柳 子

Dịch-âm.— Mạnh-tử viết : « Liêu Hạ Huệ bất dĩ tam-công dịch kỳ giới ».

DỊCH-NGHĨA.— Thầy Mạnh nói rằng : « Ông Liêu-Hạ Huệ chẳng lấy ngôi tam-công thay đổi cái tiết-tháo của mình ».

Chú-giải.— Tam-công = Thái - sư, Thái-phó, Thái - bảo. Giới = Giữ một tiết - tháo riêng không theo tục.

Đây là biểu trưng cái tiết-tháo ông Liêu-Hạ-Huệ dẫn rằng nét hòa mà vẫn có cái tiết cương kính.

XXIX

井 猶 不 九 井。辟 有 孟
也。為 及 輒。掘 若 為 子
棄 泉。而 井 掘 者。曰。

Dịch-âm.— Mạnh-tử viết : « Hữu vi gia, thì nhược quật tỉnh, quật tỉnh cửu nhận, nhi bất cập toàn, do vì khi tỉnh dã ».

DỊCH-NGHĨA.— Thầy Mạnh nói rằng : « Kẻ học đạo cốt tìm đến nguồn gốc, vì như đào giếng cốt thấu đến mạch nước,

đào giếng đã sâu được chín nhận, nhưng chưa kịp thấu đến chỗ nước suối mà đã vội thôi ngay, thế là mình tự bỏ cái giếng của mình vậy ».

Chú-giải.— Nhận = Tâm trước là một nhận.

Đây là nói học đạo dở dang cũng như là đào giếng bỏ dở, đề rào kẻ đi học nửa vời mà bỏ, thì công trước mất không.

XXX

假 也。武 之 堯 孟
之 五 身 也。舜 子
也。伯 之 湯 性 曰。

Dịch-âm.— Mạnh-tử viết : « Nghiêu Thuấn tính chi dã, Thang Vũ thân chi dã, ngũ bá giả chi dã ».

DỊCH-NGHĨA.— Thầy Mạnh nói rằng : « Vua Nghiêu vua Thuấn vốn tính hồn-toàn tự-nhiên hợp đạo, vua Thang vua Vũ thì tu-thân tri-thủ giữ cho trọn đạo. năm kẻ bá thì chỉ giả-cách mượn lấy cái đạo nhân-nghĩa mà thôi ».

Chú-giải.— Chương này là phân biệt đạo đế vương với đạo bá khác nhau, chỉ tại thành với ngụ mà thôi.

也。非 知 歸。而 久
有 其 惡 不 假

Dịch-âm.— « Cửu giả nhi bất qui, ô tri kỳ phi hữu dã ».

DỊCH-NGHĨA.— « Giả-cách mượn tiếng nhân-nghĩa mãi mà chẳng quay về đường chân-chính, trước còn dối người, sau mình lại dối mình, không tự biết rằng mình chẳng có gì thực vậy ».

Chú-giải.— Ôi tri kỳ phi hữu = Quên đi không biết mình là giả.

XXXI

大 又 悅。于 順。不 伊 公
悅。反 太 桐。放 狎 尹 孫
之。甲 民 太 于 曰。丑
民 賢。大 申 不 予 曰。

Dịch-âm. — Công-Tôn Sửu viết : « Y-Doãn viết : « Dư bất hiệp vu bất thuận », Phóng Thái-Giáp vu Đồng, dân đại duyệt. Thái-Giáp hiền, hựu phản chi, dân đại duyệt.

Dịch-NGHĨA. — Công - Tôn Sửu nói rằng : « Ông Y-Doãn có nói rằng : « Ta chẳng nỡ thân trông thấy vua làm trái nghĩa-lý ». Mới đem đuổi vua Thái-Giáp ra đất Đồng, dân cả đẹp lòng ; sau vua Thái-Giáp biết hối-quá mà hiền, lại đón về làm vua, dân cả đẹp lòng.

Chú-giải. — Hiệp = Hằng ngày gần gần trông thấy.

放 固 賢。君 也。人 之 賢
興。可 則 不 其 臣 爲 者

Dịch-âm. — « Hiền giả chỉ vì nhân thân đã, kỳ quân bất hiền, tắc cổ khả phóng dư ? »

Dịch-NGHĨA. — « Xem như việc ông Y-Doãn, thì kẻ hiền-giả làm bề-tôi, nếu vua mình chẳng hiền, thì cứ nên đuổi đi dư ? »

寡 志 尹 無 則 之 伊 曰。孟
也。則 之 伊 可。志 尹 有 子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Hữu Y-Doãn chỉ chỉ tắc khả, vô Y-Doãn chỉ chỉ tắc thoán dã ».

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Có cái chỉ công cả thiên-hạ như ông Y-Doãn, thì quyền-biến một chút cũng còn khả, nếu không cái chỉ như ông Y-Doãn mà có tư-tâm thì là kẻ thoán-nghịch vậy ».

Chú-giải. — Thoán = Cuớp, nói riêng về kẻ nghịch-thần, như nói thoán-vị.

Toàn chương này là mượn việc ông Y-Doãn mà lập-luận, để răn những kẻ nhân-thần không được tạ - khải mà làm điều thoán - nghịch.

XXXII

餐 則 尊 其 曰 耕 素 公
兮。孝 榮。君 子 而 餐 孫
就 弟 其 用 子 食 兮。丑
大 忠 子 之 何 君 之 曰
於 信 弟 則 也 子 詩
是 不 從 安 國 孟 不

Dịch-âm — Công tôn Sửu viết : « Thí viết : « Bất tở san hề. » Quân-tử chi bất canh nhi thực, hà dã ? » Mạnh-tử viết : « Quân-tử cư thị quốc dã, kỳ quân dụng chi, tắc an phú tôn vinh ; kỳ tử-đệ tùng chi, tắc hiếu-đễ trung-tín ; bất tở san hề, thực đại ư thị. »

Dịch-NGHĨA. — Công - Tôn Sửu hỏi rằng : « Kinh Thi có nói rằng : « Chẳng ăn không vậy. » Người quân-tử chẳng cây ruộng mà ăn lộc : là nghĩa sao ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Người quân-tử ở nước nào, vua nước ấy nếu hay dùng lời nói người quân-tử, thì nước ấy được an - phú tôn-vinh ; kẻ tử-đệ nước ấy hay theo lời dạy người quân-tử, thì đều nên người hiếu-đễ trung-tín. Bảo rằng chẳng ăn không, thì còn công gì lớn hơn công ấy nữa. »

Chú-giải. — Thi = Thơ Phạt - đàn 伐檀 trong thiên Ngụy-phong. Tở san = Ăn không, là nói không có công mà ăn lộc

Chương này là nói người quân-tử vốn có công với nước, dầu có ăn lộc cũng không quá lạm gì.

XXXIII

志 曰。孟 何 曰。楚 王
尚 子 事。士 問 子

Dịch-âm. — Vương - tử Điểm vấn viết : « Sĩ hà sự ? » Mạnh-tử viết : « Thượng chi. »

Dịch-NGHĨA. — Con vua là Điểm hỏi rằng : « Kẻ sĩ làm việc gì ? » Thầy Mạnh đáp rằng : « Cao-thượng cái chi-hướng của mình, ấy là việc kẻ sĩ ».

Chú-giải. — **Điểm** = Con vua nước Tề.
Sĩ = Kẻ học-trò, trên chưa làm việc quan
 Công Khanh Đại-phu, dưới không làm việc
 kẻ nông công thương cổ, dường như không
 có việc, cho nên Trương - tử ngờ mà hỏi.
Thượng = Cao-thượng. **Thượng chí** = Giữ chí-
 hướng cho các-siêu, học-hức cho rộng-rãi.

義。在。惡。而。罪。義。曰。
 大。義。在。取。非。而。何。
 人。是。仁。之。仁。已。謂。
 之。也。是。非。也。矣。尚。
 事。居。也。義。非。殺。志。
 備。仁。也。也。其。一。曰。
 矣。由。惡。居。有。無。仁。

Dịch-âm. — **Viết:** « Hà vị thượng-chí? » **Viết:** « Nhân nghĩa nhi dĩ hĩ, sát nhất vô tội, phi nhân dã; phi kỳ hữu nhi thủ chi, phi nghĩa dã; cư ở tại, nhân thị dã, lộ ở tại, nghĩa thị dã; cư nhân do nghĩa, đại nhân chi sự bị hĩ ».

Dịch-Nghĩa. — **Điểm** hỏi rằng: « Thế nào là cao-thượng cái chí-hướng? »
 Thầy Mạnh đáp rằng: « Kẻ sĩ chí-hướng về điều nhân điều nghĩa mà thôi vậy. Giết một kẻ vô-tội là phi-nhân; cái vật chẳng phải của mình có mà lấy là phi-nghĩa; kẻ sĩ tuy chưa đắc-thời đắc-vị, nhưng vẫn giữ vững cái chí-hướng mình, nhà ở về đâu? Ở về điều nhân; đường đi đâu? Đi theo điều nghĩa. Đã hay ở về điều nhân, noi theo điều nghĩa, thì những sự toàn-thể đại-dụng của bậc đại-nhân đã đủ cả vậy ».

Chú-giải. — **Đại-nhân** = Những bậc quan Công Khanh Đại-phu.

Chương này là nói kẻ sĩ tuy chưa ở ngôi đại-nhân, nhưng vẫn chí-bướng về điều nhân nghĩa, không phải là vô-sự vậy.

XXXIV

信。臣。莫。食。人。與。孟。
 其。上。大。豆。皆。之。齊。子。
 大。下。焉。亡。之。而。國。仲。
 名。以。其。親。也。是。弗。子。
 可。小。戚。也。舍。策。不。義。
 哉。者。君。人。受。

Dịch-âm. — **Mạnh-tử** viết: « Trọng-tử, bất nghĩa dữ chi Tề-quốc nhi phát thụ, nhân giai tín chi, thị xả dân tự đấu canh chi nghĩa dã, nhân mạc đại yên vô thân thích quân thần thượng-hạ, dĩ kỳ tiêu giả tín kỳ đại giả, hề khả tai ».

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Cái nết người Trọng-tử, nếu phi-nghĩa mà lấy nước Tề đem cho, người ấy cũng chẳng chịu nhận, người ta đều tin người ấy là hiền. Nhưng tự ta xem ra, chẳng qua là điều nghĩa nhỏ, từ chối cái rơm cái liễn canh đấy mà thôi. Tội người ta chẳng gì lớn hơn tội không cái đạo thân-thích vua tôi trên dưới. Nay lấy điều liêm nhỏ mà tin cho là tiết-hạnh lớn, sao nên! »

Chú-giải. — **Trọng-tử** = Tức là Trần Trọng-tử ở nước Tề, có tiếng là liêm, tránh anh hia mẹ, chẳng chịu ăn lộc của vua. **Xả** = Bỏ, từ-chối không lấy. **Vong** = Đọc âm là vô, nghĩa là không.

XXXV

之。人。薈。陶。天。曰。桃。
 何。則。腹。爲。子。舜。應。
 如。殺。士。皐。爲。問。

Dịch-âm. — **Đào - Ưng** vấn viết: « Thuấn vi thiên-tử, Cao-giao vi sĩ. Cồ-Tâu sát-nhân, tắc như chi hà? »

Dịch-Nghĩa. — **Đào-Ưng** hỏi rằng: « Ông Thuấn làm đấng thiên-tử, Cao-Giao làm quan sĩ-sư, vi-khiến bố ông Thuấn là Cồ-Tâu phạm tội giết người, thì ông Cao-Giao xử thế nào? »

Chú-giải. — **Sĩ** = Tức là sĩ-sư, là chức quan tư-pháp đời xưa.

Đây là Đào-Ưng đặt ra truyện trên này mà hỏi, để xem thánh hiền dụng-tâm như thế nào, chứ không phải thực có truyện ấy.

已。之。曰。孟。
 矣。而。執。子。

Dịch-âm. — **Mạnh-tử** viết: « Chốt chi nhi dĩ hĩ. »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Ông Cao-Giao cứ việc giữ theo phép luật mà thôi vậy. »

Chú-giải. — Chấp = Chộp pháp, nghĩa là cứ giữ phép-luật mà xử.

之。有。禁。惡。曰。不。然。
也。所。之。得。夫。禁。則
受。夫。而。舜。與。舜。

Dịch-âm. — « *Nhiên tắc Thuần bất cảm dư?* » Viết: « *Phù! Thuần ô đặc nhĩ cảm chi, phù hữu sở thụ chi dã* ».

Dịch-Nghĩa. — Đào-Ứng hỏi rằng: « Thế thì ông Thuần cứ ngồi trông Cồ-Tâu bị tội mà chẳng ngăn cấm Cao-Giao đi ư? » Thầy Mạnh đáp rằng: « Ôi, ông Thuần sao cấm được Cao-Giao. Hình phép kia vốn có cái lẽ chi-công vô-tư truyền lại cho ông Cao-Giao vàng chịu đó vậy ».

樂。處。逃。雖。天。何。然。
而。終。遯。也。下。曰。則
忘。身。海。竊。猶。舜。舜
天。祈。濱。負。棄。視。如
下。然。而。而。敵。棄。之。

Dịch-âm. — « *Nhiên tắc Thuần như chi hà?* » Viết: « *Thuần thị khí thiên-hạ do khí lệ tử dã, thiết phụ nhĩ đào, tuấn hải tân nhĩ xử, chung thân hân nhiên lạc nhĩ vọng thiên hạ* ».

Dịch-Nghĩa. — Đào-Ứng hỏi rằng: « Thế thì ông Thuần xử thế nào? » Thầy Mạnh đáp rằng: « Ông Thuần là người đại-hiếu, coi bỏ cái ngôi trị thiên-hạ cũng như bỏ chiếc giấy nát vậy. Chắc là ông Thuần trộm cống ông Cồ-Tâu mà trốn đi, noi theo bến bể mà ở, chung-thân hơn-hơn vui mà quên cả thiên-hạ ».

(1) Ba chữ « *Mạnh-tử viết* » nghi là thừa.

Chú-giải. — Tệ-tử = Giấy nát, là thứ vật rất khinh.

Toàn chương này là nói làm quan sĩ-sư thì chỉ biết giữ phép chứ không biết cha đấng thiên-tử là tôn; làm kẻ nhân-tử thì chỉ biết hiếu với đấng thân là trọng, chứ không biết ngôi trị thiên-hạ là lớn.

XXXVI

之。乎。移。以。之。齊。孟。
子。夫。禮。居。子。望。子。
與。非。大。移。明。見。自
人。哉。氣。然。齊。范
居。居。養。嘆。王。之。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử tự Phạm chi Tề, vọng kiến Tề-vương chi tử. Vị nhiên thân viết: « Cư di khí, dưỡng di thể, đại tại cư hồ, phù phi lận nhân chi tử dư.*

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh tự đặt Phạm đi sang nước Tề, trông thấy con vua nước Tề, ngúi vậy than rằng: « Ngôi cư-xử nó dời được khi người ta, sự phụng-dưỡng nó dời được thể người ta. Lớn thay cái ngôi cư-xử có quan-hệ với con người ta lắm thay! Kia con vua chẳng phải đều là hạng con người ta đấy dư!

Chú-giải. — Cư = Nói về cái ngôi sùng-cao. Dưỡng = Nói được cái lộc nuôi phụng-hộ. Con vua nà khi thể khác người là quan-hệ về cái ngôi sở-cư vậy.

乎。下。然。者。而。服。宮。孟。
之。之。也。其。王。多。室。子。
廣。况。居。子。與。車。曰。
居。居。使。若。人。馬。王。
者。天。之。彼。同。衣。子。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết (1): « Vương-tử cung thất xa mã y phục đa dĩ nhân đồng, nhĩ vương-tử nhược bị giả, kỳ cư sử chi nhiên dã, huống-cư thiên-hạ chi quảng cư giả hồ? »*

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Đấng con vua cửa nhà, xe ngựa áo,

mặc tuy có đẹp hơn người, nhưng phần nhiều cũng với người chẳng khác nhau là mấy, mà cái khí-tượng con vua khác người như thế kia, là vì cái ngôi sở-cư nó khiến nên thế vậy. Nữa là người quân-tử ở về ngôi quảng-cư trong thiên-hạ thì khí-tượng quang-nhuận biết chừng nào!

Chú-giải. — *Quảng-cư* = Ngôi nhà ở rộng, tức là cái tâm mình ở về điều nhân, thiên-lý khuếch-nhiên rộng rãi.

Đây là nói cái ngôi sở-cư nó quan-hệ đến khí-tượng thân-thể người ta, mong người ta ở về điều nhân là nơi quảng-cư, thì khí-tượng rộng rãi biết chừng nào!

相也。聲吾守於魯
似此之君者垓君
也。無似也。曰。滯之宋。
居君其非門。呼

Dịch-âm. — « *Lỗ quân chi Tống, hồ ư Diệt-trạch chi môn, thủ giả viết: «Thử phi ngô-quân dã, hà kỳ thanh chi tự ngã quân dã!» Thử vô tha, cư tương-tự dã»* .

Dịch-Nghĩa. — « Xem như sự vua nước Lỗ đi sang nước Tống, lên tiếng gọi ở cửa Diệt-trạch. Kẻ giữ cửa nói rằng: «Người ấy chẳng phải vua nước Tống ta, sao mà tiếng người ấy giống vua nước Tống ta vậy». Ấy không vì có gì khác, chỉ vì ngôi sở-cư của hai vua giống nhau, nên cái thanh-âm cũng giống nhau vậy.»

XXXVII

也。獸而之愛。食孟
畜不也。豕而子
之敬。愛交弗白。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết: «Tự nhi phất ái, thỉ giao chi dã. Ái nhi bất kính, thỉ súc chi dã»*.

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Ông vua đãi người hiền, chỉ nuôi không mà chẳng yêu, là lấy cái đạo đãi loài lợn tiếp đó vậy. Chỉ yêu không mà

chẳng kính, là lấy cái đạo đãi loài thú nuôi đó vậy.

Chú-giải. — *Giao* = Tiếp đãi. *Súc* = Nuôi.

虛子無恭將幣恭
拘不實敬者之敬
可君而也未耆。

Dịch-âm. — « *Cung-kinh giả, tề chi vị tương giả dã. Cung kinh nhi vô thực, quân-tử bất khả hư câu»* .

Dịch-Nghĩa. — « Cái lòng cung kính của ông vua đối với người hiền, ở về lúc đồ tề bạch chưa đem ra vậy. Nếu chỉ cung kính bằng đồ tề-bạch mà không có lòng cung-kính thực, người quân-tử khi nào lại vì cái hư-vấn ấy mà câu-lưu lại được ».

Chú-giải. — *Tề* = Tề là đồ bạch, những đồ tơ lụa để tiếp-dãi người hiền. *Tương* = Đem, đưa ra. *Câu* = Câu-lưu, trì-trệ ở lại mà chẳng đi.

Đây là nói cái lễ đãi người hiền cốt phải ở chữ kính, mà phải có thực-tâm.

XXXVIII

踐後聖性形孟
形可人也。色子
以然惟天曰。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết: «Hình sắc thiên tính dã, duy thánh nhân nhiên hậu khả dĩ tiển hình»* .

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Hình sắc người ta đều có cái phép tác hợp về lẽ tự-nhiên, tức là cái tính của trời phú cho vậy. Duy bậc thánh-nhân mới hay theo hết như phép-tác cái hình mà không khiếm-khuyết.

Chú-giải. — *Hình-sắc* = Người ta có hình-thể thì tất có sắc-dạng phát-hiện ra, như là mắt để trông, tai để nghe, tay để cầm, chân để đi, v v., đó đều có cái phép-tác hợp với lẽ tự-nhiên cả. *Tiến* = Nối theo đúng phép. *Tiến hình* = Theo đúng như phép tác cái hình mà không sai. Người nào giữ toàn được thiên-tính không thua với sở-sinh, mới là hay tiển-hình.

XXXIX

乎。愈。之。曰。公。欲。齊。
於。喪。爲。孫。短。宜。
已。猶。恭。丑。喪。王。

Dịch-âm. — Tề Tuyên-vương dục đoan tang. Công-Tôn Sửu viết : « Vi cơ chi tang, do dữ ư dĩ hồ ».

DỊCH-NGHĨA. — Vua Tuyên - vương nước Tề muốn ngắn cái kỳ-hạn đề tang cha mẹ. Công-Tôn Sửu phụ-họa mà nói rằng : « Làm cái kỳ-hạn đề trở một năm, chẳng còn hơn thôi không đề trở ư ».

Chú-giải. — Cơ = Cơ-niên, hạn trở một năm. Dĩ = Hơn.

而。數。徐。謂。兄。猶。孟。
已。之。云。之。之。成。子。
矣。孝。爾。姑。臂。終。曰。
弟。亦。徐。子。其。是。

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Thị do hoặc chần kỳ huynh chi tì, tử vị chi cô từ-từ vân nhi, diệc giáo chi hiếu để nhi dĩ hĩ ».

DỊCH-NGHĨA. — « Thầy Mạnh trách người Sửu mà rằng : « Nhà người nói thế, cũng như hoặc có kẻ chen cánh tay anh nó, nhà người bảo nó hẵng chen từ từ chứ vậy. Gì bằng cũng dạy bảo cho nó lấy điều hiếu-để mà thôi. »

Chú-giải. — Chần = Chen, vãn trôi.

Giảng bảo cho nó biết hiếu để, đề động cả lương-tâm nó, thì nó tự khắc là không dám trôi anh nó nữa. Tiết này là trách Sửu phụ-họa cái thuyết đoan-tang.

如。若。公。數。傳。母。王。
也。此。孫。月。爲。死。子。
何。者。丑。之。喪。請。其。其。

Dịch-âm. — « Vương-tử hữu kỳ mẫu tử giả, kỳ Phó vị chi hình sở nguyệt chi tang. Công-Tôn Sửu viết : « Nhược thử giả, hà như dã ? »

DỊCH-NGHĨA. — « Có kẻ con thứ nhà vua, mẹ để chết, vì còn mẹ đích, không được trọn vẹn sự đề trở mẹ mình. Quan Phó mới vì cậu con thứ ấy xin với vua cho đề trở mẹ mình vài tháng. Công-Tôn Sửu nhân hỏi thầy Mạnh rằng : « Sự ấy phải trái thế nào ? »

Chú-giải. — Phó = Quan thầy dạy học con vua.

爲。之。己。一。得。之。曰。
者。禁。謂。日。也。而。是。
也。而。夫。愈。雖。不。可。終。

Dịch-âm. — Viết : « Thị dục chung chi nhi bất khả đắc dã, tuy gia nhất nhật dữ ư dĩ. Vị phủ mạc chi cấm nhi phát vị giả dã ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Đó là người con vua muốn trọn vẹn trở mẹ ba năm mà chẳng thể được, dầu xin được trở thêm một ngày, còn hơn là phải thôi mà không được trở. Trước kia ta trách người, là ta bảo rằng vua Tề kia, chẳng ai cấm trở ba năm mà chẳng chịu làm đó vậy ».

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU VÀ TÙNG-VĂN DỊCH

GUƠNG ĐỨC-DỤC (1)

IV

3 — Tri-bản

Lục-tử nói rằng : « Kẻ học-giả đại-khải chia ra có bốn hạng : Một là dẫu biết đường học mà từ-tính từng-dục không chịu làm ; hai là sợ cái việc lớn-lao và khó-khẩn mà chẳng dám làm ; ba là tìm mãi mà chẳng tìm được đường học ; bốn là chữa biết đường học mà dẫu tự bảo là biết rồi. » Nay đã biết biện-thuật và hay lập-chỉ rồi, thì hai cái tệ về điều thứ nhất thứ nhì may ra tránh khỏi được. Nhưng còn người muốn học mà chữa tìm được đường, hoặc là nhận làm đường, rồi cũng chung-quì là vô-thành, thế thì người có chí mà học không đến nơi có phải là ít đâu, vậy phải biết đến cội gốc, nên lại nói về tri-bản điều thứ ba

— Không-tử nói rằng : « Thầy Sâm kia, đạo ta chỉ lấy một điều mà suốt hết cả. » (Luận-ngữ)

— Không-tử rằng : « Thầy Tử kia, Người tưởng ta học nhiều mà ghi nhớ cả đấy dư ? » Thưa rằng : « Phải, lại chẳng phải thế dư ? » — « Không phải, đạo ta chỉ lấy một điều mà suốt hết cả. » (Luận-ngữ)

— Trước giữ vững lấy điều đại-thể là cái tâm, thì những điều nhỏ kia không thể lẫn cướp được, thế mới là bậc đại-nhân. (Mạnh-tử)

— Nếu tháo-thủ không được yêu-ước, thì thành ra phiếm-lam mà chẳng nên công-cán gì. (Trình Minh-đạo)

— Phàm người đi học thì phải biết chỗ trước-lực học rồi mới biết chỗ đặc-lực. (Trình Minh-đạo)

— Học-vấn mà không tóm được cái đại-cương, thì ra một đàn hai vua. (Lục Tựơng-sơn)

— Đại-cương đã nhắc lên được rồi, thì những điều vặt-vặt sẽ lý hội dần đi. (Lục Tựơng-sơn)

Hoặc có người chê tiên-sinh dạy người chỉ muốn quay về một đường. Tiên-sinh rằng : « Ta cũng chỉ có một đường ấy thôi. » (Lục Tựơng-sơn)

— Nếu không lập lấy chủ-tể, thì suốt ngày vất-vả, làm việc gì cũng đều không có thống-nhiếp, không biết dụng-công ở chỗ nào. (Ngụy Trang-cử)

— Nếu cầm được đằng chuôi về tay mình, thì trời đất tự ta lập nên, vạn-hóa tự ta gây ra, vũ-trụ ở cả thân ta vậy. (Trần Bạch-sa)

— Đã học thì phải hiểu-thấu đến chốn đầu-não thì công-phu mới có chỗ trước-lạc ; nếu chữa hay học được đến nơi, nhưng cũng như thuyền đã có bánh lái, đã biết đường xoay đi ; không thế thì dẫu học mãi cũng chỉ thấy dẫu vớ đấy, chứ không biết được đến đại-bản đạt-dạo. (Vương Dương-minh)

Cái tệ chung lũ chúng ta không khác gì như một đám bèo che trên mặt nước, hễ gạt đi nó lại che liền ; không kể chi sông bể cứ xem như những nơi nước chảy luôn, thì bèo không thể che trên mặt nước được. Vì sao vậy ? Nước chảy luôn thì nó có nguồn, nước ao thì không có nguồn, có nguồn thì tự mình hoạt-động luôn,

(1) Nguyên Hán-văn của Lương Khải-Siêu. (Xem N. P, từ số 151).

không có nguồn thì phải tùy cho vật nó che đi. (Vương Dương-minh)

Hoặc kẻ hỏi cái cách học giữ bề trong để ứng ra ngoài, chế bề ngoài để nuôi bề trong có phải là trong ngoài giao-duỡng cả không? Đáp rằng: « Cồ-nhân học chỉ theo về một đường, chỉ bồi-duỡng một nơi, ví như trồng cây, chỉ nuôi lấy cái gốc, đã bồi-duỡng được cái gốc thì cành lá tự-nhiên tươi tốt, còn như những việc bón sới vun tưới, dỡ cành cắt lá san bỏ phần-những, cũng chỉ cốt là nuôi cái gốc cả. Nếu đã vun-nuôi cái gốc rồi, lại còn nuôi cả cành lá thế là cái học nhị-bản chi-ly. (Vương Long-Khê)

— Đã thực lập được chí rồi cốt phải bước đi đứng sai, nếu bước đi sa một tí, thì chạy lầm đường ngay, chỉ là một nhọc không thể đi đến nơi được. Có kẻ hỏi làm thế nào cho khỏi sa đường? Tiên-sinh nói rằng: « Đùng có nhắm mắt chạy về bên con đường tối ». (Tư Lỗ-nguyên)

Cần xét: Trên này trích-lục những lời tiên-nho đều là phát-minh về cái nghĩa tri-bản, kẻ học-giả đã có chí về học vị-kỷ thì phải nên biết cội-gốc. Nếu học mà không tìm biết được cội, thì thực là khó nhọc mà không tìm vào được đến nơi, rồi cũng đến bỏ dở mà thôi. Từ khi Tống-nho xướng-khởi đạo-học cho quang-đại lên, nhất là thầy Chu-lữ rất là đặc-lực hơn cả. Thầy Chu có nói rằng: « Cách dạy bậc đại-học bắt đầu khiến kẻ học-giả phải xét hết cả mọi vật trong thiên hạ, đều nhận cái lẽ đã biết rồi mà suy biết cho cùng, đề câu cho đến cực chí, suy xét dụng-lực lâu mãi, rồi nhất-đán khoát-nhiên quán-thông, phạm những lẽ biểu-lý tinh-thô của mọi vật đều biết thấu, thì cái toàn-thể đại-dụng của tâm ta đều sáng rõ vậy ». Lời luận-thuyết ấy giống với cái thuyết « Qui-nạp luận-lý học » của Bô-côn người nước Anh.

đem làm khuôn phép để nghiên-cứu về khoa-học thì phải. Tuy vậy, nhưng ngoài khoa-học ra lại còn cái học về tâm-thân để làm gốc, mà thầy Chu sở-dĩ dạy người cũng vẫn là cái học về tâm-thân, chứ không phải là khoa-học; nói cho rõ ra thì thuộc về phạm-vi đức-dục, chứ không phải thuộc về phạm-vi tri-dục. Vả lại theo đường học-vấn là thuộc về tri-dục thì chỉ mong những điều nghệ-thuật cho càng ngày càng tăng-tiến thêm lên; theo đường đạo-đức là thuộc về đức-dục thì chỉ mong những thói tập tục cho càng ngày càng tiêu-trừ bớt đi; tri-dục với đức-dục sở-dĩ khác nhau là thế. Nay thầy Chu lấy những điều trên đó dạy kẻ mới học, mà bảo rằng rồi đến lúc nhất-đán khoát-nhiên quán-thông, dầu rằng thế nào rồi cũng có lúc; nhưng lại bảo rằng phải suy xét dụng-lực lâu mãi, chẳng hay lâu mãi đến lúc nào, đời người trăm năm, bóng quang-âm thắm-thoắt, sợ rằng cứ noi theo đường ấy mãi, thì không biết rằng cặm-cui trái mẩy mười sương-nắng, răng long tóc bạc, rồi cũng đến tiêu-diệt cả, mà chung vô sở-đắc, phần nhiều như thế cả thì có chán không! Vả khoa-học nó vô-cùng-tận, dầu tri-luệ như Nại-đoan đến lúc chết còn nói rằng học-vấn mệnh-mông như bề khơi, mà ta sở-đắc chỉ như cái hột cát hột sỏi nhỏ ở bãi bề, còn những điều khác xin để đợi các bậc hậu-hiền. Giá sau này các bậc hậu-hiền có đến mười Nại-đoan, trăm Nại-đoan, nghìn vạn Nại-đoan, cũng chẳng qua từ bãi bề mà tiến ra vài mươi dặm vài trăm dặm ngoài bãi bề mà thôi; muốn lấy cái tinh-lực một người, mà hoàn-toàn có cả cái tri-thức toàn-bộ bề khơi, thì chắc là không thể được. Trang-tử có bảo rằng đời người ta có bờ bên, chứ tri-thức thì không có bờ bên nào cả, lấy cái đời có hạn mà theo đuổi mãi cái tri-thức vô-hạn thì nguy lắm thay!

Nếu như vậy mà cứ theo như lời thầy Chu bảo rằng cầu cho xét hết được những lẽ biến-lý tinh-thô của mọi vật, rồi hết được toàn-thể đại dụng của tâm ta, thì cũng không khi nào học cho đến được. Cái lỗi của thầy Chu là làm tại lấy cái phương-pháp trí-dục, đem làm cái phương-pháp đức-dục; không biết rằng cái giới-hạn của hai thuyết ấy vẫn tương-phản, không thể lẫn lộn được một tí nào. Vậy nên Lục Tựơng-sơn chữa lại cái lầm ấy mà bảo rằng Dụng cái công-phu giản-dị thì được lâu dài lớn-lao; theo cái sự-nghiệp chi-lý thì phải nổi chìm vất-vả. Ấy cái học-thuyết họ Chu họ Lục sở-di khác nhau là ở chỗ ấy. Tuy vậy, sau này thầy Chu cũng tự hối mà nói rằng: « Học cho biết nhiều nhờ nhiều những ngón-hạnh đời trước, người quân-tử cũng cần thật. Nhưng gần đây xét lại thấy không được chắc-chắn, mới biết rằng trước kia học không khỏi cái tệ chi-lý. » Lại nói rằng: « Ta gần đây mới biết ra rằng trước kia ta giảng thuyết có lắm chỗ chi-lý quá, xét lại thân mình, thì ra mình còn có chỗ dụng-công không được thiết-dáng. » Lại nói rằng: « Gần đây mới biết ngày trước học không được điều cốt-yếu, tự mình không làm chủ được, bị phải văn-lự nó cướp mất linh-thần, cũng là một cái tiểu-bệnh, nghĩ đến vẫn chột dạ lấy làm sợ, và lo thay cho bề bạn. Nếu cứ học chi-lý như thế mãi, không có thống-kỷ gì cả, trần-trọc mê-mẩn không khi nào xuất đầu ra được. » Xem đó thì biết thầy Chu về văn-niên đã biết rõ cái chổn trước kia mình thụ bệnh, mà về đạo-học thì phải biết đến cón-bản, thực là rõ lắm vậy. Nay lược thuật những lời nói của các đấng tiên-triết, để cho biết rằng học chi lý quá thì vô công, mà tất là phải học giản-dị mới được. Thử xét xem Khổng-tử bảo chỉ có một điều suốt hết cả mọi lẽ là điều gì? Thầy Mạnh bảo trước phải đứng về phần

dại-thể là cái gì? Thầy Trình bảo rằng thể-vực là nghĩa gì? Học thể nào thì mới có chỗ đắc-lực chỗ trước-lực? Họ Lục bảo phải biết đại-cương và phải theo một đường là thể nào? Trang-cử bảo chủ-tể là thể nào? Bạch-sa bảo cầm đằng chuôi là thể nào? Họ Vương bảo học phải hiểu thấu chỗ đầu óc là thể nào? Thế nào là chỗ gốc cây nguồn nước? Họ Tử bảo bước đi sao cho không sai đường? Xem thế thì biết các bậc hiền-triết thiên-ngôn vạn-ngữ đều bảo rằng đã đi học thì phải biết cón-bản.

Lại xét: Ta nay giải-thuyết như trên không phải là lại bày ra một cái công-án về học-thuyết họ Chu với họ Vương vậy. Ta tuy vẫn phục học-thuyết họ Vương, nhưng về thầy Chu ta vẫn không dám khinh-bạc, vì thầy Chu giảng-giải có ích cho cái công-dụng tu-dưỡng của kẻ học-giả nhiều lắm. Trong thiên này có chừng dẫn lời thầy Chu đến và mười điều, không dám có phân-biệt ra môn họ nào cả. Chỉ duy chương trên này thì cốt dẫn lời họ Vương làm chủ, không những là chỉ kính-phục suông mà thôi; vì là chúng ta sinh ở đời này, công việc trong xã-hội ngày càng phức-tạp, các loài khoa-học chúng ta đều cần phải học cả; thể thì lấy cái nhật-lực có hạn, mà hay chia phần chăm về đạo-học so với cở-nhân có được là mấy. Nay nếu không theo cái khuôn phép giản-dị trực-thiết mà dạy bảo, thì không những là kẻ học-giả sợ khó mà không chịu theo, giả có miễn-cưỡng noi theo chẳng nữa, lại sợ bỏ mất cả khoa-học không lấy gì mà ứng-dụng được. Vậy ta bảo rằng học-thuyết họ Vương là cái bài thuốc hay độc nhất vô nhị trong cõi học ngày nay vậy.

— Đại-phàm cái công phu học-vấn, chỉ cốt chủ-ý về chổn đầu-não cho

dịch-dáng. Nếu chủ-ý đầu - não chỉ chăm về việc trí - lương - tri, thì phạm nghe được nhiều thấy được rộng, không việc gì là chẳng dụng-công đề trí - lương - tri, trong khoảng nhất-dụng ngày thường kiến văn thù-tác, dẫn đến trăm đầu nghìn mối, không điều gì là chẳng phải lương-tri nó phát lộ lưu-hành ra, nếu trừ bỏ những điều kiến - văn thù - tác ra thì không còn có cái lương-tri gì mà phải suy cho cùng nữa (Vương Dương-minh)

Xét: Họ Vương đề-xướng lên cái thuyết trí-lương-tri cho đó là cái chốn đầu-não duy-nhất, thiên cổ học văn phải lấy đó làm con đường bất-nhi pháp-môn siêu-phàm nhập-thánh.

— Một điều lương-tri chính là cái chuẩn-tắc của mình, cái ý mình mới khởi-niệm, phải thì nó biết là phải, trái thì nó biết là trái, muốn đổi nó một tí không được, mình chỉ cầu không bao giờ đổi nó cứ thực-tha chắc-chắn theo nó mà làm, thì tự nhiên điều thiện còn lại, điều ác bỏ dần đi, dần dần biết chừng nào đó mới đích thực là cái công-phu trí-tri. (Vương Dương-minh)

Xét: Đây là bảo rõ cái công-phu trí-lương-tri; người ta ai là chẳng có lương-tri, cái lương-tri của người nào nó vẫn tự biết, ta không nên đổi lương-tri, thì tự khắc là suốt đời thụ-tụng không hết, cứ học như thế thì trực-tiếp giản-dị biết chừng nào!

— Cái bản-thể của tâm tuy không khởi-dòng mà không phải là không khởi. Dẫn cái lúc vọng-niệm nó khởi phát lên mà lương-tri nó vẫn còn ở đó, chỉ tại người không biết giữ, nên mới có lúc phóng đó mà thôi. Dẫn cái lúc hôn-mê bế-tắc đến cùng, mà lương-tri nó vẫn sáng, chỉ tại người ta không biết xét, nên mới có lúc nó rơi đi

mất mà thôi. Tuy có lúc phóng nhưng cái bản-thể nó lúc nào vẫn ở đó, cốt là tự biết tỏa-duyên lấy mà thôi. Tuy có lúc che đi nhưng cái bản - thể nó vẫn sáng, chỉ cốt là tự - biết tỉnh-sát đó mà thôi. (Vương Dương-minh)

Xét: Đây là nói cái công-phu trí-lương-tri tuyệt không có phần-lạc khó-nhọc gì.

— Lũ ta muốn trí-tri đều chỉ tùy phân-lượng mình sở - cập, hôm nay lương-tri biết đến được như thế, thì cứ tùy cái điều sở-tri hôm nay khuếch-sung cho đến cùng; ngày mai lương-tri lại có giác - ngộ được điều gì, thì lại tùy cái điều sở - tri ngày mai mà khuếch-sung cho đến cùng, như thế mới là công-phu tinh - nhất. (Vương Dương-minh)

Hoàng Lê-châu nói rằng: « Đó là Vương tiên-sinh dạy một cách dần-dà, người lỗ dộn thì phải học dần mới nên. »

Xét: Đó là một pháp-môn suốt cả bậc trên bậc dưới đều theo được cả: tuy bậc đại-hiền cũng phải dụng-công như thế; dẫn đến kẻ không biết một chữ nào, cũng chỉ dụng-công như thế. Nếu không thế thì chúng ta biết theo con đường nào mà học lên bậc thánh.

— Phàm người nào đương lúc nói cho sướng-khoái mà tiết - nhiên hay nhin im đi được; đương lúc ý khí hăng-hái lên mà hốt - nhiên hay thu-liễm lại được; đương lúc phẫn-nộ hay lòng thị-dục nồng-nàn quá mà hay khoáng-nhiên tiêu-hóa đi được; như thế thì phi bậc đại-dũng trong thiên-hạ không hay được thế. Song đến lúc mình đã thấu rõ được lương-tri rồi thì công-phu cũng chẳng khó gì (Vương Dương - minh)

Xét: Ngự-loại thầy Chu có nói rằng: « Nay kẻ học-giả có người đến hỏi muốn xét tìm chốn bệnh-côn, ta bảo rằng hệ

thấy nhức đầu thì cứu ở trên đầu, nhức chân thì cứu ở dưới chân, bệnh ở đâu thì trị ở đó là được, còn phải tìm bệnh-côn ở đâu nữa » Lời nói trên này thầy Chu thực là sai-lầm, mà học quá chi-lý cũng lại ở đó, nếu thấy nhức đầu thì cứu đầu, nhức chân thì cứu chân, thì suốt ngày bận rộn không lúc nào rỗi, tinh-thần mỏi-mệt, chữa chỗ này nó phát ra chỗ khác thì làm thế nào; có lúc tất cả đầu chân tay tai mắt tâm-phức cắt-ruột đều thụ-bệnh cả thì làm thế nào; kẻ lương-y quyết không có cái phép trị bệnh như thế bao giờ, cốt là chỉ trị một chỗ bệnh-côn, thì chữa một chỗ khỏi cả trăm chỗ. Họ Vương bảo rằng lúc đã thấu rõ được lương-tri rồi, thì công-phu không khó gì cả, chỉ cốt đừng có dối lương-tri, nếu có bụng tư-dục nó mạnh ra, rồi cũng như giọt tuyết ở trên lò nóng cũng tự tan đi hết, còn có khó gì.

— Lương-tri chỉ là cái lòng biết phải trái, phải với trái chỉ là yêu với ghét, yêu với ghét là cái hết cả phải với trái, phải với trái là cái hết cả vạn sự vạn-biến. — Hai chữ phải với trái là cái khuôn qui củ lẽ, chỗ khéo dùng là tại người. (Vương Dương-minh)

Xét : Đây là nói lương-tri ứng-dụng ra mọi việc.

— Ta bàn về nghĩa hai chữ « Tri tri » thực là chính-pháp của Không-phu-tử. Nếu về nghĩa ấy mà biết được chân-dịch, thì thực là đứng ở trong trời đất mà không trái, chắt với qui-thần mà không ngờ, đợi hỏi ông thánh-nhân trăm đời về sau cũng chẳng hoặc, biết rõ điều ấy thì mới là biết đạo, giữ được điều ấy thì mới là có đức, học khác điều ấy thì là dị-doan, thuyết trái điều ấy thì tức là tà thuyết, làm mà mê mất điều ấy thì tức là làm mờ; tuy thiên-ma vạn quái huyễn-diệu biến-ảo ở trước mặt, hễ chạm

phải là tan ra, gặp phải là giải-tán, như vầng thái-dương đã lộ ra, thì loài quỉ lỵ vì vổng lượng đều không giấu được hình-nhã. (Vương Dương-minh)

— Ta gần đây biết rõ được nghĩa hai chữ « Tri tri » càng ngày càng chân-thiết giản-di, sớm tối cùng bề bạn giảng tập chỉ là phát-huy về nghĩa hai chữ ấy, vì hai chữ ấy ai cũng hiểu cả. Dẫu đến kẻ chí-ngu hạ-phàm hễ bảo đến là tào-ngộ ngay. Nếu suy cho đến cùng thì Jầu thánh-nhân trời đất cũng không khỏi còn có di-hám, vậy nên giảng thuyết về hai chữ ấy dẫu đến hết kiếp cũng không hết nghĩa. Thế-nho cũng còn có người lấy làm ngờ, bảo rằng như thế cũng chưa đủ hết đạo-lý, là chỉ vì chưa hiểu thấu vậy. (Vương Dương-minh)

— Cái thuyết cách-vật tri-tri thành ý chính-tâm, là bảo kẻ học - giả phải thể-sát bản-tâm mà làm theo những việc ngày thường, phải thiết-thực dụng-công, dần dà thứ-độ tích lũy mãi mới thành, trái với cái thuyết không-hư-dồn-ngộ. Kẻ học-giả vốn không có cái chí cầu làm bậc thánh-nhân, và lại không giảng cứu được kỹ, nên mới lấy làm ngờ cũng chẳng lấy gì làm lạ (Vương Dương-minh)

Xét : Ba đoạn trên này là nói tán cái tôn chỉ tri-lương-tri thực là viên-mãn không còn di-hám, để cho kẻ học giả vững lòng tin. Đương lúc tiên-sinh mới xướng ra cái nghĩa ấy, tất cả thiên-hạ đều khởi lên bài-bác, nên phải phản-phúc biện bạch cho rõ.

— Các bạn đồng-chí đời nay không ai là chẳng biết có thuyết « Tri-lương-tri », nhưng hay dụng-công về điều ấy rất ít là bởi chưa biết được rõ nghĩa lương-tri, và xem nghĩa chữ « Tri 致 » lại coi làm dễ dàng quá, nên không mấy người đã có chốn đặc-lực.

Xét: Xem như lời nói trên này thì về mặt-lưu sinh ra cái lẽ sương-cuồng, tiền-sinh đã biết trước rồi, như lời tiền-sinh bảo rằng tại mọi người coi khinh thường chữ « tri 致 », không chịu dụng-công suy-xét thực là thiết-dáng.

Cần xét: Cái thuyết « tri tri 致知 » gốc từ sách Đại-học bảo rằng: « Muốn thực cái ý mình thì trước phải suy cùng cái biết của mình 欲誠其意者先致其知 ». Cái thuyết « lương tri 良知 » là gốc ở sách Mạnh-tử bảo rằng: « Cái điều người ta không học mà biết là bởi tại cái lương-tri của mình 人之所不學而知道者其良知也 ». Họ Vương mới hợp hai lời nói ấy lại, lập ra một cái đích cho kẻ học-giả, xưng-mình ra cái thuyết « tri-lương-tri 致良知 » để nói rõ cái bản-thể của tâm người ta. Tâm người ta thiêng-liêng vốn chẳng cái gì là chẳng biết; nhưng chúng ta bị phải những cái tình di-truyền của xã-hội, và những cái sức cảm-hóa của xã-hội, nó làm cho những điều sở-tri thanh ra sai lạc, nhưng đó chẳng qua là vì mê-hoặc về sau này mà thôi. Nếu trở lại mà xét về cái tâm-niệm lúc khởi-thủy thì những điều chân-thị chân-phi vốn đã biết rõ cả. Ngay như lũ chúng ta sinh về buổi ngày nay học tuyệt đạo táng, bị phải những tập-tục nó tiếm-nhiệm thực là cực tệ, nhưng nếu hay trở lại mà xét lúc mới khởi-niệm, thì những điều chân-thị chân-phi chưa từng chẳng có một hế-sáng trông biết rõ cả, đó tức là lương-tri đầy. Nếu chỉ nói tri-tri mà không tỏ rõ cái đường hế-sáng kia thì sợ có kẻ lại ngộ-nhận mà làm khuếch-sung những điều sai lầm sau này, thành ra sai mãi đi, nên họ Vương mới lấy nghĩa lương-tri của thầy Mạnh mà thích thêm cho nghĩa sách Đại-học. Nói lương-tri 良知 mà lại thêm chữ « tri 致 » nữa, là bảo phải dụng-công suy cho cực tri: nguyên là lương-tri thì mọi người vẫn đều có cả,

nhưng trong thiên-hạ chẳng có vật gì là không có đại-giá. Nếu bảo rằng ta có cái lương-tri ấy đã đủ rồi, thì tất cả người trong thiên-hạ đều là thánh cả, cần gì phải giảng học nữa. Vậy nên họ Vương mới lấy nghĩa tri-tri của sách Đại-học mà thích thêm cho sách Mạnh-tử. Họ Vương xưng lên cái thuyết « tri-lương-tri 致良知 », thực là tổn bao lâm-huyết mới nghiên-cứu ra được, không thể nào thêm bớt được nữa. Dẫu có kẻ biện-bác liên-thoảng con mắt khinh đời, nay lấy thuyết ấy bẻ bắt cho rồi nó cũng phải chịu phục. Dẫu có kẻ ngoan-dòn hạ-ngu không biết một chữ gì, nay lấy cái thuyết ấy dẫn bảo cho rồi nó cũng biết noi theo, thực là thì ra bốn bề đều có chuẩn-đích, mà đề đến trăm đời cũng không sai lầm vậy.

Từ Hoàn-h sơn (tên là Ái) có làm bài bạt đề ở dưới Truyền-tập-lục nói rằng: « Ái này vì học theo cựu thuyết phải dầm đuối mãi, nay mới nghe tiền-sinh bảo cho cái thuyết « tri-lương-tri » trước còn lấy làm kinh-hãi không biết đường nào mà dò, về sau nghe lời dạy mãi mới trở lại xét mình dụng-công thực-tiễn, mới biết rằng học-thuyết của tiền-sinh thực là Khổng-môn đích-truyền, ngoài ra đều là ngõ tắt đường quanh, sống cùng bãi cạn. » Lời nói ấy thực phải, Vương tiên-ին lại kể cái công-phu học-lực rằng: Thủ-Nhân này khi còn trẻ tuổi học theo cử-nghiệp, dầm đuối về cái học từ-chương; sau mới hơi biết theo về đường chính-học, nhưng khổ về học-thuyết của các nhà nho bàn nói phân-vấn bề bộn, mênh-mông không biết đầu mà dò. Sau lại xét về đạo Phật đạo Lão thì lòng ta hân-nhiên lĩnh hội, tưởng rằng cái đạo học của thánh-nhân ở đó, nhưng thí-thố ra nhật-dụng thì thường thấy khiếm khuyết vô bằng, y-vi quanh-quẩn nửa ngờ nửa tin. Đến sau phải đầy rịt trạm Long-tràng, xử cảnh khốn ở chốn

mọi, sau khi động-tâm nhãn-tĩnh, mới hoảng-nhiên biết ra, thề-nhận suy xét, trải mấy nắng mưa, chững vào trong sách Ngũ-kinh, Tứ-thư, bấy giờ mới khai-thông ra như khơi sông Giang sông Hà chảy tuột về bể vậy.» Tiên-sinh bảo rằng hoảng-nhiên biết ra chính là biết về cái nghĩa « tri-lương-tri » là chỗ đầu-não về việc học vậy, ấy khi sở-đắc là khó như thế. Kể môn-nhân là Hoàng Lạc-thôn (Hoảng Cương) cũng nói rằng : « Học-thuyết của tiên-sinh tuy rằng giác - ngộ ở lúc ngày thường, nhưng phải trải qua gian-hiêm động-tâm nhãn-tĩnh, tích-lũy tháng ngày nghiêm về sự-lý, mới hoảng-nhiên biết về nghĩa lương-tri, tuy nghĩa ấy rất là giản-dị, nhưng dụng-tâm thực khổ, nay sao kẻ học-giả nghe biết thì dễ, mà tin theo thì khó lắm thay ! » Lời nói ấy thực là có ý cảm-khái ! Chúng ta sinh sau đấng tiên-sinh và trăm năm, khoảng giữa lại bị phải những kẻ tiện-nhỏ ngụy-học, nó như kẻ trộm ghét chủ nhà, bừa bỏ cả đạo-mạch đi, không còn đề sót tí gì cả, khiến cho những lời vi-ngôn đại-nghĩa, lưu-phong du-vận, tiêu-diệt đi hết cả, nhân-dục hoành-lưu cả nước cầm thú, gần đây lại có kẻ phiên dịch những học-thuyết Âu-Tây không đầu không đuôi không thành câu-keo đem thâu-nhập vào, kẻ học-giả lại càng mượn những thuyết ấy để tự văn-sức, muốn đem bỏ hết cả những đạo-học tiên-thánh về dòng thần-minh ta, ai lại còn biết đến Vương tiên-sinh nữa. Tuy-nhiên, cái tinh-thần của tiên-sinh dấu đến nghìn muôn kiếp cũng bất-diệt, lời chỉ giáo của tiên-sinh dấu trăm đời vẫn như mới, Trung-quốc mà mất đi thì thôi, nếu không mất đi, thì cũng có ngày vớt bóng mặt trời ở dưới Ngụ-yên lại sáng tỏ lên, chỉ trông về những người cảm-hóa cái học-thuyết của tiên-sinh đó vậy. Than ôi ! tinh-thời-kỳ ra đã gần đến rồi, chắc cũng có kẻ

văn phong hưng - khởi, chẳng phải trách - nhiệm của lũ chúng ta thì ai ?

Xét : Cái tôn - chỉ « tri-lương-tri » tiên-sinh đã phát-minh ra rõ-ràng lắm rồi ; còn những lời giải thích của học-trò, cũng có nhiều điều phát-minh thêm, nay trích-lục ra ở dưới, để các đồng-chi xem xét cho vững lòng thành tin-ngưỡng.

— Lương-tri ở người ta vốn không có như bản hủy-hoại gì cả, tuy có lúc bị hôn-mê che lấp, nhưng nếu hay trở lại xét mình thì tức thấy bản-tâm ngay ; ví như mặt trời mặt trăng đương sáng, chợt phải mây mù nó che đi thì thành ra tối. Đến lúc mây mù nó tan đi thì thề sáng lại hiện ra, chứ không có thương - hại gì cả ; nguyên là người ta ai cũng có lương-tri không cần phải công-phu làm khó - nhọc gì cả, người ta ai cũng có thể học làm được như Nghiêu Thuấn, kẻ tiện-nhân khá khiến thành ra người quân-tử, bỏ cái lương-tri ấy thì không còn lối nào mà học, không có cơ biến - cải được nữa (Vương Long-khé)

— Đương khi vạn lòng dục nó sôi-nổi, nếu hay quay lại xét về nhất-niệm lương-tri thì những điều chần-thị chần-phi nó rõ ràng ngay ra đấy, đó tức là chốn thiên-mệnh không bao giờ diệt tắt đi được. mà tức là chốn nhân-tâm không bao giờ ám-muộn đi được, là một con đường thiên-cổ chân-chính học vào cõi thánh cõi hiền. (Vương Long-khé)

— Người ta không học mà hay, không cần nghĩ mà biết là nhờ về lương-tri. Tuy kẻ tiện - nhân khi nó nhân-cư làm điều bất-thiện, đến lúc trông thấy quân-tử mà sinh ra bẽn-lẽn, đó cũng là lương-tri. Tuy kẻ thường - nhân xét về phần mình thì tối, mà trách người thì sáng, đó cũng là lương-tri. Chỉ cốt là đừng đổ lương-tri, bỏ điều bất - thiện mà theo về

dương thiện, đừng đem điều mình không muốn mà gia cho người, đó tức là cái công tri - tri thành - ý, một bụng lương-tri ấy không khác gì bậc thánh. (Ấu-Dương Nam-dã Đức)

— Lương-tri là cái bản-tâm chân-thành chắc-đất, người ta chỉ vì cái tư-ý nó hỗn-tạp, không thể tâm-niệm lúc nào cũng đều là chân-thành chắc-đất, vậy nên phải dụng cái công tri-tri. Tri - tri là thế nào, là cốt bỏ cái lòng tư-ý hỗn-tạp, khiến cho tâm-niệm đều là chân - thành chắc-đất, không có chút gì khiếm - khuyết mà thôi. Thầy Mạnh bảo rằng đũa trẻ con nó đều biết yêu mẹ kính anh, là trở cái bản-tâm nó chân - thành chắc - đất, tự-nhiên phát-lộ ra đó ; nếu người ta hay đặt cái tâm ấy ra thiên-hạ tâm-niệm lúc nào cũng chân-thành chắc-đất, thì tức là lúc nào cũng hay tri-lương-tri đó. Vậy ta thường bảo rằng phạm những điều ứng-vật xử-sự đều là lương-tri cả. (Ấu-Dương Nam-dã)

— Lương-tri vốn là vô-phương vô-thể, biến-động luôn không ở trệt một chỗ, vậy có điều trước cho làm phải mà nay biết là không phải ; có điều mịch cho làm phải mà vì người lạ biết là không phải, cũng có điều tự mình thấy chưa được ổn-đáng tất phải khảo - chứng giảng - tìm rồi sau mới được thỏa-đáng, đó đều là lương-tri nó tự-nhiên như thế, nên tri-tri cũng phải cần như thế ; song nhất-niệm lương-tri nó vốn suốt cả đầu đuôi, vốn không có phân-biệt ra trong với ngoài xưa với nay người với mình vậy (Ấu-Dương Nam-dã)

— Biết được cái lương-tri là cái chốn đầu-não, thì tuy ở chỗ đông đến trăm nghìn người, công-phu cũng chỉ xé ở một chỗ tâm-niệm cơ-vi ấy ; tuy lúc ở một mình ngồi yên lặng, công-phu cũng chỉ xé ở một chỗ tâm-niệm cơ-vi ấy. (Tiên Tự sơn)

Xét : Trở lên giải-thích về cái ý-chỉ tri-lương-tri rất là xác-thực.

— Xưa nay vẫn hay giảng - thuyết về chữ « Nhân 仁 », nhưng chợt một lúc cũng khó hiểu biết được ; giảng-thuyết về lương-tri, nếu hay xét lại trong tâm-niệm thì tự biết đường theo ngay (Vương Long-khê).

— Bản - ý ông Dương - minh chỉ cốt lấy « thành ý » làm chủ, mà lấy « tri-lương-tri » làm cái qui-tắc công-phu. Bởi vì thành-ý không có công-phu, công - phu chỉ cốt ở tri - tri. Nhưng mà công - phu tri-tri không phải là một việc khác, cũng chỉ ở trong thành - ý mà làm ra, nếu là cách thành-ý ra thì không còn có gì mà nói tri - tri được nữa. (Lưu Chấp-sơn)

Xét : Trên này là nói cái cơ họ Vương sở-di phải tiêu-biểu lên cái thuyết « tri-lương-tri ». Phạm khi giảng học mà tiêu-biểu lên một cái tôn-chỉ, đều cốt phải ước lại xét ở mình mà thôi ; kỹ-thực việc học-vấn cũng chỉ có một việc, hoặc người tiêu lên hai ba chữ này, hoặc người tiêu lên hai ba chữ kia, cũng chỉ là một cái mà thôi. Họ Vương thường bảo kẻ học-giả rằng : Giảng-thuyết bảo phải « tập-nghĩa 集義 » thì chợt một lúc không biết được đầu-não ; giảng-thuyết bảo phải « tri-lương-tri », thì tự biết ngay chỗ dụng-công. Lời nói ấy cũng một ý như trên.

Lại xét : Cái thuyết « tri-lương-tri » thực là viên - mãn không sót tý gì, nhưng kẻ học-giả nghe lời dạy, sở-dắc lại thường tùy theo tính người, vậy nên khi họ Vương mất đi rồi, các kẻ môn-đồ chia ra chi-phái biện-luận phân-vân, đại-khải chia ra hai phái : một là phái trọng về bản-thể (chủ-trọng về chữ lương) như là phái ông Vương Long - khê, Vương Tâm-trai ; hai là phái trọng về công-phu (chủ

trọng về chữ trí) như là phái ông Nhiếp Song-giang, La Niệm-am. Nói tóm lại đều là theo về giáo nhà họ Vương cả. Kẻ hậu-học chúng ta nếu hay lập-chỉ được chân-thành thì cũng tùy cái tình mình sỡ-cận mà học, không kỳ là theo về đường nào, đều có thể học đến đạo được. (Như Khử-Siêu này thì vốn theo phái ông Song-giang, ông Niệm-am, nhưng cũng không dám cưỡng người ta theo cả, chỉ tùy mặc duyên từng người, hoặc theo cái thuyết ông Long-khê ông Tâm-trai mà học được, thì rồi cũng là một cả. Trong sách này cũng có câu nói hơi bình vị, nhưng cũng không dám có điều gì hiển chỉ các bậc tiền-hiền.) Nay trích-lục những lời yếu-ước của hai phái diễn giảng ra sau này, để cho học-giả tự chọn; còn những điều biện-nạn làm thêm rối trí thì lược bỏ đi.

— Dòng nhỏ tích dần thành bề lớn, đá con đắp mãi hóa non cao. Đó là tiên-sinh bảo rằng theo học-thuyết của Lục Tượng-sơn, chốn đặc-lực chỉ cốt tại tích-lũy. Nhưng phải biết cái dòng nhỏ tức là bề lớn ở đó, hòn đá con tức là núi cao ở đó, không phải là do tích-lũy mà thành vậy. (Vương Long-khê)

Xét : Đó là dạy người ngu-độn, cũng như thuyết nhà Phật bảo rằng : Buông bỏ dao bầu, tức thành Phật ngay. Tuy cái người rất ngu-độn nếu đã tin theo cái lời dạy lương-tri thì tức là đã biết được đường vào cõi thánh. Xem như có kẻ nho-giả tầm-thường, khờ-tâm khờ-hạnh học đến mười năm mà vô-sở-đắc, nếu bảo cho thuyết lương-tri thì hiểu ngay, nên bảo rằng không phải do tích-lũy mà thành vậy. Phải biết rằng cái lương-tri yêu cha mẹ yêu vợ con, cũng tức là cái lương-tri ái-quốc, mà cũng tức là cái lương-tri ái-chúng-sinh, vậy nên bảo rằng cái dòng nhỏ tức là bề lớn, hòn đá con tức là núi cao vậy.

— Lương-tri vốn quảng-dại cao-minh không có vọng-niệm gì khá bỏ, nếu hơi có vọng-niệm còn cần phải bỏ đi, thì là đã sai mất cái bản-thể quảng-dại cao-minh đi rồi. Vậy nay chỉ đề tỉnh cái bản-thể thì mọi điều vọng-niệm tự tiêu. (Tiền Tự-sơn)

Xét : Người ta chỉ cốt đề-tỉnh cái bản-thể lương-tri thì mọi điều vọng-niệm tự tiêu, học như thế thì khác với cái cách thấy nhưc đầu thì cứu đầu, thấy nhưc chân thì cứu chân, càng giản-dị lại càng chân-thiết lắm vậy.

— Cái công-phu hàm-duỡng cũng ví như gà ấp trứng, nhưng tất phải rong trứng nguyên có một cái nhất đằm chân-duỡng chủng-tử, thì ấp nó mới nở, nếu phải cái trứng không có chân-duỡng thì ấp nó dẫu chăm đến đâu, cũng thành ra cái trứng ung. Kẻ học-giả cũng phải có cái chân-duỡng chủng-tử thì mới không uổng-chí công-phu hàm duỡng; trong tâm người ta vốn có một điểm linh-minh, tức là chân-duỡng chủng-tử ở đó, nó nguyên có cái cơ sinh-sinh bất-tức, thế thì chủng-tử cốt tại cái trứng, rồi mới đem toàn-thể tinh-thần bảo-hộ cho được, chứ không phải chỉ đem cái tinh-thần minh giúp thêm vào đâu. (Vương Long-khê)

Xét : Người ta có một điểm linh-minh tức là cái bản-thể lương-tri đấy,

-- Cách học của thánh - hiền, chỉ cốt tự-tin những điều phải hay trái, không phải tự ngoài lại. Nếu tự-tin là phải thì quyết - đoán cứ làm, dẫu phải ăn-dộn không biện ra với đời, nhưng cũng không chán nản; nếu tự-tin là trái thì quyết - đoán không làm, dẫu làm một điều bất-nghĩa giết một đứa vô-tội mà được cả thiên-hạ cũng chẳng làm, như thế mới là không tự dối mình, giản-dị biết chừng nào ! (Vương Long-khê)

Xét: Đó là sở-đắc về học-thuyết họ Vương, mà cái sức tự-tin lại càng bền-vững vậy.

— Nhân-tâm vốn tự vui, tự đem tự-dục vui, lúc mới manh tự-dục, lương-tri đã biết rồi; nếu biết trừ ngay đi, tâm ta lại vẫn vui. Vui là vui học ấy, học là học vui ấy, chẳng vui chẳng phải học, chẳng học chẳng phải vui. (Vương Tâm-trai Căn).

Xét: Ông Hoàng Lê-chân có làm bản Minh-nho học-án đem cái học phải ông Tâm-trai biệt ra làm Thái-châu học-án, để khác với phái Điều-giang. Ông Tâm-trai thực là tay giỏi nhất trong bọn học trò họ Vương, ông ấy học chỉ cốt lấy vui làm bản-thể, sách Luận-ngữ bảo rằng: Người chăm học không bằng người học đã biết vui. Sách Mạnh-tử bảo rằng: Khi học đã tự-đắc ở tâm mình, thì ứng ra mọi bề đều trôi chảy cả; cái khi tương quang-minh tuần-vi biết chừng nào, học trò họ Vương ít người ví bằng ông Tâm-trai.

— Tính người ta có nhất-diễm linh-minh tức là lương-tri, lương-tri nó tự hay cảm ứng, tự hay ước cả tâm-tư lại mà thù-ức muôn việc, điều gì biết thì nhận là biết, điều gì không biết thì chịu là không biết, không phải khó-nhọc, miễn cưỡng bịa - đặt một chút gì, kẻ dụng trí khôn chỉ tự sinh ra đa-sự mà thôi. (Vương Đông-nhai).

— Chim bót hoa rơi, núi đứng sông chảy, đời ăn khát uống, mùa hè áo lương, mùa đông áo đụp, chỉ-đạo như thế là đủ, không còn dư-uần gì nữa. Nếu hay sung-thác nó ra cho rộng, thì trời đất biến-hóa cỏ cây tươi tốt, nếu sung-thác ra không được rộng, thì trời đất che tối người hiền ăn-nấp. (Vương Đông-nhai)

Xét: Đông-nhai là con ông Tâm-trai, chỉ chuyên đề-lĩnh cái bản-thể, thuần-nhiệm cách tự nhiên, cũng là theo cái y-bát gia-truyền của Tâm-trai.

— Nếu quả có cái bụng khám kỳ lớn, khí-lực lớn, kiến-thức lớn, thì cứ việc an-tâm thích ý ở vào cái nhà quảng-cư trong thiên-hạ, mình mục trường đắm đi vào con đường đại-đạo trong thiên-hạ, công-phu tuy không ghé đầu vào đầu, nhưng cũng không cần ghé đầu vào đầu mới dụng công-phu, hung khám tuy mệnh-mang không có bờ bến nhưng cũng không cần tựa vào bờ bến mới thỏa hung-khám, cứ việc kéo buồm buông thuyền, thuận gió mở chèo, mệnh - mệnh trên mặt doanh lớn, tự ta tung hoành, há chẳng phải là một đại khoái sự hay sao! (La Càn-khe Càn-Phương)

— Hoặc kẻ hỏi học-giả dụng công-phu ví như soi mặt kính đi cho sạch bụi, thì cái thể quang-minh lại rõ, có phải thế không? Đáp rằng; Cái thể quang-minh của tâm ta giác-ngộ, khác với cái thể quang-minh của mặt kính; cái thể quang-minh của mặt kính với cái như bụi, nguyên nó là hai cái; còn cái tâm ta trước mê sau giác nó vốn là một cái, đương cái lúc nó giác cái mê-tâm đó vốn là giác; đương lúc giác ấy cái giác-tâm cũng tức là mê; trừ ngoài giác ra không có gì gọi là mê, trừ ngoài mê ra không có gì gọi là giác; vậy những câu ví như mây ám mặt trời, bụi mờ mặt kính, đều không được cả. Nếu phải nó thí-dụ cho rõ thì không gì bằng ví như băng với nước còn hơi rõ hơn. Xem như lúc người ta nhàn-cư càn-dỡ, bị phải những điều thí-dục sâu khổ, tức là cái tâm mê, ví như nước lã chợt gặp khi lạnh giá đọng - kết lại thành băng, thì nó sinh ra ngưng-trệ mờ tối là thể tất-chí, đến lúc gặp thầy bạn giảng bảo cho, hung-thứ khai-thông, cái tâm ấy lại sáng ra, ví như băng gặp phải khí ấm, thì nó lại tan hóa ra nước trong-trẻo hoạt - động, cũng là cái thể nó tất-chí. Xem thế thì băng tuy đọng mà

vẫn không khác gì thể nước ; giác tuy mê mà tâm-thể vẫn bấy còn : đó mới chính là cái tôn-chỉ lương-tri, suốt cả cồ-kim bạc ngu cho chí bậc thánh, thông cả trời đất muôn vật, không hao giờ tức-diệt được. (La Cạn-khê).

Xét : Cạn-khê bảo rằng mê-tâm tức là giác, giác-tâm cũng là mê, cũng tức là cái nghĩa trong kinh Lăng-già bảo rằng : « khi mê vốn là thức, đã thức rồi thành khôn » thực là một câu nói rất vi-diệu rất tinh-túc về khoa tâm-lý-học.

Lại xét : Những bài trên này là học trò họ Vương nói về cái bản-thể lương-tri. Xưa kia năm tổ thiên-tôn sắp chịu truyền y-bát, bèn sai các môn đồ đều nói cái chốn đặc-lực của mình. Ông Thâm-tú thủ tọa đọc câu kệ rằng : « Tâm tự bồ-đề thụ 心似菩提樹. Ý như minh-kính-đài 意如明鏡臺. Thời thời cần phật-thức 時時勤拂拭. Vật sử nhạ trần ai 勿使惹塵埃. » Nghĩa là : Tâm như cây bồ-đề, ý như đài gương sáng ; cần phải lau chùi luôn, chớ để trần-ai bợn. Ngũ-tổ chữa cho làm kệ hợp. Lục-tổ bèn đọc câu kệ rằng : « Bồ-đề bản vô thụ 菩提本無樹. minh kính diệc phi đài 明鏡亦非臺. bản lai vô nhất vật 本來無一物. hà xứ nhạ trần ai 何處惹塵埃. » Nghĩa là : Bồ-đề vốn không cây, minh-kính chẳng phải đài, nguyên không có một vật, bởi đâu bợn trần-ai. Đọc xong bèn được chịu truyền y-bát, nay lược kể đây, thì cái phái ông Song-giang ông Miện-am, dùng vào cái thuyết :

« Thời-thời cần phật thức », phải ông Long-khê ông Tâm-trai, thì dùng vào cái thuyết : « Bản-lai vô nhất vật ». Ông Cạn-khê bảo rằng không cần ghé đầu vào đâu mới là công-phu, không cần tựa vào bờ bến nào mới là thỏa hung-khâm, thực là lời nói cuối cùng về dòng thiên-tôn. Bậc người khi-phách thượng-đẳng, học được điều yếu ước ấy nắm vào trong tay rồi, thì không còn trở ngại, không còn sợ-hãi gì, đầu gánh vác việc lớn trong thiên-hạ cũng dễ-dàng như không vậy. Thầy ta là Nam-hải Khang tiên-sinh rất sùng-bái ông Tâm-trai ông Cạn-khê là vì thế. Tuy rằng thế, nếu học mà chưa có sở-đắc ở mình, chỉ mượn cái lời nói khẩu-đầu để khoe chơi, thì cũng dễ mắc vào đường trá-ngụy. Bởi vậy Lưu Chấp-sơn bảo rằng học trò họ Vương mà có ông Long-khê cũng là một cái ách cho tư-vấn. Hoàng Lê-châu cũng bảo rằng học phái họ Vương mà có ông Long-khê Thái châu, lại càng làm thất chân đi mất nhiều. Song trong tập văn Long-khê có nói rằng : Việc học không phải nói rồi lại thôi, phải thường thường dụng lực, hễ lúc nào có lỗi thì phải đổi, trừ bỏ những tập khí mờ-âm, làm cho quang-minh ra, như thế mới là cái cách học tập-hí nghĩa là làm cho nổi sáng mãi ra. Thế thì Long-khê có phải coi thường cái công cần phải lau chùi luôn đâu.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch

TÂM GUƠNG TÌNH

(Đoàn-thiên tiểu-thuyết)

Mai-hoa-hồn kỹ.

Đất Cô-tô sảng Thái-bồ có một chàng là Hùng - sinh, tên là Thụy - Phiếu, tự là Phàm-cam, là người hiếu học mà lỗi-lạc tiểu-sái, dung-mạo tốt đẹp như người ngọc, tính yêu hoa mai. Năm ấy mùa đông đọc sách ở trong núi Đặng-uy, ban đêm khoảng canh hai, sương bay trắng tỏ, một bầu trời sáng-sủa trong sạch, một mình ngắm cảnh vui thích, thơ-thần quên năm. Khi đã mỏi-mệt, tựa mình vào một cái gốc cây, liền chợp mắt đi. Chợt nghe có tiếng đàn-sáo êm-ái đầy tai, như gần như xa, tự mình dạo bước đi tìm, đi độ mấy bước, thấy trong chỗ rừng sâu, lâu-dài rục-rỡ, khí-tượng trang-nghiêm; trong cửa có con thú bằng đá, đôi cánh cửa mở ra, đứng ngoài có thể trông suốt được vào trong. Trên nhà thì đèn lửa tung - hừng, bóng người thấp-thoảng đi ỏi lại lại.

Hùng-sinh đi lên vào trong cửa, nép ở dưới cửa trở, dòm trộm lên, thì thấy một vị mỹ-nhân mặc lối cung-trang ngồi trên nhất, tuổi độ ba mươi. Bên hữu lại một vị mỹ-nhân nữa ngồi, tuổi cũng xuýt-xoát thế, mặc quần-áo sắc đậm-hoàng, tay diu-dặt cái không-hầu (1). Lại chen vai một vị mỹ-nhân nữa ngồi, tuổi độ trong ngoài hai mươi, xiêm áo sắc thủy-lục, hai cánh tay vắt rù giây vàng ngọc, giờ tay thỗi bắt ống ngọc-dịch. Lại một vị mỹ-nhân nữa đối - tọa, mặc sắc áo đậm-hồng, tuổi độ mười-bảy mười-tám, bên mái tóc cài cái trâm thúy, diu - dàng dập cái phách ngà, mau

khoan đúng nhịp. Còn người khác cũng thuần là đàn-bà xinh-đẹp, đầy cả một nhà, tuổi cũng đều trong ngoài hai mươi, ngồi sắp hàng lắng nghe. Sắc quần-áo mặc đều chẳng giống nhau, nhưng đại - khái toàn là những sắc khinh-hồng, sắc đậm-lục, sắc ngọc tía, sắc tuyết trắng, khinh-thanh nhẹ-nhàng, chứ không một người nào mặc áo cừu đen, mặc thứ giấy-dặm gì cả. Hùng-sinh khi ấy trong bụng có trộm lấy làm quái rằng khi trời dương lúc rét như cắt, mà làm sao mặc những thứ khinh-thanh nhẹ - nhàng mà không sợ lạnh.

Được một lúc, cuộc âm-nhạc xong, các vị mỹ-nhân cười nói với nhau, kể bầu-tân câu nọ, người bốn-cột câu kia. Mé đông có một vị mỹ-nhân quảng cái giải khăn sắc tía, vừa cười vừa nói rằng: « Người đời tự xưa đến nay, thường - thức chúng ta cũng nhiều, nhưng chưa từng có kẻ nào dám công-nhiên đường-đốt. Chỉ có lão Lâm Bô (2) là kẻ cuồng bậy, lão ấy cây rằng lão ấy có khi cốt thanh-hàn, mà gọi chúng ta làm vợ, chẳng lại khiến người nực cười đầy ru ! » Một vị mỹ-nhân mặc quần sắc tuyết trắng đứng lên cười nói rằng: « Câu thơ lão ấy vịnh chúng ta, lão ấy lại thường-thức được đến cả âm-hương lẫn sơ-ảnh, tìm hỏi chúng ta về những lúc trăng hoàng - hôn, những nơi nước thanh - thiền, lão ấy tinh-quái quá. Lão ấy cũng không phải là người tục, thôi thì tha tội cho lão ấy. » Rồi đẩy nhà cả cười. Một vị mỹ-nhân ngồi chiếu trên nói rằng: « Các bạn

(1) Không-hầu = Cái đồ âm-nhạc ngày xưa.

(2) Lâm-Bô = Kẻ xử-sĩ đời Tống, ẩn ở núi Cô-sơn giữa Tây-hồ, gọi mai là vợ, gọi lục là con.

cũng bắt-tắt đùa cợt cho quá lắm, chúng ta nép ở chốn sơn-lâm, cũng toàn là nhờ những kẻ văn-nhân liêu-sự, vì phần - dễ điểm - nhiệm cho chúng ta, khiến cho trong chốn rừng sâu ít nhiều sinh-sắc. Duy tối hôm nay là tối chúng ta họp mặt vui đùa, không khỏi biền-lộ ra là giống hữu-tình. Nếu hoặc bay ra đến tại kẻ ở ngoài vách, chẳng hóa truyền ra một câu chuyện cười dẫu sao. »

Vị phu-nhau ấy nói xong, liền truyền bọn thị-nhi ra xét ngoài cửa. Tức-khắc có năm ba đứa nữ-tì xinh - đẹp, cầm đuốc đi ra, nhắc thấy Hùng-sinh, kinh-ngạc hô lên rằng có trốn. Lũ thị-tì tóm lấy Hùng-sinh, dâng trước lối, dâng sau đây, đem Hùng - sinh vào bắt quì xuống dưới thềm. Trên nhà thét lên hỏi rằng : « Kẻ cuồng - sinh chốn nào lại đây ? » Hùng - sinh bày tỏ tên họ dòng-dõi, khấu-dầu nài kêu, thực là lầm-lỡ phạm tội, xin xá cho tội chết. Một người mỹ-nhân mặc áo dam-hoàng mắng rằng : « Nhà người vô - lễ, tội chẳng tha được. Nhưng hãy đoái cho nhà người là kẻ thư sinh, đáng hiếp-phỉ trên kia cũng yên tiếc kẻ có tài, nhà người nếu họa lại được bài thơ vịnh mai của Dũ-lữ-Sơn đời Lục-triều, cho xứng ý hiếp-phỉ, thì chúng ta sẽ vì xin tội cho nhà người. »

Hùng-sinh chẳng đợi nghĩ-ngợi, tức-khắc ứng-khản họa rằng :

*Tiên-cảnh bốn mùa xuân,
Họa mai khá kết-lân ;
Dưới trần ai kẻ thưởng,
Trong tuyết mấy người thân ;
Nôn lục tóc mây nhuộm,
Nhị hồng môi rượu nhuộm ;
Trắng thanh sương lộ tỉnh,
Phách ngọc bội tình-thần.*

Bọn mỹ-nhân đồng-thanh khen là mẫn-tiếp, và bảo rằng : « Thơ cũng phảng - phất được như thơ thịnh-Đường, đủ để chuộc tội » Người ngồi

trên nhất cười nói rằng : « Trước cho nhà người là một kẻ cuồng đồ, không ngờ nhà người lại là kẻ phong-nhã. » Liền truyền-lệnh cho Hùng-sinh đứng dậy, ban cho một chỗ ngồi. Hùng-sinh hai ba lần tỏ ý khiêm - nhượng, rồi mới tới chỗ ngồi.

Kẻ mỹ-nhân ngồi trên nhất nói rằng : « Gặp có quý-khách, nên có cuộc rượu đãi khách. » Mới truyền đặt ra đông-trung tây ba tửu-tịch, để riêng cho Hùng-sinh ngồi một mình ở mé đông - tịch, còn trung-tịch với tây-tịch thì bọn mỹ-nhân la-liệt ngồi.

Hùng-sinh lẳng-lặng đếm số người, thì cả thấy có mười-lăm vị mỹ-nhân, còn bọn thị-tỳ không kể.

Đèn đuốc sáng như ban ngày, khoảnh-khắc rượu đem ra, thức trân-cam kỳ dị, đồ rau quả hình-hương đủ cả. Những đĩa thị-tỳ hầu rượu, đĩa nào cũng thấy xinh-đẹp. Duy rượu với đồ ăn đều là lạnh cả, rượu uống vào miệng, lạnh buốt cả đến chân răng mà thơm ngọt khác thường, uống vào khỏi miệng, liền thấy tạng-phủ thanh-sảng, tinh-thần thư-thải. Bọn mỹ-nhân luân-thứ cầm chén rót rượu chúc mời Hùng-sinh. Hùng sinh vốn là kẻ từ-hào, lượng rượu cũng khá lớn, bọn mỹ-nhân đều tán khen.

Cuối cùng có một vị nữ - lang mặc sắc áo dam-bạch, tuổi độ mười-lăm mười-sáu, ở trong đám mỹ-nhân là trẻ tuổi nhất, cầm chén rượu chúc mời Hùng - sinh. Hùng - sinh vì say rượu chuểnh-choáng, khi tiếp rượu, chạm phải cánh tay vị nữ-lang, chén rượu rơi xuống đất, xoang-xoảng có tiếng. Vị nữ-lang mỉm cười. Rồi cử-tọa đều xôn-xao, bảo rằng nên phạt Hùng-sinh mười chén rượu nữa. Hùng-sinh đứng lên từ-chối rằng : « Tiểu-sinh may dôi ơn lớn, được dự thịnh - diên, chẳng ngờ uống đã quá say. Nếu lại tham mà uống nữa, sợ rằng tất đến thất-lễ. »

Kể mĩ-nhân ngồi trên nhất mĩm cười bảo Hùng-sinh rằng: « Ta vâng mệnh đấng Thượng-đế quản-lĩnh chức hoa-khôi, nép ở chốn sơn-lâm, bấy lâu vẫn cùng trần-thế xa-cách. Chẳng ngờ nhà người chợt dời gót ngọc đến đây, điều đó tưởng cũng không phải là ngẫu-nhiên. » Vị mĩ-nhân ấy nhân trở vào vị nữ-lang mà bảo rằng: « Vị Nữ-lang này cùng với nhà người, vốn cũng có nhân-duyên cũ. Cái chén rơi xuống đất đó, tức là cái điềm quả mai gieo xuống đất mà lại mọc lên thành cây vậy. Ta nay đem vị Nữ-lang ấy gả cho nhà người, tối hôm nay tức là ngày lành tháng tốt, cho phép làm lễ cưới để thành nghĩa vợ chồng, nhà người chờ từ chối. »

Hùng-sinh mừng-rỡ quá-vọng, lấy làm là sự chẳng ngờ được thế, thẳng-thốt chẳng biết đối lại thế nào, chỉ dạ-dạ mà thôi. Vị mĩ-nhân ấy liền truyền bảo kẻ thị-ti cầm cây đuốc ngọc, đưa hai người về chốn riêng, rồi bọn mĩ-nhân cũng đều nhất-nhất cáo lui.

Kẻ thị-ti dẫn Hùng-sinh đến chỗ đông-viện thấy một cái cửa tròn như mặt trăng, đá trắng lát ở dưới đất phẳng nhẵn như mai. Hùng-sinh lần bậc thêm đi lên, nơi góc thêm mà chuyển sang bên tả, thấy có hơn mười nóc nhà, trong nhà treo một bức, đề bốn chữ rằng: « Noãn-hương tinh-xa. » Liền nọ phòng kia, góc-ngoách liền-tiếp. Trong nhà thì sách - vô dầy dả, lư - đỉnh la - liệt, tuyệt không có vật gì là vật tục-ngoạn. Mà trong phòng thì màn-trướng giương-giã cho đến mọi đồ nữ-trang, hết thấy đều là đồ tân-chế, sản-lạn đoạt-mục. Trên ghế đốt hai cây ngọc-lạp, lớn như hai cánh tay. Trên vách treo một bức tranh lớn, kiểu « Hắng-ngà thiết-được. » nghĩa là ả Hằng lấy trộm được thuốc tiên, chạy lên cung trăng. Tay người vẽ thì đề là Ngô-đạo-tử. Dưới bên treo một câu đối rằng: « Lục-thủy

nguyên-ương, phù - dung tri-chiều 綠水 鴛鴦芙蓉池沼; Thanh-xuân anh-vũ, dương-liêu lâu-dài 青春鸚鵡楊柳樓臺. » Tay người viết thì đề là Dương-thiếu-sư, mà viết lối hành-khải. Lại có mười hai bức bình-phong vây chẵn, mười bức mai-hoa, vẽ bằng lối thủy-mặc. Cuối cùng hai bức đề bài Mai-hoa phú của Tống Quảng-Bình, mà viết bằng lối khải-thư. Mùa tuy là mùa đông-hàn, mà đây nhà êm-ấm, thừa có khí xuân.

Kẻ thị-ti khép cửa đi ra, Hùng-sinh mới hỏi vị nữ-lang tên họ là gì. Nữ-lang tự nói tên là Pòi-Tuyết, họ là Lâm-thị. Hùng-sinh lại hỏi vị mĩ-nhân ngồi trên nhất là ai. Đáp rằng là bà Giang-Mai-phi. Lại hỏi người thồi ống ngọc - dịch là ai. Đáp rằng là bà Nghiêm-Lãng ngoại-cô. Lại hỏi người gõ phách là ai. Đáp rằng là bà Thọ-dương công-chúa. Còn những người khác thì Nữ-lang cũng nhất-nhất kể thuật cho Hùng-sinh hay. Hùng-sinh nhân hỏi rằng: « Tiên-nương thuật ra những các người, như Giang-Mai-phi là người đời nhà Đường, Nghiêm-Lãng ngoại-cô với Thọ - dương công-chúa lại là người đời nhà Hán, cách nay đã một nghìn mấy trăm năm, sao lại còn sống? » Nữ-lang đáp rằng: « Bà Giang-Mai-phi nguyên là em bà Hoàng-tiên-cô, bị trích xuống thế-gian làm vợ vua Đường Huyền-tôn, bị con yêu Hải-dương là Dương-Quy-phi nó lẩn. Thượng-đế nghĩ cho bà ấy bình-nhất không có lỗi, vả lại tính yêu mai, nên chỉ sau khi bị trích đã mất, Thượng-đế mới sai cho làm chức Tổng-mai-hoa-lệnh. Còn như người khác, người thì Mai-hoa thủ-bạ, người thì Mai-hoa chủ-sự, người thì Mai-hoa-khanh, Mai-hoa-lang, Mai-hoa-nô, trong Mai-hoa-phổ đều có chức-trách quản-lĩnh cả. Nay vị Tổng-Mai-hoa-lệnh cho rằng nhà người bình-sinh cũng có hàn-tư khiết-cối, thiếp với nhà người kiếp

trước cũng có nhân-duyên, cho nên được đội ơn cho kết làm bạn hảo-cầu.» Hùng-sinh nói rằng: « Sinh này vốn là kẻ trần, được gặp người tiên, chẳng ngờ tu được đến kiếp này. » Nữ-lang mỉm cười nói rằng: « Những chỗ văn-nhân mặc-khách đọc sách ngâm thơ, trên khe nước dưới bóng trăng, tức là chỗ hàng ngày gặp người tiên, chỉ người tiên chưa hiện ra cho biết đấy mà thôi. »

Sáng ngày mai, hai người cùng đi châu vị Giang-phi. Giang-phi bảo Hùng-sinh rằng: « Em Lâm Phi-Tuyết tuổi trẻ tinh sáng, ta vẫn yêu quý; nay đã khiến em Lâm Phi-Tuyết nó phụng-sự nhà ngươi, nhà ngươi nên ở đây ít lâu, đợi đến kỳ hoa mai thịnh nở, sẽ mời khách làm tiệc mừng vui. » Hùng-sinh khấn đầu bái-tạ. Hùng-sinh đi dạo xem chỗ nhà chứa sách, các bộ đều có thể bằng ngà biên ghi chữ giáp chữ ất hần-hoi, tên sách thì nhiều thứ sách mắt chưa từng trông thấy, ở trong có một pho sách rất to, ước chừng có một trăm bao sách, ngoài đề ba chữ *Thiên-địa - tâm*, mà đề bằng lối tiểu-triện. Hùng-sinh thử mở một bao ra xem, thì đều là sách chép đủ những sự-tích cổ-kim của mai-hoa, và thư - từ ca - phú của lịch - đại. Hùng - sinh dương lần lượt đi xem ngẫm, Nữ-lang chợt đến, nhân hỏi Hùng - sinh rằng: « Người đời xưa nói mai, như nói *diêm - mai* (Kinh *Thư*), nói *siêu - mai* (Kinh *Thi*), đều chỉ nói về quả, chưa nói về hoa. Đem hoa mai vào thơ mà nói, thì thủy tự người nào? » Hùng - sinh đáp rằng: « Thơ vịnh mai của Dũ-Tử-Sơn đời Lục-triều tức là khởi-thủy sự vịnh mai. » Nữ-lang cười nói rằng: « Nhà ngươi quên ư? Đời Lục - triều trước Dũ-Tử-Sơn chẳng đã có thơ của Lục-Khải, của Pháo-Chiến vịnh mai rồi ư? Lại từ đời Hậu-Hán thơ Chư-Cát Lượng, tuy là vịnh tuyết, nhưng cũng nói đến mai, thế thì thường-thức hoa

mai mà đem hoa mai vào thơ mà nói, có lẽ là thủy tự thầy Chư-Cát Lượng. » Hùng-sinh nói rằng: « Tiên-nương ghi nhớ được tường - tận, tôi đành chột quên, dám xin nhận lỗi. »

Hùng-sinh nhân lại hỏi rằng: « Cổ-kim phẩm-dề hoa mai ai là đệ-nhất? » Nữ-lang đáp rằng: « Chúng em ăn nầu chốn sơn-lâm toàn là nhờ các vị danh-nhân phẩm-dề mà sinh - sắc. Những câu phẩm-dề, đều là tuyết - diệu, khó chia hơn kém, mà xưa nay cũng nhiều, kể ra cũng không xiết, hễ xin thuật ra mấy câu sau này: *Kị lư quá tiêu-kiên, độc thân mai-hoa sầu 騎驢過小橋, 獨嘆梅花瘦*. Đó là câu của Chư-Cát Lượng tả được cái khi - cốt hoa mai, độc-lập trong sương tuyết: *Tạc dạ vũ song tiền, hàn mai trước hoa vị 昨夜雨窗前, 寒梅着花未*. Đó là câu của Vương Ma - Cát, tả được cái tình-tử hoa mai, tươi cười trong khi mưa gió, chốn tịch-mịch. *Sơn ý xung hàn dục phóng mai 山意衝寒欲放梅*. Đó là câu của Đỗ Công-Bộ, tả được cái tiềm-lực hoa mai, cái-lạ thế-giới đông-hàn ra thế-giới dương-xuân. *Sở diêm mai hoa thiên địa tâm 數點梅花天地心*. Đó là câu của Chu Khảo-Dĩnh tả được cái tâm hoa mai, tham-hợp với tạo - hóa. *Tiên hương bách hoa đầu thượng khai 先向百花頭上開*. Đó là câu của Vương-Tăng tương-quốc, tả được cái phẩm hoa mai, trạng-nguyên trong hương - quốc. *Sơ ảnh hoành là thủy thanh-thiên, ám-hương phủ - động nguyệt hoàng - hôn 疎影橫斜水清淺, 暗香浮動月黃昏*. Đó là câu của Lâm Bồ xử-sĩ, tả được cái thần hoa mai, ảnh in dưới nước, tựa có tựa không, thế là sơ-ảnh; hương bay dưới trăng, dường ít dường nhiều, thế là ám hương. *Tâm-thường nhất dạng song tiền-nguyệt, tái hữu mai hoa liên bất đồng 尋常一樣窗前月, 縱有梅花便不同*. Đó là câu của Đỗ Tiểu-Sơn, tả được cái cảnh-sắc hoa

mai, cảnh sắc hoa mai là cảnh - sắc thần - tiên, không phải là cảnh - sắc tầm - thường. *Tương - tư nhất dạ mai hoa phát, hốt đáo song tiền nghi thị quân* 相思一夜梅花發。忽到窗前疑是君。 Đó là câu của Lư-Đồng, tả được cái mộng-hồn hoa mai, kẻ tương - tư không phụ hoa mai, hoa mai cũng không phụ kẻ tương-tư. *Mai tuyết tranh xuân vị khăng hăng* 梅雪爭春未肯降。 Đó là câu của Lư-Mai-Pha, tả được cái máu ghen của hoa mai, hoa mai cũng có máu ghen. »

Hùng-sinh mỉm cười.

Nữ - lang dẫn Hùng-sinh đi dạo chơi khắp cả toà-cảnh, thì thấy bốn bên xung-quanh nhà, mênh-mông đến mấy dặm, hết thấy một giống mai, kẻ có mấy vạn cây, cây nào cây ấy gốc càng già, mình càng gầy, cành càng tơi. Nhưng chỉ mới có nụ mà chưa có hoa. Hùng - sinh hằng ngày ra ghé thăm rừng mai, mong cho hoa mai chóng nở. Được ít ngày hoa mai dần dần nở ra nhiều, các sắc tươi-bời, ly-kỳ choáng mắt, chẳng khác nào một bầu tuyết trắng muốt đợt mây hồng. Sáng sớm thấy người trong ấy phụng mệnh bà Giang Mai - phi đi mời khách. Đến buổi gần trưa, nghe rộn-rịp nói có khách đến. Nữ - lang dắt Hùng-sinh lên một tòa tiền-lâu ở đằng mé sau, bốn mặt cửa sổ đều lồng bằng thứ pha - lê năm sắc. Hùng-sinh tựa bên cửa sổ mà cách xa dóm ra, thì thấy mấy bọn lão-nhân và mã - nhân, mà vị thiếu - niên đồng-tử cũng có, dường như ở trên trời đi xuống. Có kẻ cười con rồng, có kẻ cười con hồ, có kẻ cười con loan, hoặc con phượng, con uyên, con bạc. Các loài của các người cười đó, phần nhiều là loài thú lạ, không biết được tên. Cuối cùng có một người cười con hồ - điệp năm sắc, cánh nó như hai cái bánh xe, sáu-lậu khá yểu. Nữ lang mặt bảo cho

Hùng-sinh những tính-danh huy-hiệu của quần-tiên, người cười rồng đó là vị Thượng-Nguyên phu - nhân, người cười hồ đó là vị Ngô Thái-Loan, người cười con hồ điệp đó là vị La Phù-Quân. Còn người khác, nào là vị Đồng Xong-Thành, vị Hứa Phú-Quỳnh, vị Quách Mật - Hương, vị Uyển-Lăng-Hoa, vị Thạch-Công-tử, vị Đỗ Lan-Hương, vị Ma-cô, vị Thường-Nga, vị Chức - nữ, vị Lộng - Ngọc, vị Bích Hà - Quân, vị Vân-Hòa phu-nhân, chư-vị nhiều lắm, không thể kể xiết.

Bà Giang Mai-phi đóng-dã chư tiên ra nghênh-tiếp. Vị Thượng - Nguyên phu-nhân bắt đầu hỏi ngay rằng : « Em Lâm Phi - Tuyết chốn náu ở đâu, sao không ra kiến - khách ? » Hùng-sinh nghe tiếng, kịp giục Nữ-lang đi ra. Vị La Phù-Quân trông thấy Nữ-lang, nắm lấy tay nói rằng : « Em Lâm Phi-Tuyết tiêu-sái phong-lưu, có vẻ thiên - nhiên khả-ái, nay mừng cho nhà em đã có rể mới. » Nữ - lang cúi đầu cảm tạ. Giang Mai-phi mời khách lên nhà, bày rượu đặt tiệc, bát-âm vang-lừng, chủ-khách hết thấy vui-vẻ. Đến chiều Giang Mai-phi truyền lệnh trong rừng mai hết thấy mỗi cây treo một cái đèn, để dự-bị tiệc chơi đêm. Phút chốc, vầng trăng tỏ, dần dần dựng lên, quần-tiên người nào người ấy ra du-hí chỗ dưới hoa, bóng trắng, bóng đèn, bóng hoa, mặt người chiếu lẫn nhau, trông ra càng bội tinh-thần. Khoảnh-khác bóng trăng đã xế về tây, quần-tiên đều từ-tạ trở ra về, người nào người ấy lại cười rồng cười hạc, sấn lên khoảng hư-không mà đi.

Nữ-lang mới mời Hùng-sinh xuống lầu, phở ra những thức của quần-tiên tặng-tống, thuần là đồ ngọc - báu, thế-gian ít có.

Chẳng bao lâu hoa mai đã đến thời-kỳ linh-lạc, hoa bay đầy dất, lá tốt đầy rừng, cái quang - cảnh chu - hà bạch-ngọc, đã thành ra cái quang - cảnh

lục-âm. Hùng - sinh đối - cảnh chạnh niềm, lại nhớ đến cố-hương, nhân bảo nữ-lang rằng : « Đất cũ còn khá nhớ, người mới không nỡ lìa, hai đường ấy biết làm thế nào ? » Nữ-lang nói rằng : « Người ta cuộc bi-hoạn li-hợp đã có số nhất-định, tương-chi thiệp với chàng ngày nay, chỉ là tạm-biệt đây mà thôi. Xin ước đến thời-kỳ mai-hoa nở, thì sẽ lại gặp nhau. » Sáng sớm mai, Nữ-lang tức-khắc bạch với Giang Mai-phi. Mai-phi vì Hùng - sinh làm tiệc tiễn - biệt. Bọn mi-nhân lại đến họp mặt đủ cả. Mai - phi tự mình thổi ống ngọc-dịch, sai Nữ-lang hát một khúc, gọi là khúc « Mai - hoa lạc » để tiễn sinh về. Khúc rằng :

*Ngày trước hoa mai khai,
Ngày nay hoa mai lạc ;
Biết rằng buổi hoa tàn,
Sao chẳng sớm hành-lạc.
Lạc, lạc, lạc !*

*Tiền chàng biếng khuyên thia ngọc -
thực.*

Mai-phi lại sai Nữ-lang hát một khúc nữa, gọi là khúc « Mai-hoa khai. » Khúc rằng :

*Ngày nay hoa mai lạc,
Ngày khác hoa mai khai ;
Hoa nở cùng ai thưởng,
Mong chàng sớm qui-lai.
Lai, lai, lai !*

Tiền chàng đầy rót chén kim-bôi.

Nữ-lang hát xong, quần-tiền đều khen hay, nhân bảo Hùng-sinh rằng : « Sự hội-hợp còn nhiều về sau, nên phải tan trận khóc làm trận cười. » Hùng-sinh đứng dậy làm lễ từ - biệt. Giang Mai-phi tay cầm ban cho tám hạt minh-châu. Vì Nam-xương phụ-nhân trở xuống, thứ - đệ đều có ban tặng cả. Nữ - lang thì tự mình tháo

chiếc kim-thoa ở cổ tay ra, lấy vuông khăn gấm bọc lại, trao tay cho Hùng-sinh làm đồ ghi tặng, mà tự mình đi ra tiễn Hùng-sinh, đến cửa rừng mai, Nữ-lang mới dừng chân lại. Hùng - sinh dạo gót đi ra, bên tai còn nghe tiếng Nữ-lang ân-cần dặn với lại

Chợt nghe có tiếng chim kêu, và tiếng người nói. Hùng - sinh mở mắt bừng ra, thì thấy mặt trời phương đông đã lên khỏi dãy trúc, chiều trời sáng - sữa, chim kêu vui - vẻ, đã thấy có người trong thôn ra làm việc ở ngoài đồng, mà thân mình thì vẫn nằm tựa vào một cái gốc cây ở trên dợt ruộng núi. Nhận ra thì chỗ này cách chỗ mình ở đọc sách, chẳng qua vài mươi bước chân. Bèn kíp đi trở về, người nhà trông thấy, hỏi đêm hôm qua đi đâu mà bây giờ mới về. Hùng-sinh chỉ mỉm cười mà chẳng đáp lại, trong bụng lấy làm thần-dị, kíp lấy bút ghi thuật lại cả trước sau, gọi là « Mai-hoa-hồn ký. »

Nguyên trước nhà Hùng-sinh vẫn có một cây bạch-mai, Hùng-sinh vì tính yêu mai, tài-bồi chăm-chút khác thường. Năm ấy chợt biến ra sắc hồng-mai, mà tự dấy trở đi, đến thời-kỳ nở hoa, thường nở hoa tịnh-đế. Trong nhà có sự hay, thì kết - quả lại càng nhiều, nhân gọi là thủy-mai.

Lại nhân trước kia Hùng-sinh vẫn có một cái hiên rất thanh - nhã, để sớm chiều thưởng mai, gọi là « Thưởng-mai hiên. » Đến khi ấy mới đổi ra là Phi-tuyết-hiên, để phù - hợp với trong mộng-ký.

Từ đấy các bạn thi-sĩ giao-du với Hùng-sinh đề - vịnh cây mai ấy rất nhiều, cơ-hỗ thành tập, gọi là « Phi-tuyết-hiên tập ».

TÔNG-VÂN dịch

VĂN-UYỄN

Quyển sách

Duyên em giấy-giễn phận em vương,
Gấp mở tài cao nich một buồng;
Mặt trắng chẳng rờm chi thể-sự,
Lòng son từng dải với thiên-cuông;
Trước lầu lĩnh-đường khi thưa khách,
Giữa chiếu hào-ngâm lúc mới chuông;
Sự-nghiệp công-danh bền sắt-đá,
Ở đời đâu chịu sống mà suông.

Chiếc bút.

Một diêm lòng không sáu tấc thân,
Ngang-ngang dọc-dọc chốn hồng-trần;
Trót đem chính-trực thay trời xuống,
Quyết rửa ngoan-ngu khắp nước dân;
Nét mực nghiêng chan lãnh dật - khách,
Vẽ hồng son dặm xóm giai-nhân.
Văn-phong phay-phẩy miền Đông-Á,
Miêu-xuyết bao nhiêu thánh với thần

Thất-tịch vịnh Ngưu-Nữ

Văng-văng canh thu tiếng trống thùng,
Tắc lòng Ngưu-Nữ rồi bông-bong;
Đem duyên đôi vẫy hai chòm tóc,
Kết cuộc trăm năm một dải đồng;
Bề ai với đầy mưa cuốn thoáng,
Khởi tình nhẹ-nặng gió bay tung;
Này ngày này tháng này đêm đó,
Cung Quảng kia ai muốn muốn không.

Tết trung-thu

Cuộc vui theo ruồi thói ông cha,
Ai mặc thẳng ai ta cừ ta;
Danh tài kiền-khôn thơ lệch-xếch,
Thỏm be kim cổ rượu khề-khà;
Bên chong bốn vách đùa còn trẻ,
Trăng tỏ năm canh những cái già;
Trời hỡi đêm này thu mấy tuổi,
Bắc nam lưng-lẫy khắp gần xa.

Vịnh Kim Trọng

Cặp sách chen tay lẫn phẩm đàn,
Đề-huê lưng túi gió-trắng chan;

Tài-hoa phú-quý con nhà nếp,
Phong-nhã hào-hoa cái nước nhàn;
Ấu-yếm duyên trời hai tấc nợ,
Đồi-dào lộc chùa một ngôi quan;
Vườn xuân hờ-quế bia còn rạn,
Lạ tuyết tao-phùng khác thể-gian.

Thăm ông T. Đ. L. ở Lạng-sơn

Trung-tuần tháng năm năm canh-ngo, trông
ra hồ sen lác-đác đã đâm hoa, cái màu
hương quân-tử sức-nước cả một vùng. Nhân
mượn cảnh-tượng thiên-nhiên đó miêu-tả
vào bức thư mà thăm qui-hữu.

Miêu

Bây giờ lòng mới tỏ lòng,
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương.

Hát nói

Thiên sinh hữu ý, 天生有意, ngắm
non sông کیا tri - kỷ được bao; khi
cung đàn, khi chén rượu, khi câu ca
thấp, khi nước cờ cao, bước hồ - hải
tiêu-dao ừ đã trải. *Vị-thủy tinh-vân*
thiên lý ngoại 渭水星雲千里外,
Lạng-sơn phong-nguyệt nhất liêm trung.
諒山風月一簾中. Cái lò cừ hun-
đúc bắc hào-hùng, ngơ danh-lợi quyết
thung-dung cho thỏa - nguyện. Nhân
lúc nhàn theo đường phương-tiện,
đem chữ « thời » mà phô-diễn lối văn-
minh. Làm cho tỏ mặt tài-tình !

Qua tỉnh Lạng-sơn

Gió cao khi mĩn miệng cười,
Non xanh bông chốc đưa người tới nơi.
Mạc-thành chiếc bóng tả-toi,
Mà gương Lê dễ muôn đời xa-xa,
Lơ-thơ xóm Thổ mấy nhà,
Gối tình chạnh một tiếng gà canh khuya.
Toan chơi chốn nọ vùng kia,
Hỏi chùa Tam-giáo đâu kia Thất-khê.

Chùa Tam - thanh

Một, hai, ba chốn đông trời,
 Vẻ hoa lần bóng chim phơi mặt hồ.
 Mây dờn tua đá nhấp-nhô,
 Gió đưa phảng-phất xe ô ngang đầu.
 Buồn trông kia đất Long châu,
 Kia dinh Lộc-mã, kia Tàu kia Nam,
 Chuông đầu khua gác Cờ-dâm,
 Giật mình tỉnh giấc túy - hăm bấy lâu.

Núi Vọng - phu

Non xanh trên bãi Lạc-Hồng,
 Ấy nàng Tô-thị ngóng chồng thác ra.
 Lòng riêng riêng với trăng già,
 Năm xương đá phủ rêu pha bụi trần.
 Đăm-đăm muôn dặm một thân,
 Thiếp đây dặt gấm nên vân vì chàng.
 Lơ-mơ kia truyện hoang-duơng,
 Ít nhiều ta đã tỏ-tưởng từ xưa.

Phổ Kỳ-lừa

Sông sâu núi thẳm tà-tà,
 Một vùng phố-xá trông ra khác thường.
 Mưa dầm rửa lối quân mừng,
 Nhà dàu kín cổng cao tường bên hang.
 Chợ dàu náo-nhiệt mấy hàng,
 Cửa dàu vó ngựa mấy chàng chen nhau.
 Dù ai lòng có sở-cầu,
 Cảnh xưa bia cũ cúi đầu mà xem.

Lạng-sơn bát-cảnh liên-châu vịnh

涼山八景聯珠詠

1

Nước biếc non xanh thú hữu-tinh.
 Ai đi phố Lạng sẽ cùng anh;
 Năm nem bầu rượi cầm tay vững,
 Câu truyện hàn-huyên Mán lẫn Kinh.

2

Lần Kinh lẫn Mán lẫn Tây Tàu,
 Gồm cái phần-hoa khắp mọi châu;
 Nghĩ lại từ xưa phong-thổ đó,
 Đường đi lối lại dễ ai lâu.

3

Ai lâu cho lắm hỏi ai ơi!
 Xin cũng vì ai hỏi mấy lời;

Tám cảnh rằng đây dẫu những tá,
 Tô-mò ta vẫn rắp giòng chơi.

4

Giòng chơi mãi-mốt thú chùa Đoàn,
 Gió gác trăng kê trọi mấy gian;
 Tiêu trống thi-thùng sư mõ cốc,
 Nén hương tam-bảo khói chưa tàn.

5

Chưa tàn phiên sớm đã phiên trưa,
 Quán nước hàng cơm rộn-rịp bữa;
 Cuộc đồ-den mừng canh hát chèo,
 Tên đầu ai khéo gọi Kỳ-lừa.

6

Kỳ-lừa đã thế lại thành Tiên,
 Năm ngọn non cao cột đá liền;
 Giở ngón chi-chi kia chú Mạc,
 Trăm năm tiếm-thiết sử còn nguyên.

7

Còn nguyên trong vắt một dòng sông,
 Đá mọc lơ-nhò rần lẫn rồng;
 Rút lại mà suy cho gầy lẽ,
 Kỳ-cùng sông gốc vẫn không cùng.

8

Khôngcùng những giống gió cùng trăng,
 Phong-thú Tam-thanh mấy chốn bằng;
 Róc-rách khe vàng hang khuất-khúc,
 Trò đời quên bằng thói lãng-nhăng.

9

Lãng-nhăng Tiên - động chốn trần-ai,
 Dấu cũ rêu mờ sắc đá phai;
 Đầu hồi Lưu Thần đầu Nguyễn Triệu,
 Cảnh trời đây cũng vẻ Thiên-thai.

10

Thiên-thai riêng một chốn tiên-hương,
 Sớm tối mây mưa gót nhẹ-nhàng;
 Biến đổi mà chi con tạo-hóa,
 Tuyết với nào thấy bóng Hoành-duơng.

11

Hoành-duơng nào có thấy nơi nao,
 Dương-lĩnh lơ-mơ cũng trở tào;

Thôi dải Đông-linh làn gió thấp,
Thôi dào Tô-thị bóng trăng cao.

12

Trăng cao gió thấp gió trăng suông,
Thánh-thốt canh tàn mấy khóa chuông,
Mỗi giấc nam-kha đường tỉnh sự,
Ngâm-đề ca-vịnh túi phong-quang.

13

Phong-quang thành Lạng rất êm-dềm,
Xe ngựa đi về sạch suốt đêm;
Công-dức Ngô-phong ai sánh nhĩ,
Tượng đồng bia đá ấy nên thêm.

14

Nên thêm cho rạng cảnh thanh-u,
Chớ để non xanh dấu mịt-mù;
Thời-buổi tân-trào duyên lịch-lãm,
Tình chung một khối tạc muốn thu.

—————
NHÂN-VÂN-ĐÌNH

THƠ NAM-KỲ

Hoài-tình

Những từ ngẫu-nhĩ gặp nhau chữ,
Gửi chữ đồng-tâm chẳng bụng tư;
Bốn ngựa khó theo lời đã thốt,
Ngàn vàng không đổi tiếng dây ư;
Đầu đành kết chặt duyên kim-cải,
Anh quyết xe săn mỗi tốc-tơ;
Chung-thủy hai ta gìn trọn vẹn,
Mưa dừng xao-lãng nặng nguyên xưa.

Đỗ-bác

Bốn vách tài là đứng thứ ba,
Tham thâm thế ví chẳng sai-ngoạ;
Ham vui lắm lúc quên danh-phận,
Thua thiếu nhiều khi bỏ cửa-nhà;
Tiền của tổn hao có bác trách,
Đất vườn cầm bán mẹ cha la;
Biết ăn-năn bởi thường lâm-vấp,
Cay nghiệt kia ai khá tránh xa.

Bão lụt

(Họa vận của một ông bạn)

Phút đầu sấm gió phát trên không,
Bão lụt ngày kia tại hướng đông;
Mở-mặt mưa dầm chim ẩn núi,

Mênh-mông nước chảy cả tràn đồng;
Ngần-ngờ thẳng mực không tìm ngõ,
Lụi-dụi thuyền ngư khó lướt sông;
May có Thái-dương cao ngó đến,
Phỉ mừng lễ-thứ khỏi lao công.

Hát bội

(Họa vận của một ông bạn)

Một cuộc mua vui khéo đặt bày,
Mặc ai chê dở, mặc khen hay;
Vỗ vắn đai mào in ngày trước,
Xe ngựa can qua khác buổi nay;
Muôn dặm non sông bay tận mắt,
Đôi màu son phấn vẽ ven mày;
Giả cười giả giận yêu thương giả,
Chập vắn rồi qua đến chập dài.

Mừng một ông bạn sinh nam

Tiền đoán cơ-cửu chẳng chước ngoa,
Lòng-chương tri-kỷ mẫn tin nhà;
Chỗi sinh đơn-quế nơi sân Đâu,
Điềm ứng kỳ-lân trước cửa nhà;
Kinh-sử trẻ thông chẳng kém bạn,
Công-danh con ắt trội hơn cha;
Mừng này chỉ có mừng bằng nữa,
Phước lộc nguyên cho hưởng đến già.

Vịnh dạ-lan

Một cảnh lay động bóng bên tường,
Giữa cảnh hoàng-hôn sức-nức hương;
Sương đượm lại thêm ngần nét ngọc,
Nắng nồng chưa dễ nhạt gan vàng;
Nồn-nà da tuyết soi gương bạc,
Bát-ngát đêm xuân phất dặm trường;
Cỏ lẽ u-lan còn sót lại,
Lặng nhìn một vẻ một thêm càng.

Đêm thu thưởng nguyệt

(Họa vận của một ông bạn)

Trong rặng đêm thu gió phất qua,
Giữa dòng thẳng-thường thỏa lòng ta;
Ả Hằng tận mặt mừng Tô-tử,
Chung-thị dừng chân gặp Bá-nhà;
Trăng nước với trời màu lộn một,
Thơ dờn cùng rượu đẹp và ba;
Phải như được gầy La-công Viễn,
Đạo khắp thiềm-cung cũng chẳng xa.

Nhắc chuyện du-hồ năm rồi

Du-hồ năm ngoái nhớ hay chăng ?
 Bảy cuộc chơi thu thưởng chị Hằng ;
 Bạn-tác cùng nhau đồng khiên-hùng,
 Rượu đầy chén ngọc nước đầy trăng.

Tân-xuân tức-sự

Nhân-vật đua chào cái tiệc xuân,
 Riêng mình mình luống những băng-
 [khuàng ;

Tri-âm có thấu tình chăng tá ?
 Chén khúc vò tơ giúp gỡ lẩn.

Hoài-hữu

Cách mặt kim-bằng dạ xốn-xan,
 Đêm thu quạnh-quẽ vắng mùi lan ;
 Bên rào cúc nở bông bông trắng,
 Ngoài ngõ ngô bay lá lá vàng ;
 Gió phất hiu-hiu đưa tiếng địch,
 Trăng soi vặc vặc ngóng tin nhân ;
 Một màu trời nước in như vẽ,
 Chén rượu câu thi ngất lại càng.

Tân-hôn

Làm người quân-tử sẵn lòng toan,
 Chồng vợ mừng nay máy tạo-doan ;
 Kết tóc trăm năm trời tác-hợp,
 Vầy xuân hai họ tiệc giao-hoan ;
 Cao gầy nền đức ghi lời ngọc,
 Rộng nổi dòng nho sánh bạn loan ;
 Mỗi mở ba giếng đá được một,
 Trọn hai giếng nữa mới là an.

Tân - xuân khai bút (1928)*(Hát nói)*

Những mảng nghĩ thể-tình hậu bạc,
 Chẳng ngờ mà năm đã cuối cùng.
 Mậu-thìn sang, nghe pháo nổ di-dùng,
 Ừ, mới biết tân-xuân là thể thể

Bất định điều ngừ trùn liêm tế,
 Vô số huê khai mãn viện xuân.

Rót rượu xuân mừng bác Đồng quân,
 Bốn mươi sáu lần xuân quen mặt.
 Hẹn non nước xuân còn giữ chặt,
 Đúng kỳ xuân, xuân đến chẳng sai.
 Đời người vẫn gặp xuân hoài !

Trông trăng cảm-tác

Trông trăng thêm chạnh, chạnh lòng
 [dày,
 Trăng hỡi trăng ôi thấu nỗi này !
 Trăng nghĩ chi mà soi đến khách,
 Ước sao vì khách tỏ niềm tây.

Ở đời*(Họa Đông-hồ nguyên-vận)*

1

Đều cũng chung nhau ở dưới trời,
 Ai hay ai dở mưa che cười ;
 Mến ưa danh-lợi bao nhiêu kẻ,
 Trau-chuốc từ-tâm có mấy người ;
 Giúp thế lâu-dài toan liệu thế,
 Muốn đời bền-vững phải lo đời ;
 Lòng mình mình biết mình là đủ,
 Lọ phải khoe-khoang cái đức-tài.

2

Đức-tài gồm trọn mới hiền-lương,
 Trần-thế lằng-xăng bốn nẻo đường ;
 Người mến công-danh chen sĩ - hoạn,
 Kẻ ham quyền-lợi dựa nông-thương ;
 Tiều-tài tối mắt sinh tham quấy,
 Đạo-lý ngờ tai chẳng nghiệm tường ;
 Vì chút đỉnh - chung tranh lẫn mãi,
 Đời người chỉ khác mộng huỳnh-lương.

Vịnh hoa mai

Cốt-cách tinh-thần vẻ thướt-tha,
 Mừng xuân nở trước cả trăm hoa,
 Thái-tân ưa chuộng năm năm vịnh,
 Hương sắc màng chi quả bảy ba.

Vịnh hoa cúc

Trúc là con út bạch-lan anh,
 Đóa đóa chào thu nở trắng danh ;
 Nắng dãi sương lồng càng đẹp vẻ,
 Trong đời tri-kỷ có Uyên-Minh.

Vịnh lục-trúc

Quân-tử sang đông tiếc đã già,
 Hư tâm vì gió gheo Hắc-ngà ;
 Thất hiền quen mặt Lưu, Kê, Nguyễn,
 Bầy-bạn mai, lan, cúc một nhà.

Tiếng chuông vàng

Chiều gió xa đưa tiếng tiếng vàng,
Tiếng vàng vắng - vắng tiếng chuông

[vang ;

Vang-lừng gọi tỉnh đời mê-muội,
Mê-muội đời than cuộc hải-tang.

Đổi gián nhà

Trong thế-tục, không đành chịu tục ;
Giữa trần-ai, đâu dễ phiền ai.

Đổi đề truyện Thúy - Kiều

Kiều lỗi ước-nguyên, bởi hiếu nặng,
Bán mình trả hiếu ;

Trọng vì tang-tóc, đề hoa trôi, dở
bước tìm hoa.

Cảm khái

(Họa Trúc-hà nguyên-vận)

Bốn sáu xuân thu đã nửa già,
Đường đời giữa quãng bước còn xa ;
Ngọt, bùi, cay, đắng mùi từng nếm,
Vui thú thanh-nhân chi sánh qua.

Ngày giờ thắm - thoát

(Họa Trúc-hà nguyên-vận)

Bốn sáu năm mà vẫn chẳng xa,
Riêng mình mình ngắm việc đã qua ;
Cảnh mai mới thấy khoe tươi sắc,
Nắng hạ làm cho vội rụng hoa ;
Những mảng sâm-si rào cúc trắng,
Đầu ngõ chum-chím cụm đào to ;
Tháng ngày thắm-thoát như tên bắn,
Xóm liễu chào xuân về thướt-tha.

Cảm khái

1

Xuân mới vừa qua xuân lại sang,
Ngày xuân giục-dã bóng thiếu-quang ;
Đời người trăm tuổi bao lâu nhỉ,
Thời cứ vui theo cảnh-trí nhân.

2

Cảnh-trí nhân-du mặc thích tình,
Cuộc đời trong giấc mộng phù-sinh ;
Vĩ dầu của chất bằng non Thái,
Há lại đem mua sống dặng mình.

Chơi ở núi Tô-châu nhỏ

(Họa Đông-hồ nguyên-vận)

Thơ-thần Tô-châu bừng cảnh tình,
Nước non chung bức họa thêm xinh ;
Đầu cảnh lãng-liu chim chào khách,
Mặt bể mênh-mông sóng gọi tình.

Trồng hoa hương

(Họa Trúc-hà nguyên-vận)

Trồng hương ta bể lá che hương,
Hương được xanh tươi ngấm dễ thương ;
Thương phải vun phân và tưới nước,
Hoa càng dướm vẻ mới thêm hương.

Chơi ở núi Đại Tô-châu

(Họa Đông-hồ nguyên-vận)

Tuy rằng sức yếu cũng hay trèo,
Trèo tốt non cao đứng chỗ cao ;
Cao ngấm bốn phương trông cảnh-vật,
Cảnh sâu người cũng ruột gan leo.

Mừng ông giáo Huỳnh Thoại-Bàng

Non nước mừng vui cửa đức tài,
Ơn rên hai lượt thưởng khuê-bài ;
Con vừa thi đậu cha thêm tuổi,
Phước lộc trời cho trọn cả hai.

Tặng ông lương-ý Lý Ngọc-Thành

Học đạo Kỳ Hiên giúp xóm làng,
Lòng nhân chuộng nghĩa quá hơn
[vang ;
Nước tràn giếng quýt mùi thơm ngát,
Chứa đức trời cho phước thọ-trường.

Khóc em dâu

Tuổi mới hăm-lăm lánh bụi hồng,
Em đành để thắm lại cho chồng ;
Đàn cầm biếng gảy dây tơ chiếc,
Trẻ tạo đánh bồi nét chữ đồng ;
Con bé biết chi chan-chứa lụy,
Bác già thêm những ngẩn-ngơ lòng ;
Anh em tình-cảnh in như một,
Càng nghĩ càng thương nói chẳng cùng.

Viếng núi Thạch-dộng

Trèo viếng quả non cao,
Trời sinh tự thuở nào;
Trên sườn bầy vú đá,
Trong động có nguồn dào.

Tân-xuân tứ sự

Kỷ-ty đến mừng năm kỷ-ty,
Thiện-trường còn chúc chữ thiện-
[trường;
Đời Thiện-trường gặp biết mấy độ
xuân-quang,
Bấm đốt bốn-mươi-bảy lần xuân đã
trải.

Nhứt thất thái-hòa chân phú-quí;
Mãn môn xuân-sắc đại vinh-ba.

Tánh cần siêng gầy vững nghiệp nhà,
Hiềm một nỗi vô hậu ai là kế-dại.
Lòng bằng quyết giữ làm việc phải,

Mong ngày sau chẳng dứt lửa hương,
Thiên-tùng nhân-nguyên cũng thường!

Tân-xuân tứ-sự

(năm canh-ngọ 1930)

Ngày tháng xây văn xuân mới đến,
Sáu tám lần quen mặt chùa xuân;
Đội trời đạp đất ở trong trần,
Lòng những thích làm điều âm-chất;
Vạn lý giang-sơn đỏ xuất sắc;
Nhứt ban phong-nguyệt tận sinh hương.
Ngâm thể-tình trong lúc rảnh-rang,
Hậu cũng lắm mà bạc thì cũng quá,
Hóa-công còn chưa vừa lòng thiên-hạ,
Thôi, hơi dầu chác lấy sự đời.
Diễn-viên vui thú thanh-thời!

THIỆN-TRƯỜNG (Hà-tiên)

MỘT BÀI DIỄN-THUYẾT QUAN-TRỌNG (1)

Quan Toàn-quyền Pasquier lược-thuật tình-hình chính-trị
Đông-dương và tuyên-bố phương-châm cải cách

Các Ngài,

Trước Đại-hội-nghị Tài-chính kinh-tế, bản-chức đã bày tỏ các vấn-đề Đông-Pháp; lại chỉ cái cách Chính-phủ Thuộc-địa định giải-quyết các vấn-đề ấy thế nào. Bản-chức thay mặt cho Đại-Pháp, tuyên-bố trước hội-nghị như vậy, là nay cũng như xưa, muốn lấy thực-sự mà chứng-rõ cho ai nấy biết rằng cái chính-sách của Nhà-nước thủy-chung vẫn như nhất, và từ đời các Thày-quân-đô-đốc cai-trị xứ Nam-kỳ đến giờ, không hề sai cái mục-dích

đã định, trước sau vẫn giữ được trọn cái tinh-thần của nội giống ta, phàm ngọn cờ ba sắc đi đến đâu là đều tiêu-biểu cho cái chủ-nghĩa công-chính nhân-dạo vậy. Chính-sách này là đối với 20 triệu người dân bản-xứ, gần đây am-hiểu việc Thái-Tây, mà nảy ra những tình-ý cùng lòng dục-vọng có thể thay đổi cả cái nền xã-hội cũ; chính-sách này là phải giúp cho các dân-tộc, chủng-loại tính-sách khác nhau, cũng được tiến-hóa đều nhau, để gây lấy cuộc đồng-tâm hiệp-lực trong toàn-thể Đông-Pháp

(1) Dịch bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền Pasquier, đọc ở trước Hội-tổng Chính-paù hợp tại phủ Toàn-quyền ngày 28 Octobre 1930.

và củng cố cho cái chủ-quyền Đại-Pháp được lâu-dài bền-chặt vậy.

Ấy công-trình như vậy, nay ta đã làm được đến đâu? đã từng gặp những cái trở-lực gì? đó là những điều tôi định nói chuyện với các ngài bữa nay. Tôi sẽ bày tỏ hết ý-kiến của tôi về tình-hình chính-trị bây giờ, và chắc rằng đương giữa cơ-hội ngày nay, những lời tuyên-bố ở đây sẽ có ảnh-hưởng sâu-xa ra ngoài vậy.

Trong khoảng một năm nay, tình-hình chính-trị xứ này bày ra hai cảnh-tượng rõ phản-trái nhau hẳn. Một bên thì người Cao-miên, người Ai-lao, vẫn cứ sinh-hoạt trong cõi thái-bình vô-sự, hoàn-toàn yên-ổn, và có thể đoán chắc sẽ được như thế mãi; một bên thì người An-Nam, xảy ra lắm truyện quan-trọng, tiếng vang đưa truyền mãi sang tận Pháp. Hai cái cảnh-tượng trái nhau đó, không phải là không đáng chú-ý. Xem đó thì biết rằng người Miên người Lào, dân-tình hòa-thuận, một lòng mến cuộc trị-an, tôn quyền Đại-Pháp; nhưng xem đó lại biết rằng về phần dân An-Nam, có xuất-hiện ra những việc biến-động, tuy chỉ thuộc về một bộ-phận trong cõi Đông-Pháp mà thôi, thế mà ở Pháp cũng ở nơi khác, thiên-hạ phao-truyền đi, gọi là « cuộc biến-động bên Đông-dương », dường như cả bán-đảo Đông-dương đương nổi loạn vậy. Thực ra chỉ có mấy phần-tử trong xã-hội Việt-Nam đương qua một thời-kỳ cuồng-động, tuy cũng là một cái bệnh nguy-hiểm thật, nhưng sự biến-động phát ra thì liền có sự phản-động chế lại ngay.

Bởi thế nên về phần bản-chức cũng vậy, về phần các quan thủ-hiến các xứ cũng vậy, và về phần cả toàn-thể dân Tây ở đây cũng vậy, — dân Tây trước sau thật đã tỏ ra nghiêm-ngập can-dảm, bản-chức có lời khen, — không hề ai sợ rằng những sự bạo-động xảy ra đó là đủ tỏa-chiết được cái sức

mạnh của ta cùng phương-hại đến cái chủ-quyền của ta vậy.

Việc xảy ra thế nào, các ngài đã biết cả. Trong các việc bạo-động, kịch-liệt nhất là việc loạn quân ở Yên-báy. Quan Thống-sứ Bắc-kỳ Robin đã mạnh-bạo quả-quyết trừ được ngay, cho khỏi lan ra các tỉnh trung-châu, là cái đất dễ truyền-nhiễm lắm. Cách trừng-trị đã có công-hiệu, từ bấy đến nay, ở Bắc-kỳ không có xảy ra việc biến-động gì to nữa, và phái bạo-động, đặt tên là Việt-Nam quốc-dân đảng, chẳng qua cũng là phóng chép lại Quốc-dân đảng của Tàu, phần nhiều chỉ có những bọn giả học-sinh, những tay cuồng-mạo-muốn cầu danh-dự hão, hiện nay đã tan-tác cả rồi. Bây giờ chỉ còn dăm ba kẻ, lẫn lút ở ngoài bờ-cõi hay trốn-tránh ở ngay trong xứ, và đã nhường chỗ cho bọn chủ-động về Cộng-sản rồi. Bọn Cộng-sản này giả-danh chủ-nghĩa quốc-gia để truyền ngấm vào trong nước, nay đã bỏ cái mặt nạ ấy đi rồi mà công-nhiên xuất đầu lộ diện. Ở Bắc-kỳ thì sợ trừng-trị nghiêm mà không cò-động được mấy, nhưng ở Nam-kỳ và ở phía bắc Trung-kỳ thì đã gây được ra mấy nơi trung-tâm phiến-loạn. Thấy đồng-thời phát-hiện ra nhiều nơi thì đủ biết rằng chúng đã có chương-trình nhất-dịnh và có tay chủ-trương thống-nhất. Việc phiến-động đó cũng đồng một tinh-cách như việc xảy ra ở Nam-dương-quần-đảo vào khoảng bốn năm trước vậy.

Các ngài cũng biết rằng các hội-nghe của đảng cộng-sản đã quyết-nghe rằng muốn cho đảng Đệ-tam Quốc-tế được toàn-thắng trong thế-giới thì phải phá các Liệt-cường Âu-Tây, mà phá ở nơi thuộc-địa của các nước ấy cho dễ hơn. Xứ Đông-dương ta ở giữa cõi Á-Đông này, là một nơi tứ-phía đều có kẻ ngấm mưu phá-hoại cả, không thể tránh khỏi sự truyền-nhiễm được.

Ta cũng nên biết qua cái cách của phái cách-mệnh sắc đỏ kia đã khuyến-dụ và huấn-luyện các đồ-dệ ở Đông-dương này thế nào. Trong nước vẫn có những tay phản-đối ngầm, phần nhiều là người Nghệ-Tĩnh, — điều này nên chú-ý, — trốn sang Tàu, hợp với đảng cách - mệnh An-Nam đã xuất - dương từ năm trước, hồi 1924 lập ra ở tỉnh-thành Quảng - đông một đảng đặt tên là «Việt-Nam thanh-niên cách-mệnh đảng», cái thủ-đoạn thứ nhất của đảng này là việc mua ám-sát quan Toàn - quyền MERLIN ở Quảng-đông. Đảng - viên phần nhiều là người phía bắc Trung - kỳ, do người Nga huấn - luyện ở bên Tàu, có khi sang tận Moscow nữa, rồi sau vào đảng Cộng-sản hỡi. Bọn này thành tay chủ-động trong đảng, bắt đầu phát truyền-đơn ở khắp Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ, càng ngày càng có vẻ hoạt-động. Các chi-bộ trong nước bấy giờ mới họp lại làm một đảng lớn gọi là Đông-dương Cộng-sản đảng, bắt đầu từ tháng 3 năm 1930, đứng chủ-trương cả việc tuyên-truyền cổ - động trong nước. Không đầy một năm, đảng đã thành hình, có kỷ-luật cho các tay chủ-động phải theo, bấy giờ mới gây ra những cuộc bãi-công, đình lập ra các Nông-hội, Công-hội, Thanh - niên-hội khắp mọi nơi. Những tay chủ-trương đích là những tay cách - mệnh trước kia vẫn đã thuộc các hội-đảng phản-đối Đại-Pháp và khi khởi ra cuộc bạo-động thì lấy ngay những vùng quê nhà làm trung-tâm điểm, như Trung - kỳ thì vùng Nghệ-Tĩnh, Nam-kỳ thì vùng Sa - đéc, ở đây chắc là dự được đồ-đảng dễ.

Hoặc-giả hỏi rằng : làm sao những bọn ấy ở ngoài về mà không bị bắt. Xin trả lời rằng : Đường địa-giới cõi Đông-Pháp dài tới mấy nghìn cây số, vừa đường thủy vừa đường bộ, không thể nào mà canh-phòng cả các nơi quan-ải

cho khỏi có kẻ tình-nghĩ đi lại được. Vả lại bọn cộng-sản hay là những kẻ tự-xưng là cộng-sản, không phải là hết thấy ở ngoài về cả. Xem như việc xảy ra ở Nam-kỳ thì biết rằng cái phong-trào cộng-sản, nhiều khi cũng dờ có cái phong-vị còn-dở nữa. Bao nhiêu những kẻ đầu trộm đuôi cướp cũng mượn cái hiệu cờ cộng-sản để mà làm sự cướp-lược giết người, tưởng rằng nấp dưới bóng cờ đó thì không phải tội chăng. Bởi thế nên tráo-trộn vào trong đám công-chúng thật-thà ngu-dại, nghe lời khuyên - dụ tưởng rằng cứ nổi loạn lên là khỏi phải đóng thuế nữa và được chia đều ruộng đất.

Nhiều khi những kẻ trộm cướp đó là ăn công của đảng cách-mệnh để đi khuyến-dụ người ta.

Hiện đã bắt được những giấy thông-tư của tổng-bộ cộng-sản gửi cho các chi-bộ các tỉnh. Xem đó thì biết chúng dùng cái phương-pháp về tâm-lý-học chỉ cần đến mấy kẻ liều - lĩnh để làm tay cò-dộng trong mấy giờ đồng-hồ có thể cò - hoặc dân - chúng mà làm cho một làng xóm đương yên-ôn thành ra nổi loạn lên được. Chúng thuận dùng cái phương - pháp đó ở miền Nghệ-Lĩnh, là nơi có nhiều những nhà quốc-sự-phạm cũ, mới gây ra cái tình-hình mà Chính-phủ đương phải đối-phó bây giờ. Trong ba hạt công-nhiên phản-đối quan-quyền, thì quan Khâm-sứ LE FOI cùng với Nam-triều hệp-lực, mà bản - chức chủ-ý, đã quyết định các kế-hoạch đối-phó : cả vùng phản-nghịch, đều cho quân lính đóng khắp, những kẻ chủ - động bị truy - nã, và quan-lại địa-phương thì ra sức hiền - dụ cho nhân - dân qui-thuận, dân sở-dĩ theo đảng nghịch, chẳng qua chỉ vì sợ-hãi mà thôi. Dù khó-khăn thế nào mặc lòng, quyết là sẽ trị được hẳn và dẹp được yên. Hiện nay đã có những đội tinh-binh trong ngạch quân thuộc-dịa cho đến

đóng ở đây, tức là cái chứng-cớ rằng thể nào cũng sẽ đẹp được xong. Nhân đây bản-chức xin tỏ với quan Tổng-thống - quân - vụ BILLOTTE rằng bản-chức có lòng tin cậy ở ngạch quân thuộc-dịa hết sức giúp Chính - phủ trong hồi này.

Quan-quyền có trách-nhiệm về việc trị-an, thể nào cũng đẹp được yên bọn phiến-loạn. Cuộc chiến-dấu với đảng Cộng-sản Việt-Nam là quyết-chiến cho đến khi nào tiết hẳn mới thôi; những kẻ đã nở lòng phá-hoại cuộc làm ăn yên - ổn trong xứ mình, không thể nào còn dung được nữa.

Vả cái trách-nhiệm của chính-phủ trong cơ - hội này, chẳng qua là cái trách-nhiệm vệ-sinh về chính-trị (*hygiène politique*) mà thôi; còn thời đối với cái độc cộng - sản, thì tự xã-hội Việt-Nam sẽ phản-động lại mà bài trừ đi. Sau các vệc biến-động ở Yên-bái, ở Nam-kỳ cùng phía bắc Trung - kỳ, xã-hội Việt-Nam đã tỏ ra có sức mạnh chống lại được. Xã-hội Việt-Nam vừa không dung cái chủ-nghĩa cách-mệnh của phái quốc - gia, vừa không dung cái chủ-nghĩa phá-hoại của đảng cộng-sản. Như bọn thợ-thuyền, bị rủ rê mà bãi-công, hễ xa cách kẻ khuyến-dụ thì tỉnh-ngộ ngay mà biết rằng cứ chịu khó làm-lụng còn hay hơn. Bọn dân quê thì dễ cò-hoặc hơn, dễ mắc cái chủ-nghĩa thần-bí của các đảng các phái ngấm, hiện ở Nam - kỳ nhiều nhất. Xem như đạo Cao - đài truyền bá mau như thế, thì đủ biết rằng những kẻ mê - tín cái đạo mới đó thường bị lợi - dụng về phương diện khác mà không biết.

Nhưng cái «đạo cộng-sản» kia, thì chẳng sợ dân An-Nam có lòng mê-tín như thế được. Dù ai nói thể nào mặc lòng, chứ cái bần-tính dân An-Nam vẫn là biết trọng kỷ - cương luân-lý. Dù người cu-ly bần-tiền, cũng biết cái nghĩa kỷ-vật là gì, cũng có cái lòng

hi-vọng chất-chiu, mong rằng có ngày cũng có một chút tài - sản riêng của mình. Chốn dân - thôn là nơi sinh-trưởng, tức là hợp những lợi-quyền riêng của cá-nhân mà thành ra, chứ không phải là hỗn-hợp cả tài-sản của mọi người để hi-sinh cho một cái đoán-thể trong lý-tưởng vậy. Đối với một cái chủ - nghĩa muốn làm cho người ta đoạn-tuyệt quan-hệ cả với những cái xưa nay vẫn thiết-tha mong-mỏi thì cố - nhiên là người An-Nam không khi nào chịu theo vậy. Ta lại không nên quên rằng xã-hội Việt-Nam là căn-cứ ở cái luân-lý thực - tiễn của đạo Khổng; cổ-lai vẫn lấy sự thực-tế làm căn - bản, dù thuộc về cõi tinh-thần, cũng vẫn ham sự thực. Một cái lý-tưởng huyền-hoặc như chủ - nghĩa cộng - sản, chỉ có thể lướt qua mà không thấm nhập vào trong xã-hội này được, dù hiện nay thấy những chuyện mê-hoặc trong công-chúng, nhất là ở đám phụ - nữ, bọn thanh - niên, cũng chẳng hề gì. Lũ này cho chuyện cộng-sản là một chuyện kỳ - ngộ phiêu-lưu, cũng muốn tấp - tễnh ra đóng vai chủ-động. Chúng ta đã có cách đàn-áp cho lũ đó phải quay về đường chính

Cái danh-dự của chúng ta ở xứ này là phải hộ-vệ cho cái nghĩa đại-đồng trong tư-tưởng Thái-Tây! Ta đem tư-tưởng Tây - phương sang đây để cho nhờ cái ánh sáng đó mà tư-tưởng Đông-phương được mạnh - mẽ thanh-cao thêm lên, chứ không phải là để cho gây ra mối hiềm-thù mà thành ra hủy-hoại đi vậy. Nhờ có Đại-Pháp mà xứ này được thái-bình, cuộc thái-bình đó sẽ là một cái hành-quách vững-vàng, không những để hộ-vệ cho văn-hóa Tây-phương, mà để hộ-vệ cho cả cổ-diễn Nam-Việt nữa.

Các ngài,

Khi tới Sài-gòn trọng-nhậm chức Toàn-quyền Đông-Pháp, bản-chức đã

tổ cái ý quyết-dịnh ở đây hai năm để nghiên-cứu các vấn-đề phải giải-quyết, rồi sẽ về Pháp để cùng chính-phủ mẫu-quốc định các kế-hoạch giải-quyết. Tuy vì sự biến-động mà không được bình-tâm nghiên-cứu như lòng sở-nguyện, nhưng có lẽ vì thời-cực mà sự quan-sát lại được thâm-trầm hơn, kết-quả đến tru-tĩnh ra được một cái chương-trình (bản-chức) thích-hợp ngay với sự yếu-cần cùng lòng nguyện-vọng của dân Đông-dương về đường kinh-tế, xã-hội và chính-trị. Trong bài diễn-thuyết của bản-chức ở Đại-hội-ng nghị đã nói qua về đại-cương cái chương-trình ấy. Giá trong khoảng hai năm nay không gặp nhiều sự khó-khăn làm cản-trở cái ý muốn của ta, như : các việc khai-khẩn của người Pháp bị đình-dốn cả, mùa-màng khiếm-khuyết, hiện nay nhiều nơi còn chưa phục-hồi lại được, lại những việc biến-động về chính-trị làm cho cuộc sinh hoạt trong dân-gian cùng các sự mâu-dịch về kinh-tế, nhiều nơi bị đình-trệ cả, nếu không gặp những nông-nỗi đó, thì cái chương-trình kia có lẽ đã thi-hành được một phần to rồi. Tuy vậy bản-chức vẫn đinh-ninh rằng chính-phủ bản-xứ thủy-chung vẫn hết lòng làm việc, không bao giờ có phản-ván do-dự một chút nào.

Đối với việc biến-động gần đây, thiên-hạ phán-đoán thường hay mơ-hồ, có kẻ cho là tại người dân bị ngược-đãi, tại chúng ta ăn ở với dân bạc-tình, cho nên dân uất-phẫn mà làm ra như thế. Bản-chức dám quyết những lời đó là lời không-ngôn nguy-hiểm. Bản-chức đã tham dự vào cuộc sinh-hoạt đất Đông-dương này hơn 30 năm nay ; trước khi lĩnh chức Toàn-quyền, bản-chức đã giúp việc cho nhiều quan Toàn-quyền khác ; bản-chức còn nhớ hiên hiên trong trí cái tình-trạng nước Nam đời xưa thế nào ; và lại mục-kích trông thấy những sự biến-đổi sâu-xa

từ trước đến giờ thế nào. Vậy tưởng cũng có tư-cách khám-phá được cái chân-tướng của xứ này. Những việc xảy ra làm cho ta ngao-ngán và khiến ta phải ra tay trừu-đạo - trị ngày nay, không phải là việc tự - nhiên xảy ra, không phải là bởi không biết những sự lợi-bại trong dân - gian, không nghe những lời yêu-cầu của dân-chúng mà sinh ra đâu. Những kẻ thù chung của chúng ta nó muốn cho người Pháp với người bản địa cách-trở nhau bằng cái vực sâu, chứ thực ra thì cái vực sâu ấy tuyệt-nhiên không có. Chính-phủ Pháp không phải đợi xảy ra việc biến-động mới để ý xem-xét đến cái tình-trạng các dân Đông-Pháp mỗi ngày thay đổi thế nào. Cứ xem ngay sự nghiệp các quan Toàn-quyền đã trọng-nhậm trước bản-chức ở đây, đã thực-hành được nhiều việc lợi - ích cho nhân-dân, thỏa-thiệp được dân-vọng thì đủ biết vậy. Như các việc học-chính, việc y-tế, việc cứu-tế trong xã-hội, đã mở-mang to-tát biết dường nào. Vấn-đề gì cũng đã đề-cấp đến cả, hoặc chưa giải-quyết được hoàn-toàn, là vì không thể vượt qua được thời-giờ, tình-thế, cùng những nỗi khó khăn trong việc điều-dinh chăm - chước. Thuộc về những vấn - đề bản - chức thường để ý lo-nghĩ đến luôn, thì ý kiến đã tuyên-bố trong bài diễn-thuyết ở Đại-hội-ng nghị rồi, nay chỉ xin nói rõ ra để cho khỏi ai ngộ nhận về cái mục-dịch của Chính-phủ, muốn nhất-thiết làm cho có phương-pháp và được thận-trọng, không thiên về những lối ó-mị công - chúng cũng không thiên về những cách cai-trị quá cũ.

Ngày nay các sở khẩn ruộng, sở khai mỏ lớn, các nhà máy, các công-xưởng mỗi ngày một nhiều, các xưởng công-chính to dùng nhiều người làm, tự-nhiên phải tập-hợp kẻ thợ-thuyền lao - động lại một nơi, nhân đó mà những cái hiện-tượng thuộc về sự tập-

hợp nhân-công cũng đồng-thời sinh-xuất ra mau lắm. Chính-phủ Thuộc-địa không đợi xảy ra những sự xung-dột kịch-liệt trong khoảng chủ với thợ, mà đã lo-liệu tuyên-bố những thề-lệ để dự-bị biến-tập ra một bộ luật hoàn-toàn về lao-dộng. Tổng cục Thanh-tra Lao-dộng lập ra đã mấy năm nay rồi, và từ bấy đến nay đã đặt ra nhiều thề-lệ để định cách mộ nhân-công cho các sở khai-khẩn lớn, để bênh-vực cho quyền-lợi kẻ thợ-thuyền về đường tinh-thần cùng vật-chất, và mới đây lại định phương-pháp trọng-lại để phân-xử những việc phân-tranh chủ với thợ, hoặc thuộc về từng người, hoặc thuộc về nhiều người. Hoặc có kẻ cho là cứ đem cả thề-lệ lao-dộng ở mẫu-quốc mà thi-hành ở đây thì tiện hơn. Cái lối đem luật-lệ bên mẫu-quốc mà chuyển sang để thi-hành thẳng ngay ở thuộc-địa, đã từng thí-nghiệm nhiều lần không thấy lợi, cho nên Chính-phủ Thuộc-địa muốn dùng một phương-pháp khác có lẽ chậm hơn, nhưng có hiệu-quả hơn, để đặt ra một bộ luật lao-dộng thật là thích-hợp với sự yếu-cần chân-chính của cái hoàn-cảnh Đông-Pháp này, và đối với chủ-nghĩa nhân-dạo có thể sánh với luật lao-dộng của các nước không kém gì. Việc này, quan Toàn-quyền trước đã khởi-sáng ra. Bản-chức lấy làm một cái trách-nhiệm danh-dự mà tiếp theo cho hoàn-thành, xin trình-trọng tuyên-bố ở đây rằng sẽ hết sức làm vậy. Các giai-cấp lao-dộng trong bản-xứ chắc sẽ biết thề cái ý đó. Các thề-lệ lao-dộng đặt ra để bênh-vực cho bọn họ càng khuếch-trương ra bao nhiêu, thì họ càng được hưởng sự lợi-ích bấy nhiêu, và họ cũng đủ trí khôn ngoan mà hiểu rằng sự lợi-ích đó mới là thực, chứ cái cội cực-lạc của đảng cộng-sản vẽ-với ra kia là chuyện hảo-huynh cả.

Bản-chức cũng lại chú-trọng về sự giải-quyết các vấn-đề xã-hội có quan-

hệ đến kẻ nông-dân là phần đông người ở xứ này, thường phải chịu cái thối-phận khất-khe trong trường nông-nghiệp. Chính-phủ Thuộc-địa đối với hạng này chủ bốn cái mục-dích như sau :

1° Định quyền sở-hữu của cá-nhân cho chắc-chắn mà đặt dần ra một cái chế-độ điền-thổ cho hợp-cách, khiến cho văn-tự văn-khế được đích-thực, có thể ký mà vay tiền các nhà ngân-hàng cho nhẹ lãi. Ở Nam-kỳ hiện đương thi-hành luật-lệ về điền-thổ đổi mới cả. Ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ thì việc trước-bạ điền-thổ, đặt ra các sở địa-bạ cùng với việc đạc-diễn từng khu, hiện đương tiến-hành.

2° Nơi nào có thể làm cho đất được sinh-sản thêm lên và thêm được cái nguồn lợi cho dân bằng cách dẫn-thủy nhập-diễn, thì sẽ làm hết, hiện cái chương-trình dẫn-thủy đã thi-hành được một phần lớn; còn về phần sở Nông-chính thì đương thí-nghiệm để sửa đổi lại các cách trồng-trọt, theo những phương-pháp của khoa Nông-học mới phát-minh. Về phương-diện đó, đương gắng sức làm to-tát lắm, các nhà nông bản-xứ cũng đã biết vậy.

3° Giúp cho cái thân-phận những kẻ tiểu-diễn-chủ là tám phần mười trong dân An-Nam được khá hơn lên, định đặt ra khắp mọi nơi những sở nông-nghiệp-ngân-hàng riêng cho hạng đó. Cái chế-độ Nông-nghiệp-ngân-hàng đặt ra đã ba năm nay, hiện đã có kết-quả. Việc tấn-tới đều và mau lắm. Hiện nay đương trù-tính thêm vốn cho mở rộng ra nữa.

4° Giúp cho phần nhiều những người « vô điền-địa » lên bậc tiểu-diễn-chủ, định ban-cấp cho ruộng đất ở các miền khoáng - đã về phía tây và phía nam Nam-kỳ hiện còn mênh-mông bát-ngát, chưa khai-khẩn đến, cùng ở miền sơn-lâm Trung-kỳ Bắc-kỳ nữa.

Gần đây thường nghe thấy thiên-hạ nói đến cái tình cảnh eo-hẹp của bọn tá-diễn ở Nam-kỳ, là những hạng lính canh những ruộng đất của các chủ ruộng lớn mà cấy rẽ. Hoặc-giả cho rằng ở Nam-kỳ có nhiều sở điền-địa lớn, do kẻ làm thuê cấy vườn khai-khẩn, thực là một hạng lao-động về nông - nghiệp, đó tức là một nguyên-nhân trong cái tình - trạng biến-động ngày nay, có thể sánh với những cuộc « nông-biến » về cuối thế-kỷ trước ở Ai-nhĩ-lan và ở Anh cát-lợi. Trong những cuộc biến-tình cộng-sản mấy tháng gần đây, bọn tá-diễn đó cũng có tham-dự vào, thật có như thế. Lại bọn nông - dân này thường bị chủ ruộng lợi-dụng quá-đáng, điều này cũng có.

Tuy-nhiên cũng không nên nói quá. Cái chế - độ phong - kiến về ruộng đất của các đại-diễn - chủ Anh với cái chế - độ lính - canh ở Nam - kỳ, không thể đem so-sánh với nhau được. Ở xứ này, không có cái quyền con trưởng được hưởng cả tài-sản của cha mẹ. Tài-sản di-truyền lại thì lại phải chia ra, thành ra những sở điền-địa lớn ở trong tay một người chẳng bao lâu mà phân liệt ra ngay. Người An-Nam thường nhiều con, con nào cũng được phần gia - tài, gia-tài tự nhiên phải phân-liệt. Cứ lẽ tất-nhiên, chế-độ điền-thổ phải khuynh - hướng về mặt trung-sản-nghiep và tiểu-sản-nghiep.

Hiện nay chính-phủ đương thống-kế về điền-thổ sẽ có đủ tài-liệu mà phán-đoán cho đích-đáng.

Tuy-nhiên Nhà-nước cũng nên can-thiệp vào mà đặt ra luật-lệ định các cách-thức dinh-lập cùng thi-hành các khế-uớc lĩnh-canh cấy rẽ thế nào cho được lợi cả hai bên. Hạng tá-diễn cũng đáng Chính-phủ ân - cần đến như các hạng làm công khác trong nước. Tuy-nhiên cũng phải bênh - vực cho các điền - chủ đối với những kẻ tá-diễn

man-trá, vay tiền trước của chủ mà đến mùa không trả đồng nào. Lại cũng phải biết rằng bọn tá-diễn đó mỗi năm chỉ làm việc có mấy tháng, còn thì ăn đứng ngồi rồi, thường hay đam-mê cờ - bạc. Bản - chức một lòng tin cậy ở quan Thống - đốc Nam - kỳ ngài đương nghiên - cứu việc đó, sẽ bàn cách giải-quyết thế nào cho được thỏa-thuận mọi điều.

Ấy cái chính - sách đối với đông-dân của bản-chức định thi-hành, đại-đề tóm-lắt như vậy.

Luật-lệ Đông - Pháp phải làm sao đảm-bảo cho mỗi người được tự - do hưởng cái quyền sở-hữu riêng, và mỗi người có quyền sở-hữu thì được thông-dong mà hưởng-dụng cái phần gia-tài của ông cha để lại hay những tài sản tự công mình làm ra.

Hiện nay ở các xứ dân Nam-Việt có một vấn-đề xã-hội, bản-chức cho là quan - trọng nhất và lại có hứng-thú nhất, là vấn - đề giáo - dục kẻ thanh-niên. Hiện Chính-phủ đã gắng sức lập thêm ra nhiều trường lẫn. Hàng trăm hàng nghìn các giáo-viên bản-xứ, dạy học theo chương-trình Nhà-nước, lấy khóa-học Thái-tây làm gốc. Nay xét ra những thanh - niên ở các trường ấy ra thường dễ làm tai nghe những kẻ truyền-bá các chủ-nghĩa phiến-động, điều đó có hiển-nhiên như thế. Hoặc-giả nói sự học-sinh ngộ-nghịch thì nước nào chả có, đời Trung-cổ kia, ở nước Pháp cũng có chuyện học - trò đánh-đập lộn canh, cùng làm thơ giễu-cợt các quan Thượng - thư của nhà vua. Vẫn biết rằng tuổi trẻ hay hung-hăng xốc - lắc, đối với những cách cử-dộng bậy - bạ của các cậu học-sinh ta muốn tập - tễnh làm chính-trị nên rộng lòng khoan-dung, vì họ lớn tuổi lên rồi sẽ khôn biết ra, không ngại gì. Tuy - nhiên nghe thấy cha mẹ học - trò phàn-nàn rằng con-cái

lêu-lồng, thì thực cũng đáng phiền thay. Chữ hiếu-thảo bây giờ thành ra một chữ không có nghĩa nữa. Sự nguy-biến về tinh-thần trong bọn thanh-niên đó, cái nguyên-nhân xa-xôi của nó là ở như cái tính kẻ thanh-niên sớm tự-cao tự-dại, nóng-nảy muốn tỏ ra là mình tài giỏi hơn những kẻ ở quanh mình, tài giỏi hơn bậc tiền-bối, tài giỏi hơn cả những đồng-bào mình không được hấp-thụ cái học-vấn phương Tây.

Lấy cớ rằng mình là kẻ duy-tân lạc-lối, tự đặt mình ra ngoài phạm-vi gia-đình, không chịu nghe lời phụ-huynh nữa, chữa qua tuổi thanh-dòng, đã làm ra mặt độc-lập, không phục-lòng ai.

Lấy cớ là phụng-sự cái chủ-nghĩa quốc-gia thuần-túy, làm ra mặt căm giận phản-đối Chính-phủ cùng các quan-quyền trong nước.

Cái thái-độ đó là cái thái-độ những kẻ loạn tinh-thần. Lòng ái-quốc không khác gì lòng yêu-mến gia-đình, vì quốc-gia chẳng qua là một cái gia-đình lớn. Kẻ nào đã phá bỏ cái trật-tự cùng cái đoàn-thể của gia-đình; thì tất cũng không nhìn-nhận gì đến trật-tự cùng đoàn-thể của quốc-gia nữa, lẽ đó thật là rõ-ràng. Kẻ nào hỗn-hào ở trong nhà, thì sau này cũng làm loạn cả trong nước. Lũ thiếu-niên khờ dại kia, nếu thực biết yêu nước mà không phải chỉ yêu cái thân mình, thì tất phải mừng trông thấy nước nhà đã tiến-bộ, trông thấy quốc-gia Nam-Việt, nhờ Đại-Pháp bảo-hộ, được hưởng thái-bình cứ tuần-tự mà tiến-hóa, chắc có ngày sẽ tới một cái trình-độ cao hơn. Nếu thực biết yêu nước thì sẽ thành-thực đem cái sức hăng-hái của mình mà giúp cho sự tiến-hóa đó. Sẽ một lòng tin cậy ở tương-lai, mà không có hoài cái tuổi thanh-xuân quý báu để mà than-khóc những sự đau-khổ không đâu.

Đối với cái bệnh đó, có phương thuốc nào chữa được không? Bản-chức tưởng rằng có, nên sẽ hết sức trù-tính cùng với các quan thủ-hiến các xứ và quan học-chính tổng-trưởng THALAMAS là một tay giúp việc cao-kiến của bản-chức, đã từng nhiều lần tỏ ra am-hiễn các vấn-đề Đông-Pháp lắm.

Các việc cải-cách sau này sẽ định theo một cái chủ-ý chấn-chỉnh lại sự giáo-dục các lớp thanh-niên Nam-Việt về đường công-đức và về đường tư-đức, như định đặt lại một Bộ Học thuộc chính-phủ Nam-triều, để giám-đốc sự phổ thông giáo-dục, sửa đổi lại các thể-lệ khảo-hạch về sơ-học cùng các chương-trình học về khoa lịch-sử luân-lý. Việc cải-cách đó sẽ tuần-tự mà tiến-hành; tự-trung phải cải-chỉnh nhiều điều, nay không thể kể ra đây được. Miễn là tuyên-bố rõ cái tôn-chỉ, cái mục đích như thế cũng đủ hiểu vậy.

Bản-chức không muốn lưu-ý các ngài lâu quá nên không cần phải tường-thuyết cái chương-trình định thi-hành thuộc về các vấn-đề xã-hội lớn trong đoàn-thể Việt-Nam. Những vấn-đề ấy đối với các đoàn-thể Cao-miên Ai-lao chưa cần-cấp bằng. Bởi thế nên năm nay bản-chức không nói đến những việc thuộc về các xứ đó. Các xứ đó cũng biết rằng Chính-phủ Bảo-hộ trước sau vẫn một lòng ân-cần. Vậy nay chỉ còn phải thuyết-minh về các vấn-đề chính-trị ở Đông-dương này.

Thực ra thì những vấn-đề ấy chỉ quan-hệ đến hai xứ bảo-hộ Trung-Bắc-kỳ mà thôi. Cao-miên Ai-lao thì thái bình vô sự lắm, cứ ung-dang mà sinh-hoạt ở trong cuộc liên-bang Đông-Pháp. Nam-kỳ thì nền chính-trị đã vững-và ng, vì đã có những chế-độ

thích-hợp, tuy cũng có một vài kẻ biến-thuyết xướng lên những lời bình-phẩm huyền-náo, nhưng nhân-dân vẫn không dễ tai nghe; vả lại dân vẫn được tham-dự vào việc công, cử người đại-biểu ở Hội-đồng Quản-hạt cùng các hội-đồng hàng tỉnh. Sau này chúng ta sẽ có dịp nghiên-cứu các phương-pháp để cho người dân Nam-kỳ được rộng quyền bầu-cử hơn, nhưng chưa phải là việc cần đến ngay. Bản-chức nói là mở rộng quyền bầu-cử, nhưng không phải là có ý đặt lệ phổ-thông đầu-phiếu ở xứ này đâu : ai nấy nên hiểu rõ, đừng có ngộ-nhận về điều này.

Đến cái tình-trạng Trung Bắc-kỳ thì lại khác, Nhà nước Bảo-hộ đã đi ra hai con đường khác nhau. Một bên thì muốn giữ cho đúng các tôn-chỉ điều-ước năm 1884, nên vẫn giữ các cơ-quan chính-trị cũ, một bên thì đã cải-cách cho chế-độ phong-tục thích-hợp với đời nay, nhưng đã cải-cách thì khó lòng giữ cho đúng được cái chính-thể cũ. Bởi thế nên hai bên thủ-cự và duy-tân có xung-đột nhau. Tuy-nhiên ta phải làm thế nào để bảo-tồn lấy cái nền-nếp cũ mà giúp ích cho sự tương-lai. Nhờ có tây-học ban-bổ ra trong nước mà người An-Nam đã phát-siêu được các tư-chất thông-minh cùng cái năng-lực điều-hòa : trông thấy những công-cuộc của người Pháp, giao-tiếp với các nhà doanh-nghiệp Pháp, tự-nhiên gây ra một hạng trung-lưu mới, biết đem những học-thức ấy thực-hành ra sự nghiệp, hạng này không những không phản-bội các cổ-diền của nước mình, mà lại muốn tài-bồi cho nó có ý-nghĩa thâm-trầm nữa. Hạng người có tư-tưởng tiến-bộ đó, nay đã tham-dự vào việc nước, đã có chân trong các hội-nghị mà thường đem những lời ôn-hòa bàn-bạc với ta, thường đem những tay

minh-mẫn giúp việc cho ta. Nay nếu chính-thể Trung-Bắc-kỳ mà sửa đổi lại cho được điều-hòa nhất-định, thì hạng trung-lưu đó sẽ được thỏa cái lòng tự-tôn cùng cái lòng ái-quốc của mình. Bản-chức không muốn để cho phái chủ-trì cái thuyết bảo-hộ chân-chính với phái chủ-trì cái thuyết kiêm-tính giả-dối, hai bên phản-đối nhau, gây ra một cuộc phân-tranh phái cũ với phái mới. Về phần bản-chức thì chỉ quyết giữ y như lời ước cũ và thủy-chung tôn-trọng cái chữ ký của nước Pháp. Làm được trọn cái ước cũ, đó chính là cách rất chánh-dáng cho thỏa-thuận được lòng nguyện-vọng của quốc-dân Nam-Việt, giúp cho nước Nam tự-nhận-chân được cái nhân-cách của mình.

Đem cái chủ-quyền nội-trị của nước Nam mà châm-chước với điều-ước năm 1884 cho thích-hợp với tân-thời, đó là cái mục-dịch việc cải-tổ chính-trị cho hai xứ Trung Bắc kỳ vậy (*l'adaptation moderne de la Souveraineté intérieure de l'Annam au traité de 1884, tel doit être le but de la réorganisation politique des deux pays*). Muốn đạt tới cái mục-dịch đó thì phải đổi mới lại cả cách hành-chính của bản-xứ : phải khôi-phục lại quyền quan-trưởng thuộc về mấy bộ-phận mà người Pháp phải thế chân làm thay từ trước đến nay. Thế là Đại-Pháp vẫn tỏ ra bụng-dạ khoan-hồng và ý-kiến rộng-rãi. Đại-Pháp sẽ khôi-phục lại chứ không có làm cho giảm mất đi, và khôi-phục lại theo nền nếp cũ của nước Nam. Nước Nam đã có cái lịch-sử quân-chủ bấy nhiêu lâu, nay không thể là nước không quân-chủ được. Dù đối với những người An-Nam đã có tư-tưởng mới, ngôi quốc-trưởng vẫn phải là một đấng đặc-biệt đề-nổi, đối-phụng-thờ quốc-tổ, tiên-biểu cho

quốc-hồn và đối với thần-dân như cha mẹ đối với con - cái vậy. Đấng quốc-trưởng phải có tôn-nghiêm và phải có oai-quyền. Lòng dân không khi nào chịu theo một cái chính-thể khác cho địa-vị quốc-trưởng cũng đem ra bầu-cử ở giữa đám đảng phái cạnh-tranh vậy. Ngồi-vị quốc-vương không thể phó mặc cho các chính-dảng được, cách nối truyền thể nào phải do thể-lệ trong hoàng-gia quyết-định. Đức Thiệu-quân ngày nay hiện đương du-học bên Pháp tấn-lối lắm, sau này sẽ là ông vua tân-thời thứ nhất của nước Nam. Khi ngài về nước thời sẽ có đủ trí thông-minh mà hiểu rõ cái chức-vụ vừa cao-thượng, vừa nguy-hiểm của mình. Bấy giờ quan thay mặt nước Pháp sẽ là người cố-vấn cho ngài. Tự ngài kén chọn lấy các quan thượng-thư, sửa đổi quan-lại cho hợp thời, sẽ giúp cho chúng ta thi-hành được đúng cái chế-độ bảo-hộ. Bấy giờ sẽ phối-thai ra một nước Nam mới, phò bày ra một cái cảnh-tượng rực-rỡ ở giữa đoàn-thể Đông-Pháp, đoàn-thể này rồi cứ-cánh sẽ là một cuộc liên bang ở dưới quyền thống trị của Đại-Pháp. Bấy giờ thời người dân Đông-Pháp sẽ vừa là công-dân trong nước mình, được

hưởng quyền chính-trị đặc-biệt, lại vừa là công-dân một cuộc liên-bang, nhờ đó mà càng ngày càng được hưởng thêm những sự lợi-ích về đường xã-hội.

Đó là cái tôn-chỉ chính-trị của bản-chức, bản-chức còn đảm-dương cái trọng-trách làm Toàn-quyền Đông-Pháp, thời quyết theo một đường-lối như thế. Bản-chức biết rằng nhiều các quan giúp việc với bản-chức cũng đồng-ý như thế. Bản-chức lại chắc rằng dư-luân trong dân-gian sẽ hoan nghênh những lời tuyên-bố này. Việc đức Bảo-đại về nước sau này, cách thức dự bị thể nào, bản-chức sẽ nay mai cùng với quan Thuộc-địa bộ Thượng-thư định-định. Vì trong mấy tuần lễ nữa bản-chức sẽ đi công-cán về Pháp để điều-định các việc quan-hệ vừa thuật trên kia, xong rồi sẽ tức-thì trở lại đây để thi-hành.

Trong khi bản-chức đi vắng thời chức Toàn-quyền Đông-Pháp sẽ ký-thác ở tay cương-quyết của người bạn bản-chức là quan Thống-sứ ROBIN.

Các ngài, bản-chức xin khai kỳ hội-đồng thường-niên Hội-đồng Chính-phủ năm 1930.



THỜI - ĐÀM

Việc thề-giới

Thề-giới đại-sự-ký

(từ mồng 1 đến 30 tháng 8 năm 1930).

Mồng 1 tháng 8. — Ngày hôm nay suốt trong nước Pháp, đấu đấ binh-tinh cả. Bọn phiến-động cộng-sản hoàn-toàn thất-bại.

Hội-nghị trường Đại-học thành Paris tặng vua ALBERT 1^{er} nước Tỉ-lợi-thi hàm danh-dự bác-sĩ (*docteur honoris causa*).

— Ở Hán-khẩu (Tàu) tuyên - thiết quân-luật.

Mồng 2. — Ở Nîmes (Pháp) mở cuộc hội-nghị của toàn-quốc nghiệp-đoàn (*syndicat national*) các nam-nữ giáo-viên tiểu-học.

— Ở Ấn - độ, ông SAKEL là người thứ ba kể chân ông GANDHI từ khi ông bị bắt, nay cũng bị bắt nốt.

Mồng 3. — Các nghiệp-đoàn về nghề dệt ở phía Bắc nước Pháp, có kết-liên với Tổng - công - hội (C. G. T. = *Confédération générale du Travail*), quyết-nghị tổng-bãi công bắt đầu từ ngày mồng 4.

— Nhân lĩnh-tự đảng quốc-gia PATEL bị bắt, ở Bombay (Ấn-độ) có xảy ra nhiều cuộc biểu-tình.

— Ở Chili (Nam-Mĩ) bắt được những tay chủ - trương một cuộc ám - mưu khuynh-đảo Chính-phủ.

Mồng 4. — Cuộc tổng-bãi-công các thợ nghề dệt ở phía Bắc nước Pháp, chỉ làm được một phần thôi. Thợ cả thấy 10 vạn người, chỉ có 3 vạn 7 nghìn người nghỉ làm. Các chủ xưởng trình với quan quận-trưởng rằng cứ tình-hình nghề dệt bây giờ không thể nào tăng lương cho thợ được.

— Chính - phủ Sô-viết Nga đương quần-bách về tài-chính, hiện mở một cuộc công-thải trong nước, sợ không được kết-quả hoàn-toàn, nên tuyên-bố sẽ nghiêm-trị những kẻ nào cản-trở.

Mồng 5. — Việc thợ bãi-công ở phía Bắc nước Pháp vẫn chưa xong, duy có thợ sắt thì nghe như muốn điều-định, xin quan thủ-tướng TARDIEU làm trọng-tài.

Bộ Ngoại-vụ Pháp đã nhận được hết giấy trả lời của các nước về bản chương-trình Liên-Ấu của ngoại-tướng BRIAND, hiện đương thảo một bức thông-diệp nữa cho liệt-cường.

Hội - nghị các giáo - viên tiểu-học nước Pháp hôm nay bế-mạc.

— Ở Tàu, tướng Ho CHEIN lấy lại được Tráng-sa ở quân Cộng-sản.

— Ở Diến - diện, đảng binh-dân (*parti populiste*) yêu-cầu cho Diến-diện phân-lia với Ấn-độ. Tổng-dốc thành Rangoon cũng biểu ý-kiến như thế, và xin với Phó-vương Ấn-độ cho Diến-diện cũng được phái đại-biêu ra Hội-nghị Londres.

Mồng 6. — Cuộc bãi-công ở phía Bắc nước Pháp vẫn chưa thấy thay-đổi gì. Ở Menin, nhân có thợ ở bên Tỉ-lợi-thi sang làm các xưởng, những thợ bãi-công can - thiệp vào, hai bên xung-dột nhau, nhưng dẹp được ngay.

— Ở Ấn-độ, Chính-phủ thương-thuyết với GANDHI cùng mấy tay lãnh tụ khác, xem ra không có kết-quả. Tại Sukkur có cuộc biểu-tình, cảnh-sát đàn-áp dữ.

Mồng 7. — Về việc thợ dệt bãi-công, hội nghiệp-đoàn về nghề dệt có viết thư cho quan thủ-tướng TARDIEU đề

bày tỏ ý-kiến và xin hợp hội-đồng định cái « tiêu-giả sinh-hoạt » (*coût de la vie*) cho kẻ công-nhân.

— Ở Gia-nã-dại (*Canada*), tòa Nội-các mới về đảng bảo - thủ do ông RICHARD BENNETT làm tổng-lý, mới nhận chức hôm nay.

Mồng 8. — Đảng cộng-sản hết sức cổ-động cho việc thợ bãi-công ở miền Bắc nước Pháp thành cuộc tổng-bãi-công, nhưng xem không thấy có ý lan rộng ra Ở *Saint - Quentin* việc bãi-công của bọn thợ dệt lại có ý lui.

— Chính-phủ Xô-viết Nga đặt một trường Đại-học phản-đối tôn-giáo, gồm cả các cơ - quan đồng một tính-cách đó.

— Chính-phủ Thổ-nhĩ-kỳ mới tìm ra được một hội cộng-sản lớn, hội - sở ở *Constantinople*.

Mồng 9. — Đảng binh - dân Đức tuyên-bố sẽ phản-đối cả các đảng cực-đoan bên tả cùng bên hữu.

— Ở Tàu, Quốc-dân-đảng họp đại-hội-đồng ở Bắc-bình.

Mồng 10. — Nước Đức làm lễ kỷ-niệm thường-niên Hiến-pháp *Weimar* (là hiến-pháp năm 1919 đặt ra chính-thể Dân-chủ ở Đức).

— Ở Ấn-độ học-sĩ (*pandit*) MALAVIYA ở giữa cuộc biểu-tình họp tại *Bombay* diễn-thuyết nói rằng cải-chính - sách bất-tuân pháp-luật cứ thi-hành mãi, dù bị dân-áp-thế nào các tay chủ-động cũng không ngã lòng.

Ngày 11. — Việc thợ bãi-công ở phía Bắc nước Pháp, xem ra đã êm êm, ước chừng ngày 18 lại có thể làm việc như thường được.

— Hội - nghị Hội Vạn-quốc định đến ngày 5 *Septembre* sẽ họp kỳ hội-ng nghị thứ 60, do ông ZUMETTA là đại-biểu nước *Venezuela* làm chủ-tịch.

— Ở Đức, mấy tay lãnh-lụ TREVIRANUS, SACHSENBERGER, và SCHOLZ cùng nhau

thương-thuyết muốn kết-liên ba đảng binh-dân, kinh-tế và bảo - thủ, thành một liên - đoàn để đối-phó với cuộc tổng-tuyển-cử nay mai.

— Chính-phủ Thổ-nhĩ-kỳ gửi cho chính-phủ Ba-tur một bức thư thị-uy cương-quyết về việc người rợ *Kurdes* xâm-phạm sang đất Thổ.

— Ở Nhật-bản tuyên-bố luật cho dân-bà được quyền bầu-cử tự ba-mươi-lăm tuổi.

Ngày 12. — Ở Pháp, Hội-đồng Chính-phủ (*conseil des ministres*) họp tại *Rambouillet* (là trại nghỉ mát của quan Giám - quốc), do quan Giám - quốc DOUMERGUE làm chủ-tịch, đề quyết-nghị các việc cần-cấp, thứ nhất là bàn giảm các khoản chi-tiêu cho được cân sỏ dự-toán năm 1931.

— Chính-phủ *Irak* (là nước Ả-rập ở Tiểu-Á-tế-á, trước thuộc quyền nước Anh giám-trị, nay mới được Anh cho lập-hiến), muốn đặt công-sứ ở *Paris* và *Berlin*. (1)

— Chính-phủ Ba-tur (*Perse*) trả lời bức thư của Thổ - nhĩ-kỳ, nói không chịu trách-nhiệm về việc các rợ khởi-loạn ở đất *Kurdistan*.

— Ở Ấn-độ, người rợ *Afridis* muốn tràn vào thành *Peshaver*, nay đã lui về rồi.

Ngày 13. — Việc thợ bãi - công ở Pháp vẫn chưa xong. Các chủ xưởng dệt viết thư cho quan quận-trưởng sở-tại nói rằng nghề dệt đương qua bước khó-khăn, không thể sao lãng lương cho thợ được, nên không muốn tiếp các đại-biểu của thợ. Thị-trưởng thành *Lille* xin với quan Tổng - trưởng Bộ Lao động PIERRE LAVAL, trừ-tính cách phân-xử đòi bèn.

— Thủ - tướng Đức BRÜNING muốn sửa đổi lại cái chế-độ bầu-cử ở nước Đức, và định tăng tuổi có quyền bầu-cử lên 25 tuổi.

(1) Xem bài nói về nước *Irak* ở trang 307 sau này.

— Ở Thổ-nhĩ-kỳ, FETHY BEY (trước làm đại-sứ Thổ ở Paris, mới từ chức về làm chính-trị) tuyên-bố chương-trình đảng cộng-hòa của ông mới lập để phản-đối chính-sách của thủ-tướng ISMET PACHA.

— Ở Ấn-độ, GANDHI hiện ở tù, thương-thuyết với các lãnh-tụ đảng ôn-hòa.

— Ở Tàu, cuộc bãi-công thợ công-ti xe điện ở Thượng-hải, đã điều-định xong.

Ngày 14. — Thứ-trưởng bộ Thuộc-địa nước pháp, ông ALCIDE DELMONT, dời Paris để đáp tàu đi kinh-lý thuộc-địa Martinique.

— Học-bộ tổng - trưởng Pháp gửi tờ chu-tri cho các học-khu giám-đốc (*recteurs d'Académie*) về việc thi-hành lệ mới miễn tiền học-phí cho học-trò lớp sáu các trường trung-học.

— Các nước ở Nam-Mĩ có gửi thư cho Bí-thư-cục Hội Vạn-quốc xin dành cho các nước ấy ba ghế ở Thăm-phán-viện (*Cour de justice*) La Haye.

— Cuộc công-thải của Chính - phủ Xô-viết mở ở trong địa hạt nước Nga, thu được có 35 phần trăm (35%) số đã định.

Ngày 15. — Ở Lille, hội nghiệp-đoàn các chủ xưởng, đốc-công cùng kỹ-sư về nghề dệt có tổ-chức một cuộc hội-kiến với thợ bãi-công, thì bọn này yêu-cầu bỏ cái tiền thưởng gọi là « thưởng trung-thành » (*prime de fidélité*).

— Ba nước Roumanie, Yougoslavie và Tchecoslovaquie đã thương - thuyết xong để định-định một cái ước đồng-minh về quan-thuế.

— Hội-nghị quốc-tế thứ năm về nghề hàng-không định sẽ họp ở La Haye ngày 5 Septembre này

— Nội-các nước Tahiti từ chức.

— Các tay lãnh-tụ Hội-nghị Đại-ấn-độ (*Congrès panhindou*) lại họp mặt thương-thuyết với GANDHI lần nữa. — Ở Peshavar (Ấn-độ) tuyên đặt quân-luật.

— Ở Tàu, quân Nam-kinh đánh lấy được thành Tế-nam (Tsi-nan-fou).

Ngày 16. — Quan Tổng-trưởng bộ Lao-động Pháp PIERRE LAVAL đã bàn với các chủ xưởng dệt chằm-chước mà các chủ không chịu, nên thợ định cử bãi-công.

— Ở địa-giới Ba-tur với Thổ-nhĩ-kỳ, quân Ba-tur với giặc Thổ đánh nhau một trận quyết-chiến.

— Chính-phủ Nam-kinh tuyên-bố rằng quân Chính-phủ đã đánh lấy được thành Tế-nam, thế là kết-liệu cuộc nội chiến

Ngày 17. — Tướng VON SEECKT là thống-soái ngách cảnh binh nước Đức tuyên-bố sẽ ra ứng cử nghị-viên vào đảng binh-dân kỳ tổng-tuyên-cử sau này.

— Giáo-hoàng PIER XI gửi cho quan Giám-quốc cùng Tổng-tướng PILSUDSKI một bức thông-diệp về dịp lễ kỷ-niệm thập-chu-niên trận quân Ba-lan đại-thắng quân Xô-viết Nga.

Ngày 18. — Số thuế thu - nhập ở nước Pháp trong bốn tháng đầu « năm chi-thu » (*année budgétaire*, mới có luật định « năm chi-thu » bắt đầu từ 1^{er} Avril, vậy bốn tháng đầu là Avril, Mai, juin và juillet), — hơn số dự-toán là 719.153.300 phật-lãng. Nhưng giá hàng-hóa nhập-cảng lại hơn xuất-cảng những 4 777 000 phật-lãng. — Thợ bãi-công tưởng hôm nay về làm cũng được khá, nhưng tính ra không được mấy. Các chủ xưởng thời trước kia khăng khăng không chịu, nay cũng thuận hội-kiến với quan Tổng-trưởng bộ Lao-động, sau khi quan Tổng-trưởng hội kiến với đại-biêu thợ. Quận-hạt hội-nghị (*conseil général*) quận Nord cũng can-thiệp vào việc này.

— Ở Đức, khai cuộc vận-dộng tổng-tuyên-cử. Tướng VON SEECKT diễn-thuyết ở Magdbourg, bác-sĩ WERTH ở Goerlitz, bác sĩ HOEPKER-ASHOFF ở Dusseldorf.

— Quốc-dân-quân Tàu đánh quân Diêm, Phùng được toàn-thắng.

Ngày 19. — Tổng - trưởng bộ Lao-động PIERRE LAVAL thương-thuyết với các đại-biểu chủ, đại-biểu thợ. Hai bên, bên nào cũng giữ vững cái thuyết của mình, không chịu nhượng - bộ. Quan Tổng-trưởng trước khi về Paris có bàn một cái kế-hoạch để điều-đinh. Các chủ xưởng ở *Armentières* bảo cho thợ biết rằng nếu hội-đồng xét về « tiêu-giá sinh-hoạt » (*coût de la vie*) định rằng suất-số giá ấy quá 7,16, thì các chủ sẽ sẵn lòng cải-đinh lại các công thợ.

— Đảng bình - dân bảo - thủ mới (*parti populiste conservateur*) ở Đức, do ông TREVIRANUS chủ-trương, tuyên-bố chương-trình. Định liên-hiệp với đảng bình-dân và đảng kinh-tế để đối - phó về cuộc tổng-tuyên-cử.

— Có lời cải - chính về tin đồn Giáo-hoàng đau nặng.

Ngày 20. — Việc bãi-công nghe chừng xuôi xuôi. Các chủ nhận cái kế - hoạch điều-đinh của quan Tổng - trưởng Bộ Lao-động về vấn - đề cải - định lại các công thợ. Thợ đã bắt đầu đi làm.

— Ở Đức, chủ và thợ các xưởng luyện kim ở *Berlin* xung-đột nhau, điều-đinh không xong, có lẽ phải hoãn - hoãn đến 10 phần trăm người làm công.

Ngày 21. — Việc bãi - công ở *Lille* đã điều - đình xong. Đại - biểu chủ và thợ đã ký giấy chàm-chước theo kế - hoạch của quan Tổng-trưởng Lao-động. Còn ở miền *Roubaix-Tourcoing* thì chủ vẫn chưa chịu, quan Tổng - trưởng còn đương phải thương-thuyết. — Quan Tổng-trưởng bộ Thuộc - địa FRANÇOIS PIÉTRI trình quan Giám - quốc ký sắc-lệnh định cách-thức dùng nhân-công ở thuộc-địa để làm các việc công-ích.

— Bốn nước *Ethiopie*, Pháp, Anh và Ý, ký điều-ước định thế - lệ nhập-cảng các đồ binh-khi.

Ngày 22. — Ở Hung-gia-lợi (*Hongrie*), có đảng bảo - hoàng vận - động cho hoàng-thái-tử Orro sắp đến ngày trưởng-thành, cùng Hoàng - thái - hậu ZITA về nước, định mở cuộc biểu-tình về việc đó, chính-phủ đặt kế - hoạch để ngăn-trở.

Ngày 23. — Việc bãi-công có cơ điều-đinh được. Quan Tổng-trưởng bộ Lao-động bàn khoản tiền đồng-niên thưởng cho thợ trước đặt tên là « tiền thưởng trung-thành » (*prime de fidélité*), nay đổi là tiền thưởng kiên-nhẫn (*prime de stabilité*), lại bàn những khi thợ nghỉ mà có chứng-cớ hẳn-hoai, dù chủ không cho phép, cũng nhận cho là chánh-đáng : các điều đó chủ đã nhượng-bộ mà thuận nhận cả. Duy ở *Armentières* thì thợ vẫn cứ bãi-công.

— Chính-phủ Thổ-nhĩ-kỳ định xin tham-dự vào Hội Vạn-quốc.

— Nội các nước Ba-lan từ chức.

— Tổng-trưởng Bộ Học nước Hi-lạp hạ lệnh cấm con trẻ Hi - lạp không được học các trường tiểu - học dạy bằng tiếng ngoại-quốc.

Ngày 24. — Nước Thổ-nhĩ-kỳ bàn với nước Ba-tư sửa lại đường địa-giới hai nước và sáp-nhập núi *Ararat* vào địa-hạt Thổ.

— Ở thành *Arequipa* (nước *Pérou*, thuộc Nam Mỹ) nổi loạn, lan ra cả nước, Giám-quốc LEGUIA bị đả.

— Diêm Tích-Sơn rút quân ở Bắc-binh và Thiên-tân đi.

Ngày 25. — Ở *Lille*, thợ đã đi làm cả. Ở miền *Roubaix-Tourcoing* thì thợ không chịu nhận những khoản chủ đã ưng rồi, nên vẫn bãi-công. — Ông JEAN BRUHNE là một nhà bác-học trứ-danh nước Pháp, dạy khoa « nhân-loại địa-dư học » (*géographie humaine*) ở Pháp-quốc Học-viện » (*Collège de France*), lại có chân học-sĩ Viện Luân-lý chính-trị học, tạ thế.

— « Ban ủy-nhiệm » (*commission des mandats* ở Hội Vạn-quốc, — là ban xét về việc các cường-quốc chịu ủy-nhiệm của Hội Vạn-quốc cai-trị các xứ, — công-bố tờ báo-cáo bãi - bác cách nước Anh cai-trị xứ *Palestine*.

— Ở Ba-lan lập tòa Nội-các mới, do thống-chế *PILSUDSKI* chủ-trương.

— Ở *Pérou*, đảng khởi-loạn đặc-thắng. Giám-quốc *LEGUIA* phải từ chức và đáp tàu đi *Panama*, ở thủ-đô *Lima* lập một Chính-phủ quân-nhân, do tướng *SARMIENTO* chủ-trương.

Ngày 26. — Thợ ở miền *Armentières* quyết-định bãi-công cho kỳ-cùng. Miền *Roubaix-Tourcoing* thời đã thấy nhiều thợ đi làm.

— « Ban ủy-nhiệm » Hội Vạn-quốc khen cách cai-trị nước Pháp ở *Syrie*.

— Ở *Pérou*, Chính-phủ mới đã thành-lập, tướng *PONCE* đứng đầu. Giám-quốc cũ *LEGUIA* bị bắt đem về *Lima*. Quốc-hội giải-tán.

Ngày 27. — Ở Pháp, thợ bãi-công nhiều nơi: ở quận *Finistère*, là thợ làm công xe lửa, ở cảng *Cherbourg* là phu vận-tải hàng-hóa các tàu bè. Còn việc bãi - công ở *Roubaix*, *Tourcoing* và *Armentières*, vẫn điều-đinh chưa xong.

— Đảng phân-lập (*parti séparatiste*) ở quần-đảo *Féroë* thuộc nước Đan-mạch (*Danemark*) yêu-cầu chính-phủ Đan-mạch cho quần-đảo ấy được tự-trị.

— Các tay chủ-trương cuộc chinh-biến ở *Pérou* đã lập một nội-các nhất-định, do ông *SANCHEZ CERRO* làm thủ-tướng.

— Ở Ấn-độ, sau một cuộc hội-hợp đã có lệnh chính-phủ cấm mà cứ làm, hai nhà lãnh-tự *PATEL* và học-sĩ *MALAVIYA* lại bị bắt giam lần nữa.

Ngày 28 — Nước Pháp và nước *Roumanie* ký một tờ thương-ước.

— Ở Anh, hai đảng tự-do và lao-động cùng nhau thương-thuyết để

giải-quyết vấn-đề thợ-thuyền thất-nghiệp.

— Ở *Buenos-Ayres* (nước *Argentine* thuộc Nam - Mỹ), có cuộc ám-mur phản-đối Giám-quốc *IRIGOYEN*, chính-phủ đặt kế-hoạch phòng-bị.

Ngày 29. — Chính phủ nhiếp-chính (*directoire*) hạt *Meumel* giải-tán Nghị-viện, (Hạt *Meumel* là một hạt tự-trị thuộc nước *Lithuanie*).

— Ở thủ-đô *Lima* nước *Pérou* đã được yên cả. Thủ-tướng *CERRERO* bãi quân-luật.

— Có tin đồn sắp nổi loạn ở hạt *Rio Grande du Sud* thuộc nước *Brésil* (Nam-Mỹ)

— Giám-quốc *IRIGOYEN* nước *Argentine* định kế-hoạch phòng-bị là cốt đối-phó với đảng Cộng-sản.

Ngày 30 — Việc bãi - công ở phía bắc nước Pháp vẫn chưa giải-quyết được xong. Ở *Roubaix* và ở địa-giới *Ti* lợi-thi có nhiều cuộc biểu-tình kịch-liệt

— Giám-quốc Ba-lan hạ-lệnh giải-tán Nghị-viện. Định đến ngày 16 *novembre* tuyền-cử Nghị-viện mới.

— Ở Ấn-độ có tin cuộc vận-động bất-hiệp-tác có lẽ sắp đến ngày kết-liệu. Việc thương-thuyết của Phó-vương Anh với các lãnh-tự đảng-quốc-gia xem ra có kết-quả tốt

Ngày 31. — Quan Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa Pháp *FRANÇOIS PIÉTRI* diễn-thuyết ở *Vittel* tại cuộc khánh-hội của Hội Ái-hữu các nhà ở thuộc-địa cũ, nói quả-quyết dùng hết kế-hoạch để giữ trị-an ở thuộc-địa và trừ tiệt sự vận-động của đảng Cộng-sản.

— Ở Đức, tướng *VON SEECKT* diễn-thuyết tại *Dortmund*, đòi cho nước Đức cũng được quyền tự-do tổ-chức quân-bị như các nước.

Nước Irak được độc-lập.— Nước *Irak* hay là *Irak-Arabi*, tức là nước Ả-rập, là một xứ ở Tiểu-Á-tế-á, gồm cả miền hạ-lưu hai con sông *Tigre* và *Euphrate*, bốn bề giáp đất *Mésopotamie*, vịnh Ba-tư, sa mạc Ả-rập cùng nước Ba-tư. Xưa là đất *Chaldée* hay là *Babylonie*. Trước cuộc Âu-chiến năm 1914 - 1918, là thuộc-địa của Đế-quốc Thổ-nhĩ-kỳ. Sau cuộc Âu-chiến, đế-quốc bị phân-liệt, Hội Vạn-quốc « ủy-nhiệm » cho nước Anh cai-trị xứ *Irak*. Năm 1921, gồm cả các hạt thuộc Anh cai-trị đặt làm một vương-quốc, bầu chúa FAYCAL lên làm vua. Tự dấy nước Anh cứ tuần-tự mở cho được rộng quyền tự trị.

Ngày 30 tháng 6 năm 1930, ở thủ đô *Bagdad*, hai nước Anh và *Irak* công-nhiên ký một cái ước đồng minh với nhau, thế là từ nay hai nước bằng đẳng và cái « ủy - nhiệm » của Hội Vạn-quốc giao cho nước Anh giám trị nước *Irak* cũng liễu-kết vậy. Kể trong các xứ thuộc cái chế- độ « ủy-nhiệm » của Hội Vạn-quốc từ sau khi Âu-chiến đến giờ, thì xứ này là được công-nhận độc-lập trước nhất.

Từ khi nước Anh mới nhận cái chức-trách giám-trị nước *Irak* đã từng ký với nước ấy mấy bản hiệp-ước : hiệp-ước ngày 10 tháng 10 năm 1922, định cách-thức giám-trị theo ủy-nhiệm của Hội Vạn - quốc ; hiệp-ước ngày 15 tháng giêng năm 1926, mở rộng quyền tự-trị cho nước *Irak*; rồi đến các giấy thông-diệp của chính-phủ Anh gửi cho chính-phủ *Irak* ngày 14 tháng 9 năm 1929 và gửi cho Hội-nghị Hội Vạn-quốc ngày mồng 4 tháng chạp năm 1929, để báo-cáo cho biết ý nước Anh muốn hoàn-toàn công-nhận cho nước *Irak* độc-lập và yêu-cầu cho nước ấy đến năm 1932 được vào Hội Vạn-quốc.

Ước đồng-minh ký ở *Bagdad* ngày 30 tháng 6 vừa rồi bắt đầu thi-hành tự

khi nào nước *Irak* được vào Hội Vạn-quốc. Chủ-ý hai bên ký tờ ước này là định cách giao-thiệp hai nước với nhau trong một khoảng hai-mươi-lăm năm từ khi hết hạn « ủy-nhiệm ». Các điều cốt - yếu là thuộc về mấy khoản như sau này : 1° thuộc về ngoại - giao, hai nước cam-đoan phạm những vấn - đề ngoại-giao có quan-hệ đến quyền-lợi của nhau thì bằng bàn với nhau trước rồi mới giải - quyết, đừng để cho có phương - hại gì đến bên nào cả ; 2° thuộc về cách thi-hành cái ước đồng-minh khi chiến-tranh thế nào : khi có xảy ra việc chiến-tranh với một nước thứ ba thì phải giúp đỡ lẫn nhau, và các đường giao-thông cùng các cách vận - tải của nước *Irak* phải để cho chính-phủ Anh lợi-dụng ; 3° thuộc về các đường giao - thông của Đế-quốc Anh : nước Anh cần phải bảo-thủ các đường đó, vậy được phép đặt hai sở tàu bay và đóng quân - đội ở mấy nơi, theo như bản phụ-ước đính theo ; 4° khi kết-liệu cuộc « ủy-nhiệm », thì phạm những trách-nhiệm về phần chính-phủ Anh phải chịu theo như các hiệp - ước năm 1922 và 1926, cùng các điều-ước quốc-tế khác, sẽ chuyển-dịch sang phần Quốc-vương *Irak* phải chịu cả. — Ngoài bản hiệp-ước, lại có những công - văn phụ-đính nói về các viên cố-vấn Anh hiện làm việc cho Chính-phủ *Irak* vẫn cứ giữ cho đến mãn-hạn hợp-dồng, và khi nào chính-phủ muốn dùng cố-vấn mới sẽ lựa-dùng người Anh hơn người nước khác, lại sẽ đặt một phái-bộ quân-quan Anh ở *Irak*.

Thế là nước Anh dự-bị đến năm 1932 thì làm trọn cái ủy-nhiệm của Hội Vạn-quốc đã giao cho, có thể cho nước *Irak* được hoàn-toàn độc-lập, lại xin cho được vào Hội Vạn-quốc nữa, nên ngay từ giờ đã tính trước các kế-hoạch để bảo-thủ lấy những quyền-lợi cốt-yếu của mình.

Nay xét ra thì những quyền - lợi ấy vẫn còn to-lát và cách bảo-thủ ấy kẻ cũng chu-đáo vậy. Vì về việc ngoại-giao cùng đường giao-thông của nước *Irak* thì nước Anh vẫn có quyền giám-đốc, lại có cố-vấn cùng quân - quan không định số là bao nhiêu, thời việc nội-trị cùng việc quân-bị nước Anh cũng vẫn can-thiệp được. Nói tóm lại thì về phương-diện Anh, cái tình-trạng hiện nay tưởng cũng không thay đổi gì mấy. Trong ước lại nói rằng phạm những trách - nhiệm của nước Anh phải chịu thay cho nước *Irak* đối với Vạn-quốc thì từ nay vua *Irak* sẽ đảm-đương lấy hết cả. Hoặc-giả nói thế là nước Anh rút hết phần trách-nhiệm, còn phần quyền lợi thì vẫn hầu giữ y - nguyên như cũ, thật không có thiệt gì; cái dã-tâm của nước Anh chỉ là muốn thoát quyền giám-đốc của hội Vạn-quốc để tự mình xử riêng với nước *Irak* cho được tự-do hơn, rồi cứu-cánh cũng đến sáp-nhập nước ấy vào đoàn-thể liên-bang của Anh đế-quốc mà thôi. Lời phán-đoán đó không biết thực-hư thế nào, nhưng cũng là sự thường trong thuật ngoại-giao của liệt-cường.

Nay tờ hiệp-ước đó công-bố ra thì sẽ ảnh-hưởng ở Hội Vạn-quốc thế nào, và ảnh-hưởng ở chính nước *Irak* thế nào?

Khi đệ-trình cho Hội Vạn-quốc thì trước khi công-nhận chắc Hội sẽ xét xem nước *Irak* thật đã đủ tư-cách độc-lập được chưa, và thứ nhất sẽ xét xem những trách-nhiệm quốc-tế mà từ nay nước *Irak* phải đảm-nhận thì có đủ tư-cách đảm-đương được không. Những trách-nhiệm ấy cũng là phiền-phức lắm: như những quyền tự-do tín-ngưỡng, quyền tự-do tế-tự, quyền bình-dẳng về chủng-tộc, về ngữ-ngôn, về tôn-giáo, ở một xứ nhiều dân-tộc bác-tập như xứ này, cần phải định cho phân-minh, nên trong điều-lệ ủy-nhiệm, Hội Vạn-quốc đã biên định rõ-

ràng, này thuộc về quyền tự-chủ của quốc-vương *Irak*, thì quốc-vương có bảo - thủ được hoàn-toàn cho không? Lại những đặc-quyền của người ngoại-quốc về đường pháp-luật, quyền bình-dẳng về kinh-tế của các nước có chân Hội Vạn-quốc, quyền bảo-hộ các giáo-hội, quyền của các giáo-hội được tự-do lập trường học, bấy nhiêu điều sẽ xử-trí ra thế nào? Lại còn vấn-đề các « dân-tộc thiểu-số » (*ménorités etheriques*) là một vấn-đề Hội Vạn-quốc chú ý đệ-nhất, khi phán-định đường địa-giới nước *Irak* với nước Thổ-nhĩ-kỳ và giao cho nước *Irak* quản-trị hạt *Mossoul* đã có bắt buộc nhiều điều thuộc về cái trách-nhiệm bảo-hộ các dân-tộc thiểu-số, nay Hội Vạn-quốc không có quyền giám-đốc đến nữa, thì nước *Irak* có đủ đảm-đương được cái trách-nhiệm đó không?

Đó là thuộc về Hội Vạn-quốc. Nay về phần quốc-dân *Irak* thì đối với hiệp-ước này thế nào? Hiệp-ước này là tự một mình vua *Irak* ký với nước Anh, Nghị-viện không hề can-thiệp vào. Những quyền-lợi dành cho nước Anh ở đây không khác gì những quyền-lợi nước Anh yêu-cầu ở Ai-cập mà đảng *Wafd* (đảng quốc-gia) nước ấy vẫn nhất - định không chịu nhận. Nghị-viện bản-xứ không hề can-thiệp, vì tự khi lập nội-các *NOURRY PACHA* thì Nghị-viện liền bị đình-hoãn ngay. Mồng 9 tháng 5, Nội - các tuyên - bố chương-trình nói sẽ tiếp-tục thương-thuyết với nước Anh về việc đình ước đồng-minh, đến đầu tháng 7 thì hạ-lệnh giải-tán Nghị-viện. Như vậy thì chắc cuộc tuyển-cử sau này sẽ lấy việc hiệp-ước làm vấn-đề trung-tâm, và quốc-hội bầu xong chính-phủ tất phải đệ-trình cho duyệt-y bản hiệp-ước đó.

Sau nữa, lại những nước ngoài trước đã có ký-ước với nước Anh về việc *Irak*, nay nước Anh chuyển cả

những trách-nhiệm quốc-tế ấy cho nước Irak đảm-nhận một mình, thì các nước quan-hệ kia sẽ đối-phó ra thế nào ?

Xem thế thì biết tờ hiệp ước ký ngày 30 tháng 6 vừa rồi, kẻ cũng còn nhiều điều khó-khăn lắm. Nhưng cứ lý-thuyết thì từ ngày ký ước nước Irak nghiêm-nhiên thành nước độc-lập. Cứ thực-tế, có lẽ quyền độc-lập ấy còn có hạn-chế nhiều, nhưng một nước đương bị giám-trị mà nhất-dân được cái hình-thức tự-do như thế, thì cũng đã quý rồi, có hình-thức rồi cũng có ngày có thực-sự.

Thời-cục nước Tàu. — Nhắc lại từ khi Trương Giới - Thạch thắng trận Tế - nam rồi, quay ngay quân về mặt Lũng - hải tiến đánh quân Phùng. Còn mặt Thiên-tân, Bắc-bình thì để mặc cho quân Trương Học-Lương kéo vào bức-áp quân Diêm. Diêm phải lui quân đến Thạch-gia-trang rồi rút về cố-thủ Sơn-láy. Mặt Lũng-hải thì từ khi quân Phùng bị thua ở Trịnh-châu, chia năm xẻ bảy, phần thì hàng về Trung-ương, phần thì hàng về Đông-bắc, phần thì tán-lạc, còn một phần ít chừng bốn năm vạn theo Phùng về Thiểm-lây, cuộc nội-chiến nửa năm trời tới đây đã có cơ kết-thúc; tất cả miền nam sông Hoàng-hà đều thuộc về quân Nam-kinh cả rồi; còn về miền Bắc sông Hoàng-hà thì việc thiện-hậu toàn giao-phó cho Trương Học-Lương.

Xem như ý Trương Giới-Thạch hình như chịu bỏ miền Bắc-hà cho Trương mà quay quân về Nam dẹp cho sạch những bọn phản-ngịch nho-nhỏ như quân Cộng-phỉ ở miền Hồ-nam, Hồ-bắc và Giang-lây, quân Trương Quế ở Quảng-lây và quân Lưu Hưng-Bang ở Phúc-kiến. Những bọn đó tuy nhỏ mà đều làm cơ nguy cho quân Trương trong khi đánh nhau ở mặt Bắc.

Có người nói Trương đối với Trương nhờ khi quân Trương sắp được toàn-thắng thì Trương nhẩy ngay ra chiếm Bắc-bình và Thiên-tân, chẳng mất phát đạn nào mà được miếng đất béo-bở, lại làm ngăn-trở quân Trương không tiến lên mà đánh đuổi quân Diêm. Phùng được nữa, công thành dễ-dang, giặc không tiêu-diệt, khó-nhọc nửa năm trời, tốn bao nhiêu của, hại bao nhiêu người, mà kết-quả như vậy, Trương tất cũng lấy làm đau-đớn chớ chẳng không.

Còn Trương đối với Diêm, không phải Trương vì Diêm mà bảo-toàn thực-lực cho Diêm đâu, chẳng qua Trương không để cho Trương được thôn-tính Diêm mà to thêm thế-lực đó thôi; chẳng những thế, Trương lại chệt hòng Diêm nữa. Trương ra quân một cách bất-thình-linh không để cho Diêm biết, cả mấy anh đại-biêu của Diêm phải song Phụng-thiên cầu-cứu ở luôn bên cạnh Trương, mà Trương hạ-lệnh ra quân bao giờ bọn ấy cũng không biết; mãi khi Vu Học-Trung đã cất quân ra đi được nửa đường rồi, bọn kia mới biết, vội chạy theo yêu - cầu Vu cho quân đi chậm, để họ về báo trước cho quân Diêm rút đi, khỏi sinh ra xung-đột. Diêm Tích-Sơn thấy Trương thốt-nhiên ra quân, biết là sự bất-lợi cho mình mới ngã ngửa người ra, đành phải nghiêng rặng mà lui quân. Phó Tác-Nghĩa là tướng lâm-phúc của Diêm, sau trận thua ở Tế-nam, vắng mệnh Diêm sang Phụng-thiên cầu-cứu phải lấy lòng thành mà bày tỏ hết mọi sự khốn-khó của quân Diêm, đề đầu kết-quả lại « rước voi về giẫy mả », mua lấy cái nhục rất lớn, nghĩ tức quá, nên Phó mới quay ra chực tự-sát.

Khi Diêm mới rút về Sơn-láy, biết mình mắc cớ, đã loan từ-chức ngay, nhưng bọn chính - khách bày mưu, khuyên đừng từ chức vội, nên Diêm lại

không từ chức nữa, rồi đánh điện tán-thành lời điện hòa-bình của Trương.

Diêm gặp lúc đường cùng thế túng mà phải xoay nước cờ hoàn-mã Sơn-tây, lại chính bị phải nước cờ « tốt-nhập cung » của Trương thì thực là nguy-cấp.

Có tin rằng Trương Học-Lương đã làm lễ nhận chức hải-lục-không quân phó-tổng tư-lệnh ở tòa trưởng-quan. Trương - Quân đại - biểu chính - phủ Trung-ương giám-thệ. Ngày tết Song-thập có cử-hành cuộc diêm binh rất lớn.

Diêm Tích-Sơn, Phùng Ngọc-Tường, Uông Tinh - Vệ có thông-diện với Trương Học-Lương triệu-tập cuộc hội-ng nghị, để quyết-định cái phương-pháp làm cho hòa-bình. Trương bảo rằng bây giờ đã là lúc không cần đến hội-ng nghị nữa, chỉ khuyên Diêm, Phùng chịu quyền xếp đặt của chính - phủ Trung-ương, Trương lại yêu-cầu rằng Phùng Ngọc-Tường và Diêm Tích-Sơn phải đi ngoại-quốc, không có thì đem binh sẽ đánh tận Sơn-tây và Thiểm-tây.

Diêm đã phải cho hội khuếch - đại đình-chỉ không làm việc. Bọn Trâu Lô, Tạ Tri, Đàm Chấn, Trần Công-Bác lấy tư-cách làm mạc-tân của Diêm Tích-Sơn, do Diêm cấp cho mỗi người mỗi tháng là hai trăm đồng, còn các nhân-viên bậc dưới trong hội ủy-viên vẫn quanh-quần ở Thạch-gia-trang, lên lui không đường, Diêm đã phải trích ra năm ngàn đồng giao cho Trần Công-Bác, Tạ-Tri phát cho mỗi người một ít, làm tiền ăn đường cho ai ở đâu về đấy. Thế là Diêm đã giải-tán tất cả các ủy-viên khuếch-dại.

Có tin ở Thái-nguyên rằng Diêm Tích-Sơn đã đem quân bộ-hạ giao cho Từ Vinh-Xương chỉ-huy. Diêm lại hạ

lệnh cho quân Sơn-tây ở đường Bình-tuy bắt đầu lui về Đại-danh. Diêm lại điện cho Trương Học-Lương nói công việc thiện-hậu xin theo như cách chủ-trương của Trương, thu xếp xong công việc rồi sẽ ra du-lịch ngoại-quốc, chỉ mong lấy đất Tuy-viên làm nơi hoãn-xung, khiến cho bộ-hạ được nơi yên-ôn. Trương trả lời xin còn đợi hời ý chính-phủ Trung-ương.

Lại có tin rằng Diêm Tích-Sơn ở Thạch-gia-trang triệu - tập cuộc hội-ng nghị cán-bộ quyết nghị quân Sơn-tây hiện còn thế-lực lui giữ Sơn-tây, ở trước khi cuộc quốc-dân hội-ng nghị chưa triệu-tập thì không từ chức.

Hiện nay các bộ quân Sơn-tây đều lui về Sơn-tây giữ hai cửa Nương-lử và Nhạn-môn, đào hào đắp lũy, dự-bị liều chết cố giữ. Cuộc hội-ng nghị Thái-nguyên quyết định Diêm Tích - Sơn chuyên coi chính-trị, quân-đội giao cả cho Phùng Ngọc-Tường thống-suất, cô giữ lấy ba cửa Nhạn-môn, Nương-lử và Đồng-quan.

Quân Đồng bắc hiện đã phái máy bay đến xem xét, lại sắp kéo đại-đội đến đánh.

Phùng Ngọc-Tường mới rồi do phía nam Sơn-tây đến Tĩnh-châu, Phùng đã cùng Lộc Chung - Lân ước định, Phùng tạm không ra mặt, hết-thảy mệnh-lệnh đều do Lộc chấp-hành.

Lộc Chung-Lân có mang hơn vạn lán bộ quân Phùng tiến lên mặt Bắc. Diêm lập tức xin Phùng điện cho Lộc dừng tiến nữa. Diêm quyết lưu Phùng ở lâu tại Thái-nguyên, giữ lấy Phùng cốt để bèn thêm thế-lực cho mình.

Ấy cái tình-thế Diêm, Phùng nay vẫn hãy còn bàn-tính cố xoay tìm đường mới để hoạt-động, lúc thì nói sẽ xuất-duyệt, lúc thì lại muốn quay về giữ lấy Sơn-tây làm kế cố-thủ. Diêm

vấn tự-đắc nói rằng Ngô Bội-Phu bị thua liềng xiềng, đến nay còn ở Từ-xuyên, ta đây vẫn còn cái địa-bàn ba tỉnh, can chi mà phải lo sợ bỏ đi ra nước ngoài?

Vả Diêm hùng-cử Sơn-tây đã hai-mươi năm, sức-lực biết bao nhiêu của, có người ước-linh cái số của Diêm thiệt-hại về việc quân đường Tân-phố chẳng qua mới độ ba ngàn vạn, ở Sơn-tây Diêm còn đến hơn một ngàn vạn đồng, có phải là không có sức chống giữ nữa đâu. Thế thì Trương, Trương vị-tất đã đuổi ngay Diêm ra khỏi nước được.

Còn như Uông Tinh-Vệ từ khi theo Diêm chạy về Sơn-tây, nay Diêm bách-vì tình-thế không thể dung được Uông nữa, vậy thì phần riêng Uông chỉ còn có cách bỏ nước mà đi, song chưa biết đi về đường nào; vì chính-phủ Nam-kinh đối với Uông, tất không có lẽ dung cho đi qua, mà ngay Đông-bắc đối với Uông cũng không có cái cảm-linh tốt. Thạch-gia-trang (chỗ bọn Uông ở ngày nay) ở lánh ra một góc về phía tả Sơn-tây, đã không theo phía đông mà ra mặt Bắc-bình, Thiên-lân, lại không thể theo phía nam mà xuống Hà-nam, Lạc-dương được, chỉ còn có cách là theo phía Bắc, qua tỉnh Cam-lúc mà tìm lối sang nước Nga chăng? Nhưng Uông từ sau khi ở Vũ-hán chia rẽ đảng cộng-sản, gia-dĩ lần này về nước lại cố ý tuyên-truyền phản-cộng, cảm-linh đối với Nga đã nhạt-nhẽo, vậy nước Nga có bằng lòng cho Uông đi vào đất nước và bảo-hộ cho không?

Có người bảo rằng Uông trước kia đã phản-cộng để chuộc lại lòng tin yêu của quốc-dân, nay mà lại sang Nga, há lại chẳng khiến cho người ta trước kia ghét Uông lại càng thêm ghét ru? Vậy lúc thì có tin đồn Uông sang Nga, lúc lại có tin đồn Uông định sang Nhật;

gần đây lại có tin Trương Học-Lương bằng lòng như lời xin của Uông Tinh-Vệ, khi qua địa-phận xuất-dương quyết không giữ lại làm khó-khăn. Hiện Uông đã đến Thiên-lân để xuất-dương.

Tướng Giới-Thạch nay coi như chính-phủ đã toàn-thắng, nên Trương tuyên-cáo quốc-dân, kể cái chương-trình của mình cốt-yếu là:

- 1* Trừ diệt cái nạn cộng-sản và giặc cỏ;
- 2* Chính-đốn nền tài-chính vì loạn mà khủng-hoảng;
- 3* Chính-đốn việc cai-trị, trừ-khử việc hối-lộ;
- 4* Mở-mang kỹ-nghệ;
- 5* Thực-hành việc các lĩnh được tự-quyền.

Chương-trình này xét ra giống như các điều nguyện-vọng của Bắc-quan. Trương Học-Lương rất lấy làm hoan-ngheh.

Tướng Giới-Thạch thông-diện đi các nơi kể hết những sự liên-triển về quân-sự trong mấy tháng nay và nói từ Hoàng-hà trở xuống phía Nam, dẹp yên ngay được, cuộc hòa-bình thống-nhất đến đây có thể hẹn được, việc thiện-hậu ở các địa-phương, hiện đang dốc-sức làm ngay.

Tướng Giới-Thạch có điện về chính-phủ quốc-dân nói theo như cớ-huấn, lấy dục hóa người, khi quân-sự đã yên hẳn, có hạ lệnh đại-xả những người phạm-tội chính-trị hay quân-sự để bỏ lệnh nã bắt, cho khôi-phục công-quyền, chỉ có Trần Quýnh-Minh, Diêm Tịch-Sơn là kẻ tội-ác rất nặng và đảng cộng-sản giết người đốt nhà thì không tha. Nếu chính-phủ theo dùng điều ấy, đối với cuộc hòa-bình thống-nhất tất có đồ-ích rất lớn vậy.

Tướng Giới-Thạch diễn-thuyết ở quốc-phủ có nói lần này hai quân Diêm, Phùng làm phản trung-ương, quân Phùng dự vào chiến-trận có hơn 40 vạn, quân Sơn-tây có 20 vạn. Trải qua cuộc đại-chiến lần này số người chết và người bị thương là 15 vạn người, mà quân Trung-ương chết mất 3 vạn, bị thương mất 6 vạn. Cái hi-sinh lớn-lao ấy, chính là cái đại-giá giữ gìn nền hòa-bình và nền thống-nhất của nước nhà. Từ nay về sau nước nhà bắt đầu cuộc kiến-thiết, chỉnh-phủ trung-ương xin ở trong phạm-vi chủ-nghĩa tam-dân, cho du-luận-giới cả nước, lấy quyền tự-do ngôn-luận và dùng cho những phần-tử bán-nghịch thất-bại, tùy thời hướng chỉnh-phủ trung-ương đề-xướng cái kế-hoạch kiến-thiết, nếu kẻ nào lại còn muốn kích-dộng con-quạ, làm sự phản-nghịch thì chỉnh-phủ quyết dùng võ-lực để dẹp yên vậy.

Xem như cái số quân-sĩ tử-thương của Tướng tuyên-bố trên ấy thì rõ hai bên đánh nhau kịch-liệt lắm. Xưa nay không bao giờ nội-chiến tổn-hại đến như lần này.

Nhân cuộc nội-chiến mới rồi Tướng hiểu rằng hiện nay chưa thể tập-quyền được, nên định tổ-chức một đạo quân mới, do các tướng ngoại-quốc dạy bảo. Trước Tướng có 3 sư đoàn với 46 viên quan võ Đức dạy bảo. Tướng đặt thêm 9 sư đoàn nữa, cộng tất cả là 180.000 người, phải cần đến một trăm quan võ ngoại-quốc để dạy bảo. Tướng đã xin tướng LUDENDORFF cử cho 100 viên quan võ Đức đến.

Như vậy Tướng sẽ có một đạo binh quý-thức ở Nam-kinh, làm khởi điểm việc tổ-chức lại binh gia vậy.

Chính-phủ Nam-kinh dự-bị mở hội lớn để ăn mừng cuộc hòa-bình.

Tướng Giới-Thạch đến hội, rồi sẽ về Chiết-giang thăm nhà và tảo-mộ.

Sau Tướng sẽ trở lại Nam-kinh để dự đại-hội-dồng của hội-nghị trung-ương quốc-dân đảng. Hội-dồng sẽ xét việc sửa đổi hiến-pháp để khiến cho các đảng khác không thuộc về quốc-dân đảng cũng có quyền hành-dộng, và lãnh-tự các đảng cũng được dự quyền-chính như lời của Trương Học-Lương xin.

Hội-dồng sẽ cùng một liều-ban xem xét việc tái-chính và việc dùng tiền vàng làm bản-vị.

Các giới ở Nam-kinh có mở cuộc đại-hội đón Tướng và chúc mừng cuộc loan-thắng; đến dự có hơn 10 vạn người. Đại Cui-Đào chủ-tịch đọc lời khai hội và tặng cờ cho bọn Tướng. Lá cờ tặng Tướng có đề bốn chữ: « Đảng quốc can thành 黨國干城 », còn các lá cờ khác đều đề bốn chữ: « Vì dân tiền khu 爲民前驅 », tất cả một trăm lá cờ, chia tặng các tướng-sĩ. Thứ đến Tướng diễn-thuyết, và xướng-nghị rằng phạm các giới ở trong cái thời-kỳ huấn-chính 5 năm, mỗi ngày làm việc nên làm 10 giờ, các bạn đồng chí vì cách-mệnh mà hi-sinh, ngày nên làm thêm 2 giờ. Cả trường tán-thành, rồi bọn Ngô Trĩ-Huy, Vương Gia-Trình cùng tiếp nhau diễn-thuyết.

Tướng Giới-Thạch đến nhà họ Tống ở Thượng-hải chịu phép rửa tội làm giáo-dồ Cơ-đốc (đạo Tin-lành). Vương Chính-Đình, Tống Tử-Văn đều đến dự lễ.

Gần đây Tướng đã hạ-lệnh cho bộ quân các mặt lục-lục rút dẫu về đây, để định dẹp cho yên miền Nam trong khu-vực thuộc-quyền của mình. Hiện hai bộ quân Tướng Quang-Nại và Sài Định-Khai là quân Quảng-dông đem lên nay đã về đến Phố-khẩu rồi.

Xem như ý Tướng Giời-Thạch muốn trước đẹp cho yên mặt Quảng-tây, nguyên từ khi quân Trương Quế lên nhóm Võ-Hán bị thua to ở Hồ-nam, có tin rằng họ chia làm hai, quân Trương chạy sang Giang-tây, quân Quế chạy về Quảng-tây, nhưng sau quân Trương lại về cả Quảng-tây hợp với quân Quế. Từ đó trở đi, chính-phủ Quảng-đông vẫn cho mấy sư-đoàn sang Quảng-tây hợp với quân Vân-nam đánh quân Trương Quế. Ngặt vì tỉnh Quảng-tây núi-non hiểm-trở, mà quân Trương-Quế thuộc đường hơn quân Quảng-đông và quân Vân-nam, nay đây mai đó, lần-lượt biến-hóa rất là khó đánh. Thành Nam-ninh là tỉnh-ly Quảng-tây bị quân Vân-nam vây mãi, nhưng vì vận tải khó-khăn, lương-thực và khí-giới không tiếp-tế được, nên quân Vân-nam lại phải rút. Hơn tháng nay tin-tức lằng-lẽ, hình như hai bên cùng mỗi mệt rồi. Nay được tin quân Diêm, Phùng đại-bại, quân Trương Quế biết không hi-vọng gì nữa, đã họp bàn với nhau. Nghe đầu Hoàng Thiệu-Hùng và Bạch Sùng-Hy bàn nên chạy sang Quý-châu, nhưng Lý Tồn-Nhân và Trương Phát-Khuê nói rằng Quý-châu đất xấu, dân nghèo, không lấy gì nuôi quân được, và sang đây, nếu tướng lấy quân ba tỉnh Hồ-nam, Quảng-tây và Vân-nam đánh đồn vào thì làm thế nào? Kết-quả họ quyết định sai sứ sang Quảng-đông điều-đinh với Trần Tế-Đường và Trần Minh-Khuê xin nói với chính-phủ cho Lý Tế-Thâm ra thu-thập thời-cực Quảng-tây, chúng họ xin để quân lại cho Lý mà từ chức xuất-dương, chờ cơ-ội khác. Việc điều-đinh ấy đã làm rồi, nhưng không ăn thua gì, bên chính-phủ không nghe, mà độ này lại thấy điều binh khiển tướng rộn-rịp, có lẽ lại sắp tiến đánh.

Quân Quảng-tây họp cả ở Lại-tân, Thiên-giang, muốn giữ lấy Lại-tân để giữ đường liên-lạc Ung-châu và Liễu-

châu. Miền hạ-du Liễu-giang vẫn đánh nhau dữ-dội. Trần Tế-Đường là tổng-chỉ-huy quân Quảng-đông đã hạ lệnh tổng-công-kích. Quân Vân-nam vẫn chưa đánh được Ung-châu.

Quảng-châu tuyên-bố rằng binh-gia của Quảng-đông có quân của Vân-nam giúp sức đã phá được đường trận của đảng Quảng-tây, và sắp đánh thành Nam-ninh.

Có tin ở Quảng-châu nói rằng Ngũ Đình-Dương định dùng cái phương-pháp hòa-bình giải-quyết thời-cực Quảng-tây, đã nghị-định điều kiện là : 1' Lý Tồn-Nhân, Hoàng Thiệu-Hùng, Bạch Sùng-Hy xuất-dương, quân bộ-hạ của các người ấy do các quân-quan trung-cấp quản-đốc, đầu hàng chính-phủ trung-ương ; 2' Sau khi biên-khiên lại thuộc quyền chính-phủ Quảng-tây ; 3' Tỏ-chức ngay chính-phủ Quảng-tây, phi tổn về việc thiện-hậu do chính-phủ trung-ương cấp phát. Các điều kiện ấy không biết có thực-hiện được không?

Mặt Phúc - kiến thì quân Lư Hưng-Bang ngay từ khi mới có cuộc chiến, Lư đã giở mặt ngay, đánh điện hưởng-ứng với Diêm Tích-Sơn, bắt năm người ủy-viên của chính-phủ đem giữ một chỗ, nhưng nhờ được trong tỉnh Phúc-kiến vẫn có phe trung-thành với chính-phủ Nam-kinh, mà phe ấy lại mạnh hơn Lư Hưng-Bang, Chính-phủ Nam-kinh giúp sức cho phe ấy, đánh cho Lư Hưng-Bang bị thua, nhưng Lư vẫn còn giữ được mấy huyện về phía đông-nam mà chống nhau với phe kia. Nay thấy Diêm Phùng thất-bại, Lư đã thông-diện hối lỗi và xin chính-phủ tha thứ cho được đổi lỗi tự tân. Nhưng về đảng chính-phủ, có nhiều người bàn nên đánh cho kỳ liên-diệt!

Thời-cực Trung-hoa ngày nay đã do cái cuộc các triều-thế-lực tranh nhau

mà dồn lại thành hai thế-lực lớn chọi nhau tay đôi, nghĩa là trước có nhiều thế-lực giằng xé lẫn nhau, mà nay dồn lại làm hai cái thế-lực lớn là Nam với Bắc vậy, Tướng Giới - Thạch là chủ-động thế-lực mặt Nam, Trương Học-

Lương là chủ-động thế-lực mặt Bắc, hai thế-lực đó có cố-kết với nhau được không? Nếu lại xoay ra xung-đột lẫn nhau, thì cuộc nhất-thống cũng chưa chắc đã vững-vàng được, ta hãy đợi xem.

Việc trong nước

Các việc xảy ra trong nước từ 15 Septembre đến 15 Octobre

Đại Hội-nghị Đông-dương.— Quan Toàn-quyền mới cử 5 hội-viên thực-thụ và 5 hội-viên dự-khuyết người bản-xứ ra dự Đại-hội-nghị Đông-dương năm nay. Thực-thụ là năm ông Vũ Hiếu-Eễ, Phạm Quýub, Nguyễn Văn-Vĩnh, Cao Xuân-Tiểu và Neai Tri (người Cao-miên). Dự-khuyết là ông: Lê Văn-Phúc, Vũ Văn-An, Nguyễn Văn-Giêm, Ay-Bi.

Khai viện Dân-biểu Trung-kỳ.— Viện Dân-biểu Trung-kỳ đã khai-mạc ngày 15 Septembre để bầu ban trị-sự, có 6 đại-biểu của hai chính-phủ Nam-triều và Bảo-hộ đến chứng-kiến. Ông Nghị-trưởng cũ Nguyễn Trác được tái-bầu.

Mấy cuộc biểu-tình ở Trung-kỳ và Nam-kỳ.— Đêm hôm 17 có hơn một trăm người đến phá ga Nghĩa-trang ở Thanh-hóa. — Cũng đêm hôm ấy ở Nam-kỳ có nhiều nơi có xảy các cuộc biểu-tình. Trên đường Hóc-môn có một bọn chừng 600 người bọp nhau lại, khi có lính đến thì giải-tán cả. Nhà Hội-đồng làng Xuân-thời-tây ở đường Ba-diêm-Đục-hòa bị chừng một trăm người đốt phá. Lính đến phải bắn bọn biểu-tình mới lui. — Nhà Hội-đồng Tân-thu ở Baquco bị phá.

Lễ Khánh-thành phòng Mỹ-thuật.— Phòng Mỹ-thuật Đông-dương nơi tổ-chức lần này là lần đầu tại nhà Thị-sảnh Sài-gòn đã khánh-thành hôm 17, có quan Toàn-quyền đến dự lễ.

Thề-lệ bầu ban trị-sự viện Dân-biểu Bắc-kỳ.— Quan Thống-sứ định thề-lệ bầu ban trị-sự viện Dân-biểu Bắc-kỳ như sau này: Hội-đồng hàng năm thì viên dân-biểu nào cao tuổi nhất chủ-tọa và một viên dân-biểu làm thư-ký. Mỗi năm một lần bầu viện-trưởng, phó viện-trưởng và ban trị-sự.

Bọn cộng-sản vẫn hành-động.— Ngày 21 chừng 300 người cộng-sản phá đồn-diên Ferey ở Hà-tĩnh, lính đến giải-tán được ngay. — Ngày 22 huyện Hương-sơn thuộc Hà-tĩnh bị một bọn chừng 2000 người kéo đến định vào huyện-đường. Lính giữ huyện bắn chết 7 người và nhiều người bị thương.

Viện Dân-biểu Bắc-kỳ khai-mạc hội-đồng.— Sáng hôm 25 viện Dân-biểu Bắc-kỳ đã khai-mạc hội-đồng, có quan Thống-sứ chủ-tọa. Buổi chiều bầu tòa trị-sự, ông Phạm Huy-Lục được 67 phiếu trong tổng-số 103 phiếu bầu làm nghị-trưởng năm nay.

Tình-hình miền bắc Trung-kỳ.— Sáng hôm 28 tại huyện Nam-dan thuộc

tỉnh Nghệ-an có 600 người về đảng cộng-sản đến đánh phá huyện-ly. Linh bắn chết 17 người, 22 người bị thương và bắt 36 người.— Chính-phủ đã hết cách đề-phòng miền bắc Trung-kỳ. Ở Vinh hiện có 2 cơ linh Lê-dương, 1 đạo linh bộ-binh, 1 đạo linh Thổ, 1 đạo linh khố-dò, 1 đội tàu bay và 3 chiếc ô-tô có súng cối-xay đến đóng.

Xét việc biểu-tình tại tòa Thượng-thẩm Hà-nội.— Phiên tòa Thượng-thẩm họp ngày 29 đã xử lại 26 người can vào vụ biểu-tình ở Thái-bình ngày 1er Mai trước. Những người bị tòa án Thái-bình kết án phóng-trục, thì tòa Thượng-thẩm đòi ra làm tội khổ-sai.

Giải tù đi Côn-dảo.— Tối hôm 30 đã giải 80 người chính-trị-phạm bị Hội-dồng đề-hình kết án ngày 5 Aout vừa rồi xuống Hải-phòng để đáp tàu đi Côn-dảo.

Các lời thỉnh-cầu của hai viện Dân-biểu Trung Bắc-kỳ.— Viện Dân-biểu Trung-kỳ đã đệ lên chính-phủ Bảo-hộ mấy điều thỉnh-cầu thi-hành cho dân một bản hiến-pháp, quyền nội-trị theo đúng lời hứa-ước ngày 8 Juin 1884, xin cho viện Dân-biểu được rộng quyền quyết nghị toàn số dự-toán và các dự-thảo nghị-định của chính-phủ Bảo-hộ, lại xin được quyền thỉnh-cầu về các vấn-đề chính-trị cho thích-hợp với cái trình-độ tiến-hóa của dân.

Viện Dân-biểu Bắc-kỳ hôm 2 Octobre cũng họp kỳ nội-dồng bế-mạc. Viện có đệ mấy lời thỉnh-cầu cùng chính-phủ, nhất là xin bãi việc độc-quyền trưng rựu xin đòi lại cách thi bằng tiểu-học, xin đừng hạn chế các trường tư-thục để cho trẻ có đủ chỗ học, và xin mở rộng quyền-hạn của Nghị-viện.

Các cách hành-động của bọn Cộng-sản.— Ở Ba-tri thuộc tỉnh Bến-tre (Nam kỳ), tối hôm mồng 2 có một bọn chừng năm sáu trăm người cầm gậy và có ba bốn khẩu súng hợp cuộc biểu-tình và diễn-thuyết cộng-sản. Bọn đó chặt cây bỏ ngang đường và lát ván có đinh đóng ngược xuống đất để cho xe ô-tô đi qua bị thủng bánh, cốt ý làm cho quân cứu-viện đến chậm, sau gặp một bọn lính đi tuần bắn, bọn biểu-tình phải nhiều người bị thương và 36 người bị bắt.

Ngày mồng 3 có 3 người chính-phủ sai vào dân yết-thị tại Yên-Phú (Vinh) bị dân làng bắt cóc. Một toán lính khố-xanh đến nơi bị một nghìn quân nghịch chống-cự lại, sau phải bắn súng mới giải-tán được bọn đó. — Ga Yên-xuân bị cướp phá, các đường giây thép bị cắt đứt, nhưng đã cho chữa lại ngay.

Ở Bích-tri thuộc tỉnh Nghệ-an, hôm mồng 5 có một đội khố-xanh do một viên giám-binh chỉ-huy, bị 3000 người kéo đến đánh. Một đội lính Lê-dương đến tiếp-ứng, bọn quân nghịch bỏ chạy để lại 20 người chết và 13 người bị bắt.

Hôm mồng 6 cũng có một toán 3000 người đến đánh Võ-liệt là huyện-ly huyện Thanh-chương (Vinh). Lính khố-xanh đóng ở huyện chống-cự lại, sau có hai đội lính Lê-dương đến cứu, bọn nghịch phải giải-tán bỏ lại 60 người chết.

Đêm mồng 8, một bọn lính khố-xanh đi tuần ở miền Cho-sat thuộc tỉnh Hà-tĩnh, gặp một toán biểu-tình chừng một nghìn người, phải bắn mới giải-tán được bọn đó.

Quan Toàn-quyền và quan Khâm-sứ Trung-kỳ hết sức trù-liệu để giúp yên các việc biến-động đó.

Muốn tăng quyền - lực cho các nhà hành-chính và tư - pháp để tiện việc bài-trừ cộng-sản ở Nam - kỳ, quan Toàn - quyền mời ký một đạo nghị-dịnh ủy - quyền cho các chủ-quận được theo như các điều trong hình-luật mà xử-trí trong việc canh-phòng người bần-xử.

Quan Khâm-sứ Trung - kỳ cũng đã thương-thuyết cùng chính-phủ Nam-triều, thông-tư cho các quan công - sứ đề bá-cáo cho dân biết rằng theo luật Nam - triều thì các hào-lý phải đem tính-mệnh tài-sản mà chịu hết trách-nhiệm các việc xảy ra trong địa-hạt của mình, và làng nào phải tổ-chức lấy cách đề-phòng làng ấy. Làng nào có ý làm rối cuộc trị-an hay ẩn-giấu bọn cộng-sản sẽ bị lấy võ-lực trừng-trị hoặc bị phạt. Hào-lý có quyền được bắt bớ các tay cộng-sản, không phải đợi lệnh quan trên.

Hội-nghị Tài-chính Kinh-tế Pháp ở Bắc-kỳ — Hội-nghị tài-chính kinh-tế Pháp ở Bắc-kỳ đã họp sáng hôm mồng 6 tại tòa Đốc-lý có quan Thống-sứ Robin chủ-tọa, có đọc bài diễn-văn tóm lược sau đây.

Bài diễn-văn của quan Thống-sứ đọc tại Hội-nghị Kinh-tế Tài-chính Pháp ở Bắc-kỳ

Hôm 6 Octobre vừa rồi Hội-nghị Kinh - tế Tài-chính Pháp, ở Bắc-kỳ (*Conseil des Intérêts économiques et financiers du Tonkin*) đã họp kỳ Hội-dồng thường - niên tại tòa Đốc - lý Hà - nội. Quan Thống - sứ Robin có đọc bài diễn-văn khai-mạc hội-dồng, các điều cốt-yếu lược-thuật ra sau này.

Trong đoạn mở đầu, nhân nhắc qua đến các việc biến-động xảy ra ở Bắc-kỳ từ cuối tháng hai mới rồi tới nay,

Một làng bị triệt-hạ. — Nhân-dân làng Yên-phủ (Vinh) là nơi hôm mồng ba mới rồi ba người của chính-phủ sai vào gián yết-thị bị mất tích, thấy yết-thị của nhà nước liền bỏ làng đi. Sau có mấy người dân về hẹn với nhà-nước xin trả lại các người bị bắt cóc và nộp bọn cướp người. Quá hạn 24 giờ theo như lời hứa, dân làng không về, hôm mồng 10 binh-lính đã đốt cả làng.

Tỉnh Thái-bình lại có biểu-tình. — Sáng hôm 14 có ước chừng 300 người thuộc đảng cộng-sản đến biểu-tình ở huyện-lỵ huyện Tiên-hải cách tỉnh-lỵ Thái - bình hơn 20 cây số. Lính giữ huyện bảo giải-tán họ không nghe cú tiến, nên bắn chết mất 8 người, bị thương mất 10 người. Có chừng 30 người bị bắt. Quan tỉnh được tin đem binh-lính về truy-nã bọn quân nghịch.

Đại Hội-nghị Kinh-tế Đông-dương. — Đại Hội-nghị Kinh-tế Đông-dương đã họp sáng ngày 15 ở trường Cao-dẳng có quan Toàn-quyền chủ-tọa và có các hội-viên Tây Nam ba kỳ đến dự.

quan Thống-sứ tỏ lòng cảm ơn hết thảy các viên-chức đã tận-tâm tận lực giúp ngài đề truy - nã bọn phiến-nghịch và giữ cuộc trị-an trong xứ. Ngài lại ngợi khen cả đoàn-thể dân Pháp ở xứ này, trong lúc lâm-nguy biết giữ một cái thái-độ bình-lĩnh và can-đảm mà đối-phó với các việc bạo-động.

Trước khi xết đến sở dự-loán, quan Thống-sứ có kể qua mấy vấn-đề quan-

trọng thuộc về tài-chính trong nước mà cần phải lưu-tâm đến ngay. Trong một xứ dĩ nông vi bản như xứ Bắc-kỳ, tất cả cũng rõ sự liều-thụ và xuất-cảng thóc lúa là có can-hệ đến sinh-mệnh của dân-gian.

Từ khoảng vụ chiêm năm ngoài đến vụ chiêm năm nay, thóc gạo ở đây khi kém. Vụ mùa năm ngoài cả xứ sản-xuất được 1.070.000 tấn thóc, hơn dứt vụ mùa năm 1928 được 64.000 tấn. Đến vụ chiêm năm nay trời vừa rét quá lại vừa đại-hạn, nên chỉ được có 669.000 tấn, kém vụ chiêm năm ngoài mất 121.000 tấn. Tính ra cả hai vụ gặt năm 1929 - 1930, kém năm 1928 - 1929 mất 57.000 tấn. Cứ lệ thường thóc lúa gặt được mỗi vụ phải đủ nuôi dân-sự trong một thời-hạn là sáu tháng, thì vừa tới vụ sau. Nhưng ở đây không bao giờ được thế. Năm nào được mùa chăng nữa thì vụ chiêm vẫn kém vụ mùa, thành-thức phải lân vào một phần thóc dư về vụ mùa mới đủ ăn.

Năm 1929 thóc gạo xuất-cảng nhiều hơn nhất, hơn năm 1928 những 126.000 tấn. Lại nhân thời-liệt thất-thương ai cũng lo vụ chiêm năm nay lại kém, nên giá thóc lúa càng một ngày một cao. Trong kỳ tháng giêng mới rồi giá thóc trung - bình, từ 6\$27 đến 6\$42 một tạ mà giá gạo thì từ 10\$33 tới 12\$51. Đến kỳ tháng tư tháng năm giá thóc vọt lên đến 9\$40 cho tới 9\$89 mà giá gạo thì từ 14\$66 tới 15\$90. Từ tháng tám vừa rồi giá đã hơi hạ, giá thóc từ 6\$89 đến 8\$43 mà giá gạo từ 11\$45 đến 14\$30. Giá sỡ dĩ hạ như thế là vì thấy dân-sự đói kém khổ-sở quan Thống-sứ phải ra lệnh cấm hẳn xuất-cảng gạo. Việc cấm xuất-cảng không khỏi có phương-hại đến cuộc kinh-tế chung, là một việc tối quan-trọng, trừ khi nguy-cấp lắm mới phải làm-thời dùng đến mà thôi. Nay thóc gạo đã dồi-dào hơn trước, quan Thống-sứ đã lại phải

cho phép xuất-cảng thóc gạo như cũ rồi. Ở xứ Bắc-kỳ thiên-tai thủy-hạn bất-kỳ nên không ai dám chắc rằng mùa-màng được vững-chãi. Tuy vậy nên mong rằng sở Canh-nông chống-nghiên-cứu xong các vấn-đề khai-khẩn đất hoang và tái-bồi các ruộng-nương đang cày cấy. Khi nào cuộc nghiên-cứu có kết-quả lúc bấy giờ mới mong thóc lúa xứ này đủ cung-cấp cho nhân-dân mà không phải lo đến cái nạn đói vậy.

Đã nói đến thóc gạo trong xứ này tất không thể bỏ qua được vấn-đề nhân-công xuất-ngoại. Các phu-phên Bắc-kỳ xuất-ngoại thì hoặc là vào làm các đồn-diên cao-xu trong Nam-kỳ hoặc tải đi làm ở mấy đảo Nouvelle-Calédonie và Nouvelles-Hébrides ở Thái-bình-dương. Những thợ-thuyền xuất-ngoại hồi đầu năm có người cho là nhiều và lo rằng lỡ trong xứ có việc cần đến nhân-công thì thiếu chẳng. Nhưng điều lo đó khi quá vì hiện nay người Bắc-kỳ ra làm ngoài chỉ tới 55.600 người mà dân-số mỗi năm tăng lên 80.900 người thì cái số xuất-ngoại kia không thấm-thía vào đâu.

Muốn cho việc mộ phu khỏi sinh ra nhiều sự tệ-lam, quan Toàn-quyền mới ra đạo nghị-định ngày 16 tháng 7 vừa rồi giao quyền cho các nhà đương-chức phải săn-sóc đến việc tuyển-mộ, lại thêm các quan Công-sứ, quan Thanh-tra lao-động ở Hà-nội và sở nhân-công xuất-ngoại ở Hải-phòng lưu-ý đến luôn thì các thợ-thuyền đi làm ở ngoài từ nay được đủ cách đảm-bảo. Chính-phủ lại săn-sóc đến cả thợ-thuyền làm việc ở trong xứ này nữa, lập ra các ủy-ban hòa-giải để điều-định các việc bất-bình của thợ đối với chủ. Muốn ngăn-ngừa những sự cô-động tai-hại trong bọn thợ-thuyền, quan Thống-sứ định lại cho thi-hành đạo nghị-định ngày 26 tháng 8 năm 1899 bắt mỗi người

thợ khi mới bắt đầu làm việc tại một sở nào, phải có một quyền sở lý-lịch của Nhà-nước phát cho. Quyền sở này khi người thợ ra ứng-mô hay đổi dịch đi đâu có sở cảnh-sát kiểm-đuyệt. Ngai lại ra một đạo nghị-dịnh ngày 25 tháng giêng mới rồi cho phép các nhà kỹ-nghệ người bản-xứ dụng đến nhân-công cũng được thi-hành đạo nghị-dịnh kể trên, trước chỉ thi-hành cho các nghiệp-chủ người Pháp. Việc lập quyền sở lý-lịch này xem ra có hiệu-quả tốt, vì chính-phủ dễ kiểm-sát được bọn thợ-thuyền và ngăn-ngừa được những kẻ chỉ định quấy-rối người dân cần-lao lương-thiện. Hiện nay còn cho nghiên-cứu nhiều việc cải-cách rất có lợi cho các thợ-thuyền, chỉ nay mai xong là cho thi-hành ngay.

Các đường-xá ở Bắc-kỳ tổng-cộng dài 7200 ki-lô-mét, hiện có lối năm nghìn rưỡi chiếc xe hơi đi lại, đã cho lát đá và giải dựa dần, lại làm thêm nhiều cầu mới cho sự giao-thông được dễ-dàng. Tiền giải dựa các đường thuộc-địa trong năm ngoài tốn hết 486.600 đồng mà về phần sở dự-toán Đông-dương phải chịu 144.200 đồng. Cả năm ngoài lát đá được 164 ki-lô-mét và giải dựa được 109 ki-lô-mét.

Việc trị-thủy tiến-hành rất mau chóng. Các khúc đê cũ hư-hỏng đã thay bằng đê mới rất chắc-chắn, lại những nơi hiểm-yếu đều tu-bổ cho kiên-cố, nay dù gặp nước to cũng không lo sợ cho lắm.

Cả một vùng 14.000 heclares ruộng thuộc tỉnh Sơn-tây, trước hằng năm nào đại-hạn là mất mùa, nay nhờ công việc dẫn-thủy nhập-điền trong tỉnh đó mà không phải lo cái nạn thiếu nước nữa.

Trong nhiều tỉnh lại thác nước ở các ruộng ngập ra để có thể cấy cấy được.

Vấn-đề lập nhà máy điện và phân-phát nước uống trong các tỉnh nhỏ cũng rất cần. Mấy tỉnh Sơn-tây, Tuyên-quang, Yên-báy, Hải-dương, Phủ-lạng-thương, Chapa, vân vân, đã có nhà máy điện riêng. Nhưng nếu mỗi tỉnh lập riêng một nhà máy điện thì rất tốn kém. Nên nhà-nước đã nghĩ cách dùng điện mạnh ở những nơi nào có nhà máy điện lớn mà cho truyền đến các tỉnh phụ cận để dùng. Cách này xét ra rất tiện-lợi và sẽ cho thi-hành dần. Công-trình sẽ chia làm bốn thời-kỳ. Lần đầu sẽ lấy điện ở nhà máy tỉnh Nam-dịnh truyền cho các tỉnh Ninh-bình, Thái-bình, Hưng-yên, Phủ-lý, và lấy điện ở nhà máy Hà-nội truyền cho các tỉnh Bắc-ninh, Đáp-cầu, Sơn-tây; thứ hai là lấy điện ở Hà-nội truyền đi các tỉnh Phúc-yên, Vĩnh-yên, Việt-trì, Phú-thọ, Thái-nguyên; thứ ba lấy điện ở Hà-nội truyền đi Hải-dương; thứ tư lấy điện Hải-phòng truyền nối vào đường Hưng-yên và các nơi lân-cận.

Tại mấy tỉnh đã thử dùng máy đào giếng để lấy nước trong cho dân dùng, hiệu-quả rất tốt. Hiện ở Nam-kỳ đã có một công-ty nhận đào giếng lấy nước uống, nếu ở Bắc-kỳ thương-lượng được với công-ty đó nhận làm thì dân các nơi sẽ có đủ nước trong sạch mà dùng.

Việc khuếch-trương các cửa bể, chỉnh-phủ lưu-tâm đã lâu. Ở Bắc-kỳ có hải-cảng Hải-phòng cần phải mở-mang để các tàu có thể vào bến được. Xét ra chỉ có việc mở rộng cửa Lạch-huyện là hơn cả và kinh-phí ước chừng hết chín, mười triệu đồng, nếu công cuộc này làm xong thì những tàu to đáy sâu 9 thước cũng có thể vào bến được.

Bến tàu thủy ở Hà-nội nay định làm vào quãng từ Cột Đồng-hồ đến phố

hàng Sũ. Kề cả các công-việc phụ-thuộc kinh-phí tới 500.000 đồng và sẽ chia làm ba bốn năm. Bền sẽ cao tới 10 thước và xây lán lán. Việc này làm được xong thì nước ta cũng không sợ mà tiện cho sự mở-mang xứ Bắc-kỳ.

Hồi năm ngoái quan Thống-sứ đã dự-định sổ dự-toán sẽ huy, quả-nhiên vậy. Sự hao-huy này có nhiều nguyên-nhân, ngay một khoản tiền thuế thân của người An-Nam đã kém số tiền dự-bị mất hẳn 25 vạn đồng, lại còn việc lặt vặt cho ngạch sĩ-binh và các ngạch khác nữa. Sổ dự-toán Bắc-kỳ năm 1930 chỉ trông mong vào có một số tiền trợ-cấp 4.737.870 đồng của sổ chi-thu Đông-Pháp, cho nên các món chi-dụng đều phải giảm bớt cả. Quan Toàn-quyền cũng hiểu các nỗi lúng-bấn của sổ dự-toán Bắc-kỳ nên ngài có phụ-cấp cho thêm mấy khoản nữa, nhưng cũng chưa thể khiến cho hai bên chi-thu đã cân nhau ngay được.

Quan Toàn-quyền đã định đến tháng giêng này sẽ thi-hành việc lập các sổ chi-thu hàng tỉnh, lúc đó thì sổ chi-thu Đông-Pháp lại càng-đáng các khoản về sở kho bạc, hằng-hải, ngạch tư-pháp Tây, việc tu-bổ các đường thuộc-địa và mấy sở khác nữa. Sổ dự-toán Bắc-kỳ tuy có nhẹ đi mấy khoản, nhưng lại bị mất số tiền trợ-cấp của sổ chi-thu Đông-Pháp, thành-thử huy vẫn hoàn huy. Nay rút bớt số người làm ở các công-sở, các việc chi-liều mới bỏ bớt cho công-quỹ các hàng tỉnh và giảm bớt các công cuộc đã dự-định thì họa may sang năm hay sang năm nữa mới quân-binh được sổ dự-toán Bắc-kỳ. Nhưng thế cũng chưa được vững. Muốn giải-quyết hẳn được vấn-đề sổ dự-toán Bắc-kỳ, cần phải cải-cách lại hẳn việc tổ-chức nền kinh-lẽ trong nước.

Nay nói đến các sổ chi-thu hàng tỉnh. Các sổ này lập ra có ba mục-đích: một là dùng tiền thuế của dân hàng tỉnh mà

làm các việc công-tch ngay trong tỉnh; hai là cho dân trong tỉnh được tham-dự một phần vào các công-cuộc có can-thiệp đến họ; ba là cho các quan đầu tỉnh có cái khí-cụ cần dùng mà hành-động cho được kiên-hiệu. Nhưng các sổ chi-thu hàng tỉnh này cũng có nhiều điều bất-liện. Số tiền sổ chi-thu Đông-Pháp trợ-cấp cho các sổ chi-thu hàng tỉnh là 3.379.200, tức là sơ-sẵn số tiền trước đã trợ-cấp cho sổ dự-toán Bắc-kỳ. Dân quê xứ Bắc-kỳ thì nghèo, thuế đóng có hạn-ngữ mà các việc chi-liều trong hàng tỉnh ngày một nặng mãi ra, lại phải cày-đóng cả việc sơ-học, việc y-tế, việc địa-chính, ngạch quan-lại An-Nam, lòa Nam-án, việc nuôi các tội-nhân, sửa-sang đường-cải và nhiều việc chi-liều khác nữa, thì phỏng làm thế nào cho đủ được. Lại bước sang năm 1932, lương các quan-lại định tăng thêm, mà số tiền thu vẫn có ngữ, lúc bấy giờ muốn cho sổ chi-thu khỏi chênh-lệch nhau quá tất lại phải dùng đến cái chính-sách mà sổ dự-toán Bắc-kỳ đã phải thi-hành rồi, là giảm cả các công-cuộc mới đã dự-định.

Đó là xét cái nỗi khó-khăn của các sổ dự-toán hàng tỉnh. Nay xem cách tổ-chức này có lợi những gì. Thử nhất các dân thôn quê đóng góp tiền thuế nặng - nề, lại được mất trông thấy tiền của mình đóng góp đem dùng vào các việc công-tch trong hạt mình ở. Rồi lại cho các thân - hào An-Nam tham-dự vào việc lập sổ chi-thu hàng tỉnh, tức là cách huấn-luyện cho các viên đó biết rõ về công-cuộc của chính-phủ. Sau nữa các quan Pháp đầu tỉnh cũng được rộng quyền hành-động vì không bị sổ dự-toán Bắc-kỳ hạn-chế nữa, và lại các công-cuộc làm trong địa-hạt mình, tất trông-nom được chu-đáo hơn.

Thế là đại - đề các khoản chi-thu trong sổ dự-toán Bắc-kỳ và các sổ chi-

thu hàng tỉnh vẫn y-nghuyên không thay đổi. Nay muốn cho số tiền thu có giới-hạn với các món chi càng ngày càng nhiều khỏi chênh-lệch quá, chỉ có một cách là phải hết sức tằn tiện, và giảm bớt nhiều công-việc dự-định đi. Trong năm vừa qua chính-phủ đã hết sức theo cái tôn-chỉ đó.

Mấy cuộc biến-động nay đã dẹp yên, trong nước lại được bình-tĩnh như thường rồi. Những tay tuyên-truyền chủ-nghĩa cộng-sản bị khu-trục riết quá, không thể nào hành - động được nữa. Các binh - lính vẫn một lòng trung - thành với chính - phủ, lại thêm các binh - lính bên Pháp mới sang đóng ở đây, sự phòng-thủ xứ này kể cũng đã là chu-đáo. Quyền-thế của chính-phủ Pháp ở xứ này không bao giờ đến nỗi nguy-hiểm. Vậy ta chờ nên có những tư-tưởng bi-quan không xứng-đáng với cái dũng-lực của ta. Ta nên đồng-lâm cộng-tác với dân bảo-hộ bản-xứ để làm cho xứ này được thịnh-vượng tốt đẹp mãi ra.

Sau mấy lời kết này, quan Thống-sir tuyên-bố Hội-đồng khai-mạc.

Giới-thiệu sách mới

越法字典. Dictionnaire Annamite-français, à l'usage des élèves des écoles et des Annamitisants. Par G. CORDIER. — Hanoi, Imprimerie Tonkinoise, 1930. — 1434 pages. — Prix : 7 piastres. Tác-giả là người Pháp rất am-hiểu tiếng An-nam, đã từng dịch nhiều thơ-văn ta ra tiếng Pháp. Nay làm bộ tự-vị này, sưu-tập được nhiều các tiếng mới ở sách-vở và báo-chí quốc-ngữ, dịch ra tiếng Pháp kỹ-càng, có thể giúp cho học-trò ta tra cứu rất tiện. Bản-chỉ vui lòng giới-thiệu với đọc-giả.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyền giá 4 hào ; ở xa tiền cước ngoài).

Đã Xuất-bản :

- | | |
|---------------------------|--------|
| 1. — Văn-minh luận | 4 hào. |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage | 4 hào. |
| 5. — Chính-trị nước Pháp, | |
| Quyền thứ I | 4 hào. |
| Quyền thứ II | 5 hào. |
| 6. — Khảo về tiểu-thuyết | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới | 4 hào. |
| 8. — Le Paysan Tonkinois | 4 hào. |

Sắp xuất-bản :

9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE.

Đương in :

10. — Phật-giáo đại-quan.

(In lần thứ hai).

